

NGUYỄN XUÂN KHÁNH

TRƯ' CUÔNG

HHEBOOKS 2012

Thiên chi đạo: tồn hữu dư bỏ bất túc
(Đạo trời: bớt chỗ thừa bù chỗ thiếu)

Phản giả Đạo chi động
(Quay trở lại (*cái Quân Bình*), đó là cái Động của
Đạo)

Lão Tử

L'homme n'est ni ange ni bête,
et le malheur veut que qui veut faire l'ange fait la
bête
(Con người chẳng thiên thần cũng không thú vật,
song khôn thay ai đó muốn làm thiên thần
thì thành ra lại là thú vật)

Pascal

Phần 1

Nhật ký lộn

Nhật ký này là của ông Nguyễn Hoàng; ông Nguyễn Hoàng làm nghề viết báo, kiêm nghề nuôi lợn.

Có lẽ, khi làm nghề cầm bút, ông đã phạm một cái “húy” gì đó nên bị thất sủng, phải về nghỉ hưu, tuy chưa đến tuổi. Ông là người tỉ mỉ, lại vì mắc bệnh nghề nghiệp nên thích ghi chép. Ông đã ghi lại khá tường tận, thú vị công việc chăn nuôi của mình.

Xét thấy nhật ký này có điều hay hay, nên cố sưu góp lại để các bạn cùng đọc.

Ngày... Tháng...

Nhà tôi đã có ba chú lợn ỉn khoảng 10 cân mỗi con rồi, hôm nay tôi lại mua thêm một chú lợn rất đặc biệt: Chú Lợn Bò.

Chú lợn này chỉ nhỉnh hơn cái phích lít rượu một chút. Lông nó màu hung vàng, có một chút óng ánh, giống như màu cổ tranh vàng khô vào mùa lá rụng ở Tây Bắc. Mắt nó như thơ dại, ngơ ngác như mắt bò, đôi mắt có vẻ đàn đàn, nhưng đẹp. Người chủ bán hàng giới thiệu với tôi một cách hoang đường: Các nhà khoa học đã làm thí nghiệm thành công, họ đem tinh trùng của bò thụ tinh cho lợn; kết quả thu được một con thú nửa bò nửa lợn.⁽¹⁾

Nó biết ăn cả cỏ, ăn cả cám. Giống này được các nhà chăn nuôi sành sỏi và tài ba rất mê, bởi vì nó tăng trọng rất nhanh, có thể nói phi thường, và nó có thể đạt tới trọng lượng ba trăm ki lô gam, thậm chí năm trăm... Nghe lời giới thiệu có vẻ siêu khuếch đại tôi liền vỗ tay đánh đốp vào tay ông lái lợn và cười hơ hớ. Cả chủ hàng và khách hàng đều có chút khoái nhau, cái tiếng cười hơ hớ ấy, và cái bắt tay ròn rã ấy, cái kiểu giới thiệu hoang đường ấy cộng hợp với nhau làm cho cuộc mua bán trở nên dễ dàng thoải mái. Tôi hí hửng suốt dọc đường từ chợ tỉnh Phúc Yên về Hà Nội; hí hửng vì vớ được con lợn tốt bằng một giá rất hời.

⁽¹⁾ Thực ra giống lợn lông màu hung đỏ này là giống Durox

Thậm chí tôi còn dám tự khen thưởng mình bằng cách sà vào một quán nhậu ở bên đò Chèm để uống một chén rượu với dăm củ lạc.

Khi tôi định thả con Lợn Bò vào chuồng, vợ tôi theo ra xem, cô ta nói rất mê tín:

- Ông không được thả. Người ông gày đét, ăn uống cảnh giả, tay ông không mát. Để tôi thả cho, lợn mới hay ăn chóng lớn.

Tôi lắc đầu sốt ruột, đưa cho bà vợ lăm điều của tôi chiếc bao tải dừa trong đó đựng con Lợn Bò quý giá. Khi chú lợn lông vàng sợ hãi ngơ ngác từ cái bao chui ra, vợ tôi tròn mắt ngạc nhiên:

- Lợn gì mà kì quái! Lông đỏ như con sâu dóm!

Cơn hứng của tôi như bị dội một gáo nước lạnh; tôi cáu kỉnh vặc lại:

- Lợn quý đấy! Bà biết gì chăn nuôi hiện đại mà dẻo miệng chê bai.

- Hiện đại! – Vợ tôi bĩu môi, nhưng biết tính tôi khi đã thích cái gì là lập tức lên cơn như mê như dại, nên cô ta chẳng dám dây với tôi.

Còn tôi, thực sự lúc này tôi đang lên cơn mê lợn. Đời tôi đã khỏi lúc lên cơn: cơn bộ đội, cơn viết báo, cơn gác đêm, cơn lý tưởng, cơn mê gái, cơn thợ may, cơn đọc sách...

Vậy thì, giờ đây tôi lên “cơn mê lợn” cũng chẳng có gì lạ. Mà chẳng cứ gì tôi, có thể nói, hiện nay cả Hà Nội lên cơn mê lợn. Cao trào nuôi lợn đang dâng; giới nuôi lợn dạo này rất vinh dự, bởi vì không những chỉ có người nghèo nuôi lợn, mà có cả những vị quyền cao chức trọng nuôi lợn. Người ta kể

ra: ông bí thư nhà máy gạch N mới bán đôi lợn đại bạch trên hai tạ; ông thứ trưởng bộ X cũng nuôi bốn con lợn F1, lai giống Landrat, to như bốn con bê; ông T thành ủy viên, cứ đi làm về là vội thay ngay quần áo và cởi trần tròng trọc, chỉ mặc độc chiếc quần đùi và xông thẳng vào mê say cùng đàn lợn đẹp như tranh của mình; rồi cả ngài chủ tịch K, hễ mỗi lần đánh xe con đi công vụ nông thôn là khi về thể nào trong cốp xe cũng lĩnh kinh những bao ngô, bao gạo, bao thức ăn gia súc, và những rọ lợn giống buộc đằng sau xe một cô vích thì tấu lên một khúc nhạc eng éc, rền rĩ, rùng rợn, nhưng vui tai đối với người Hà Nội.

Ngày... tháng...

Con Lợn Bò đúng như một con sâu dóm so với đàn lợn cũ của tôi. Nó đứng ở một xó chuồng, sợ sệt, lủi thủi, ngơ ngác, hèn mọn. Trông mà thương! Lũ lợn ỉn, khi tôi đổ thức ăn vào máng, liền xông ra, tranh nhau sộc lấy sộc để. Còn chú Lợn Bò thì đứng im đàn độn bọt mép sùi ra thềm thường. Khi quá thềm, nó cố vượt qua nỗi sợ, và mon men đến gần máng; lập tức cả đàn ba con lợn ỉn ngừng ăn xông ngay lại, con cắn tai, con húc bụng, con đấm mõm. Chú Lợn Bò run lập cập, vội vã rút lui trở về xó chuồng, cái xó tối tăm nhất, bẩn thỉu nhất, nơi đọng phân rác, nơi hôi thối, một thứ chuồng xí của các

chú lợn ỉn; và cũng chỉ đến lúc ấy, lũ lợn ỉn mới buông tha Lợn Bò.

Tôi vốn là tay hiệp sĩ, thấy sự bất bằng chẳng tha; tôi tức giận vì lũ lợn ỉn cậy mạnh hiếp yếu; sẵn cái chổi tre trong tay, tôi vụt cho mỗi chú ỉn mấy quất vào mông. Nhưng kết quả chẳng ăn thua gì; lần thứ hai, chú Lợn Bò lại mon men đến gần máng, lần này ba chú lợn ỉn có lẽ vì tức giận bị tôi trừng trị nên đã tấn công Lợn Bò dữ dội hơn. Rút kinh nghiệm đợt trước, chú Bò vội vã rút ngay vào nơi hang ổ tối tăm của mình để thoát hiểm. Hỡi ôi! Nơi tối tăm bao giờ cũng là nơi cư ngụ của những kẻ hèn mọn. Cái qui luật người ấy cũng đúng cả với loài lợn.

Tôi ngẫm nghĩ, định trừng trị lũ lợn ỉn một lần nữa, nhưng đầu óc tôi bỗng dung lóe sáng: hãy cứ để mặc cho lũ lợn hục hặc với nhau, cuối cùng thể nào đôi bên cũng thích ứng được với nhau. Ha ha! Tuyệt! Chí phải! Hãy để cho triết học tâm lý học thấm nhuần đến tận chuồng lợn. Triết học thích ứng, thực dụng nguồn gốc tận bên Mỹ; tâm lý học ứng xử của ông Watson cũng mang nguồn gốc Mỹ, nay đang được chiêm nghiệm ở cái xó chuồng lợn của một nhà báo thất thế đi vào nghề chăn nuôi ở một hẻm nghèo Hà Nội. Thú vị thật!

Nghĩ vậy, nên tôi buông chổi, quay vào bếp, tìm một lỗ hồng kê vách, để quan sát đàn lợn.

Kìa! Lũ lợn ỉn đã no nê phê phỡn, con nào bụng cũng căng tròn như trống. Chúng rời khỏi máng, ỉn ỉn, đủng đỉnh đi về ổ, tức là nơi cao ráo sạch sẽ nhất

trong chuồng lợn, chỗ đó tôi đặt một chiếc tải và một ôm rơm thơm tho ấm áp. Và chúng ngủ, mắt nửa hé nửa nhắm; chúng vừa ngủ vừa ỉ ạch thở.

Chú Lợn Bò lăm lét nhìn bọn ỉn, rồi từ từ, ngập ngừng tiến lại máng ăn. Con ỉn lang chột ho, chú Bò lúi phất lại, nhưng sau đó, thấy im ắng, lại tiếp tục mon men đến máng, chú khẽ khàng liếm láp chỗ cám thừa, vừa ăn vừa liếc nhìn lăm lét.

Vẫn im lặng! Tốt quá! Chú vội tranh thủ sóc lấy sóc để. Tộp! Tộp! Tộp! Con ỉn lang choàng mở mắt khi nghe tiếng chú Bò gia tốc ăn hối hả. Nó định đứng dậy, nhưng có lẽ no quá hóa lười, nên nó lại thả người nhắm mắt. Tộp! Tộp! Tộp! Chú Lợn Bò lúc này chẳng cần giữ ý tứ nữa, nó ăn xả láng, nó “vét đĩa” xả láng, nó háu ăn đến mức một cọng rau trong máng cũng chẳng còn. tôi nghĩ: có lẽ nên đặt cho con lợn mới cái tên “Bò - Vét – Đĩa”.

Ngày... tháng...

Tôi ra thư viện đọc sách về lợn. tôi đi sưu tầm, mua, mượn hàng chồng sách về nhà để đọc. Có thể kể tên các cuốn sách: Giải quyết thức ăn cho lợn; Đạm và sự tăng trưởng của lợn; Những biện pháp trong chăn nuôi gia súc; Hỏi và đáp về nuôi lợn lai kinh tế; Những nguyên tố vi lượng trong chăn nuôi; Chuyên đề lợn ỉ; Chuyên đề lợn Móng Cái v.v ...

Có thể nói không gian, thời gian của tôi đang bão hòa chất lợn. Tôi sai con đi mua nứa về làm

chuồng bèo; tôi phá hoang mấy đám đất đầu trâu mõm bò ở tận cuối hẻm để gơ dây khoai lang; tôi đi xin cô em tận nhà máy gỗ cầu Đuống một số tấm gỗ bìa bấp, và hai cha con tôi vất vả hì hục thò cả ngày mới đem được hết gỗ bìa về nhà, để chuẩn bị làm một cái chuồng lợn thật đúng qui cách. Tôi phân công cả nhà vào chiến dịch nuôi lợn của tôi. tôi đảm nhiệm việc chăm sóc, cho lợn ăn, quét dọn chuồng lợn hàng ngày. Thằng con lớn là sinh viên đại học, thi thoảng phụ giúp tôi. Thằng con thứ hai đảm nhiệm bèo bã rau xanh. Thằng con thứ ba hàng ngày đi nhặt nước gạo. Thằng con thứ tư và bà mẹ hàng ngày thái bèo. Còn vợ tôi, đi làm suốt ngày nên được miễn việc sưu dịch cho lợn. Tôi nói đùa với cả nhà:

- Chúng ta là những anh hùng nuôi lợn.

Nghe oai chưa!

Ngày... tháng...

Giá cả hàng hóa của Hà Nội leo thang vùn vụt. Tôi ghi chép lại đây những con số đày ý nghĩa với cuộc sống gia đình tôi:

Su hào, một đồng một củ – Khoai lang, 22 đồng một yến – Mỳ 85 đồng một yến – Rau muống lợn 1 đồng 5 hào một mớ – Bèo Nhật bản 4 hào một mớ – Bèo tấm 5 hào 5 năm tay – Cá giếc 12 đồng một cân – Bơm xe 2 hào một bánh – Trà chén 2 hào một chén...

Ôi chao! Toàn tiền là tiền. Tiền tiêu như rác. Một năm bèo cũng có giá. Trong khi đó, lương tôi được hơn 60 đồng, lương vợ tôi 70 đồng. tôi mê sắm đi vì lo tiền. Trong nửa năm, hai vợ chồng tôi đã bán dần bán mòn các vật dụng: cái quạt máy, chiếc xe đạp Phượng Hoàng, cái quần lụa, hai mét si mi li, cái phiếu vải của con, ba chục trứng gà...

Chỉ những con số ấy cũng đủ biện hộ cho công việc nuôi lợn, mê say lợn của tôi. Có thể nói “con lợn” của tôi là tất yếu, nó là con đường cứu sống gia đình tôi.

Ngày... tháng...

Tôi còn có thể nói: lợn đã mở rộng thêm quan hệ con người. Nhờ nuôi lợn, đời tôi đã thêm những người bạn mới.

Hôm nay, buổi sáng, khi cho lợn ăn xong, tôi thay quần áo, đứng đỉnh sang nhà Lân uống nước.

Nhà Lân là một túp lều, một thứ nhà ổ chuột bên dòng cống đen sì của Hà Nội, mà người ta đã đặt cho một cái tên mỹ miều: sông Kim Ngưu (Trâu vàng), còn tôi, tôi gọi nó là dòng suối đen. Lân là một thương binh, anh sinh viên trường đại học tổng hợp đó đã xung phong vào bộ đội vào những năm đầu của thập kỷ 60. Lân đã nằm trong chiến trường miền Nam suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, năm 1975 anh mới chuyển ngành về một cơ quan. Cuộc sống cơ quan quá bon chen, bê bối làm anh chán

ngán, xin về nghỉ ở nhà nuôi lợn. Có lúc, anh đã chua chát nói:

- Sống với lũ lợn còn thấy vui hơn.

Những ngày gian khổ còn lưu lại cho anh một kỉ niệm quá ư vật chất, một cơ thể ốm yếu gầy gò, và một bộ óc lúc nào cũng như lửa đốt. Con người anh, lúc cởi trần, giống như một bộ xương được bọc một làn da mỏng, bộ xương quá mảnh dẻ để chống đỡ một cái đầu to quá kích cỡ, ở đó ta bị hút ngay vào một đôi mắt rất sinh động. Đôi mắt hơi to, hơi sếch; có lúc cảm giác như thứ mắt bị ma ám. Khi anh cất giọng nói một điều gì sôi nổi, lúc ấy đôi mắt như mở rộng thêm và bị nhiễm điện, một dòng điện nhấp nháy khi tăng khi giảm làm cho ánh mắt lúc rực rỡ lúc dịu dàng; thứ mắt mang nhiều sắc độ ấy là thứ mắt không dấu diếm, thứ mắt trực cảm của những con người đã quá ê hề cuộc sống, thấy không cần phải mặc một chiếc áo khoác nguy trang nào dù sắc sỡ, dù nhiệm mầu đến đâu ...

Căn lều của anh sặc súa mùi lợn, mùi lợn toát ra từ một đàn lợn cả to cả nhỏ gần chục con; mùi lợn còn toát ra từ những bộ lòng lợn mà sáng nào, chiều nào anh cũng kiên nhẫn vớt từ dòng cống đen sì lên. Anh nói:

- Cái dân Việt Nam mình thật kì dị. Nghèo khổ nhất mà cũng lãng phí nhất. Từ Lò Lợn, mỗi ngày người ta đổ xuống cống hàng tạ lòng lợn. Lòng lợn nối đuôi nhau lều bều diễu hành bơi trên dòng nước đen sì trông vừa thảm thương vừa man rợ ...

Một người đàn bà nghèo khổ ở cuối hẻm đã lên lút vớt những cỗ lòng về, rửa sạch đi bằng xà phòng, rồi đem luộc lên, mang ra quán bia bán cho những con ma men cùng với những bát mắm tôm tím biếc, những quả ớt đỏ chót và những cọng húng nhối thơm lừng...

Lân đã thờ dài khi kể với tôi chuyện đó với một ánh mắt run run hấp hối. Và từ phát hiện ấy, anh đã nghĩ ra một cách nuôi lợn độc đáo: nuôi lợn bằng những cỗ lòng phế thải lều bều trên sông. Từ hôm ấy, Lân dựng thêm một túp lều nhỏ sát ngay dòng cống; đó là nơi sản xuất thức ăn gia súc của anh; ta bắt gặp ở đây một bếp lò than và những thùng phuy, những vại, những hố đào xuống lòng đất và lát bằng những mảnh nilông rách.

Qua Lân, tôi mới hiểu dòng cống cũng có qui luật nước chảy của nó, nước cống cũng dâng lên hạ xuống theo giờ trong ngày, cũng như nước thủy triều dâng lên hạ xuống theo qui luật sức hút. Hàng ngày, nước cống cao nhất vào lúc 10 giờ sáng và 4 giờ chiều, đó là giờ các bà nội trợ rửa rau vo gạo, và người Hà Nội giặt giũ làm vệ sinh thân thể; cũng vào giờ đó những cỗ lòng từ Lò Lợn ra bị mắc kẹt vì nước cạn nay được giải phóng; những cỗ lòng phải phê nước tung tăng bơi lội như những con rắn trắng lặn ngụp, ve vẫy trong dòng nước đen sì. Đúng vào giờ ấy, Lân hăm hở như một chiến sĩ phục kích chờ giặc, anh cởi trần, mặc quần đùi, lội đứng ở chỗ nông gần bờ, tay cầm một chiếc vớt đan bằng dây

sắt, cán bằng cây nửa dài, và anh cầm cúi kiên nhẫn vớt...

Công việc vớt lòng của anh vất vả nhất vào dịp những ngày lễ lớn, hội lớn như mồng một tháng năm, mồng hai tháng chín và tết nguyên đán; vào những ngày ấy người Hà Nội ăn thịt nhiều và Lò Lợn cũng lãng phí nhiều. Những ngày nhiều phế thải ấy, Lân hậm hùi làm việc như một người tù khổ sai bản thủ, hôi thối, quần quật từ sáng cho đến tận đêm. Đầu tiên, anh tháo phân, rửa sạch lòng ngay trong dòng nước đen, sau đó để vào những rổ sòng cho dóc nước. Những thứ dễ hủy như gan, phổi anh đưa lên bếp đun ngay, còn những thứ lâu bị hủy như lòng già lòng non anh đem muối, muối nghĩa là đem trộn nó với bã rượu rồi đem đổ đầy những thùng phuy, những vại, những hố có lót ni lông. Khi một ngọn khói đen bốc lên từ túp lều, tức là xong việc. Lân xin những chiếc lốp xe đạp hỏng về đun; cái thứ cao su hỏng ấy khi cháy tạo ra một ngọn khói đen nhánh, đặc quánh, chỉ cần một thoáng gió khẽ tạt làm nghiêng ngọn lửa là một con rắn khói đen đã quán ngay vào mặt vào ngực tạo nên những vết đen khó kỳ cọ trên da. Những lúc chui ở bếp chế biến ra, Lân trông thật thảm hại anh như một con quỷ bản thủ, với làn da đen xỉn nhể nhại mồ hôi; nhưng trái lại, sao lúc ấy đôi mắt anh người đến thế nồng ấm đến thế, đôi con mắt với tia nhìn long lanh, đôi con mắt thỏa mãn, sung sướng. Những khi ấy, nếu tôi sang, anh vội vàng cầm búi giẻ rách khéo léo lau mặt, lau tay, lau ngực và anh rửa tôi ra chuồng lợn, ngắm lũ

in; những lúc ấy, chúng tôi thường im lặng, đốt thuốc lên hút; và khi những điều thuốc phì phèo trên môi đã cháy quá nửa, anh mới ngẩng đầu lên nhìn tôi rồi cười. Trên khuôn mặt vàng sạm của anh, một nụ cười hiếm hoi phô bày hai hàm răng trắng đều và đẹp. Nụ cười khắc kỉ ấy nhiều khi làm tôi bối rối.

Lân suốt ngày ở trong lò chế biến thức ăn, hoặc ở bên chuồng lợn, ít khi thấy anh lộ mặt ra đường, đến nỗi có lúc tôi phải hỏi:

- Anh say mê lợn quá. Phải tặng cho anh danh hiệu “Nghệ sĩ lợn” mới đúng.

Lân hóm hỉnh:

- Có lúc vợ tôi phát ghen lên đấy. Một đêm, bà ấy bảo: “Ông nên kê giường ra ngủ với lợn có lẽ hơn”. Thật oan cho tôi. Bởi vì tôi mê bà ấy quá nhiều nên mới phải lăn lung ra nuôi lợn chứ. Từ khi tôi ở chiến trường về, năm năm ở với bà ấy thì đề luôn một mạch năm cô con gái...

Hôm nay, trông thấy tôi, Lân đã reo to mừng rỡ:

- Cứ mong mãi. Có trà ngon đãi ông đấy. Trà Thái, loại cực kỳ.

Lân nhóm bếp dầu đun nước, anh hâm ấm chén cho nóng khi chờ nước sôi. Anh xoa tay, vui thú:

- Tôi đã bán được con lợn “Tên lửa” rồi. Con này tăng trọng vượt mức. Mỗi tháng tăng 25 cân.

Tôi mỉm cười. Mỗi con lợn của Lân đều mang một cái tên rất chiến tranh: con “Tên lửa” là con tăng trọng nhanh, con “Lính thủy đánh bộ” là con ưa ăn loãng, con “Thần sấm” là con rú gào suốt ngày đòi ăn, con “Xung kích” là con phàm ăn ... tôi triu

mến nhìn người bạn hiền lành cả đời làm lính ấy. Ngoài một mảnh đạn còn nằm trong phổi làm anh hay ho tức tặc, cuộc đời chiến trận còn theo anh kéo dài dấu vết vào đàn lợn. tôi vẫn nói đùa Lân:

- Đàn lợn của cậu sắc mùi thuốc súng.

Hôm Lân sang xem tướng cho con lợn Bò, con lợn sâu dóm của tôi, anh bảo:

- Con lợn này rồi sẽ có một tương lai rất huy hoàng. Sau vài tháng nữa, anh thử chiêm nghiệm lời nói của tôi xem sao. Bây giờ nó còn nhỏ bé, nhưng nó sẽ có một tiền đồ rất vẻ vang – Lân cười - Đáng lẽ ra, anh phải đặt tên cho nó là “Xe tăng cạp” mới đúng. Cái tên “Bò vết đĩa” của anh nghe sắc mùi dân sự ...

Lân chế nước sôi vào ấm trà. Anh rót thứ nước thơm phức, vàng quánh ấy vào chén cho tôi, rồi mời mọc ân cần:

- Uống đi. Uống mừng thắng lợi của tôi. Con “Tên lửa” chỉ trong ba tháng đã tăng từ 25 đến 100 cân. Chưa lúa nào tôi nuôi được con lợn tăng trọng nhanh như thế. Tính ra sau ba tháng, trừ chi phí còn lại hơn hai nghìn bạc. Có khoái không anh? tôi đã sắm cho các cháu mỗi đứa một bộ quần áo.

Lợn còn dẫn tôi đến với người bạn thứ hai độc đáo không kém gì Lân. Đó là Tám Bách Khoa. Tám là một giáo viên cấp ba, dạy sinh vật. Anh này nuôi

lợn ít thôi, nhưng lại say mê nghiên cứu về lợn. Tám nói với tôi:

- Ở nước ta, hiện nay, ai nuôi lợn là người đáng quý trọng, bởi vì nuôi lợn là một công việc kiếm sống lương thiện nhất. (Ngay cả những ông lớn, dù lợi dụng đặc quyền mua rẻ con giống và thức ăn, thì việc nuôi lợn của họ cũng đáng khuyến khích hơn chuyện ăn cắp trắng trợn hoặc tham nhũng). Anh biết không, ngày xưa, nghề dạy học của tôi vẫn được suy tôn là nghề cao quý nhất, lương thiện nhất, nhưng thực ra ngày nay những điều đó thay đổi rồi. Có lẽ ta phải cần rộng lượng, bởi vì quan niệm của con người về nghề dạy học đã bị thực tế làm biến đổi, bởi vì tri thức đang dần dần biến thành hàng hóa. Người có tri thức cũng giống bà bán thịt, cô bán gạo, chị bán bách hóa. Một bài toán, một ý tưởng cũng giống như một miếng thịt bò, một cân gạo, một chiếc áo. Thịt tăng giá ư? Gạo tăng giá ư? Vải tăng giá ư? Vậy thì một bài toán đại số của tôi, một bài văn làm mẫu của tôi, một đề luyện thi tú của tôi cũng phải tăng giá, nếu không, các thầy cô sống bằng gì? Đây bây giờ người ta lập luận về nghề thầy giáo như vậy đó.

Tôi thầm nghĩ về Tám: “Anh chàng này hơi gàn, nhưng đáng yêu”. Lân bảo, hồi còn là học sinh Tám rất ít nói, và vẫn bị anh em cho là gàn. Hồi ở chiến trường B, Tám đã bị bom B52 của Mỹ chôn sống, lúc được anh em moi lên, Tám chết luôn cho một ngày một đêm. Vì bận đánh giặc, người ta chưa kịp chôn anh, khi Tám sống lại bò ra giao thông hào tiếp đạn,

anh em sợ hãi hét lên tưởng Tám là quỷ nhập tràng. Từ đó Tám ít nói hơn trước, và nhiều khi kì dị hơn trước. Có người bảo Tám tâm thần, song những hành vi của Tám trong những phút gay cấn nhất ngoài chiến trận lại tỏ ra vô cùng sáng suốt. Và một điều kì lạ nữa đã xảy ra khi Tám từ chiến trường trở về trường đại học, luận án “Những cây cỏ có tính kháng sinh ở vùng Trường Sơn” của anh đã được công nhận loại ưu. Và hiện nay, đề tài nghiên cứu khoa học của Tám là cuốn “Bách Khoa Toàn Thư về Lợn”. Lân nói với tôi rằng Tám đang định dùng một cách tiếp cận rất mới mẻ đối với đề tài lợn, đó là một cách tiếp cận vừa khoa học vừa văn học. Nói theo ngôn ngữ của Tám thì đó là cách tiếp cận nằm trên giao tuyến của hai phương pháp khoa học và văn học. Có ý kiến cho rằng ý nghĩ của Tám là độc đáo, tài năng; nhưng cũng có ý kiến cho rằng Tám là một thằng điên.

Ngày... tháng...

Tôi hỏi Tám:

- Tại sao anh lại dùng cách tiếp cận Khoa học – Văn học?

- Tôi thích những đường nét rõ ràng rút khoát, nhưng tôi hiểu trong tôi còn có những vết nhòe mờ. Tôi thích một giai điệu đẹp, uyển chuyển, rục rờ như một vườn hoa mùa xuân, nhưng thú thật có lúc nghe

một tiếng u ơ trẻ nhỏ lòng tôi chợt run rẩy sung sướng. Một âm thanh chưa thành âm thanh ấy có khi còn đẹp hơn cả một giai điệu đẹp.

- Tôi chưa hiểu ...

- Cần dè dặt với cái kì bí – Tôi biết mãi mãi trong óc tôi vẫn có những miền bóng mờ và cả một vương quốc tối lòa mà tôi như người mù bước đi dò dẫm.

- Sao ý anh bỗng bênh khó nắm? Cách tiếp cận mới... Định nghĩa của nó...

- Đó là bước đi dè dặt, bước đi của người.

- Có lẽ tôi đã loé hiểu một chút gì.

- Những con số, đó là ân nhân của chúng ta hôm nay; nhưng còn ngày mai? Có khi nào một ân nhân lại biến thành kẻ chôn vùi chúng ta không? Có khi nào miếng cơm ta ăn lại trở thành thuốc độc tàn hại đời ta? Có khi nào người yêu ta mê đắm lại trở thành kẻ thù và đôi tay ngọc ngà lại như chiếc thông lọng siết quozanh cổ ta mỗi ngày một chặt? Có khi nào nọc độc rắn lại trở thành tiên dược?

Ôi! Định nghĩa! Một định nghĩa làm đầu óc tôi phải sung tấy lên để tìm ra những đường nét lẫn trốn của nó. Phải chăng cách định nghĩa của người điên?

Ngày ... tháng...

Sáng sớm, vợ tôi bảo:

- Anh ơi! Hết gạo rồi. Anh cố xoay hai chục để em mua yến sẩn cho con ăn.

Tôi gắt um lên:

- Ăn gì mà như thường luông! Tháng này đã đong thêm hai yến mì mà vẫn thiếu. Giết ai ra tiền bây giờ?

Vợ tôi cũng cáu kỉnh:

- Ai ăn? tôi ăn à? Anh hỏi con anh ấy: đứa nào ăn? Nếu anh không muốn cho con ăn thì khâu mồm chúng nó lại.

Nghe tiếng vợ chồng tôi vặc nhau, lũ lợn tưởng đến giờ ăn, bỗng rít lên cả đàn. Giọng đồng ca lợn nghe mà nẫu ruột. Tôi còn chục bạc, hôm qua đã đi mua năm đồng bạc cua về làm mắm cho lợn ăn rồi. Vậy bây giờ xoay tiền ra sao? Vặc với tôi xong, vợ tôi hăm hăm dắt xe ra cửa. Tôi nhẩn nhục, quay ra sân, pha cám lợn. Và trong khi tôi cho lợn ăn, thì thằng con lớn của tôi cầm đàn ghi ta, hát một bài dân ca Pháp:

... Xa em rồi, tìm tôi sâu úa ...

... Xa em rồi, chìm trong biển nhớ ...

Tiếng lợn đòi ăn, hòa với tiếng ghi ta nỉ non, nghe mới thật nẫu lòng. Tôi cho lợn ăn xong, vào nhà, thì thấy thằng con của tôi đã nằm dài đọc một cuốn sách triết học Ấn Độ: "Nhất nguyên thế giới"; một cuốn sách rất siêu linh nói rằng ta và thế giới là một; có thể nói cuốn sách là một vết cắt rạch đôi sơn hà, nói lên cái khác giữa triết phương đông và triết phương tây, nói rằng triết phương tây bằm vằm thế giới ra làm muôn mảnh để soi để ngắm; à... cũng có

thể nói cuốn sách muốn ngụ ý tôi với lợn chẳng qua là một... Nhưng mà... Tôi còn đâu bụng dạ để suy ngẫm tới những lẽ đời thâm thúy đến như thế. Lòng tôi như đang trong cơn bãi hoải. Tôi mệt mỗi bước vào nhà, nói như van xin với thằng con:

- Linh ơi! Mày không thấy sốt ruột sao? Giờ này, mà mày vẫn nằm dài đọc triết học sao?

Linh uể oải:

- Bố cứ yên chí.

- Yên chí! – tôi đai lại một cách chán ngắt.

Tôi bỗng buồn thiu, trèo lên gác xép, kéo chăn đắp, nằm dài để cho lòng dịu xuống để cho khuất mắt, để cho những bức bối lắng đọng, rồi hòa tan trong im lặng. Và tôi chập chờn, nửa mơ, nửa ngủ. Trong phút chập chờn đó, tai tôi bỗng vẳng nghe như thấy tiếng của Tám nói trầm trầm:

- Ta hãy sống như con lợn ỉ... Hãy chỉ biết ăn - Ăn toàn bèo cũng được.

Cứ ăn cho đến lúc cái bụng ta to bằng cái thúng, và thế là cảm giác no nê, thỏa mãn, hạnh phúc sẽ đến. Tuyệt đối chớ nên suy nghĩ, vì suy nghĩ là mầm tai ương ... Đây, lý thuyết sống bây giờ là thế.

- Anh định nói mĩa tôi sao? Thôi câm lặng đi hời anh chàng bẻm mép, hời triết gia lợn.

Và tôi bọc dọc, ngồi nhồm dậy. Không trông thấy thằng Linh đâu. Chắc nó cũng chán đọc sách rồi, và lại đi chơi rông dài với bọn bạn. tôi buồn. Buồn thì ra xem lợn ngủ - đó là thú giải trí của tôi.

Trong chuồng, ba con lợn ỉ mỡ màng, bụng căng như ba cái trống, đang cưỡi lên nhau mà ngủ.

Ba con lợn đáng thỏa thuê phè phỡn, nằm tênh hênh ngáy pho pho. Ba con lợn đen và loang, nhưng lông thưa để lộ làn da bóng, mọng và hồng lên như quả bồ quân... Còn con lợn Bò – vét- đĩa thì thảm hại, răn rúm, lông xù vàng quạch, đang nằm phía dưới gần chỗ cột đái, nó cố ghéech mõm vươn tới cái ổ rơm, mong hưởng một chút hơi ẩm thừa.

A! Khá thật! Chú Bò – vét - đĩa đã quy luy và lân la để được phép nằm dưới chân bọn lợn ỉn rồi. Con lợn Bò dạo này đã có tí chút da thịt. Bụng nó bụng ngựa nhưng đã to phình phính. Nó chịu khó “vét đĩa” thật. tôi quan sát và nhắm ước lượng. Đây đừng coi thường, có lẽ nó đã “vét đĩa” được mmột lượng thức ăn gấp đôi lần những chú lợn ỉn. Thức ăn thừa ở máng, trước khi nó về, mỗi bữa còn thừa rất nhiều, nay sạch sành sanh.

Tôi đang mải say sưa ngắm đàn lợn, bỗng thấy tiếng thằng Linh nói phía sau. tôi quay lại. Cậu sinh viên của tôi, từ dưới hồ lướt thướt bước lên, giọng tươi tỉnh:

- Đây, bố xem ... Con đã bảo là bố cứ yên chí. Bố tính, chừng này cua và ốc, có đáng giá hơn chục bạc không? Bốn cân ốc, mỗi cân đồng ruỡi, vị chi là sáu đồng. Gần trăm con cua cũng ngót nghét mười đồng.

Tôi lặng im, cúi đầu. Còn thằng Linh, sau khi thay quần áo, lại tiếp tục leo lên giường và quần nhau với ông triết học.

Ngày... tháng...

Ngày mồng một tết, vợ tôi đánh đổ nước mắm; mẹ tôi bảo đó là điềm xấu, quả nhiên dạo này vợ chồng tôi hay cãi nhau. Mẹ tôi thỉnh thoảng cứ hay nhắc lại, cho rằng nguyên nhân chính của những vụ lộn xộn eo óc là do Tết đổ nước mắm. Thắng Linh thì hài hước hơn bà, nó bảo năm nay là năm khỉ, loài nhản nhỏ, năm của những gia đình lủng củng bẽ bối.

Vợ tôi đi làm suốt ngày, chiều tối về, lại sẵn quần vào cuộc đất ở những chỗ đầu trâu mõm bò cuối hẻm, nơi có những ao tù đặc quánh nước cống, và những đàn muỗi vo ve như ong ngay cả ban ngày. Ở ruộng về, khi cả nhà ngồi vào mâm, thì vợ tôi lại dùng đũa gánh nước giặt rũ. Thành thử hôm nào cũng phải phân cơm bà ấy. tôi rất bức về chuyện này. Đi làm cả ngày chẳng nhìn thấy mặt chồng, mặt con; có bữa cơm là lúc gia đình tụ họp, lại còn dùng đũa, chẳng thèm ăn. Hết con lớn mời, lại con bé mời... Có lẽ cô không thiết đến cái gia đình này nữa?

- Tôi lặn xương, sả thịt ra đến thế này mà anh còn bảo tôi không thiết đến gia đình. Còn anh anh thiết đến ai? Lúc nào cũng lợn, lợn, lợn. Anh thử ngẫm xem, anh còn coi lợn hơn cả vợ anh nữa chứ.

Cái giọng dài ra của cô ấy, rồi khuôn mặt tái lại, rồi ánh mắt sáng lên lạnh ngắt làm không gian nhà tôi bỗng nhiên ắng lại rồi như sừng tấy lên. Nỗi bức bối bỗng nhiên dâng lên trong tôi. Nỗi bức bối

làm lòng tôi run rẩy nhưng tôi cố kìm giữ, tôi cảm thấy nó nghẹn ngào trong họng. tôi lại leo lên gác xếp nằm dài, mắt trùng trùng mở to nhưng chẳng thấy gì hết. Mẹ tôi im lặng, vợ tôi cũng im lặng, con tôi cũng im lặng. Không gian đầy quá, đầy ứ - đầy một cái gì đó mà tôi không hiểu, nhưng tôi cảm thấy nó rất vật chất. Có lẽ cả nhà tôi đều cảm thấy nó nên không ai dám cất lời. Có lẽ ai cũng sợ tiếng nói của mình, âm thanh của mình sẽ như một giọt nước, và chỉ cần một giọt nước nhỏ xíu ấy thôi là cái đầy ứ đó sẽ tràn. tôi thức trắng đêm, mắt trùng trùng nhìn vào miền tăm tối nhất của đêm đen bên trong tôi. Phải chăng tôi đang đi tìm tên gọi của cái ứ đầy đó. Tên người là chi? Đêm đen trả lời tôi bằng tiếng rì rầm như sóng biển ru rím tôi vào giấc ngủ dịu dàng. Và tôi thở dài, nhắm mắt...

Ngày... tháng...

Tám, ông triết gia lặn đến thăm. Nhà nghiên cứu về lặn ngồi uống nước, trầm ngâm thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn quanh quẩn như suy ngẫm về một điều gì đó. tôi cũng ngồi trầm ngâm như anh. Bỗng nhiên, hình như Tám phát hiện được một điều gì đó. Thấy anh gật gù. Rồi anh nói một mình:

- Đúng rồi!

Tôi giật mình:

- Anh bảo đúng cái gì?

Tám ghé vào tai tôi, thì thào:

- Ô nhiễm!

- Anh bảo sao?

- Ô nhiễm – Tám vẫn nói khẽ.

- Tôi vẫn chưa rõ ... - tôi nhú mày hỏi lại. Còn giọng Tám thì có vẻ buồn rầu. Lần này anh nói với tôi rõ ràng hơn:

- Tôi bảo nhà anh bị ô nhiễm.

Tôi sửng sốt vì ý nghĩ có vẻ điên của Tám. Tám ngồi trầm ngâm thêm một phút, rồi hỏi như tra khảo:

- Nhà ta, có ai bị ốm không?

- Không.

- Quái thật! phải có chuyện gì đó ...xảy ra mới đúng chứ. Anh nghĩ kỹ xem, ít lâu nay trong nhà có chuyện gì lạ không?

Tôi cười:

- Vợ chồng có chút to tiếng ... nhưng ổn rồi.

Tám lắc đầu:

- Không phải chuyện ấy. Ý tôi hỏi có ai ốm không?

- Không – tôi ngạc nhiên về sự gặng hỏi của Tám. Tôi trả lời rút khoát – Cả nhà đều khỏe cả

- Quái nhỉ!

Tám vẫn có vẻ không tin. Anh kéo tôi đứng dậy, xuống bếp rồi ra thăm chuồng lợn. Anh chê bai:

- Chuồng lợn của anh sát nhà quá.

- Đất hẹp, ai chả làm thế.

- Không có lợi đâu – Tám nhìn tôi, cầm tay tôi rồi nói ra vẻ quan trọng – Hoàng nên nghe mình. Nên chuyển chuồng lợn ngay ra chỗ khác.

Tôi cười mỉm:

- Anh định đặt hướng, tìm đất cho chuồng lợn như kiểu thầy địa lý tìm đất để mả?

- Chứ sao?

Tôi ngạc nhiên nhìn Tám không hiểu anh đùa hay thật. Vẻ mặt nghiêm túc của Tám làm tôi không thể nào nói đùa được nữa. tôi hiểu Tám đang quan tâm tới gia đình tôi thực sự tôi phải tìm lời giải thích cho bạn tôi yên tâm:

- Đã đành nuôi lợn sát nhà không vệ sinh, nhưng anh thử nhìn chuồng lợn của tôi... Sạch sẽ đấy chứ? Làm gì có mùi hôi vào nhà... Lúc này, anh nói ô nhiễm làm tôi sợ hãi quá... Anh cho rằng... mùi lợn ô nhiễm... nguy hiểm...

- Chứ sao! Nguy hiểm! Tám gật đầu công nhận.

Nhìn đôi mắt kì lạ của Tám, tôi lắc đầu không dám tranh cãi tiếp với anh chàng gàn dở ấy nữa.

Ngày... tháng...

Lĩnh lương hưu được trăm tám, tôi cắt ra một trăm đồng cám bã cho lợn. Vợ tôi bảo:

- Con mấy hôm nay phải ăn sẵn trừ bữa đấy. Phải để tiền đồng thêm mì sợi cho chúng. Ăn sẵn mãi là bụng beo ra đấy.

Tôi giảng giải:

- Em đừng lo. Chả mấy chốc đâu, chỉ ba tháng nữa sẽ có tiền bán lợn. Nuôi lợn phải cho nó ăn, thì cuối cùng mới có tiền em ạ.

Vợ tôi bĩu môi:

- Lúc nào cũng chỉ lợn với lợn. tôi nói thật, anh nên bán ngay cái lũ lợn quỉ quái ấy đi. Lúc nào cũng rú rít đòi ăn ... Ôi! tôi nhức đầu ... Mà không chừng nó lăn quay ra cả lũ ... là đi đời bao nhiêu vốn liếng chắt bóp...

- Cô không tin tôi...

- Tôi tin anh ư? Cái ngữ học trò dài lưng tốn vải như anh mà nuôi lợn có lãi, thì xin cứ chặt đầu tôi đi.

Tôi mềm dẻo:

- Cô đừng nên bàn ngang. Người như tôi mà không nuôi nổi mấy con lợn thành công hay sao?

Vợ tôi có vẻ bức bối:

- Thế... anh định treo mồm lũ trẻ lên hết hay sao?

Giảng giải mãi không xong, tôi đâm bức nói ngang:

- Ừ! Cứ treo mồm hết chúng nó lên.

Vợ tôi lắc đầu:

- Anh điên rồ rồi! Anh quí lợn hơn con anh sao?

Mặt nóng bừng, tôi nói bừa:

- Đúng! Lợn quí hơn người.

Thế là vợ chồng tôi lại giận nhau. Cả ngày hôm nay, vợ tôi không thèm nói với tôi nửa lời. Cả lúc đêm xuống, vợ tôi cũng nằm quay lưng lại. Khi bóng

đêm sụp xuống, đó là thời gian xoa dịu những cay cực đời người, đó là thời cơ để vá vúi những rách nát vợ chồng. Nhưng đêm nay, bóng tối đôn hậu dịu dàng cũng chẳng xóa nổi giận đối vợ tôi.

Tôi nằm thừ, vắt tay lên trán. Rồi nghĩ miên man; rồi tự nhủ thầm: “Có thể ta thô lỗ quá chăng? Cục cằn nữa? Trước kia, có lúc nào ta như thế? Cái anh chàng thanh niên thanh nhã xưa kia đã biến mất từ lúc nào chẳng hay. Cái tế nhị xa xỉ đã hàng ngày đánh vật cùng cái thô nháp cường tráng để cuối cùng thua trận, nó lùi dần và chết chìm trong đêm dài vô thức, để thỉnh thoảng u ơ cựa dậy bằng những câu mỉa mai bất lực, hoặc bằng những trắng đêm thao thức sám hối, như tiếc nuôi một cái gì đó không tên, không diện mạo, hoặc bằng những cơn rò đại phi lý ngớ ngẩn...”

Tôi tự phân tích mình, tự đào sâu vào những kẽ nứt tâm hồn, tự nạy mở những vết thương mà thời gian đã cố đắp những mảnh da non mỏng manh vốn có hiệu lực phủ lên mắt ta một màng mờ giấc ngủ.

“Sao tôi cứ trong mắt ra như thế này hờ trời! Sao tôi cực đến thế này hờ trời? Hình ngục nan đào! tôi đã bị giam cầm bơ vơ trong một thế gian đông đúc. Chẳng ai thông cảm với tôi lúc này hay sao? Ngay cả vợ tôi, người bạn đường cũng quay lưng lại.”

Từ những suy nghĩ toan tính xa vời, đầu óc của tôi bay tới những đám mây mung lung chưa chát, rồi cuối cùng trở về với những lo toan thường nhật.

“Ta trách vợ ta ư? Ta có lỗi, hay cô ta có lỗi, hay chẳng ai có lỗi? Người ta cho ta về hưu sớm. Thực ra, người ta chẳng muốn dùng ta nữa. Thời buổi đói kém, sáu chục đồng bạc hưu gày còm ấy, ta nuôi sao nổi bốn đứa con với một mẹ già. Nhìn đứa con út vêu vao, sớm đi học không cả bát cơm nguội, sao mà sót xa. Muốn kiếm tiền lắm chứ. Đã hết mọi sĩ diện. Hết mọi ảo tưởng, hết cả những ý nghĩ viên vông trong óc. Rất muốn làm một điều gì đó có ích, thiết thực. Muốn làm một nghề gì đó bằng trí óc; nhưng viết thì chẳng được, dịch cũng chẳng ai giao. Muốn làm một nghề gì đó bằng chân tay, nhưng sau ba mươi năm trời làm anh bộ đội và làm cán bộ, sự khéo léo của đôi tay đã hết rồi, mà bắt đầu học nghề thì quá muộn. Cũng có lúc muốn xuống đường, nghĩa là đi buôn, chạy áp phe, nhưng ba mươi năm trời ấy cũng biến ta thành một con người sơ cứng, ngây ngô quá đỗi, mình không còn đủ mềm dẻo, thớ lợ để thích ứng với một cuộc sống cạnh tranh, giành giật từng giây phút. Vậy thì nuôi lợn là kế sách cuối cùng. Người ta bảo những người thanh cao, càng lúc khốn khó càng biểu hiện sự thanh cao một cách toàn vẹn. Còn tôi, lúc khốn khó này, tôi đã trở nên thô tục, cục cằn. tôi không phải kẻ thanh cao; điều đó là hiển nhiên ...

Trong giấc ngủ, vợ tôi bỗng thở dài. Tội nghiệp! Sao sống với anh, đời em lắm thở dài?

Đêm hôm ấy, tôi có một giấc mơ rất đẹp: giấc mơ lợn. tôi mơ thấy con lợn Bò của tôi biết nói. Nó lớn rất nhanh. Nó sừng sững trước mặt tôi như con

bê. Nó chồm hai chân trước bấu lên cái giống tre cũ lộn. Nó nói:

- Ông đừng lo. Ta ăn một miếng cám, ta trả một cục vàng. Ta sẽ lớn nhanh không thể tưởng tượng. Rồi ông xem. Ta sẽ đem lại cho ông nhiều tiền của... Và nhiều điều lạ.

- Sao lại điều lạ?

Tôi ngạc nhiên – Còn con lợn thì cười. Giấc mơ lợn kỳ cục thật. Thật vô lý và ngây ngô, nhưng chí ít giấc mơ ấy cũng đem lại cho tôi một chút hy vọng, cũng xoa dịu được lòng tôi đôi phần.

Ngày... tháng...

Ai cũng khen con Bò - vét - đĩa lớn nhanh như thổi. Bao giờ nó cũng ăn đến phút cuối cùng và cũng “vét đĩa” sạch sành sanh. Và đặc biệt, thỉnh thoảng, mắt nó lại nhìn lăm lét. tôi chúa ghét lăm lét, nhưng tôi lại yêu con lợn Bò lăm lét của tôi. tôi yêu nó vì cảm thấy có lẽ nó là cứu tinh của gia đình tôi. tôi chăm chú quan sát cái sự lăm lét ấy, và phát hiện ra nhiều điều mới lạ. Mắt con lợn này đúng là loại mắt bò, thứ mắt lơ đãng, thơ ngây, có thể là đại đột nữa. Người Ấn Độ thường nói khen: “Cô con gái ấy có đôi mắt đẹp như mắt bò”. Vậy thì theo phép suy luận lô gích tam đoạn luận, mắt con lợn Bò của tôi ắt là phải đẹp. Thật là một nghịch lý, một đôi mắt đẹp mà lại biết lăm lét! à! Ghê thật! Con mắt lăm lét ấy

cũng biết hận thù đấy. Có lúc tôi đã ghi nhận được những ánh căm thù trong mắt con Bò – vét - đĩa; là lúc tôi bắt đầu đổ thức ăn vào máng và ba con lợn ỉn hả hê tranh nhau nốc thức ăn, lúc ấy Bò - vét - đĩa đứng lặng im trong xó sinh tằm tối của mình và giương đôi mắt bò mở to ra mà nhìn, đồng thời rãi rớt trều ra quanh mõm. Những chú lợn ỉn cũng quái ác. Khi chúng đã no phềnh, và con Bò bắt đầu vét đĩa, thì mỗi chú ỉn, trước khi vào chỗ nằm, thể nào cũng phải đấm, dúi, cắn vài cái vào bụng, vào đầu hoặc vào tai con lợn Bò. Có thể đó chỉ là sự ra oai, sự cho biết lễ độ, sự phân rõ đẳng cấp, vì vậy, những cú đánh ấy thường không đau, ít tác hại. Vả lại, Bò ta cũng hiểu rõ thân phận của mình nên không bao giờ chống trả, do đó cuộc chung sống hòa bình trong đàn lợn của tôi vẫn tốt đẹp.

Ngày... tháng...

Người hàng xóm hơi xa của tôi là ông chủ lò (tiếng xưa), còn nói theo ngôn ngữ ngày nay, anh ta là ông quản đốc lò sát sinh. Một con người cao lớn, to béo như tây, đeo kính dâm màu phớt hồng, mắt kính Pháp, gọng vàng tây chính hiệu, nói chung một cái kính rất tốt rất đắt. Anh ta ưa mặc quần soóc, mặc thể để khoe cặp đùi nhẵn nhụi, trắng hồng, mỡ màng. Anh ta đi một chiếc xe máy Pháp kiểu mới

nhất. Lẽ dĩ nhiên anh ăn nói đàng hoàng, đối xử với hàng xóm rất đàng hoàng.

Anh đến chơi, đề nghị thằng Linh con tôi, giúp anh việc kèm cặp học hành cho đứa con thứ hai sắp sửa thi vào cấp 3. Anh rộng rãi bảo cùng tôi:

- Bác có cần mua tóc mỡ bôi dưỡng cho lợn không? Giá cung cấp. Chỉ vài đồng bạc một cân thôi. Ăn tóc mỡ, lợn sẽ lớn rất nhanh... Mà, nếu cần, tôi sẽ giúp bác mua cả phổi lợn nữa...

Thằng Linh hay tếu, nó cười to:

- Chú Hợi ạ, tóc mỡ thì cháu cũng thèm, chứ chả nói đến lợn.

- Được rồi! Nếu mày giúp chú, chú sẽ giả công bằng tóc mỡ.

Con tôi cười to. Và Hợi chìa tay ra:

- Thế nào? Xong chứ?

- Cháu xong ngay.

Hai chú cháu bắt tay. Cả nhà tôi cười ròn, đúng là ròn như tóc mỡ.

Thật tuyệt. Căn nhà của tôi lại sắp sặc mùi tóc mỡ lợn. Đêm nay, đi ngủ tôi còn mơ thấy mùi ngậy ngậy của những tảng tóc mỡ. Cuộc đời kỳ lạ thật! Ngày xưa, tôi đã làm nghề thầy giáo tư gia. Ngày đó, cậu gia sư phải đạo mạo nghiêm trang; đầu thàng, khi trả tiền, người chủ nhà khi xưa vẫn đặt tiền trong chiếc phong bì thơm phức và nói bằng một giọng thật khách sáo: “Gọi là có một chút ít để cậu tiêu vặt.”

Còn ngày nay, cuối tháng ông chủ sẽ đem chiếc cân ra, bóc nắm tóc mỡ lợn và cười nói oang oang:

- Tháng này chú trả công cho cháu ba cân tóp mỡ nhé. Thế nào? Muốn trả làm một kỳ hay hai kỳ?

Hoặc:

- Tháng này ít tóp mỡ quá. Thay thế một cân tóp mỡ bằng ba cân phổi tươi nhé? Xong chứ?

Cứ tưởng tượng ra cái cảnh đặc biệt, kỳ dị ấy, đã thấy thú vị, và nụ cười đã bắt giắc nở trên môi.

Ngày... tháng...

Tôi đọc những trang bản thảo còn tản mạn, cuốn "Bách Khoa Lợn" của Tám. Đó là cuốn từ điển viết theo chủ đề. Tám đã tạo ra những chữ hoàn toàn mới lạ như: Bái- trư - giáo, Trư luận, Trư học. Có lẽ vào thời buổi đói khát nên chữ *Thịt lợn* được tôi đọc trước tiên. Đây là một bữa cỗ ngôn ngữ, bữa cỗ trên giấy. Chúng ta gặp ở đây những chế phẩm của thịt lợn từ đông sang tây: những pa tê, dăm bông, xúc xích của người châu âu; rồi đến giò, nem, ninh, mọc của tổ tiên ta. Riêng giò chả đã có giò lụa, giò hoa, giò xào, giò chả cây, chả quế, chả rán, chả nướng, chả băm viên, chả bì... tôi thật không ngờ riêng thịt lợn mà con người đã có hơn một trăm cách chế biến. Cái món *tiết canh*, thứ chế phẩm độc đáo có một không hai trên thế giới, thứ thức ăn Việt đã được nhiều người ưa thích nhất và cũng bị nhiều người lên án và ghê tởm nhất, đã được giáo sư Tám dùng bút xem xét kỹ lưỡng: "Có lẽ đây là món ăn sống nguyên

thủy nhất, cổ sơ nhất của loài người từ thời hồng hoang còn sót lại chỉ riêng trên đất Việt. Tổ tiên chúng ta ngày xưa ngày xưa, khi săn bắt được con thú, đã biết sử dụng triệt để; có lẽ việc đầu tiên, khi con thú ngã xuống, là cắt cổ con vật và toàn thể bộ tộc thay nhau xô tới, áp mồm vào cổ con vật mà hút, mà nuốt cái dòng nước đỏ loè, mẩn mẩn, ngòn ngọt, âm âm. Rồi việc đó được áp dụng cho cả con người, những tù binh, những kẻ bị hiến tế. Tổ tiên ta đã đốt lửa lên, đánh trống bập bùng, rồi nhảy nhót, rồi cắt cổ một tên tù binh nào đó và tất cả bộ tộc cũng xô vào mồm bám chặt lấy cổ tên giặc mà hút, mà rít, mà nuốt cho đến khi tên địch đứt đầu và ngoẹo đầu xuống. Người Việt ta vốn là dân sành ăn, tinh tế trong ăn uống. Cái món ăn kiểu hút cổ họng đó chắc chắn bất tiện và thiếu đàng hoàng. Ra chón đình trung, các cụ cần khề khà, cần rung đùi, cần chậm chạp vừa ăn cỗ vừa nghĩ mưu, nghĩ mẹo. Chính vì vậy nên nhân tiết canh, rồi lá húng, rồi lạc rang giã nhỏ được ra đời, để tạo ra món ăn có một không hai trên toàn vũ trụ.”

Khi đọc môn tâm lý học quản lý của người Nhật, tôi biết ở bên đó, ở nhiều xí nghiệp đều có “phòng hạ giận” (desagressivity hall). Nguyên do là thế này, môn tâm lý học phương tây cho rằng trong mỗi con người đều có một bản năng thô bạo cuồng điên. Nếu không giải quyết, chất cuồng điên ấy sẽ tích tụ, và sẽ gây nhiều loạn; vậy thì mỗi xí nghiệp, đều cần phải có “phòng hạ giận”, đó là gian phòng trong đó có những găng bấc, những đao kiếm, những

bao cát, những hình nhân; và người công nhân, sau giờ làm việc, hãy vào đây mà đâm, mà chém, mà đánh bốp vào những bao cát, những con nộm để đến cuối cùng mồ hôi toát ra và tất cả nỗi bức bối của kiếp nhân sinh cũng hả theo.

Người Nhật quá sùng phương tây, họ quên mất ở phương đông, cụ thể là ở Việt Nam, còn có món tiết canh, một món ăn giải nhiệt, hạ giận cực kỳ. Đông y có nói: Tiết vị hàn, mát, có thể giải nhiệt, chữa được chứng phong cuồng. Tôi khuyên người Nhật nên mở những quán tiết canh thay cho “phòng hạ giận”. Sau giờ làm, người công nhân vào quán, ăn món ăn hạ giận đó, mồm sẽ nhoe nhoét đỏ, và nỗi phiền muộn tích tụ cũng sẽ được tiêu tan...”

Tôi đọc xong mục tiết canh lợn, thấy ngồ ngổ, môi chợt nở nụ cười không cưỡng nổi. Và tôi bị hút vào cuốn Bách Khoa.

ĐẠM

Đạm là một loại thức ăn cực kì quan trọng để tăng trọng lợn. Trên thế giới, nhiều nhà khoa học đã vắt óc ra để giải quyết vấn đề đói đạm cho lợn. Người ta nghiền cá tạp nhap để làm bột cá. Người ta cố tăng sản cây họ đậu để tạo ra nguồn đạm thay thế. Người ta nghĩ cách nuôi vi sinh vật trong cặn dầu hỏa để thu hái nguồn đạm động vật rẻ tiền...v...

Đó là những vấn đề người khác đã phát minh, tìm tòi ra.

Riêng tôi, tôi cũng đi sâu vào đăm, nhưng chỉ đi vào một nét rất nhỏ của vấn đề đăm.

Một hôm về quê, tôi được bà chị tôi kể lại cho nghe một câu chuyện: “Một chị xã viên nông nghiệp một buổi ra đồng về. Mọi khi, về đến đầu ngõ, chị bao giờ cũng nghe tiếng reo mừng của đứa con lên ba “A! Mẹ! Mẹ ...” Hôm nay, về đến nhà, chị vẫn chưa nghe thấy tiếng con reo. Chị ngạc nhiên reo gọi: Tí ơi! Cu tí ơi! Gọi mãi chẳng thấy con thưa, chị cuống cuống chạy ra giếng, rồi lội cả xuống ao tìm con, nhưng vẫn không thấy. Chị ra chuồng lợn, và bỗng phát hiện ra một điều kỳ lạ: con lợn lai kinh tế nặng trên một tạ của chị, mọi buổi chiều, khi chị ở ruộng về, vẫn rống gào đòi ăn, hôm nay lại nằm im ngoan ngoãn. Chị bỗng rùng mình, sờn hết gai ốc lên; chị nhìn vào chuồng lợn, thì thấy thằng cu Tí chỉ còn lại cái đầu lâu bị găm nham nhở. Chị nông dân ngất đi, và người ta đã đem con lợn ra bắn chết.”

Tôi chợt loé nghĩ: “Có lẽ lợn thích ăn thịt người nhất.” Rất có thể, vì nhiều nhà khoa học cho rằng thịt người là loại thịt bổ nhất; nhiều bộ lạc ăn thịt người, sau khi được văn minh hóa cũng thú nhận thịt người rất ngon.

Ý nghĩ ấy cũng hay, nhưng làm cách nào để chứng minh được nó. Rất bí! Bởi vì lấy đâu ra thịt người để cho lợn ăn. Nghĩ mãi mới tìm ra được cách

thực hiện. Tôi liên hệ với mấy bà hộ sinh và hàng ngày bỏ tiền ra mua nhau bà đẻ.

Nhau là thứ thịt người tốt nhất. Sau đó, tôi lại mua thịt bò để làm đối chứng. Tôi để hai máng thức ăn vào chuồng, một máng trộn thịt bò, một máng trộn thịt người. Con lợn lai của tôi ngửi hai máng thức ăn, và lập tức xô tới máng có thịt người ăn lấy ăn để.

Tiếp đó, tôi tiến hành một thí nghiệm thứ hai. Tôi lấy sơ ranh rút ở tĩnh mạch ra mười phân khối máu của chính tôi. Tôi để hai máng thức ăn, một bên trộn cá, một bên trộn máu người. Kết quả con lợn lại xô đến máng ăn có máu người.

Vậy có thể kết luận: “Trong các loại đạm, thịt người là loại đạm lợn thích ăn nhất”.

Tôi càng đọc càng bị lôi kéo vào những dòng ý nghĩ như ma ám của Tám. Những ý nghĩ như gàn như dại ấy phải chăng bắt nguồn từ những sợi rề li ti nằm trong những miền đáy thăm âm ti của ta. Nhưng phải chăng đó chỉ là những ý nghĩ băng quơ? Tôi hút thuốc lá, lan man suy nghĩ để rồi càng ngày càng lạc vào thế giới rất thật mà lại hoang đường của những ý tưởng vừa như khoa học vừa như huyền thoại.

NGUỒN GỐC NGƯỜI

Tiến hoá luận của Darwin cho rằng thuỷ tổ loài người vốn là loài khỉ. Cổ sinh vật học và khảo cổ học đã chứng minh điều đó.

Người Trung Hoa chưa cần đến khoa học, cũng phát hiện ra điều đó trước mấy trăm năm so với phương Tây. Trong Tây du ký đã nói Tề Thiên Đại Thánh vốn là con khỉ, tu luyện mãi sau đã hoá thành người, tiếp nữa thành Phật (Phật là một loại người hoàn chỉnh nhất). Nhưng sách Tây du ký còn phát biểu thêm một mệnh đề nữa mà chưa ai để ý tới: Lợn cũng có thể trở thành người và Phật. Trư Bát Giới là một con lợn đã dần trở thành Phật. Nói một cách khác đi: nguồn gốc loài người có thể là khỉ nhưng cũng có thể là lợn.

TÂY DU PHIÊM LUẬN

Phiêu Diêu Tử ngồi uống rượu cùng sư Vô Trụ. Khi bầu hồ lô rượu đã cạn quá nửa, Phiêu Diêu lòng lâng lâng hỏi cùng thầy tăng:

- Xin giảng lễ huyền diệu: Phật là gì?

Sư Vô Trụ nhắm mắt nói:

- Con lợn.

Phiêu Diêu Tử điềm nhiên:

- Xin nói thêm.

- Con khỉ.

- Còn gì nữa?

- Thăng đàn.

Phiêu Diêu Tử nghĩ mãi chẳng ra, liền van nài:

- Tôi vẫn không hiểu, xin thầy tăng giảng rõ hơn.

Sư Vô Trụ từ từ mở mắt:

- Cả ba hợp lại thành Phật.

Nói xong, sư lại nhắm mắt và lặng lẽ ngồi thiền, không nói thêm một lời. Phiêu Diêu Tử ngồi ngẫm nghĩ nhưng vẫn chỉ thấy mung lung. Ông uống hết bầu rượu thứ ba, ngoảnh nhìn vẫn thấy sư ngồi yên lặng. Họ ngồi ba ngày ba đêm, phơi thây cùng trời, đất, trăng, sao; một bên cứ uống, một bên cứ lặng lẽ. Phiêu Diêu Tử thả hồn vào cõi khôn cùng, đánh đu cùng nàng gió, đùa cợt nàng trăng, chân đi khắp khênh và quên hết sự đời. Chính lúc ấy, chàng chợt hé nhìn vào cửa huyền vi. Chàng chợt cười ha hả mà rằng:

- Phải chăng lấy đôi vú đàn bà làm nệm rượu để uống cho đất trời nghiêng ngửa? Lấy cái thân xác trắng ngần để mà mê đắm, để mà xuất thần, hòa tan cùng trời đất. Mê đắm kiệt cùng sẽ đến bến bờ tĩnh lặng. Bên kia nó là cái tinh khôi nguyên thủy.

Phải chăng cái nộ khí xung thiên là cội nguồn vũ trụ. Ta phá trời, ta khuấy nước, ta đào cho đến miền âm ti tìm cho đến những sợi rể tốt cùng của lẽ vô thường. Và ta bỗng bùng mặt thương cho kiếp nhân sinh.

Hay là ta ngơ ngơ, ngẩn ngẩn, thân lang thang như con phù du trôi nổi, bông bênh thả mặc con

sóng, đói ta bứt quả rừng, khát ta uống nước suối, mệt ta ngả lưng trên đất, vui cùng trăng sao thuận cùng trời đất, mặc cho gió giăng buồm kéo ta khỏi bến mơ ...

Sư Vô Trụ đột nhiên mở mắt. Phiêu Diêu Tử hỏi:

- Ông thấy sao?

- Kẻ đi đến nửa đường là kẻ trần tục. Kẻ đi cho đến cùng đường sẽ nhìn thấy Phật.

Cả hai nhìn nhau và bỗng cười ha hả. Rồi mỗi người một vò rượu, họ uống cho đến quay cuồng vũ trụ.

Ngày... tháng...

Sức mạnh của con lợn Bò - vét - đĩa là ăn. Nó ăn sáng, ăn trưa, ăn ngày, ăn đêm, ăn bất cứ lúc nào, miễn là trong máng có thức ăn. Nó lại có thể ăn rất tạp: ngon cũng ăn, dở cũng ăn, thậm chí thiu thối cũng ăn. Nó ăn bèo đã đành, đằng này nó lại dám ăn sống cả cỏ hôi, cả lá cúc tần hắc sì, lá ổi chát lệt, lá rau sam chua lè ... Nó ăn bã đậu, bã ma di, chén tươi cả loại bã rượu nhà máy là thứ bã hầu như đã kiệt chất. Nó ăn quá phàm, quá tích cực, quá hồi hã, quá kỳ dị như một thứ quỷ đói... Có lúc vừa mới ăn xong được mười phút, đã thấy nó chồm chân lên đóng tre, gào rú. Tôi thử lấy một chậu nước gạo, rồi thái một rổ bèo sống, đổ vào máng, thế mà con quái chỉ nhòm

nhoàm và hút chùn chụt một loáng đã sạch bay. Tôi đâm ra ngẫm nghĩ và e sợ vì không hiểu đằng sau cái đáng ăn quái quỷ ấy có ẩn tàng một điều gì khác lạ không.

Nhưng rồi tôi lại yên tâm vì thấy con lợn vẫn bình thường, tức là nó vẫn lớn một cách tỷ lệ thuận với số lượng thức ăn nó đã ngốn. Sau cái yên tâm là sự phấn khởi bởi vì nó lớn rất nhanh, có thể nói tốc độ lớn phi thường. Khi mới về, nó còn bé hơn cả ba con ỉn, so với con ỉn út còn bị lút sổ; thế mà chỉ qua một tháng, nó đã vạm vỡ, to hơn hẳn cả con ỉn đầu đàn. Tuy to xác, nhưng nó vẫn ngờ nghệch. Mặc dù vậy, với cái thể xác mới của nó, bầy ỉn đã có phần vì nể lợn Bò. Mới về, nó nằm trong xó bản, nửa tháng sau, nó nằm dưới chân bầy ỉn, còn bây giờ nó đã dám chen rúc lẫn cùng bầy ỉn, tuy đôi lúc vẫn bị bầy ỉn sua đuôi, chèn ép, nhưng không dám chống lại.

Ngày... tháng...

Hôm nay cho lợn ăn, tay tôi quệt phải đinh, chảy máu. Tôi chợt nhớ tới một ý của Tám trong "Bách Khoa Lợn". Tôi tinh nghịch, bèn vắt cho máu tay chảy vào máng thức ăn. Kỳ dị chưa! Bầy lợn ăn sốc hẳn lên; chúng tranh nhau ăn như điên rồ. mồm lợn vồ vào máng tòm tập với một nhịp điệu quá hối hả. Phải chăng câu nói: "Lợn thích ăn thịt người" là đúng?

Ngày... tháng...

Hết cám. Dầu hoả lại đắt. Tôi đem bán một thúng phiếu dầu gia đình để mua cám lợn. bà vợ tôi kêu la âm ỉ:

- Tôi van ông. Lợn với chả bò! Chẳng ăn thua gì đâu!

- Nào! Nào! Cô cứ yên chí.

- Tôi không thể yên chí được. Lợn của anh đã ăn hết cái quần si ba ta của con, bây giờ nó lại nhai đến phiếu dầu. Không khéo mai kia, nó sẽ ăn thịt nốt đàn con của tôi cũng không chừng.

Tôi chột bặt lặng, không dám cãi lại vợ nữa. Ủ! Phải chăng lời tiên tri? Tại sao vợ tôi có thể nghĩ rằng lợn ăn thịt con tôi? Tại sao ý nghĩ của vợ tôi lại có thể trùng hợp với ý nghĩ của Tám?

Ngày... tháng...

Chủ lò Hời kéo tôi đến nhà chơi. Anh đã mời tôi năm lần bảy lượt nhưng tôi chưa đến bao giờ. Không đến bởi vì anh ta giàu có, còn tôi thì nghèo. Khi nghèo, dù ta là người trải đời thế nào, ta vẫn có mặc cảm, và lúc đó ta thường phản ứng lại kẻ giàu bằng cách chê bai họ, khinh bỉ cái giàu của họ, hoặc chí ít không chê bai, khinh bỉ thì cũng lảng tránh, tránh xa khỏi họ. Quan hệ giữa tôi và Hời cũng nằm trong qui luật ấy

Nhưng, thằng Linh, cậu sinh viên của tôi đã bắc cầu giao tiếp giữa hai người lớn. Từ khi có Linh dạy thêm, con gái Hợi đã học khá hẳn lên. Học kỳ vừa rồi, cô bé đã được xếp loại học sinh tiên tiến. Vì lý do ấy, nên ông Hợi đã mời tôi đến chơi bằng được.

Một gian buồng rộng rãi lát đá hoa nhìn ra một vườn hồng nhỏ. Khi vào nhà, phải theo một lối đi nằm dưới một giàn thiên lý thơm mát. Hai bên lối đi đặt những chậu địa lan, ở góc trong cùng của giàn thiên lý, treo lủng lẳng một dò phong lan tai trâu đơm nụ. Gian phòng toát lên sự sang trọng bởi nền đá hoa màu cẩm thạch, loại đá lát đặc biệt mà nhà máy vật liệu xây dựng A đã làm riêng để tặng những khách quý. Cái nền ấy chắc được lau chùi thường xuyên nên bóng lộn. Một chiếc đàn Pianô Nhật mới mang từ Sài Gòn ra kê ở góc. Giữa phòng nhìn ra cửa là chiếc tủ chè lèo kếp, khám trai, trên nóc tủ chỉ để một lọ hoa đồng tiền loại nhỏ...

Hợi trang trọng mở tủ chè, lấy ra một bao thuốc lá tây chưa bóc và một gói trà rồi hỏi:

- Anh thích trà thanh tâm hay trà Thái mộc?

- Trà Thái anh ạ.

- Anh giống tính tôi. Không gì bằng trà Thái anh nhỉ. Để anh thưởng thức một loại trà Thái đặc biệt mà họ mới biểu.

Xong tiệc trà, đến tiệc rượu. Anh đốt cồn lên nướng mấy con mực rồi nói cười vui vẻ:

- Có lẽ anh cũng chỉ thích rượu quốc lủi? Đúng thế chứ? Tôi nghiệm thấy một điều: các đồ ăn uống

của tây chỉ có thuốc lá là ngon, còn thì hồngбет, rượu không bằng của ta, còn trà thì khỏi phải bàn, tây họ không biết uống trà anh ạ, ai đời trà lại pha đường...

Tôi không dám luận bàn về cái cách thưởng thức chủ quan, tự coi mình là nhất đời ấy – Tôi chăm chú nhìn người bạn rượu đương rót vào chén cho tôi một thứ nước trong vắt thơm phức. Rượu ngon đã xóa dần đi cái kênh kiệu, cái khoe khoang ngô nghê. Hương men nếp ngan ngát làm cho Hợi trở nên bình dị. Giọng nói của anh bỗng có màu sắc, lúc lãng đãng, lúc sôi nổi, trở về với những niềm tâm sự mà hiếm khi anh cởi mở:

- Xưa kia tôi “làm nhau” ngoài lò lợn. Chắc anh chưa biết thế nào là “làm nhau” nhỉ? Làm nhau tức là xách cái xô tiết, cầm dụng cụ mổ lợn, chạy theo sau và chịu sự sai vặt của người đồ tể chính thức. Ông đồ tể già, ông thầy dạy nghề của tôi, là một người rất ngộ. Ông hay uống rượu, uống ít thôi, nhưng lai rai suốt ngày, mỗi lúc một hớp; ông uống chỉ đủ để bóc ra miệng những tiếng cười ha hả, và đủ để tuôn ra những chuyện tiếu lâm thú vị và tục tĩu. Đó là lượng rượu duy trì trong ngày; còn buổi sáng, trước khi vào lò lợn, thầy tôi uống nhiều hơn; ông thường ngửa cổ uống một hơi, tu sông ừng ực hết phẳng một cú rượu, rồi mới xắn tay áo kiểm tra đồ nghề, và mài dao. Một cái bị toàn là dao, con dao lá lúa để đâm cho ngọt, con dao rựa để chẻ xương sống, con dao bầu để cạo lông pha thịt, ngoài ra còn thêm mấy con dao dự phòng. Buổi sớm ở lò lợn thật

ồn ào kỳ dị: tiếng những con lợn ngửi thấy mùi thần chết gào lên hoang rợ, tiếng ăng ặc thăm thê, tiếng liếc dao soèn soẹt, tiếng mài dao đều đều, tiếng chặt xương công cóc, tiếng cạo lông sồn sột, tiếng những con dao va chạm vào nhau leng keng, tiếng người nói chuyện với nhau bằng giọng hò hét. Những ông đồ tể khác đã lao vào công việc, nhưng thầy tôi bao giờ cũng đứng đĩnh. Ông mài dao thật kỹ càng, cho đến lúc con dao cạo được râu mới thôi; bởi vì ông thích một lưỡi dao phóng vào tim bao giờ cũng phải ngọt, ông thích hoá kiếp cho những con lợn được chết nhanh hơn. Sáng nào thầy tôi cũng dạy tôi bằng một câu nói gần như thuộc lòng: “Hãy cắt tiết con lợn như cắt tiết cuộc đời cho đến cùng giọt máu. Chớ có run tay. Này, cắt ngang một đường, rồi chéch lưỡi dao đâm chéo vào tim. Ngoáy lưỡi dao một vòng cho đứt hết những mạch máu nhằng nhịt. Ấn dao về một phía cho cửa ra mở rộng. Thế là tiết sẽ ồ ồ chảy ra như vòi nước. Đạp chân vào bụng cho tiết chảy nhanh hơn. Và dốc chân sau lên cho máu ra đến cùng. Hãy nhớ lấy – Hãy đâm cho trúng – Không được phép run tay. Hãy vắt máu cho kiệt. Có thể trông miếng thịt mới trắng mới đẹp, ăn miếng thịt mới ngọt mới thơm. Hãy cắt tiết cuộc đời như...” Thế rồi thầy tôi cười, một tiếng cười hư hư thực thực. Ông đồ tể già muốn nói với tôi cái gì sau câu nói đó tôi cũng chẳng hiểu nữa, nhưng câu nói đó đã như cái bóng theo tôi suốt cả cuộc đời.

- Cắt tiết cuộc đời? Tôi ngơ ngác hỏi.

Lúc này trông Hợi ngơ ngác chẳng kém gì tôi.

- Nhiều lúc tôi định nói chuyện với anh, định hỏi anh, định kể với anh câu chuyện ấy.

- Định kể với tôi?

- Vâng. Kể với anh. Nhưng có lẽ anh khinh tôi... à... người ta vẫn bỉ tôi...

- Tôi? Khinh anh? Tôi ngơ ngác thêm.

- Chả cứ anh... đến vợ tôi cũng mặc cảm với tôi. Cô ta không nói ra nhưng tôi biết...Này... Tôi hỏi thật anh có ghê sợ tôi không?

Tôi càng đi vào chỗ lúng túng, và tôi chợt hiểu con người ngồi trước mặt tôi. Con người hình như phú quý, hình như tàn ác, hình như kênh kiệu rởm ấy... Thực ra anh ta cũng yếu đuối, cũng khốn cùng... Tôi chưa kịp biểu lộ cái thương cảm ngổ ngán ấy của tôi ra với Hợi, thì Hợi bỗng cười to. Anh ta uống một tợp rượu rồi cười ngất. Cái vui có lúc như bông phèng lại trở về giọng nói của Hợi.

- ... Tôi đi làm cách mạng. Tôi bỗng hiểu ra câu nói “Hãy cắt tiết ...” của ông thầy, người công nhân lò mổ năm xưa. Tôi hiểu đó là sự kiên quyết, sự dứt khoát, sự mạnh mẽ. Cách mạng đã cắt tiết chế độ cũ. Máu tiết ở tim, gan, phổi óc của chế độ cũ phải kiệt đi, phải chảy đến giọt cuối cùng để cách mạng có thể thay thế vào đó một dòng máu mới.

- Anh đã tham gia vào việc đó ra sao?

- Năm 13 tuổi tôi là liên lạc trong Trung đoàn Thủ đô. Năm 17 tuổi tôi là tiểu đội trưởng vệ quốc đoàn. Năm 18 tuổi tôi giết tên giặc Pháp đầu tiên.

- Anh kể cho tôi nghe chuyện đó đi.

- Anh nghĩ thế này có tức không? Chúng tôi có một trung đội, vây hãm một bớt Tây đánh cho đến gần nhọm nhọm sáng chúng mới chịu hàng. Trung đội trưởng chết. Trung đội phó chết. Chúng tôi bắt được một thằng Tây trắng và hai thằng Tây đen. Thằng Tây trắng chỉ huy đã bị thua còn ra vẻ, còn khệnh khạng. Tôi hỏi: “Anh tên gì? Cấp bậc gì?” Nó trả lời “Tôi là com măng đắng, là thiếu tá, tôi không nói chuyện với anh, hãy đưa tôi về gặp chỉ huy cao cấp của các anh”. Tôi hét lên: “Mày có nói không?” Nó trả lời: “Tôi chỉ nói với người cấp bậc ngang tôi”. Tôi giận giữ chửi vào mặt nó: “Thằng ngu”. Thằng Tây quắc mắt nhìn tôi. Tôi tát vào mặt nó. Nó dướn cổ nhìn tôi căm thù. Tôi bắt nó quì, nó không quì. Thế là tôi rút dao ra, đâm vào cổ nó, sọc vào tim nó...

Hơi trầm ngâm, tay run run về một điều thuốc Lào, và anh hút bập bập, tiếng điệu cày kều tanh tách cắt thành từng đợt. qua làn khói anh tư lự đặt câu hỏi:

- Chỉ có một điều tôi vẫn chưa hiểu. Lúc đó, tay tôi cầm khẩu súng lục tước được của chính thằng xếp bớt đó, nhưng không biết tại sao tôi lại không bắn? Bắn như thế sẽ giản đơn hơn, thằng Tây sẽ chết nhanh hơn, quang cảnh sẽ bớt ghê rợn. Nhưng tôi lại đút súng vào túi quần và rút con dao lá lúa ra, tôi giơ con dao sáng loáng trước mặt nó. Lúc bấy giờ thằng Tây mới sợ. Nó tròn mắt và kêu to một tiếng ô ô gì đó. Và tôi đâm vào cổ nó... Ừ nhỉ! Tại sao tôi không dùng súng nhỉ?

Tôi lặng yên, không dám trả lời Hợi, cứ để cho anh ta tự độc thoại bằng những lời không thốt ra, những lời như những bọt nước sôi từ đáy lòng cuộn lên làm đôi mắt anh ta chớp chớp. Sự im lặng kéo dài đến vài phút. Sự im lặng hình như có độ co giãn. Lúc này nó lắng tít xuống, chìm sâu hẳn xuống để cho tiếng một con thạch sùng tặc lưỡi băng quơ cũng được chúng tôi chú ý nghe rõ mồm một. Tiếng con vật đánh thức Hợi dậy, đánh thức tôi dậy khỏi một dòng suy tư đang chực hình thành. Tôi hỏi một câu hỏi chẳng ra đầu ra cuối:

- Thế còn bây giờ?

- Sao?

- Bây giờ?

- A à ... - Hợi chợt cười một cái cười hài hước nửa miệng – Bây giờ thì tôi chả cần “cắt tiết” nữa rồi. Cuộc đời đã tự cắt tiết mình để hiến dâng tôi...

Tôi lạ lùng, ánh mắt tỏ vẻ không hiểu.

- Dễ hiểu thôi, anh Hoàng ạ. Bây giờ thì tôi cần gì phải dùng con dao lá lúa. Tôi đã để nó vào trong cái tủ chè kia, dành làm kỉ niệm. Bây giờ, tôi có hàng loạt người quen bạn bè ở khắp các cơ quan. Tôi lại có lòng lợn thịt lợn trong tay – Anh cười to – Tôi chỉ cần sống lương thiện, chỉ cần các cơ quan bạn giúp đỡ tôi một cách trong sạch nhất, hợp lý nhất. Tôi chỉ cần sống như thế là cũng đủ có một đời sống sung túc.

Mắt tôi chợt dừng lại ở dò phong lan tai trâu lủng lẳng trên vườn hồng. Chúng tôi rủ nhau ra xem hoa. Tôi hỏi dò hoa hay tự hỏi lòng mình:

- Ôi cái lương thiện! Cái lương thiện thời nay mà cũng bi thảm đến thế sao?

Ngày... tháng...

Con lợn Bò – vét - đĩa của tôi hình như cũng biết được cái triết lý sống của ông chủ lò. Nó ăn rất điên. Nó ăn say sưa như một nghệ sĩ. Có nghĩa là từ lúc tôi đổ thức ăn vào máng con Bó đã xông ngay vào và say sưa “Cắt tiết cuộc đời”. Nó ăn không ngừng, không thở, ăn một mạch bất chấp có gì xảy ra xung quanh. Lũ ỉn tấn công, dúm, cắn, hất. Mặc, nó cứ ăn. Nó ăn liên tục gần nửa tiếng như vậy; và sau khi đã vét đĩa sạch sành sanh, nó lặng lẽ liếm mép, đứng đĩnh vào chỗ nằm. Và chỉ vài phút sau nó đã ngáy o o. Thậm chí, khi lũ ỉn cười lên lưng nó, con Bò cũng vẫn ngủ. Con lợn Bò của tôi cũng ngủ theo kiểu “cắt tiết cuộc đời”?

Ngày... tháng...

Tôi sang nhà Lân, thấy anh ta mặt đen thui, bực bội đứng trước cái lều chế biến thức ăn. Từ căn lều bốc lên một con rắn khói đen sì ngoằn ngoèo múa lượn. Lân bứt rứt đi lại. Hình như anh đang bị kích nộ. Cái đầu to đen của anh lắc lư trên cái thân gày đét. Tôi im lặng chờ đợi Lân nói. Lân thỉnh thoảng

lại mắc một trận khích nộ như vậy, một trận khích nộ khùng khùng đại đại. Kìa, Lân đã sáng mắt lên. Đôi mắt long lanh trên khuôn mặt đen sạm hình như có lửa nung:

- Tôi khinh bỉ con lợn Bò của anh. Đúng! Nó là đồ vét đĩa.

- Hôm nọ, anh khen nó lắm cơ mà? – Tôi điềm đạm.

- Hôm nọ tôi khen, còn hôm nay tôi khinh. Bởi vì... bởi vì nó không xứng đáng.

- Xứng đáng?

Lân giang tay ra giải thích:

- Tôi thích nó mạnh mẽ... Thích nó cứng rắn... Thích nó chiến đấu.

- A à...

Tôi lặng lẽ nhìn người bạn của tôi đang lên cơn “sặc mùi thuốc súng”. Mắt Lân sáng chùng kia. Tay Lân hoa lên như thế kia. Cái đầu anh lắc lư. Môi anh run lên bần bật. Lấp bắp... có lẽ bộ óc kích động của anh đang đi tìm chữ... có lẽ nó đang đi tìm những chữ nào mạnh mẽ cuồng nộ nhất, báng bỏ nhất, nổ bùng nhất, để làm tan dần, hả dần những âm vang cay đắng còn dư đọng từ những ngày chiến trận. Lân cần một người nghe, một người biết chịu đựng những bầu tâm sự, biết để cho những kho thuốc súng trong tâm hồn anh được bung ra một cách tự nhiên không cản trở. Tôi nhẫn nại lắng nghe, với ước mong dần dần đầu óc bạn tôi trở về mát mẻ. Tôi hút thuốc lá, thở khói, im lặng, chăm chú nghe Lân nói.

- Con lợn Bò của anh là cái... thứ gì nhỉ? Đôi mắt lăm lét... A, cái giống hèn mặt... Quen cái thói nô lệ rồi... Cam chịu... Cam chịu... Thế mà còn tự ru ngủ mình... rồi tự đề mình lên... tự khen mình nữa... rồi lập lờ... lợn ngược giá trị... tôn vinh cho sự ti tiện...

Lân ơi! Tôi biết nói với anh sao đây? Một người điên, hay một kẻ thất vọng? Hay một kẻ mộng du đi trong một cõi người điên đảo? Hay một người cố chấp ương bướng? Anh phóng chiếu lòng anh vào đàn lợn. Những gì anh không thấy ở đời thì anh đi tìm nó ở đàn lợn, ở một sinh vật hạ đẳng hơn. Những con vật được anh nhân hoá; anh tạo cho chúng một hồn người... Lân ơi! Tao biết khóc hay cười cùng mày đây? Mày muốn tao trả lời những tra vấn của mày ư? Cạn kě ư? Tôi bối rối. Nhưng dù sao, tôi cũng kéo anh ngồi xuống bên tôi, rồi đưa thuốc lá cho anh hút. Lân chăm chú nhìn tôi và hít những hơi dài, nhả khói ra liên tục. Tôi khẽ khàng gật đầu:

- Anh nói đúng.

- Thế chứ!

Lân vội vã nắm lấy tay tôi bóp mạnh. Hỉ hả, vui sướng như một đứa trẻ thơ. Tôi thấy điều thuốc lá trên tay anh run lên.

Rồi bỗng nhiên, anh đứng dậy, cầm tay tôi kéo ra chuồng lợn, dáng vẻ hân hoan:

- Anh phải ra đây. Ra đây mới hiểu hết lời tôi nói.

Anh dừng lại giải thích cớ cho tôi hiểu mạch lạc:

- Tôi mới mua được con lợn Chiến Sĩ. Anh hiểu chưa?

- Sao?

- Chiến Sĩ! Tôi đặt tên cho nó là Chiến Sĩ bởi vì... Bởi vì nó có thái độ rất liêm sỉ. Anh hiểu chưa?

Thì nào tôi đã hiểu gì đâu, nhưng vì thấy Lân rất ân cần tôi hiểu nên tôi cứ gật đầu bừa. Lân vẫn nói:

- Liêm sỉ, nghĩa là nó biết sống.

Đến lúc này, Lân mới chỉ vào chiếc bao tải dứa nằm dưới gốc cây bưởi. Và anh bùi ngùi:

- Nó đấy! Con Chiến Sĩ của tôi đấy.

Tôi ngơ ngác vẫn chưa hiểu hết câu chuyện. Còn Lân, anh nghiêm trang mở chiếc tải đắp, để lộ ra một chú lợn con đã chết. Đó là một chú lợn Móng Cái, lưng choàng một vết loang đen hình yên ngựa, trán đốm một vết lang trắng hình ngôi sao.

Và Lân đã cảm động kể với tôi về tiểu sử ngắn ngủi của chú lợn con:

Lân mua con Chiến Sĩ về mới hơn một ngày. Anh mua nó hai trăm đồng, tiền trích ra từ số lãi của con Tên Lửa. Chú lợn Móng cái nhỏ con nhưng hay ăn và rất búng. Lân không có thói quen nhốt riêng lợn khi mới mua về. Vừa từ trại giống về đến nhà, anh đã thả ngay con Chiến Sĩ vào chuồng.

Con Chiến Sĩ vừa mới chân ướt chân ráo từ lồng chui ra, đã xông ngay vào máng ăn, để tranh ăn với con Thần Sấm. Thần Sấm là một chú lợn tây khoảng 95% máu ngoại. Hầu như chả thấy dấu hiệu nào của máu in trên người chú. Một con lợn trắng

toát, tai to, chân cao, bụng ngựa ... Trông nó giống như một con béc giê. Nó rất hiền nhưng khá ích kỉ. Nó chuyên ăn riêng, một mình một máng. Nếu không con nào động đến máng của nó thì Thần Sấm rất hiền lành, không gay gắt, ăn xong đứng đĩnh vào ngay chỗ ngủ. Nhưng nếu con lợn khác động đến máng ăn của Thần Sấm là không xong với nó. Nó khoẻ nhất, lớn nhất trong đàn lợn hiện nay. Thường dễ nó đã tới bốn chục cân.

Thế mà con Chiến Sĩ, chú lợn ranh con lại dám xông vào máng của nó. Thần Sấm nổi giận ra oai ngay. Nó chồm lại định cắn vào tai Chiến Sĩ. Chiến Sĩ rất nhanh; thoát một cái nó đã lẩn được ra phía sau, và cắn vào đuôi con Thần Sấm. Nó vừa cắn vừa lôi đến nỗi con Thần Sấm phải kêu rống lên. Và Thần Sấm đành chịu để cho chiến sĩ ăn vào máng của mình. Đó là câu chuyện bữa ăn hôm qua.

Sáng nay, lúc đến giờ ăn, Chiến Sĩ lại quen mui xông thẳng vào máng Thần Sấm. Hôm nay, Thần Sấm mưu mẹo hơn; nó giả vờ cúi đầu xuống, cùng tranh ăn. Nhưng, bất thành linh, nó ngẩng lên và cắn vào tai Chiến Sĩ. Nó nhay, nó rút đến lúc tai con lợn nhỏ bị rỉ máu ra mới thôi.

Trùng trị xong, Thần Sấm tưởng con Chiến Sĩ sợ hãi, sẽ bỏ đi ăn máng khác. Nào ngờ, Chiến Sĩ đã không sợ, mà trái lại còn hung hãn hơn trước. Nó không cần ăn nữa, và tuyên chiến ngay với Thần Sấm. Nó nhanh như chớp, định cắn đuôi Thần Sấm như hôm qua. Nhưng hôm nay, Thần Sấm đã biết chỗ

yếu của mình; nó bám sát không để cho Chiến Sĩ lên ra sau đánh tập hậu.

Hai con lợn một bé một lớn loạn đả inh ỏi, đến nỗi cả đàn lợn của Lân phải dạt hết ra chung quanh, chúng không dám ăn và nhìn hai con lợn tham chiến. Lân không có thói quen can lợn đánh nhau. Kinh nghiệm của anh là cứ để mặc cho lợn đánh nhau, và như thế lợn sẽ nhanh chóng làm quen với nhau hơn.

Cuộc chiến diễn ra gần nửa tiếng. Chiến Sĩ tuy bé nhưng nhanh nhẹn. Thần Sấm tuy to khỏe nhưng vụng về. Vì vậy cuộc chiến không phải là không cân sức, cả đôi bên đều bị thương sây sát đầy mình. Chiến Sĩ đã hoàn toàn thắng lợi. Cuối cùng, Thần Sấm không dám đánh nhau nữa, nó đứng đỉnh quay về chỗ nằm. Còn chiến sĩ cũng tọt tọt ăn vài miếng cho oai, nhưng có lẽ đau quá ăn không nổi, nên nó cũng đứng đỉnh quay về chỗ của mình.

Lân khoan khoái vào nhà hút thuốc vệt, anh yên chí rằng con lợn nhỏ của anh đã qua được cuộc chiến nhập môn và nó đã được chấp nhận vào đàn.

Nhưng thương thay! Vì chiến đấu quá sức Chiến Sĩ đã bị ngất sủ đi. Lúc Lân biết thì chú lợn con chỉ còn thoi thóp. Lân mang con vật ra gốc cây tiêm cho nó, bơm cháo cho nó. Không kịp nữa rồi! Mặc dù Lân tận tình cứu chữa, nhưng Chiến Sĩ đã hy sinh. Lân vuốt mắt cho nó, đắp cho nó chiếc tải...

Lân bùi ngùi cầm tay tôi:

- Anh giúp tôi một tay nhé.
- Làm gì?
- Đào một cái huyệt để chôn con Chiến Sĩ.

- Chôn?

- Vâng. Đem chôn. Vợ tôi muốn giết thịt, nhưng tôi không bằng lòng.

Anh ngừng một lát rồi nói thêm:

- Tôi là người lính. Anh hiểu không?... Ăn thịt một con vật như thế, tôi nuốt sao trôi.

Tôi lặng lẽ cùng Lân đào một cái hố sâu. Lân đã chôn con vật như chôn một người đồng đội. Tôi nhìn anh đứng lặng bên nắm mồ lợn... Những câu hỏi chợt thì thầm trong óc tôi: ở thời buổi này, đem chôn xuống đất mười cân đạm, đó là hành động của một kẻ điên hay của một con người rất người?... Hay của một con người đóng kịch đại tài?... Cả khi điên, cả trong giấc mơ, con người vẫn đóng kịch hay sao? Trong đời thường ta sắm vai anh hùng và vai trò ấy đeo đuổi ta cả đến khi ta khùng khùng dại dại? Cảnh đám ma lợn ấy là bi hay là hài, hay là một cảnh bi hài mà ta chẳng nhận ra? Hay là tình cảnh riêng đã làm con mắt tôi trở nên độc ác? Đêm ngủ, vắt tay lên trán tôi cố nhớ lại cảnh đám ma lợn, cố nhớ lại những nét hài hước của nó để tự chế diễu thói đa cảm của mình và của bạn. Nhưng không hiểu sao lại chỉ thấy một tác động trở ngược; tôi chợt thấy thương mình và cả thương Lân nữa Thế hệ chúng tôi là thế hệ những người anh hùng và cả những người sắm vai anh hùng. Cái chất men Prométhée ấy thấm vào từng tế bào trong cơ thể, bùng bùng ở những khung cảnh vĩ mô, ngọt ngọt sặc sụa ở những khung cảnh vi mô, đến nỗi chúng tôi không phân biệt nổi khi nào ta thực, khi nào ta giả. Chúng tôi lên đồng

đến nỗi không nhìn ra được cái ngô nghê thảm hại khi mình rờm ấy. Chúng tôi đã đánh mất cái giản dị tinh tế của đời thường, nhưng có lúc chợt ơ run rẩy khi đi trên con đường thánh của mình. U ơ bởi vì lắm lúc ngẩn ngơ thấy trong mình vắng thiếu một cái gì rất cơ bản mà mình không xác định nổi; run rẩy vì chợt có lúc thoáng thấy nỗi sợ hãi của phi nhân...

Ngày... tháng...

Lại thiếu gạo. Lại hốt hoảng chạy vạy. Và vợ tôi lại lấy lại một điệp khúc thường diễn:

- Anh đi vay vài chực. Em mua yên sẵn cho con.

Lại eo óc, gắt gỏng cầu xé, cầu nhàu. Lại bực bội vì tiền vì miếng cơm. Lại tính toán ti tiện. Cái tệ nhị, âu yếm thời xưa, vợ chồng tôi đánh mất lúc nào chẳng hay. Thậm chí có lúc vì một sự vui hiếm nào đó, tôi muốn đùa vui âu yếm với vợ một chút, thì lại bị cô ấy chê ngay là giả dối. Chập tối, tôi cầm chiếc ghi ta của thằng con, và bắt chiếc nó, đánh rải một hợp âm và hát một câu tình ca của Pháp:

... Xa em rồi, tìm tôi sâu úa...

Vừa hát, tôi vừa mỉm cười băng quơ. Lập tức, vợ tôi dội ngay một gáo nước lạnh:

- Thôi! Tôi xin. Ông đừng đóng kịch.

Tôi vứt cây đàn xuống giường, rồi bực bội:

- Toàn là gây sự!

- Ai gây sự?
- Thật là ô nhiễm!

“Ô nhiễm!!!”. Tôi muốn hét to lên hai chữ ấy, nhưng họng tôi khô khốc. Tôi nghẹn lại, tắc lại. Tiếng nói của tôi biến mất.

Ngày... tháng...

Tám cho tôi xem một mục trong Bách Khoa Lợn.

RAU

Rau rất cần cho sự phát triển cơ thể lợn. Trong rau có rất nhiều vitamin, chất khoáng, và một lượng nhỏ đạm, đường, chất béo.

Điều thú vị là một số nhà bác học phát hiện cho ta biết rằng: Muốn lợn tăng trưởng nhanh thì ta cần cho lợn ăn nhiều đạm; còn đối với lợn nái, muốn cho đẻ tốt thì cần phải cho ăn nhiều rau.

Vậy có thể nói: Đạm phát triển cá nhân con lợn, còn rau phát triển nòi giống lợn cho đông đàn dài lâu.

Điều phát hiện trên thấy đúng cả với loài người. Nền văn minh phương tây, nếu đứng về góc độ thức ăn mà nói, là nền văn minh đạm; nó chú

trọng vào sự phát triển cá nhân. Người phương tây chăm chỉ ăn đạm nên vóc dáng ngày càng to, và ngày càng thừa đẽ. Nền văn minh phương đông là nền văn minh rau. Người Ấn Độ, Trung Hoa, người Việt Nam ăn rau nhiều nên vóc dáng nhỏ và ngày càng đẽ khỏe. Trong văn minh rau, loài phát triển mạnh và cá nhân chỉ là những bóng mờ.

Chủ nghĩa thực dân là sự chiến thắng của Văn minh Đạm đối với Văn minh Rau.

Rau là biểu tượng của sự đói khổ đi đến cuồng dại. Rau là biểu tượng của sức sống bản năng, của phần tăm tối nhưng đẹp đẽ trong con người. Đạm là biểu tượng của sự giàu sang đi đến phè phỡn. Đạm là biểu tượng của sức sống lý trí kiêu căng, và khôn ngoan đến ngu ngốc.

Thiếu đạm thừa rau, và thừa đạm chê rau là hai đối cực dẫn loài người đến khủng hoảng huỷ diệt. Chao ôi! Rau thì điên cuồng nổi loạn, còn đạm thì kịch cỡm, cứ tưởng mình toàn năng. Sẽ có lúc rau và đạm sẽ làm rối bời trái đất và con người trong cuộc quyết chiến Rau - Đạm này đang gào thét, kéo nhau lẫn vào hố thẳm.

Hỡi những kẻ ăn đạm, đừng khinh miệt sức mạnh của rau. Và hỡi những kẻ ăn rau, đừng tưởng rau chỉ mang phép thần kì. Rau cũng mang trong nó những ngòi độc mà ta không lường nổi.

Hơn nữa, những ai chiến thắng, chiếm được đạm thì lập tức họ cũng thuộc về đạm, vì đạm sẽ tiêm truyền cho họ cái máu chuẩn choáng của sự kiêu sa ngu ngốc.

Tôi không muốn như con lợn Tây, suốt ngày gào rú chỉ đòi ăn đạm. Và tôi cũng chẳng hề muốn giống loài lợn ỉ, những con lợn mặt nhăn cổ đại, với chiếc bụng to đùng như trống nhưng mở ra chỉ thấy rau bèo.

Đêm khuya. Tôi đọc xong trang giấy và nằm dài im lặng. Tôi, một con vật người nhai rau đang nghĩ suy về đạm. Ở bên kia vách, con lợn Bò của tôi cũng đang tóp tép nhai rau. Lợn ơi! Mày có nghĩ ngại gì khi mày cắn một cọng rau, một lá bèo trong miệng? Không biết, vào giờ này, có một con người - đạm nào còn thức và trần trọc như ta không?

Ngày... tháng...

Lân đánh giá con lợn Bò của tôi đã lớn gấp rưỡi con lợn ỉ. Về mặt kinh tế, Lân khen tôi đã thắng lợi. Nhưng về mặt tinh thần, anh cho là tôi đã thất bại, bởi vì tôi đã mang thân đi hầu hạ một con lợn vô liêm sỉ, một con lợn to thân xác nhưng lại sợ những con vật bé nhỏ hơn mình, thậm chí còn lấm lét, khúm núm với chúng.

Lân đứng bên chuồng lợn, và nói giọng điên điên khùng khùng, anh động viên con lợn Bò:

- Nào! Tiến lên! Đừng sợ hãi!... Hãy vứt bỏ cái thói vô liêm sỉ... Hãy chống lại thói quen hèn hạ... Nào! Hãy cắn... Hãy vồ... Hãy xé xác bọn ỉ thử xem sao...

Tôi mỉm cười, cố xoa dịu Lân. Tôi cũng đùa cợt:

- Ông bạn ơi! Ông định làm kẻ đầu sỏ, khuấy động gây bất bình trong đàn lợn của tôi sao? Anh nên nhớ đây là chuồng lợn...

Tôi chợt ngừng lại giữa chừng câu nói vì nhìn thấy con mắt nghiêm trang của Lân. Thì ra người không biết đùa, hay là người đã quên mất thói quen đùa cợt, hay là người vẫn lạc trong những cơn mê chiến trận, ở đó bên cái chết con người chỉ mặc bộ đồng phục nghiêm trang. Anh nhìn sâu vào mắt tôi rồi giảng giải:

- Ý anh muốn nói chuồng lợn không phải là sân khấu chính trị?

- Sao? Tôi giật mình vì Lân đang kéo tôi vào một cuộc nói chuyện mà nhiều lần tôi đã cố tình lảng tránh. Còn Lân anh vẫn nói phăng phăng, rất hùng biện.

- Anh là kẻ đọc sách mà ý nghĩ vẫn thô sơ. Anh nên nhớ trái đất chúng ta đang nòng nặc ngọt ngào mùi chính trị. Đâu người ta cũng dạy dỗ, lôi kéo, hướng dẫn con người làm chính trị. Đó là thứ men nòng trên miếng đất ta ở... Phải! Men chính trị đã thấm vào ta từ thừa bào thai...

Lân chỉ vào mặt tôi:

- Anh định lăn trôn chăng? Sợ hãi chăng? Định làm trò khoác cho mình một bộ áo cà sa chăng? Ha ha... Con lợn Bò... lợn Bò... Nhưng dù có chui vào hang, vào hầm, vào hố, vào xó, vào xỉnh... dù có

trốn lên rừng, hay lặn xuống biển thì chính trị cũng đuổi theo anh... lôi anh nhập cuộc.

Tôi bàng hoàng nhìn người bạn rồ dại của tôi. Nhưng có thực anh ta điên không? Anh đang moi móc tim gan ra và phơi bày dưới ánh mặt trời. Tôi lúng túng trả lời:

- Anh biết đấy... từ lâu rồi... tôi đâu còn quan tâm tới điều đó. Anh cũng thấy đấy... Tôi đang lo miếng cơm... Và nói thật, tôi cũng thích nghề nuôi lợn...

- Anh thích nghề nuôi lợn?

- Thích... Thậm chí... Ừ nhỉ ta có thể biến nghề nuôi lợn thành một nghệ thuật... Có thể được không?

- Ha ha... Vòng vo! Vòng vo!

Tôi giật bắn người. Còn Lân vẫn cười. Anh không biết là anh đã chạm vào một điểm rất nhạy cảm của đời tôi. Tiếng cười của Lân làm tôi bỗng chột lùì về dĩ vãng. “Vòng vo!” tiếng nói đó vang lên trong óc.

*

* *

... Tôi nhớ lại cái phòng hỏi cung trần trụi mà năm ấy tôi vẫn thường ngày phải lui tới hai buổi chăm chỉ, đều đặn như một chú học trò. Chiếc phòng rộng, ở giữa kê một chiếc bàn và hai chiếc ghế, một chiếc dành cho người cán bộ an ninh, và một chiếc ghế dành cho tôi. Căn phòng trần trụi màu trắng lạnh, không có một vật gì thừa. Chỉ một chiếc bàn và

hai chiếc ghế, một mẫu giấy lộn cũng không, một cái đinh vô dụng cắm bằng quơ trên tường cũng không, một con gián, một con nhện cũng không. Không có một sinh vật nào, một đồ vật nào nằm ngoài mục đích lại được phép có mặt; có lẽ người ta sợ một sự phân tán, một sự liên tưởng nào đấy có hại cho sự tập trung của kẻ bị hỏi. Của đáng tội, cũng có hai vật thừa. Đằng trước mặt tôi, tức là đằng sau người cán bộ an ninh, phía trên cao tường có treo một bằng khen, ông bộ trưởng đã ngợi khen một tổ trình sát số 3 nào đó đã phá tan một vụ án chính trị nào đó, một cách xuất sắc. Vụ nào nhỉ? Những ai bị bắt? Họ là những người ra sao? Những người phe phái, hay những kẻ lý tưởng điên cuồng, hay những con người vô tội chỉ thèm khát sự công bằng, những kẻ bị bắt vì còn chút lương tâm? Thế đấy! Có lẽ tờ giấy trên tường kia tồn tại cũng chỉ vì mang một công năng đàn áp, muốn đè bẹp ý chí của kẻ bị hỏi cung ngay từ phút đầu nhìn thấy nó. Nó như muốn cười mỉm một nụ cười bí mật và khoe rằng: đừng có ảo tưởng che giấu, chúng tôi biết hết, chúng tôi có nghìn mắt nghìn tay. Và sau lưng tôi cũng có một vật thừa thứ hai: cái ba lô bộ đội trong chỉ có chiếc bàn chải đánh răng, vài bộ đồ lót, một chiếc áo bông... Người cán bộ an ninh đã bảo tôi phải mang đến:

- Anh hãy mang ba lô đến hàng ngày. Để ở góc phòng ấy. Anh bướng lắm. Ngoan cố. Không khai hết sự thật. Kẻ cầm đầu đã khai hết rồi. Bạn bè anh đã khai hết rồi. Còn anh, sao anh vẫn quanh co? Nếu còn tiếp tục vòng vo thì sẵn ba lô đấy, chúng tôi

phải bắt buộc có biện pháp cứng rắn, cho anh ngồi vào một phòng giam để anh suy nghĩ...

Tôi im lặng. Thì ra cái ba lô cũng chẳng phải vật thừa. Nó là của tôi; chiếc ba lô tôi đã được phát trong bộ đội, năm 1953. Nó đã theo tôi lang thang lên rừng, xuống biển. Bây giờ nó lại ở bên tôi. Trước kia khác, bây giờ khác, cả chiếc ba lô vô tri vô giác kia lúc này cũng chống lại tôi. Cái vật dụng thân quen mà tôi vẫn cõng trên lưng ấy, lúc này cũng là một vật nhắc nhở, đe dọa.

Người cán bộ an ninh chăm chú đọc tờ lời khai tôi viết hôm trước. Trên trán anh bỗng xuất hiện những nét cau có. Cuối cùng, anh ngẩng đầu lên, bỏ chiếc kính ra. Rồi anh đứng dậy giảng cho tôi như giảng cho một chú học trò:

- Ha ha! Thật là bác học. Anh dẫn ra nào là Nguyễn Du, là Marx, là Dos, là... Thôi đi! Anh định làm trò gì, chúng tôi đã đi guốc vào bụng anh. Anh định đóng kịch, làm trò thông thái rởm... Thoát bào nhượng vị. Cởi áo bào ra, trốn lủi, để chúng tôi đuổi theo cái vỏ áo bào tư biện. Chúng tôi không có thì giờ cãi cộ với anh về lý luận.

- Chúng tôi sai về tư tưởng... vì vậy tôi kiểm điểm tư tưởng...

- Không phải sai tư tưởng mà là hành động. Anh đã hành động.

- ???

- Đảng nói A, anh cãi lại B. Nói cho người khác nghe tức là vận động kẻ khác theo mình. Nói khác tức là đã hành động chống đối. Anh hiểu chưa?

- ???

- Lại còn vờ vĩnh: “Tôi không làm chính trị”. Bộ anh ngây thơ đến thế sao? Sở dĩ anh muốn trốn hai chữ chính trị vì anh có ý thức là anh đã mắc vào một tội ác to nhất trong xã hội chúng ta: tội chống Đảng.

- Không! Tôi là người viết báo, viết văn.

Người cán bộ an ninh đập bàn và con mắt sau cặp kính của anh bỗng long lanh tức giận. Anh nói to, dần từng tiếng:

- Các anh đã tổ chức chống Đảng.

- Tổ chức?

- Tổ chức! Đúng vậy! Tổ chức chính trị khéo léo.

Tôi im lặng. Tôi đã hiểu từ lâu người ta muốn dẫn tôi đến cái nút ấy, cái thòng lọng ấy. Khi cái thòng lọng đã quàng vào cổ rồi, nhưng do bản năng tự vệ, tôi vẫn cố rầy rụa, cố bào chữa. Tôi đứng lên và nói rất to:

- Các ông không có chứng cứ. Làm gì có tổ chức

...

Người cán bộ an ninh chỉ vào mặt tôi và cũng quát:

- Ngồi xuống! Tội của anh càng nặng thêm vì cố tình vòng vo trốn tránh...

“Vòng vo! Vòng vo!”...

Những tiếng vang kỷ niệm xa xôi ấy, lúc này bỗng lại sống dậy trong óc tôi. Tôi cố ôm lấy đầu, che kín đôi tai, để khỏi nghe tiếng của Lân. Nhưng che làm sao được. Giọng của Lân khích nộ, cũng có

tính chất rao giảng như giọng của anh cán bộ an ninh hôm xưa.

- Khi ta yêu một điều gì, ghét một điều gì tức là ta đã làm chính trị. Chỉ khi nào hết yêu ghét, tức là đến ngày tận thế, thì bấy giờ mới hết chính trị. Chính vì vậy, khi nói không làm chính trị, ta đã tự lừa dối, ta đã hèn nhát lần trốn. Anh nói nuôi lợn như một nghệ thuật, tức là anh đã tự phỉnh nịnh, tự coi mình hơn kẻ khác, trong khi đó thực chất anh đang tôn vinh cho sự vô liêm sỉ, sự nô lệ... Chính vì vậy nên tôi khinh bỉ con lợn Bò...

Lân im lặng nghĩ một lát rồi tuyên bố:

- Chuồng lợn cũng là một sân khấu chính trị.

Tôi cúi đầu, không cãi lại. Trong lòng tôi bỗng dấy lên một nỗi buồn phiền mơ hồ. Hôm nay, tôi hình như đã hiểu thêm một chiều độ của bản thân. Có lẽ Lân nói đúng. Tôi đã trốn chạy, và hình như tôi đã lập lờ... ngay cả khi nuôi lợn.

Trời ơi! Tôi muốn trốn lên núi quá. Người xưa lên núi để trốn việc đời. Ngày nay, trên núi cũng có đời. Nuôi lợn là một cách “trốn vào núi” hiện đại. Nhưng hoá ra, trong chuồng lợn cũng có đời.

Ngày... tháng...

Kỳ lương dạy học tư đầu tiên của con tôi, Linh mang về ba ki lô gam tóp mỡ. Cậu sinh viên mê triết học ấy cười khanh khách:

- Bố ơi! Đúng là cách mạng. Đảo lộn hết cả nếp đời. Mọi cung cách sống thay đổi đến tận gốc rễ. Hết mọi sĩ diện, mọi đài các, mọi thớ lợ. Khi con bung rở tóc mỡ đi dọc phố xá, những người quen thuộc nói: “Cậu Linh trúng rồi nhé. Bao nhiêu là tóc mỡ!” Có người hỏi mua, trả mười lăm đồng một ký, nhưng con không bán. Con dành cho lợn của bố.

Tôi cười:

- Thế là cậu còn sĩ diện hão. Đáng lẽ ra cậu nên bán đi hai ki lô, như vậy cũng được ba chục bạc đỡ mẹ cậu mua gạo.

- Linh vẫn cười ròn:

- Đúng như bố đã tưởng tượng ra cảnh trả lương. Chú Hợi bắc cái cân ra, treo bên cạnh dò phong lan tai trâu, rồi cân trả lương cho con. Cân xong, ông ấy bốc thêm một nắm, vút vào cái rá và nói: “Đây là phần thưởng thêm cho cháu đã giúp chú thắng qua rất tốt.”

Hôm nay, bà vợ tôi, cả gia đình tôi bỗng nhiên vui hẳn lên; có lẽ không khí ấy do mùi ngầy ngậy của tóc mỡ tạo nên.

Vợ tôi hôm nay cũng biết nói đùa:

- Nhà chú Hợi có hai cô con gái. Cái Lan học lớp bảy mà đang dạy thì còn bé. Chị nó là cái Cúc làm thợ dệt năm nay thường dệt đã hai mươi. Con bé hay đáo để, Linh nhỉ?

Đôi tai con tôi bỗng đỏ như, nhưng nó vẫn vui vẻ:

- Cô ấy rất hay, mẹ ạ.

- “Hay” nghĩa là thế nào? Tôi hỏi.

- Nghĩa là cô ta khác hẳn tính ông bố. Ông bố bông phèng, còn cô ta kín đáo. Ông bố tính toán, còn cô ta thì thờ ơ vô tư lự trước tiền bạc...

- Cái tính ấy có lẽ hợp với mày Linh ạ - Tôi cười - A, mẹ mày thích mày có vợ rồi đấy.

Tai con tôi đỏ thêm. Cậu ta lắc đầu:

- Khó lắm bố ơi!

- Sao lại khó?

- Bởi vì chú Hợi yêu cầu rể của chú phải có một điều kiện. Một hôm chú ấy tuyên bố: "Đứa nào lấy cái Cúc nhà tao, dứt khoát phải biết làm nghề đồ tể".

- Đồ tể?

Cả nhà tôi cười ròn. Linh giải thích thêm:

- Điều kiện ấy của chú Hợi rất khôn ngoan. Thứ nhất: nếu chàng rể là đồ tể, thì người đó không thể nào coi thường ông bố vợ vốn gốc gác là đồ tể. Thứ hai: nghề đồ tể hiện nay là nghề kiếm nhiều tiền nhất; chỉ vài tiếng đồng hồ buổi sáng sớm người ta có thể kiếm tiền bằng một tháng lương. Thứ ba: chú Hợi muốn tìm vây cánh. Bố nên nhớ chú Hợi là người giỏi nghề chính trị.

- Cả đến lò mổ cũng là một sân khấu chính trị?

- Dĩ nhiên, bố ạ.

Ngày... tháng...

Từ ngày có tốp mỡ, con lợn Bò lớn nhanh như thổi. Hàng tuần, tôi đo lồng ngực và chiều dài của

lợn. Tuần này, số đo lồng ngực lợn tăng bốn cm, như vậy theo bảng thống kê tổng kết, tương ứng với lồng ngực, lợn Bò đã tăng thêm năm cân.

Con lợn Bò đã gần ba mươi cân, vóc dáng nó đã to gần gấp đôi chú lợn ỉn.

Với cái vóc dáng đồ sộ ấy, lúc này lợn Bò đã được lũ ỉn cho phép nằm ngang hàng. Tuy nhiên, Bò vẫn phải chịu một chỗ nằm lép vế, nghĩa là bao giờ Bò cũng phải nằm ngoài cùng, chịu đựng gió rét và làm tấm bình phong, tạo ấm cho lũ ỉn. Có những lúc Bò ta tỏ ra tinh ma, khi ăn xong, vội vã tranh vào nằm sát tường tức là chỗ ấm nhất; khi ấy, lập tức lũ ỉn không chịu khoan nhượng, chúng leo lên lưng, cắn tai, húc vào bụng con lợn Bò, cho đến lúc con lợn quỉ quái ấy không chịu nổi, bắt buộc phải đứng dậy để chấp nhận vị trí nằm lép vế của mình, thì cuộc tranh chấp mới kết thúc.

Ngày... tháng...

Đài phát thanh Hà Nội báo tin có đợt gió mùa Đông bắc tràn về, và nhiệt độ sẽ giảm xuống tới mười một độ. Để chống rét cho lũ lợn, tôi vút hai cái tải vào trong chuồng.

Rét về, lũ ỉn ăn kém hẳn đi. Riêng Bò vét đĩa vẫn ăn hung như trước. Nó ăn thêm phần thức ăn bỏ dờ của lũ ỉn, nên hôm nay bụng nó căng phồng. Ăn xong, nó lúi lũi vào chỗ ấm nhất, ủi cái tải sù ra phía

trước, rồi nằm xuống, ung dung chúi mõm vào đồng tải, để bảo vệ, để gây ám cho cái mũi vốn là cơ quan nhạy cảm và quý giá nhất của loài lợn. Lũ lợn ỉn vừa đói, vừa rét nên càng tức tối. Cả đàn cả lũ, chúng hùng hổ xông ngay lại, cuời ngay lên lưng con Bò. Con lợn Bò liền đứng ngay dậy, lắc mình hất tụi lợn ỉn xuống, nó chúi đầu đứng gằm gù, đối mặt nhìn lũ lợn ỉn, khiến bọn này phải chùng lại ngay không dám tấn công. Lợn Bò vốn tính hiền, nên cuộc chiến tranh đã không xảy ra. Tuy vậy, hôm nay nó bỗng sáng kiến nghĩ ra một cách ngủ khác trước; nó chiếm phát ngay một cái tải dành riêng cho mình, nó dùng cái mõm ủi tải ra một góc khác; nó dùng chân, dùng mõm, khéo léo trái cái tải thừa ra phía ngoài; vậy là đằng trước tải, một bên vách, một bên tải, nó che âm được cả mõm và hai bên sườn. Nó đắc chí, nằm ngáy pho pho, và mặc xác lũ lợn ỉn tranh giành kéo co nhau chiếc tải thứ hai.

Cứ bảo con lợn Bò ngu ngốc. Hôm nay, nó đã tỏ ra không ngốc một tí nào. Nó đã biết tẩy chay bọn ỉn.

Ngày... tháng...

Tôi thông báo thái độ mới của con lợn Bò cho Lân biết. Lập tức, Lân khoác áo bông sang nhà tôi ngay. Nhà chuyên gia chăn lợn ấy đã đứng bên

chuồng lợn, vút nắm rau muống xuống trước mặt lợn Bò, rồi vuốt ve nó khi nó đang ngấu nghiến nhai rau.

- Khá lắm! Có thể chứ! Chẳng lẽ mày lại hèn. Ở đâu có áp bức là khắc có đấu tranh. Hãy tiến lên Bò ạ.

Tôi ôm bụng cười:

- Quí quái chưa! Ông lại tin có cả đấu tranh giai cấp trong chuồng lợn?

- Chứ sao! Đây là một chàng khổng lồ đang mơ ngủ. Ngủ chán, nó sẽ dậy. Này! Hãy nghe lời tôi khuyên. Cần phải hết sức chú ý, kéo rồi lại xảy ra rắc rối trong chuồng lợn.

Ngày... tháng...

Việc quan sát sự phát triển của chú lợn Bò phải tạm dừng bởi lẽ gạo tăng quá nhanh. Một hôm trước giá gạo tám mươi, một hôm sau gạo đã tăng mỗi ngày vài giá. Tám mươi, lên tám lăm, rồi chín mươi, hôm nay gạo tròn một trăm. Con sốt gạo Hà Nội cứ ít lâu lại xảy ra như một bệnh dịch đe dọa người nghèo. Lo âu. Ngắc ngoải. Người ta đồn đại chính phủ sắp thả nổi gạo. Phần lớn dân Hà Nội sẽ phải ăn gạo giá ngoài. Trong khi đó, thằng Minh, đứa con thứ hai của tôi cũng đang bén máng như chú lợn Bò. Bữa cơm, nó có thể ngồi ăn lì không biết no.

Vợ tôi cáu kỉnh, hể về nhà là gắt đủ điều:

- Thằng Linh! Còn nằm ườn ra mà đọc sách hả?...

- Thằng Minh đâu rồi? Sáng hôm nay mày chỉ đi chơi, sao không xếp hàng rau? Chỉ được cái ăn là giỏi.

- Lợn Bò với lợn Bê! Bán mẹ nó đi cho rảnh mắt.

- Hạng chế lại! Nấu cháo mà húp! Tao không còn hơi sức đâu mà chạy gạo cho chúng mày ăn.

- Cả nhà nay có ai thương tôi đâu. Người ta còn đọc sách, còn đi chơi, còn suy nghĩ, còn nghiên cứu cơ... Còn tôi thì lăn lung vào mà vẫn chẳng kiếm ra đủ cho các con ông ăn. Đi làm xí nghiệp về, lại đi đưa bánh đa, hai xu một chiếc. Đạp xe thất ruột lại... Hào quả cũng chẳng dám ăn... Thế mà... Thế mà có ai biết sót xa cho tôi đâu.

Tôi bực bội và tê tái đi vì những lời than oán kể khổ ấy. Tôi cố gắng ngọt ngào:

- Thôi! Tôi xin bà. Đừng có làm rối lên như thế. Kêu ca nào có ích gì. Có đỡ khổ đi chút nào đâu. Cần phải bình tĩnh mới được.

- Tôi không bình tĩnh.

Cáu quá, tôi vặc lại vợ:

- Thôi! Câm mồm đi!

- Anh nói như thế mà nghe được? Có học đấy! Đọc sách đấy! Đạo đức đấy! Lúc nào cũng lý thuyết! Lý thuyết suông!... Đạo đức giả!

Tôi im lặng, không nói nữa. Nhưng tôi càng im lặng vợ tôi càng nói già, nói dai:

- Tôi lấy anh thật phí cả đời. Tôi là người công nhân. Đáng lẽ ra tôi lấy một người công nhân, thì những lúc này người ta còn biết thương tôi. Ôi chao! Lúc nào anh cũng tử tế, nhân nghĩa. Anh là kẻ đạo đức giả. Anh khinh tôi không có học, nên anh mới dám ăn nói như thế

- Ai khinh cô?

- Anh chửi tôi.

- Ai chửi cô?

- Anh bảo tôi: cầm mồm, tức là anh chửi tôi.

Tôi phát điên lên:

- Đồ vu vạ! Thôi! Bà chiến sĩ thi đua của tôi ơi! Bà lại học được cái trò nam nữ bình đẳng nửa mùa để đem về áp dụng ở gia đình rồi... vứt mẹ cái trò đó dần ấy đi.

- Hừ! Giỏi quá nhỉ! Không khéo cái mồm ấy, có lúc người ta gô cổ lại. Bình đẳng nửa mùa! Rồi có lúc lại rũ tù.

- Ai gô cổ? Ai rũ tù? Đứa nào bắt tao? Cô định dọa nạt hả? Giở thói cái cách ruộng đất ra hả? Vợ mà như thế hả? Dọa tao à? Đều! Đồ đều.

Vợ tôi, khi thấy tôi la hét thì bật lặng. Cô ta biết đã lỡ lời. Cô ta đã ngoáy một lưỡi dao nhọn vào vết thương của tâm hồn tôi. Sự vu cáo... Những ngày thăm vắn... Sự đe dọa tù đầy triền miên... sự theo dõi, bóng gió dọa nạt... sự thỉnh thoảng hỏi thăm nhắc nhở... tội chống Đảng... cắt việc... rồi treo bút cầm viết... những ngày lao động cái tạo nhục nhằn những nghề nghiệp lầm than mà tôi dần thân chỉ cốt kiếm được đồng tiền nhỏ nhoi cũng được đó là tất cả

những điều mà tôi đã trải qua. Và tôi vẫn tự hào là trong cơn bão, vẫn giữ lại được một gia đình toàn vẹn, với người vợ chịu đựng cùng tôi, với đời sống lương thiện mà chưa bao giờ tôi phải hổ thẹn, với đàn con khổ sở đầy nhưng ngoan ngoãn... Nhưng hôm nay, niềm tự hào cuối cùng của tôi cũng đang bị lung lay. Gia đình tôi bắt đầu nghiêng ngả, hay nó đã rạn nứt từ lâu rồi mà bộ óc u mê của tôi chẳng nhận thấy. Hừ!... Có thể lắm chứ... Những người đàn bà yếu đuối... Một người bạn gái đã phản lại tôi... Vợ một anh bạn đi tù đã tố cáo chồng, ly dị vắng mặt chồng, thậm chí bắt con không được nhận bố... Nhưng lẽ nào... Vợ tôi cũng thế hay sao?...

Những dòng suy nghĩ u uất lướt qua bộ óc. Tôi rên lên:

- Đồ đều! Đồ đều! Đồ khốn nạn!

Tôi cầm chiếc điều cày đập mạnh xuống nền nhà. Cái điều vỡ, đổ ừa ra một dòng nước đen sì, lênh láng, hôi hám. Bên kia vách, đàn lợn rống lên đòi ăn. Sặc sụa lợn!

Ôi! Ô nhiễm! Ô nhiễm! Tôi ném nốt bình trà xuống đất và cổ họng tôi nghẹn lại. Tức thở! Tắc thở!

Vợ tôi lặng lẽ đi khỏi nhà lúc nào chẳng hay. Còn tôi thì ngồi thừ cay đắng trên chiếc ghế bành cà khổ, nơi mà tôi vẫn hằng ngồi hàng giờ để suy ngẫm, tưởng tượng viễn vông. Chiếc ghế bành chỉ biết run rẩy chứng kiến những giấc mơ bất tận, hôm nay đã tận mắt chứng kiến một sự thực cay đắng...

Lần đầu tiên, tôi thấy lộ nguyên hình sự nanh ác của vợ tôi. Cũng lần đầu tiên sự nanh ác của tôi xuất hiện phũ phàng chẳng kém. Tôi thảm hiệu lúc đó tôi muốn tát vào mặt cô ta...

Cũng lần đầu tiên, tôi cảm nhận được sự giả dối của đời sống vợ chồng. Sự biết điều, sự nhẫn nhục chẳng qua là trò đóng kịch. Tôi muốn chạy trốn, không dám nhìn vào sự thật đau đớn. Chúng tôi làm gì còn tình yêu. Cuộc sống vợ chồng tôi chỉ còn là một sự cộng sinh Những thói quen, chỉ còn tồn tại do sợ hãi một cuộc chia ly, sợ hãi rơi vào một cuộc phiêu lưu mới không có gì đoan chắc là ổn định. Mà thực vậy. Tại sao cô ta cứ phải gánh chịu mãi cái số phận lên đênh hình ngục nan đào của tôi. Tôi là một quả đắng cay đối với người đàn bà nào dính líu với tôi...

Tôi bỗng dưng nghe thấy một tiếng động. Tôi quay đầu nhìn và thấy thằng con trai lớn vẫn ngồi thản nhiên ở một góc giường. Cặp mắt của nó lặng lẽ không biểu hiện, nhưng tôi cũng thoáng đọc thấy trong ánh mắt ấy một nụ cười mỉm. Anh mắt ấy như muốn bảo: “Thưa bố! MÀN kịch đã hạ rồi!” Đột nhiên, cái nhìn của đứa con làm những nộ khí trong tôi bỗng xẹp xuống. Con tôi không nhìn tôi nữa, nó lên gác xep đọc sách. Cơn tức giận tan nhanh, để lại một chỗ trống cho nỗi buồn đen thăm thẳm choán ngập linh hồn tôi. Tôi vẫn ngồi thừ trên chiếc ghế bành cà khổ, mắt nhắm không buồn nhúc nhích, và tôi đã vào một giấc mơ ngủ lung linh mà không ai đánh thức nổi, từ đây.

Ngày... tháng...

Chiến tranh lạnh!

U ám gia đình!

Tôi không nói. Vợ tôi không nói. Mẹ tôi không nói. Con tôi không nói. Vợ tôi không nói chuyện vì giận tôi. Mẹ tôi không nói vì buồn phiền. Còn con tôi không nói vì chán nản. Những đứa trẻ vốn là diện mạo tinh thần của gia đình. Nhìn lũ trẻ, ta có thể xem tướng một gia đình. Trẻ con tươi tắn, cởi mở, đôn hậu, là gia đình đang vượng. Trẻ con ủ rũ là gia đình đang biến. Trẻ con khùng loạn là gia đình đang suy.

Cậu Linh dạo này lại đọc tới Nam Hoa Kinh của Trang Tử. Con ơi! Mày định ru hồn vào giấc mơ bướm của Trang Tử hay sao? Thì cứ mơ đi! Giấc mơ đôi lúc cũng cứu người. Ta chỉ sợ cái thực đời đến một ngày nào đó sẽ giết hết giấc mơ của người. Mất Phật, mất Chúa, con người đã mất một giấc mơ lớn. Mất giấc mơ lớn, con người lòng lộn sẵn đuổi những giấc mơ nhỏ nhoi thường nhật, nhưng rồi cũng chẳng đạt được. Cuối cùng người ta phải bán sự mơ. Con người trở nên què quặt, bất túc.

Con ơi cha cũng đang trở nên bất túc đây.

Ngày... tháng...

Ta bỏ bể “con lợn”. Ta mặc xác con lợn Bò. Ta cưỡi xe đạp dong chơi phố phường Hà Nội. Ta trốn chạy cái nhà ta ở. Ta sà vào quán nước, quán rượu. Ta lê la các nhà bạn bè để nói những chuyện tầm phơ. Ri-gân đắc cử ư? Một người phần chí tự thiêu ư? Cải cách giáo dục ư? Chủ nghĩa Mao man rợ ư? Cải cách nội các ư? Chuyện một bà lớn áp phe kim cương ư?... Để rồi, đêm ta về nhà, bật chiếc đèn ngủ, mà nghe lợn kêu, mà mừng lung chán phè... Buổi chiều, Tám đưa ta một mảnh giấy. A! Một mảnh Bách Khoa Lợn. Nào, thì đọc.

NGƯỜI LỢN và LỢN NGƯỜI

Văn chương thế giới và đời sống thực đều có những chú ”Lợn Người“. Trư Bát Giới là lợn người. Phải kể thêm con lợn Chiến Sĩ của Lân cũng là một thứ lợn người. Có lẽ nên để bạn đọc tự rút ra định nghĩa về khái niệm “Lợn Người“.

Còn khái niệm “Người Lợn” cũng thấy sách sử ghi lại. Tư Mã Thiên có nói Lã Hậu chặt chân, chặt tay người phi yêu dấu của Hán Cao Tổ, vứt vào nhà xí và gọi đó là con lợn. Sợ rằng xác định khái niệm người lợn như vậy là quá ư thô thiển.

Tôi đọc sách thấy có nhiều đoạn nhắc đến thứ Người Lợn, vậy xin ghi lại tham khảo.

Thời nhà Lê, thời kỳ cực thịnh của phong kiến Việt Nam có khá nhiều người lợn. Cái hồi Trần Nguyên Hãn và Nguyễn Trãi mới gặp Lê Lợi ở Lỗi Giang, Hãn bảo Trãi: “Tướng Lê Lợi là tướng lợn, người ấy chỉ có thể vui với ta lúc đói nghèo gỏi đất nằm sương, chứ không thể chung hưởng với ta khi phú quý.” Quả nhiên về sau, Lê Lợi giết Trần Nguyên Hãn đầu tiên khi kháng chiến thành công. Té ra Lê Lợi là một thứ người lợn. Cháu chắt ông ta là Tương Dực Đế xây Cửu trùng đài cũng được dân Thăng Long gọi là Vua Lợn. Quan lợn thời Lê cũng có. Thời Lê Nhân Tông, trong Đại Việt Sử Kí Toàn Thư có ghi: “Đến khi thi đình, vua thân ra đầu đề văn sách, hỏi về lễ nhạc hành chính, cho Nguyễn Nghiêu Tư đỗ Trạng nguyên... Nghiêu Tư đã từng thông dâm với mẹ vợ... Có người hát ở đường cái rằng: “Trạng Nguyên Trư, Nguyễn Nghiêu Tư” nghĩa là “Trạng nguyên lợn, Nguyễn Nghiêu Tư”

Té ra ngày xưa có cả ông nghè lợn.

Đêm đen.

Chẳng thấy gì. Chỉ nghe tiếng con lợn Bò ngáy ngoài chuồng lợn... và tiếng vợ ta thở dài trong giấc mơ.

Ta ngủ sao nổi. Cứ nghĩ vẩn vơ mãi. Có ai thì thầm trong óc: “Hãy suy nghĩ cho kỹ. Có phải anh cùng một duộc với Nguyễn nghiêu Tư hay không?”

Thằng Linh mê ngủ bỗng thét lớn: “Đồ tể! Đồ tể!” Và con lợn Bò giật mình cũng rống lên hồng hộc.

Ta bịt tai lại. Phải rồi! Đúng rồi! Ô nhiễm! Đúng nhà ta đang bị ô nhiễm như hôm nao Tám đã tiên tri.

Ngày... tháng...

Nói theo kiểu cô Sagan nước Pháp: “Chào cái buồn”. Còn nói theo kiểu của ta: ”Thôi, cút đi, cái buồn” . Ừ, ta cần gì cái buồn, ta cần cái vui cơ. Thì vui. Thì say sưa. Một người bạn rủ ta đi uống rượu, nào ta đi uống cho say.

Bạn ta tổ chức một tiệc rượu. Có hoa, có ảnh, có đàn, có hát, có bánh ga tô... có lòng lợn, có tiết canh, có xôi, có thịt... có họa sĩ, có giáo sư, có nhà thơ, có nhạc sĩ và nhiều người cầm bút. Đây, cái lương tâm thời đại. Đây, cái gương mặt Hà Nội... Người bạn già vẽ phố đồ, mặt siêu... Tiếng lạnh lốt ngâm thơ về một dòng sông mộng mơ cổ kính Người ta luận đàm về những phạm trù triết học, sử học ...

Xin lỗi các bạn. Tôi không nhớ gì cả, tôi không cần gì cả, lúc này, chỉ mỗi một điều tôi thèm khát: cái vui. Và cả theo định nghĩa của tôi, người ta chỉ vui khi người ta thật, nghĩa là ta lột vỏ, là ta nguyên hình, là ta bình đẳng, là ta... tuyệt đối. Hãy tung hê hết mọi ước lệ, mọi quá khứ, mọi qui định, mọi trói

buộc... để trở về với cái thần ngây thơ và lung linh. Những phút hiếm.

Giấc mơ xác định nhân dạng tôi: "Anh là Người Lợn". Hỡi ôi! Tôi đích thực là giống thô bỉ. Chối sao được. Có người định nghĩa tôi: thằng hề. Có bạn bảo tôi: thằng khùng, thằng say. Một nhà nhân đạo chủ nghĩa nhận xét tôi: thằng gàn... Tôi biết chọn tính từ nào để mặt cho hợp cái dáng lom thom gày guộc, để đắp cho tròn cái típ người – phôi lép kẹp. Tôi biết chọn thứ ngôn từ phần son nào để xoa kín những nếp nhăn nhỏ trên khuôn mặt quắt queo xám ngoét hằn in những dấu vết của số phận nguyên rủa. Không! Tôi không thêm phần son. Tôi thêm khát một loã thể, dù một loã thể nhăn nheo. Trong những giấc mơ xưa, tôi bị chôn sống trong một đồng ngôn từ óng ánh sắc cầu vồng. May mà tôi thức dậy kịp. Bây giờ thì tôi dị ứng sắc cầu vồng.

Cám ơn các bạn đã tặng tôi thứ tính từ xám xám. Tức là các người đã nhân đạo với tôi, đã thể tất cho tôi. Cám ơn! Cám ơn!

Nhưng có lẽ các bạn không hiểu, trong khoảnh khắc tiếc ấy, tôi đã nhìn thấu sự trần truồng; không gian trần truồng và người trần truồng, tôi uống rượu. Tôi đã xem tướng và ngây thơ muốn giao cảm với các bạn:

- Sao mọi khi anh thành thật, mà lúc này anh dối trá?

- Cớ sao anh run rẩy và cổ kính?

- Đừng có lên mẽ ông tướng, dù là phò mã. Hãy ngồi cho bằng tròn, ngang phẳng, và dốc chén cho

cạn. Chén rượu sẽ làm con người thực sự bình đẳng, anh em.

Tôi bảo:

- Ta là thế giới.

Bạn ta chinh lại:

- Ta là dân tộc.

Tôi khẳng khẳng:

- Ta là bất đồng.

Tôi muốn nói đến “vết cắt”. Một lưỡi dao sắc ngọt xả đôi ta ra... Vết cắt tức là giã từ, là siêu vượt, là lột xác, là trở về cái đích thực ta, cội nguồn ta. Ôi! Giã từ thật khó khăn. Ai thét lên như người đau đẻ? Ai giơ dao lên đâm chém tương tàn trong trái tim ta? Tôi say như muốn khóc lên trong cõi bơ vơ. “Ta là dân tộc”. “Không! Ta là thế giới”.

Giã từ sao mà đứt ruột. Nhớ chứ! Yêu chứ! Tôi vẫn yêu con sông Đuống mộng mơ của anh, bởi vì chính từ con sông nên thơ ấy, ta mới hành trình đến được “vết cắt”. Tôi cũng yêu cả những dãy phố nghiêng nghiêng cổ kính của anh, bởi vì nó là khởi đầu “vết cắt”. Tôi yêu cả cái dân tộc của anh, bởi vì chính chúng ta đã chấp chững tập đi, tập nhảy từ cái phạm trù thần thánh ấy. Nhưng ta không dừng lại ở những bước đi, điệu nhảy; chúng ta còn muốn vươn lên khoảng không bao la, muốn vươn khỏi cái hạn hẹp để hành trình đến cái đích thực nhân đạo.

- Tôi đếch cần mọi thứ linh thiêng.

- Thăng say nói bậy.

- Bậy nhưng mà vui.

Ta vui trong nỗi lo âu run rẩy, bởi vì ta là nô lệ, ta là hèn hạ.

- Tôi đeo vào sự nô lệ.
- Tôi đeo vào cái buồn.
- Tôi đeo vào sự vô sỉ.

Bạn ơi! Tôi đang kể cho bạn nghe về con lợn Chiến Sĩ đó. Thật ngoắt ngoéo. Thật mập mờ. Nhưng mà vui. Bởi vì trong cái mập mờ, ta đã nhìn thấy, qua tấm màn tuyn, một loã thể, một trần truồng: đó là cái vui.

Tôi cứ mê man đi trong cái nửa thật, nửa mơ như vậy. Cái bảng lảng theo chiếc xe đạp chệnh choáng của tôi diễu binh trên phố vắng đêm Hà Nội. Đến tận mười hai giờ khuya, tôi mới lần được về đến trước cửa nhà tôi.

Thằng Linh vẫn nằm đọc Trang Tử, nó thò đầu ra khỏi màn và hỏi:

- Bố ăn cơm chưa?
 - Tao mới chỉ uống rượu.
 - Bố say rồi.
 - Có để phần cái gì không? Có lẽ nhắm ít ngũ cốc vào bụng là hết say.
 - Hôm nay không có gạo bố ạ.
 - Thì mì sợi.
 - Mì hết.
 - Thì sắn.
 - Mẹ không có tiền mua.
 - Thì tớ nhịn vậy.
- Thằng con tôi chột cười:
- Có món đặc biệt đây bố ạ.

- Thứ gì?
- Hôm nay, con thử nấu cháo bằng cám ngô.
- A! Ăn tranh của lợn.
- Cám ngô rắc ít tóp mỡ. Ngon tuyệt! Thơm phức! Béo ngậy!

Thế là hành trình của tôi đã đi từ một bữa tiệc đến một bữa cháo cám. Bát cháo cám chợt làm tỉnh cơn say. Cuộc hành trình bắt đầu từ một cơn vui điên cuồng đi đến một lặng lẽ tư lự. Chắc hẳn tên gọi của nó là: Cái buồn. Tôi nhắc lại câu nói của Sagan: “Chào cái buồn!” và nước mắt tôi ứa ra. Tôi uống rượu trong khi các con tôi ăn cháo cám, tranh phần lợn. Có thể gọi đó là tội lỗi. Đừng có bẻm mép lý thuyết thêm nữa; đừng tìm cách biện hộ. che giấu. Trong lúc này, không lo đủ miếng ăn cho lũ con, đó là tội lỗi. Có sao anh phê phỡn. Anh dừng dừng chẳng? Anh còn lo hão những chuyện to tát đâu đâu chẳng? Anh còn tự phỉnh nịnh ru ngủ bằng cái nghèo đẹp đẽ, bằng những ngôn từ vĩ đại sáo rỗng đến buồn nôn chẳng? Anh là kẻ vô sỉ, thứ Người – Lợn. Tâm hồn tôi rung rức khóc; và những giọt nước mắt nóng hổi tràn rụa trong lòng khiến toàn thân tôi rung lên.

Ôi chao! Sao ta bất lực.

Ngày... tháng...

Vẫn chiến tranh lạnh. Suốt ngày tôi không nói với vợ con một câu. Suốt ngày tôi ngồi im lặng trong chiếc ghế bành cà khổ ấy, và buồn rầu lạc vào cái

vương quốc tưởng tượng mà chỉ mình tôi biết, ở đó cả lũ quỷ và cả những ông thánh đều là những vị khách thân quen.

Không hiểu sao hôm nay tôi lại lạc về căn phòng hỏi cung trần trụi mà tôi đã nhiều lần phải có mặt.

Tôi nhớ đó là cuộc hỏi cung lần thứ hai mươi thì phải. Người cán bộ an ninh đeo kính trắng hôm ấy có vẻ nóng nảy sốt ruột, đó là một tâm lý mà người hỏi cung thường không bao giờ để lộ ra trên nét mặt hay sắc điệu của giọng nói.

Anh ta nhìn tôi chăm chăm, không chớp mắt. Tôi biết mình đang nằm trong một giai đoạn đấu tranh kịch liệt nhất, và anh ta quyết định đánh gục tôi hôm nay. Anh mắt anh ta nóng bỏng áp đảo, còn ánh mắt tôi cố giữ vẻ điềm tĩnh phớt đời. Anh mắt thôi miên ấy bỗng lóng lánh vẻ tinh quái:

- Này, có phải anh tự cho rằng anh chỉ là con người ưa trầm tư suy ngẫm chứ không phải con người muốn hành động?

Tôi đột nhiên bị lúng túng, vì không hiểu ẩn ý của câu hỏi là gì? Phải chăng anh ta châm biếm chế nhạo tôi? Phải chăng trong câu hỏi có gài một cái bẫy? Tôi nghĩ ngợi rồi trả lời:

- Nói chung ai chả hành động ...
 - Không nói chung. Riêng anh thì sao?
 - Tôi ư? Cũng thế thôi. Nhưng không phải hành động chính trị.
 - Này, thế cái “*Que faire*” thì sao?
- Tôi chợt nhìn anh ta trừng trừng

- Anh nói gì?
- *Que faire*.
- A...a ...

Tôi choáng váng không tin ở tai mình nữa. Và hai tiếng “*Que faire*” như một điệp khúc bỗng vang vang trong trí não tôi. Thì ra họ biết cả chuyện ấy nữa ư? Một cảm giác vừa tức giận, vừa sợ hãi, vừa buồn bã bỗng xâm chiếm toàn thể con người tôi, chắc nó đã làm cho gương mặt tôi sạm lại. Anh ta tiến công tôi liên tục không cho tôi kịp hồi tỉnh:

- Người ta đã khai hết cả rồi. Ngay cả X người cầm đầu cũng khai lời nói của anh ra. Vậy mà anh, anh còn cố quanh co che giấu cho họ làm gì? Sao anh dại vậy. Trong nhóm chống Đảng anh chỉ là một quân tốt đen. Người ta thí tốt, vậy thì anh cần gì phải bảo vệ cho họ ...

Tôi lặng lẽ ngồi trước tờ giấy trắng. Và trong óc tôi thì dấy lên biết bao ý nghĩ ...

Hôm đó, gia đình tôi tiếp khách. Khách gồm có anh X, một cô bạn gái mà một thời tôi đã yêu, một anh bạn trai viết văn vốn là bạn nối khố với tôi. Về phía gia đình có tôi và vợ tôi.

- Anh nhớ lại đi, hôm ấy X mang đến chai rượu Liên Xô, vợ anh rang lạc, còn cô bạn gái pha cà phê ... có đúng không nào? Tiếng nói của anh cán bộ an ninh gợi ý như muốn đưa cho tôi một cái cột mốc để níu lại những bóng mờ dĩ vãng.

Tôi cần gì một điểm bầu vú. Buổi hôm ấy tôi nhớ rành rành.

Que faire? (Làm gì?)

Que faire? (Làm gì?)

Đó là tên cuốn sách của một nhà văn nổi tiếng Nga thế kỷ 19. Tôi không phải người sinh dùng tiếng nước ngoài nhưng bởi vì tôi chú ý đến câu nói đó, mà hai tiếng *Que faire* lại gợi cho tôi một âm hưởng đặc biệt nên tôi cứ hay dùng hai chữ đó để thay thế cho hai chữ làm gì. Thú thực, tôi đã cố gắng đọc cuốn tiểu thuyết đó mấy lần, nhưng chịu không đọc nổi, đọc vào cứ bật ra, không nhớ nổi nội dung câu chuyện. Có lẽ cuốn sách không hợp khẩu vị của tôi. Nhưng điều kỳ lạ, cái tên cuốn sách lại hấp dẫn tôi ghê gớm. “Làm gì? Làm gì?”. Tôi cứ hay thầm nhắc trong óc câu hỏi ma quái đó. Lắm lúc trong những đêm trắng nằm băng quơ buồn rã rượi tôi lại cứ tự hỏi tôi “Làm gì đây? Làm gì?”. Ô hay! Đời đang vui, đời đang lên, sao ta lại hỏi “Làm gì?”. Số kiếp tôi là số kiếp những kẻ mua dây buộc vào mình nên cứ hay lẩn thẩn như vậy. Khi con người ta đứng trước đông tố, đứng trước một bước ngoặt, đứng trước cái sống và cái chết, phải đối mặt giữa cái thiện và cái ác, thì câu hỏi “làm gì” là câu hỏi của lương tri. Lúc đó con người phải lựa chọn, phải tra vấn lương tâm mình, phải ra quyết định cho thái độ của mình. Lúc đó, biết mà dửng dưng, mà trốn chạy câu hỏi đó lại là một tội ác.

Tôi là thằng điên, hay thằng gàn, hay một kẻ mộng du... vì thế chính cái hôm ấy, trong bữa ăn vui, tôi đã hỏi mọi người:

- *Que faire?*

- Sao?

- Làm gì?

Vợ tôi lẽ dĩ nhiên im lặng vì không phải lĩnh vực của cô ấy. Người bạn nổi khổ của tôi thì lặng lẽ buồn rầu. Anh X thì nắm tay tôi thông cảm:

- Hoàng nghĩ vậy là phải.

Còn người đàn bà có một thời đã yêu tôi, thì lúc tôi tiễn cô ra về, đã nói:

- Hoàng ơi! Hoàng vẫn kỳ cục như xưa.

- Nghĩa là cô đã thất vọng vì tôi chẳng.

- Sao lại thất vọng. Có lẽ càng thích thêm thì có.

- Đừng có đùa.

- Mình nói thật. Thấy tiếc Hoàng rồi đó.

- Lúc nào cũng đùa dai.

Tôi quay đi để tránh những kỷ niệm cũ bỗng hiện về. Và người bạn gái thờ dài bắt tay tôi từ biệt.

... ..

Tiếng người cán bộ an ninh khêu gọi cắt đứt dòng suy nghĩ của tôi:

- Đây, hành động bắt đầu từ buổi họp mặt hôm ấy. “Làm gì” đó là những câu hỏi để dẫn tới những kế hoạch, chương trình, dẫn tới những giải pháp tổ chức. Hôm ấy X có nói: “Không tổ chức! Ở Xã hội chủ nghĩa tổ chức là chết”. Hắn ta làm động tác giả đây. X là một con cáo già, đã tù Tây ở Sơn La, đã tham gia hoạt động thời bí mật, hắn hiểu rõ hoạt động chống đảng không thể bàn ở một cuộc họp như vậy, mà phải cực kỳ bí mật, khéo léo...

Thực ra trước khi anh hỏi “làm gì”, hắn đã có sẵn một tổ chức chống Đảng rồi.

Tôi không nghe thấy tiếng hắn nữa, dòng suy nghĩ của tôi làm chìm tiếng nói của người cán bộ an ninh đi. Lúc này trong tôi là day dứt.

Chúng tôi năm người hôm ấy. Vậy thì ai là người đã khai chuyện đó ra với an ninh? Anh X ư? Vô lý, đó là người mà nhân cách của anh tôi vô cùng kính trọng. Anh bạn nối khố của tôi ư? Hay là người bạn gái thân thương đã một thời dan díu cùng tôi? Vô lý! Vô lý! Hay là vợ tôi? Máu ghen của người đàn bà... Sự trả thù của người đàn bà... Sự yếu đuối của người đàn bà... Kể cả có thời khi tôi đã sa cơ thất thế quá chừng, khi tôi đã là kẻ khố rách áo ôm, khi tôi luôn bị rình rập đe dọa... thì... thì tất cả đều có thể lắm chứ... Chính vợ tôi đã kể lại cho tôi nghe rằng một bà phó giám đốc đã thương vợ tôi hồng nhan bạc mệnh, lấy phải thằng văn sĩ gàn mà phản động, nên đã giới thiệu cho cô ta gặp gỡ một cậu thiếu tá công an... Cũng chẳng hiểu cái duyên nợ nào đã trói buộc cô ta ở lại với tôi.

... ..

Trong chiếc ghế bành tả tơi rách nát ấy, tôi liên tục rít thuốc Lào để lạc về những hồi ức tối đen, chúng từ những đáy thăm lẫm quên lờm cộm thức dậy, làm trĩu nặng lương tâm, tạo ra những màn khói ngờ vực hận thù kéo mờ ý thức.

“Làm gì?”

“Làm gì?”

Câu hỏi khi xưa lại trở về tra vấn tôi. Tôi chột thở dài. Cũng may ở đời còn có câu hỏi đó.

Ngày... tháng...

Tôi vẫn đêm ngày ngồi trên chiếc ghế bành cà khổ để suy ngẫm, để kết tội mình, để kết tội người, để cho độc tố của sự căm giận thấm dần vào từng thớ thịt từng tế bào. Phải chăng thứ nọc độc quái quỷ ấy đã tạo ra một khoái cảm nào chăng? Có thể là như vậy, bởi vì có như thế thì tôi mới chịu đắm mình lâu như thế để tắm đắm cái thứ nước nhờ nhờ nhớp nhúa ấy, cái thứ nước có lẽ người ta vừa thấy thích vừa thấy ghê ghê. Con xung nộ âm ỉ ấy làm những giác quan bên ngoài của tôi hầu như bị tê liệt: lưỡi tôi đắng chát ăn chẳng biết ngon; tai tôi dửng dưng với mọi âm thanh, mọi thứ tiếng lợn kêu, người nói lúc này chỉ là những âm sắc thấp cao không ý nghĩa; mắt tôi chỉ thêm những bóng mờ; còn mũi tôi thì điếc đặc. Tôi khoá kín tôi trong cái hình hài lom thom gày guộc để nó tự giã rũa tuyệt vọng, tự tìm ra lối thoát bằng những hồi ức, những liên tưởng, những độc thoại... Ừ! Tại sao nhỉ? Tại sao tôi lại tập trung vào cái người đàn bà đã sống hơn hai chục năm cùng tôi? Tại sao tôi lại trút nghi ngờ, và căm giận lên đầu cô ta. Vì cô ta đã làm vỡ nát cái ảo vọng cuối

cùng của đời tôi chẳng? Vì cô ta đã phá vỡ nốt cái lô cốt cuối cùng, cái tế bào gia đình mà tôi đã cố công xây dựng làm ốc đảo của đời mình chẳng? Có thực là cô ta đã phản bội tôi không? Cô ta đã nói nhịu, nói lơ mồm: “Không khéo rũ tù!”. Rồi cô ta lại bữu môi, cái bữu môi đầy hàm nghĩa. Có người bảo rằng cái nói nhịu mới là những ý nghĩa thâm kín trung thực nhất của con người mà bao giờ con người cũng cố giấu kín đi. Vậy chắc chắn, trong thăm sâu, cô ta muốn tôi đi tù. Chắc chắn, trong thăm sâu, cô ta căm thù tôi. Thế đấy! Sự thực cay đắng đến thế đấy. Nhưng, cũng có thể lý giải tình cảm theo một cách khác. Có thể cô ta chỉ là một cái cớ để trút giận. Thực ra tôi oán giận một cái gì đó to lớn hơn, bao trùm hơn, và tôi đã chuyển di nỗi hờn giận ấy lên cô ta. Người đàn bà mềm yếu đáng thương của tôi chỉ là một cái thùng để tôi nôn mửa những nọc độc ghê tởm chán chường của cuộc đời mình vào đó chẳng... Và nếu như vậy, đối với cô ta tôi đã bắt công, và có tội...

Những ý nghĩ giằng xé ấy cuối cùng đã dẫn tôi đến một liều thuốc ngủ. Cũng may, liều thuốc ngủ tôi có trong tay chỉ đủ để tạo cho tôi một giấc ngủ dài suốt một đêm ngày.

Giấc ngủ triền miên ấy là một liều thuốc an thần; cũng may loài người cơ cực còn có giấc ngủ xoa dịu; nó đẩy lùi mọi đắng cay, chôn vùi mọi thất vọng vào tận thăm cùng những miền âm ti sợ hãi, nó tắm rửa sạch sẽ những bụi bặm của kiếp sống, khoác cho tâm hồn ta một bộ áo tươi mát, đôn hậu, ban cho

ta một tinh lực mới để khi tỉnh dậy ta mới có đủ can đảm để sống tiếp.

Tôi đã may mắn gặp được giấc ngủ đầy ơn phước và quên lãng ấy. Khi tôi tỉnh dậy thì lòng tôi chỉ còn một chút bụi ngùi. Giá như tôi lại tiếp tục nhận được những kích thích mới, có thể tôi sẽ điên rồ trở lại. Nhưng, vợ con tôi đều lặng lẽ và ân cần; có thể họ đã bàn luận với nhau trong khi tôi ngủ, có thể họ còn chút thương tôi, còn chút luyến tiếc với cái ốc đảo mà họ đã cùng tôi bao năm chắt chiu xây dựng; và tôi chắc rằng trong tôi cũng còn chút lương tri, tôi cúi đầu xuống tránh gặp ánh mắt ngơ ngác dò hỏi của vợ tôi Cầu xin cho màn sương lãng quên đôn hậu hãy phủ xuống chúng tôi, để xóa kín những vết rạn nứt của kiếp sống bọt bèo; cầu xin cho sự bằng an đã bao năm ở cùng chúng tôi lại trở về trên ốc đảo, xứ thiên đường ảo tưởng của chúng tôi...

Ngày... tháng...

Thường dễ đã nửa tháng, hôm nay tôi mới lại ngó đầu vào chuồng lợn. Tôi giật mình; con lợn Bò của tôi đang đứng sững im lặng trước chậu cám, vẻ tư lự. Tôi gọi:

- Linh ơi! Lợn làm sao? Hôm nay, con lợn Bò không ăn.

Linh cười:

- Cậu ấy làm điệu đấy. Thùng tóp mỡ voi rồi. Hôm nay, cám ít tốp mỡ nên cu cậu biếng ăn

- Sao không cho thêm vào? Được đến đâu, hay đến đó. Hết lại tính sau.

Linh rầu rầu:

- Bố không biết là nhà ta đã hết gạo, hết tiền phải ăn cháo cám ư? Và cả cám ngô cũng sắp hết. Lợn biếng ăn là dĩ nhiên. Mẹ con bảo: người trước tiên... sau đó mới đến lợn.

Tôi im lặng, nhìn chú lợn Bò. Con Bò nghiêm trang nhìn tôi như muốn bảo:

- Các người đã ăn tranh tốp mỡ và cám của ta.

Tôi bực bội với con con lợn láo sược:

- Chính người mới là kẻ ăn tranh phần của chúng ta. Chúng ta phải làm quần quật để nuôi người. Con ta hết cái ăn; còn người, mỗi ngày ta vẫn phải cung phụng cho hàng chục bạc.

- Khi ta mới về, người săn sóc, chăm chút ta, ta cứ tưởng người là kẻ thông hiểu sự đời. Mi tưởng ta hèn hạ ư? Hãy nhìn vào cơ bắp ở vai ta, ở lưng ta, ở hông ta... Hãy nhìn vào chiếc miệng bệ dứa to lớn của ta... Mi thấy chưa? Ta là quý tướng.

Rồi con lợn bỗng cười to, và giọng nói trở nên hùng hồn, kỳ dị:

- Quý tướng! Người biết không? Rồi... ta sẽ là bão tố... là khủng khiếp... là tuyệt đối... là tất cả... Người hãy chiêm nghiệm lời ta... Rồi sẽ thấy. A, mà ta cần gì tranh cãi nhỉ... Bây giờ đây, ta đang chỉ

cần tăng nhanh sức vóc của ta... Rồi ta... tương lai... tương lai sẽ là của ta... Tất cả sẽ là của ta...

Tôi ngây người, có pha chút sợ hãi trước những lời tiên tri đầy bí ẩn và quỷ quái của chú lợn lông hung vàng, mà trước đây tôi cứ tưởng là ngây ngô, chẳng biết gì.

Con lợn Bò bỗng không thèm nhìn tôi nữa. Nó cúi xuống, và mặc dù trước mặt nó là máng cám đầy bèo, nó cũng ăn ngon lành. Nó ăn với một tốc độ kinh hoàng. Tộp! Tộp! Tộp!... Nó ăn như vỗ tay reo, không ngơi nghỉ. Tộp! Tộp! Tộp!... Tiếng ăn ròn rã tưởng như súng nổ liên hồi. Tôi ngây người nhìn con lợn. Thật hay là ảo? Có phải, đúng là con lợn đã nói với tôi lúc nãy? Một thoáng gai gai, rờn rợn, chạy dài suốt dọc sống lưng tôi. Kia! Cái máng ăn đã như chùi sạch nhẵn. Con lợn Bò ngược mắt nhìn tôi bằng đôi mắt to màu nghệ hay màu trắng nhợt. Ma quái!

Ngày... tháng...

Ít lâu nay, Tám liên tục viết cuốn Bách Khoa Lợn. Nhà giáo hí hửng trao cho tôi một đoạn bản thảo. Anh nói:

- Đoạn này, tôi nghiên cứu chồng chéo sang cả lĩnh vực ngôn ngữ học. Có lẽ... thú vị chẳng?

- Nhà sinh vật cả gan thật! Dám đặt chân sang cả mảnh đất ngôn ngữ. Không sợ cấm địa sao?

Tám dụt dè:

- Thì cũng thử một chút xem sao.
Tôi đeo kính, trang trọng cúi đọc.

Đồ tể

Tìm từ nguyên của từ “đồ tể” thấy gồm hai thành tố: tiền tố đồ và hậu tố tể.

Riêng hậu tố “tể” chỉ thấy hiện diện trong hai từ khác: chúa tể và tể tướng. Hoá ra anh làm nghề giết lợn lại có họ hàng gần với những bậc chí cao: ông vua và quan đại thần tột bậc. Họ gần gũi nhau ở điểm gì? Xét cả ba nghề làm vua, làm quan, giết lợn, thì thấy cả ba giống nhau ở chỗ đều có quyền giết chóc kẻ khác. Vua và tể tướng có quyền giết dân, đồ tể có quyền giết lợn. Giết người là một quyền uy to lớn nhất, tối cao nhất trong mọi quyền. Suy cho cùng, có thể nói nghề vua quan cũng là một thứ nghề đồ tể; chỉ có khác, đối tượng giết ở đây là con người.

Thế mà nghề đồ tể lại bị khinh rẻ. Ngày xưa, nhà Mạnh Tử ở gần nhà đồ tể, Mạnh Tử bắt chiếc chộc tiết lợn; mẹ Mạnh Tử là hiền mẫu, không muốn con tập nhiễm thú tính, bà liền dời nhà đi nơi khác. Xã hội khinh rẻ kẻ chém giết lợn, cho là kẻ thất đức nên trước chữ tể đặt thêm chữ đồ. Đồ lưu manh, đồ ăn cướp trong hai từ ấy, tiền tố đồ dùng để chỉ sự khinh miệt. Người ta khinh kẻ giết lợn, nhưng lại trọng kẻ giết người. Trong thiên hạ, ai cũng ham

ngôi chúa tể, ngôi tể tướng. Than ôi! Một thang giá trị đảo điên!

Riêng tôi, tôi vẫn giữ lại trong ký ức hình ảnh người đồ tể thời xưa. Đó là một con người to lớn, vạm vỡ, mặc bộ quần áo nâu cứng đờ vì vấy máu. Xóm tôi ở gần Lò Lợn, mà mẹ tôi không phải là một hiền mẫu như mẹ Mạnh Tử, nên hình ảnh người đồ tể xưa in rất đậm nét trong bộ óc thời thơ ấu của tôi. Một điều ta dễ thấy là anh đồ tể nào cũng hay uống rượu. Anh đồ tể của tôi thường đi chệnh choạng trên hè phố, mặt lăm lỳ, mắt đỏ ngầu, tay xách cái bị rủng rỗng những dao nhọn. Gặp người say, trẻ con thường hay chòng ghẹo, riêng đối với anh đồ tể, dù anh ta say khướt cũng chẳng đứa trẻ nào dám lơ mơ, ho he. Tôi còn nhớ rất rõ, cứ mỗi khi thấy bóng anh ta ở đầu phố, là lũ trẻ con lảng xa ngay. Anh đồ tể bước ngang qua cửa nhà tôi, đôi mắt vắn tia đỏ của anh nhìn thẳng vào mặt tôi, tôi vội vàng run rẩy cúi xuống. Chợt nhớ tới câu thơ xưa của Hàn Mặc Tử:

... Run như run thân tử thấy long nhan...

Ngày xưa, khi nhà vua du hành qua, thì người dân ai cũng phải quì rạp xuống, cúi đầu xuống, không được phép nhìn. Nhìn Vua là mắc tội khi quân. Anh đồ tể cũng có phong khí một ông Vua, nên ai ai cũng phải run sợ khi thấy anh ta.

Có lẽ dần dần con người đã nhận ra được cái quyền uy đặc biệt ấy ở nghề đồ tể, nên con người hiện đại đã thay đổi cách nhìn đối với nghề giết lợn. Cũng có thể, tính chất đồ tể của xã hội hiện đại ngày càng mạnh, nên người ta không những không ghét,

mà trái lại người thời nay quay trở ngược lại thích thú nghề giết lợn. Cũng có thể, vì ai ai cũng thích làm Vua, làm quan, nhưng ngôi vị Vua, quan lại quá ít, mà người thêm khát ngôi vị ấy lại quá nhiều, nên con người đã vô thức chuyển di sự thèm khát của mình sang nghề đồ tể. Như ta đã biết cả ba nghề ấy đều có quyền chém giết như nhau, song nghề Vua quan dù sao cũng phải chém giết một cách lịch sự, một cách gián tiếp, giết thế cũng hả đấy nhưng không được nhìn thấy dòng máu đỏ phụt ra... Còn nghề đồ tể thì lại khác, anh đồ tể ngày nào cũng được giết, mà lại giết một cách trực tiếp. Những xung động hung hãn nguyên thủy như thể chắc được thỏa mãn hơn, kẻ đồ tể chắc thấy “đã” hơn anh quan, anh Vua. Vì dù sao thì cũng là máu, máu người, máu lợn đều đỏ như nhau...

Cái chất Trư Bát Giới hiện đại đang được xõng xích. Dục vọng hiện đại đang sôi như bão lốc. Nhưng có điều phải tinh ý, anh đồ tể hiện đại rất khó phân biệt với người thường. Phải nhớ, anh ta không mặc bộ quần áo nâu cứng máu như thời xưa, và mắt không lơ lơ vằn tia đỏ như ngày xưa. Tôi đã được hân hạnh dự một cuộc liên hoan ngoài Lò Lợn gần đây.. Những chàng đồ tể hiện đại trông như những thư sinh, thân thể thon thả trong những bộ trang phục đắt tiền nhất, hợp thời trang nhất... Họ biết uyển chuyển nhẩy những điệu vũ rất uốn éo và cũng biết cầm cả những cây ghi ta xanh đỏ để hát những bản tình ca mùi mẫn...

Mà cứ gì anh đồ tể. Chúng ta hãy tự lặng lẽ suy ngẫm về mình. Tại sao ta chẳng nói rằng bất cứ ai cũng có thể là anh đồ tể. Con người hiện đại yêu cuồng đại, mà căm thù cũng cuồng đại, vì thế trong tim ai cũng đều lấp ló một anh đồ tể.

*

* *

Thực ra, anh bạn Tám của tôi đã viết một bài nghiên cứu có tính xã hội học. Đọc xong bài viết, cứ thấy nhức nhối trong lòng. Cứ nhớ mãi câu kết: “Trong tim ai cũng đều lấp ló một anh đồ tể.” Tôi chợt cảm thấy một nỗi buồn thấm thía. Ân hận chẳng? Té ra tôi là một anh đồ tể, tôi đã chọc tiết tâm hồn vợ con tôi. Tôi biết mấy đêm nay vợ tôi vẫn khóc thầm khi tôi ngủ. Đêm nay, tôi chợt giật mình thức giấc giữa đêm khuya. Có một tiếng động gì tằm tức bên tai. Tôi lắng nghe và hiểu ra, tôi nằm lặng, cứng đờ. Đằng sau lưng tôi người đàn bà đang nức nở... Có thể sự xấu hổ, sự tự ái đã bắt tôi nín lặng. Có thể tôi không đủ trơ trẽn để tự cho mình là cao thượng, để làm lạnh với nàng. Cũng có thể tôi không đủ đạo đức giả để tin mình là không độc ác, để cho rằng sự giận hờn, sự nghi ngờ đã tan biến trong tôi.

Tôi nằm im bên tiếng tằm tức với nỗi sầu muộn, với sự sợ hãi và không phải là không có niềm thương xót. Và cuối cùng không chịu nổi tiếng tằm tức ấy, tôi ngập ngừng quay lại, giơ tay đặt lên mặt nàng. Có

lẽ đêm tối làm bàn tay run rẩy của tôi quên xấu hổ, nó nhẹ nhàng xoa khô những giọt nước mắt trên má người đàn bà, rồi lặng lẽ nhẹ nhàng trườn lên mí mắt, và bò xuống vành tai, cái vành tai đầy đặn, cái vành tai đẹp, cái vành tai quý tướng mà nàng vẫn thường khoe và vẫn thường thích tôi mơn man nhẹ nhàng trên đó.

Người đàn bà lặng im để yên cho tôi ve vuốt khuôn mặt. Nàng đã thôi khóc. Khi bàn tay mơn man đến vành tai thì có lẽ sự thờ ơ, sự xấu hổ trong nàng cũng tan biến. Cái thân thể nóng hổi của người đàn bà chợt run rẩy trong tay tôi.

Thân xác con người đôn hậu hơn tâm hồn. Nó rộng lượng hơn và bao giờ nó cũng đi đầu trong những cuộc làm lành. Nó là người thợ hoá trang rất tài tình, nó biết khâu lại xoa kín đi, những rách nát đời người. Nó là nhà ngoại giao uyển chuyển có thể làm xích lại, thoả hiệp những xung đột tưởng chừng như không hoà giải. Một nhà ngoại giao không cần lời nói, nhà ngoại giao của những bàn tay và những làn da.

Nàng có một làn da rất đẹp, một làn da trắng mịn ngọc ngà, một làn da mát mẽ đầm ấm, một làn da mà tôi quên lãng bao lâu. Nàng có một hốc nách ngai ngái, cái hốc nách mà tôi vẫn chúi mũi vào để khơi gợi cái khao khát trong nàng thức dậy. Người đàn bà giang rộng vòng tay đón nhận tôi. Tôi lặng lẽ đi vào bên trong thăm sâu nàng. Tôi đi vào một cách vụng về, không háo hức. Hình như thân xác tôi còn mơ ngủ, mới chỉ nửa chừng thức dậy. Còn nàng nàng

đã tha thứ hết. Tôi hiểu vậy, làn da nàng nói như vậy, thân xác run rẩy của nàng nói như vậy. Nàng đầm thấm gọi hồn tôi về nhập vào cuộc giao hoan. Tôi ra sức chiều nàng, cố đáp ứng lại nàng... song... lạ chưa! Tôi vẫn như kẻ mộng du trong cơn ân ái. Sự cố sức ấy chẳng thể đánh thức nỗi khoái cảm thức dậy trong tôi. Tôi âu lo... còn nàng thì ngờ ngàng. Tôi úp mặt vào đôi vú tròn trịa và thở dài... Bỗng dung nàng chợt hiểu... có thể nọc độc của những hờn căm dai dẳng đã làm tê liệt những cảm xúc rất người trong tôi. Có thể ở một góc tối nào của tâm hồn tôi còn bị che phủ mờ, nó vẫn còn chối bỏ sự xoa dịu. Một con vật thâm kín nào đó thức dậy trong tôi, nhưng cũng có một con vật thâm kín nào khác còn ngủ lịm trong tôi. Một cuộc giao hoan thâm thương!

Tôi nằm lặng song song bên nàng, mắt nhìn trân trân vào bóng tối. Còn nàng bỗng dung nức nở. Nàng ôm lấy tôi và nức nở. Tội hận vì cho mà chẳng được nhận chẳng? Lo sợ một cái gì khủng khiếp đã xảy ra trong thân xác tôi chẳng? Thương chẳng? Giận chẳng? Tôi lặng lẽ vuốt ve làn da trắng mịn. Làn da run lên khi gặp tay tôi. Làn da ngọc ngà cũng biết đắng cay. Sự thương xót bỗng dâng lên tràn ngập. Tôi vuốt ve, vuốt ve và thì thầm: Nín đi em! Nín đi em!

Ngày... tháng...

Lợn Bò định âm mưu gì? Nó làm làm lì lì. Tôi đứng bên chuồng lợn ngắm nghía nó hàng tiếng. Mới chỉ lơ quan sát ít lâu, mà có cái gì đó khác lạ xảy ra với nó. Mọi khi thoáng thấy bóng tôi là nó đã chồm ngay lên, bám hai chân trước vào dóng tre và rống lên đòi ăn. Hôm nay, nó không làm thế, nó chỉ đứng lặng lẽ gườm gườm nhìn tôi như muốn nói “Tại sao ngươi cứ rình mò ta? Sao ngươi không để ta yên. Đây là chuồng lợn, hãy nhớ đây là chuồng lợn chứ không phải chiếc ghế bành cà khỗ bên bàn trà để ngươi ngồi tư lự”.

Ngày... tháng...

Vợ tôi lặng lẽ. Cuộc gặp gỡ thân xác đêm xưa vẫn không xoá nỗi nỗi buồn phiền. Cô ta hiểu im lặng lúc này là cần thiết. Cái kỷ niệm đêm hôm ấy thật quá ngớ ngàng, thật không tương hợp với những đồ vỡ quá ư to lớn trong đời sống vợ chồng. Giá như từ điểm xuất phát đêm xưa, tôi cố từ từ xích lại... chẳng này tôi cũng chỉ im lặng. Có lẽ vì vậy nên sự lặng lẽ của vợ tôi là đúng. Bắt đầu là im lặng, tiếp theo là lẩn tránh. Cả hai chúng tôi đều ít muốn đối diện với nhau. Lắm lúc, tôi cứ tự hỏi tại sao tôi lại im lặng. Có lẽ tôi lặng lẽ vì thân xác tôi muốn tôi lặng lẽ. Sự bất lực đêm xưa là một tín hiệu, một ngôn ngữ ẩn ngầm. Gượng ép để làm gì? Giả dối để

làm gì? Thân xác tôi nói vậy. Tôi để mặc cho nọc độc hờn oán trong từng tế bào li ti của tôi dần phai nhạt để biến thành nỗi phiền muộn ưu uất. Ước mong một ngày kia nó sẽ thăng hoa thành niềm thương xót... Cũng có thể sự lặng lẽ ấy là dư âm của những nghi ngờ, dư âm của một mơ ước bị lãng nhục... Cũng có thể nó là khởi đầu của sự dày vò hồi hận, của sự tự trừng phạt của một linh hồn nhạy cảm... Nào ai có thể hiểu cặn kẽ cội nguồn của nó.

Cậu con trai của tôi cũng lặng lẽ. Nó bị lây nhiễm vì không gian lặng lẽ. Cứ ở trường đại học về nhà, là nó lại trèo lên gác xép, cúi đầu vào đọc Trang Tử. Ô hô! Cái ông già Trang Tử, khi vợ chết, đem mâm ra gõ, mang nồi ra gõ, rồi cầm đàn vừa gảy vừa hát nghêu ngao, hoá ra cũng có chỗ đứng trong cái mùi sặc sụa, mùi lợn này sao?

Cả đến con lợn Bò cũng im lặng. Chúng ta im lặng còn có lý. Còn người sao người im lặng? Đúng là người vẫn đang âm mưu một cái gì.

Tám bách khoa đến chơi; anh chàng hình như đánh hơi thấy cái mùi lặng lẽ của nhà tôi. Anh chàng gàn ấy sộc ngay ra chuồng lợn, ngắm nghía chú lợn Bò, sau đó quan sát căn nhà tôi ở, rồi thốt lên khúc láy quái gở:

- Ô nhiễm! Ô nhiễm!

Tiếp đó, Tám thốt lên một từ ngữ la tinh khoa học gì đó nghe rất kỳ dị. Anh ta nói lầm bầm nên tôi chỉ nghe ra một thứ âm “nô nô ni ni” rất lạ tai. Tôi hỏi :

- Anh nói “nô nô ni ni” là cái gì?

Tám không trả lời. Hình như anh không nghe thấy lời tôi hỏi. Hay có thể nói, Tám đang bận tư lự một điều gì đó rất quan trọng. Tôi mời nước, Tám cũng không nghe thấy tiếng tôi mời. Tôi nhìn bạn, thương hại. Tôi thầm nghĩ: chắc Tám ốm. Hôm trước, tôi đến chơi, thấy Tám nằm đắp chăn trên giường; cửa đóng kín mít; nhà tối như hũ nút.

- Anh không đi dạy học hôm nay?

- Tôi xin nghỉ một tuần.

- Sao?

- Còn sao nữa? Chúng ta là một lũ lợn. Anh còn định bắt tôi dạy học sao? Tôi... rất thương lũ trẻ.

Tôi ôn tồn:

- Tám ơi! Anh ốm rồi đấy. Anh cần nghỉ ngơi. Có lẽ anh nên xuống ở với tôi. Anh ở đây một mình lữ ra ốm to, ai chăm sóc cho anh?

- Cám ơn! Tôi không ốm. Mà tôi cũng không thể nào xa căn phòng này được. Sống ở ngôi nhà lạ, tôi thấy bồi rối, khó chịu. Cứ để tôi ở đây...

Có mấy người bạn đã cho tôi hay về những hành vi khác thường ở Tám. Từ ít lâu nay người ta bảo Tám đến lớp rất rộng rãi với học trò. Học sinh thích điểm nào, Tám cho ngay điểm ấy.

- Em xin thầy điểm bảy.

Đó là yêu cầu của một học sinh biết điều.

- Em xin thầy điểm chín.

Một học sinh kém lại yêu cầu Tám cao đến thế.

- Em thích điểm mười tôi cũng cho – Tám làm bầm – Cho em điểm mười, tôi cũng chẳng mất cái gì, và em cũng chẳng được cái gì. Một khi tai họa đang

đổ xuống đầu chúng ta thì keo kiệt một vài điểm với các em cũng chẳng ích gì.

Lũ trẻ ngạc nhiên:

- Thừa thầy, tai họa gì ạ?

- Khốn khổ! Các em thì ngây thơ, còn tai họa thì... tràn lan. Thật khủng khiếp!

Chính vì vậy, nên khi Tám xin nghỉ, ông hiệu trưởng chấp thuận ngay. Ông còn giục Tám đi khám bệnh, song Tám không đi. Anh chỉ nằm dài suốt ngày trong phòng, đóng kín cửa lại và ăn bánh mì, uống nước trắng.

Tôi ngồi xuống bên Tám:

- Có lẽ anh nên ngừng viết.

- Anh bảo sao?

- Tôi cho rằng anh nên tạm ngừng viết cuốn Bách Khoa Lợn. Tôi sợ rằng... anh nghĩ ngợi quá nhiều đâm sinh bệnh.

- Anh thật ngớ ngẩn, ngốc nghếch. Có bao giờ ai viết sách lại sinh ốm đau. Anh nên hiểu: viết sách sẽ khỏi bệnh. Người suy nghĩ, nếu không viết, chữ nghĩa sẽ bễ bộn trong óc, gây cho ta phát sốt hoặc chí ít gây ra mệt mỏi. Nhưng nếu chữ được tuôn ra trên trang giấy, óc có chỗ thoát, ta sẽ được vui nhẹ. Tất là khỏi bệnh.

- Nghe ông nói, cứ tưởng như ngôn ngữ có thể trị bệnh.

- Chứ sao! Viết là một phương pháp trị bệnh: ngôn ngữ liệu pháp.

- Nói xong Tám mỉm cười. Chẳng còn biết anh nói đùa hay nói thật. Còn tôi thì lắc đầu.:

- Ông điên rồi. Ông chỉ bịa ra những lý thuyết quái quỷ.

Sau hôm gặp ấy, tôi cho rằng Tám đang bị rối tinh thần. Tôi đi đến một quyết định: có lẽ không nên tranh cãi với Tám, và cũng không nên để cho Tám nói nhiều. Chính vì vậy, hôm nay tôi im lặng, mặc dù tôi rất muốn hỏi ra cái chữ “nô nô ni ni” quái quỷ của Tám.

Tôi im lặng nhìn bạn; còn Tám cũng ngồi im lặng. Ông khách lạ lòng ấy không thèm nhìn chủ nhà, cũng không thèm gọi chuyện chủ nhà. Như một người điên, Tám đắm đắm nhìn vào một cõi xa vời. Dáng trầm ngâm của anh làm tôi bối rối, chẳng biết phải nên đối xử ra sao. Rồi, bất thành linh, Tám đứng dậy, chụp cái mũ len xuống kín mít đầu. Qua khoảng hở của chiếc mũ, đôi mắt long lanh của anh nhìn tôi chăm chăm, và môi anh lẩm bẩm. Đôi mắt ấy, đôi môi ấy đang tiên tri một điều gì đó qua câu thần chú khó hiểu:

...Nô nô.

...Ni ni.

Ngày... tháng...

Tôi và Lân đến thăm Tám. Bạn tôi khoá trái cửa, anh nói vọng từ trong phòng ra:

- Các cậu về đi. Tuần này, tôi không thể tiếp bất cứ ai.

- Ông giận chúng tôi sao?

- Tôi chẳng giận ai. Xin để tôi yên. Một tuần lễ nữa, tôi sẽ tiếp các cậu.

- Có chuyện gì vậy? – Chúng tôi lo lắng.

- Chẳng có chuyện gì cả. Tôi chỉ cần yên tĩnh một thời gian. Có thể thôi.

Chúng tôi trở về với tâm trạng vô cùng lo ngại. Hay là... hay là... Tám đã bắt đầu điên?

Ngày... tháng...

Người hàng xóm của Tám bảo đã ba hôm nay Tám không hề lộ mặt ra đường, vì vậy nỗi lo ngại của tôi và Lân lại càng tăng. Tám ốm, lại không ra đường, vậy ba hôm vừa rồi Tám ăn uống ra sao? Có thể anh ấy đã ốm nặng. Chúng tôi cương quyết gõ cửa phòng Tám, nhưng chẳng thấy tiếng trả lời. Nỗi lo ngại càng tăng, chúng tôi gõ cửa mạnh hơn, rồi thậm chí xô đập cửa, rồi đâm cửa thành thình. Và chúng tôi gọi to: “Tám! Tám”. Vẫn cứ lặng như tờ. Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. Lân bảo:

- Chắc đã xảy ra chuyện gì.

- Hay là... ta phá cửa.

- Tôi giờ chân đạp mạnh. Đến lúc ấy mới thấy tiếng nói của Tám.

- Này hai anh bạn. Đừng làm ồn ỉ như thế.

Chúng tôi van vỉ:

- Tám đây ư? Cậu ốm nặng đấy. Hãy mở cửa cho bọn mình.

Bên trong, một tiếng cười ngật nghẻo của Tám:

- Rõ vớ vẩn! Tớ vẫn khoẻ như vâm. Chẳng sao cả.

- Cậu nói dối. Chúng tớ van cậu... Hãy mở cửa ra... Cậu rất cần bác sĩ lúc này.

- Thôi đi! Quấy rầy! Quá đủ rồi – Tám cau kinh

- Đã bảo người ta chẳng làm sao cả.

- Chả sao mà lại nằm lì, đóng cửa phòng ba hôm.

- Người ta cần yên tĩnh. Yên tĩnh! Hiểu chưa?

- Thế... ăn uống ra sao?

- Rất ngon lành. Tớ đã có ba cân bánh mì tấm đường, sấy khô, và một gánh nước. Lại cả bếp dầu... Lại cả chiếc bộ vệ sinh... Tám nói xong cười rúc rích.

Chúng tôi nhìn nhau. Đúng là giọng Tám vẫn sang sảng. Và cũng chẳng thấy dấu hiệu gì là mất trí khôn trong cách đối đáp của anh ta. Tám không ồm thật. Chúng tôi thở phào. Tuy nhiên riêng tôi vẫn nghĩ thầm: “Tay này chưa điên đâu, nhưng ít nhất cũng đang lên cơn gàn, tức là đang mấp mé bên bờ vực của những cơn rồ dại.” Chúng tôi lặng lẽ ra về; trước khi đi chúng tôi còn dặn dò nhờ người hàng xóm trông chừng anh bạn của chúng tôi, và nếu có điều gì khác lạ thì phải báo cho chúng tôi ngay.

Ngày... tháng...

Một sự việc quan trọng đã xảy ra trong chuồng lợn của tôi. Có thể nói, một cuộc cách mạng đang xảy ra ở đây.

Sự việc đầu đuôi như sau: Hôm nay, nhà tôi có ba chiếc đầu cá mè. Vợ tôi mua được ba cân cá phiêu. Khúc giữa và khúc đuôi dành để người ăn, còn khúc đầu dành phần cho lợn. Bỏ ba chiếc đầu cá mè vào, nồi cám lợn bỗng thơm ngon khác hẳn mọi ngày. Có váng mỡ nổi lênh bênh, thậm chí có mùi thơm phức.

Khi tôi đổ cám vào máng, con lợn Bò liền xông ra trước tiên. Nó đã có vóc dáng khoảng chừng bốn chục cân. Nó đã to ềnh, còn lũ ỉn thì đang còn choai choai chỉ khoảng trên hai chục cân mỗi con. Hôm nay có cám ngon, đột nhiên con lợn Bò thay đổi hẳn tính nết. Nó mới ăn được vài miếng thì ba con ỉn mới bắt đầu sục mõm vào máng. Bò ta tức thì hất băng con ỉn lang đứng cạnh, sau đó quay mặt sang phía bên kia để cắn vào tai con ỉn trắng còn đang mải miết ăn. Con lợn trắng kêu ré lên thăm thiết. Lần đầu tiên, con lợn Bò có hành vi hung bạo đến thế. Lũ ỉn bị tấn công bất ngờ, cả ba con thoát đầu còn ngơ ngác, nhưng chỉ một lát sau cả ba con ỉn đều nhất loạt xông vào đánh lại. Hình như con lợn Bò đã chuẩn bị sẵn trước. Nó đứng lùi vào một góc chuồng để tránh bị tập hậu. Như một võ sĩ nhà nghề đã quen chiến trận, nó nhằm vào con ỉn lang, con ỉn đầu đàn, rồi lao đến như một quả trái phá, cắn vào bụng. Con lợn ỉn ngã chổng bốn vó lên trời. Thế là con lợn Bò thả sức nào cắn, nào nhay, nào húc...

Con ỉn Lang cuồng cuồng đứng dậy chạy trốn. Con lợn Bò chồm hai chân cưỡi lên lưng con lợn lang, đè bẹp đôi thủ, bắt nó phải quỵ xuống dưới sức nặng của mình. Con Bò cắn gáy con Lang. Con Lang đau quá rít lên rồi rống lên thê thảm như đang bị cắt tiết. Hai con lợn ỉn kia sợ hãi, rúm ró đứng ở xó chuồng cứt đá. Cuối cùng con ỉn Lang, con ỉn đầu đàn cũng thoát được khỏi nanh vuốt con lợn Bò, nó chạy đến bên lũ bạn và run cầm cập.

Đến lúc ấy, Bò ta đỉnh đạc đường hoàng đến bên máng ăn và chén một mình. Nó ăn phè phỡn, thật no thật chán, đến lúc cái bụng căng phình mới đứng đỉnh đến chỗ cái tải khô và nằm xuống, lim dim con mắt.

Lẽ dĩ nhiên con lợn Bò không thể ăn hết cám, bởi vì sức chứa của bụng nó chỉ có giới hạn. Nhưng rõ ràng phần cám của ba con lợn ỉn đã bị con lợn Bò ăn lẹm vào; vì vậy bữa này, sau khi con lợn Bò đã ngủ, ba chú ỉn mới dám lân la đến máng ăn, vừa ăn vừa run và ăn xong thì bụng còn đói.

Tôi sang nhà Lân, thông báo tình hình mới xảy ra trong chuồng lợn. Mắt Lân sáng lên:

- Có thể chứ. Chẳng lẽ con lợn Bò của anh lại là giống hèn hạ. Hèn nào vừa qua, tôi cứ ngờ ngợ.

Rồi Lân sang ngay nhà tôi, anh ra chuồng lợn và tỏ vẻ hỉ hả:

- Thì ra mày là giống tinh ma. Biết trường kỳ mai phục. Giỏi! To xác thế mà thâm. Mày học được cái sách nhần nhục của Hàn Tín. Ha ha... biết nằm gai nếm mật. Biết nằm chỗ hôi thối để chờ thời, để

chờ cho sức mình đủ mạnh. Và cuối cùng đã choảng cho bọn đối thủ một trận tơi bời...

Tôi lặng lẽ mỉm cười nghe Lân khoái trá đọc bài diễn văn hùng hồn đó. Rồi anh vội vã quay về nhà mình, mang sang một bó rau muống. Anh gật gù:

- Phải thưởng cho nó Hoàng ạ. Nó có liêm sỉ...

- Liêm sỉ? Tôi hỏi nhưng Lân không trả lời, anh vẫn tiếp tục dòng suy nghĩ của riêng anh.

- Rau muống tươi là món ăn ngon nhất có phải không? Nào! Bò vét đĩa! Lại đây tao thưởng. Rau rất non vợ tao mới mua.

Lân tung những ngọn rau xanh muốt lên sàn chuồng xi măng, rồi sáng mắt khoan khoái nhìn con lợn lông vàng xô tới nhai ngấu nghiến nhai rau gấu gấu. Lũ lợn in cũng đứng dậy theo, mắt thèm thuồng nhìn những ngọn rau, song chúng vẫn chưa hết sợ, nên chỉ biết đứng thèm thuồng nhìn con lợn Bò đang vênh vang chén bữa tiệc rau.

Ngày... tháng...

Cuộc chiến tranh lần thứ hai lại xảy ra trong chuồng lợn của tôi. Lũ in không cam chịu. Chúng cố sức đánh trả hòng chiếm lại những đặc quyền đã bị con lợn Bò nổi loạn chiếm mất. Cuộc chiến diễn ra suốt ngày, suốt đêm. Thỉnh thoảng lại vang lên tiếng chí choé. Sau đó lại hưu chiến, lại im lặng. Tôi gan lì ngồi trong chiếc ghế bành, hút thuốc lão vật. Tôi lại áp dụng cách giải quyết lần trước, nghĩa là cứ để

mặc cho chúng hục hặc với nhau, để rồi rốt cuộc sẽ tiến tới sự cân bằng. Sẽ có một bên thắng, và một bên chịu lép vế; hoặc nếu sức mạnh đôi bên đồng cân đồng lượng thì sẽ có sự chung sống bình đẳng.

Nghe tiếng lợn ầu chiến kẻ cũng buốt ruột, nhưng biết làm sao được. Nhà chật và không có tiền, nên không thể có một chuồng lợn thứ hai để tách đôi chúng ra.

Ngày... tháng...

Đầu, mõm, tai, thân thể của ba con lợn ỉn đều sây sát rớm máu, nhưng chúng vẫn không chịu thua. Chúng vẫn tuyệt vọng chiến đấu. Và đến lúc này thì chẳng còn cần đến những luật chơi nữa. Mọi trò quân tử hảo, anh hùng hảo hán, hay chơi đẹp đều bị vứt bỏ tuốt tuột. Lũ ỉn đánh mọi lúc, chơi bản, cắn trộm, đánh khi ăn, cắn khi ngủ. Cũng vì vậy nên sự hằn thù của đôi bên đã trở nên rõ rệt. Con lợn Bò đến lượt mình cũng quăng nốt luật chơi... Chính vì vậy nên đến ngày hôm nay, có thể nói, cuộc chiến đã trở nên quyết liệt.

Tôi vẫn ngồi lì bên bàn nước. Cũng đã nhiều lúc tôi định rời bỏ cái lô cốt của mình để ra can ngăn lũ lợn, nhưng rồi tôi lại tự dẫn mình ngồi yên. Tôi ngồi yên với hy vọng rằng chiến tranh đến lúc cao điểm nhất tức là đã đến gần đoạn chót nhất.

Đến chiều, khi vợ tôi có mặt ở nhà, nghe lợn kêu, cô ta cũng ngồi lì, song đến khi lũ lợn ầu đả

nhau rất quá, cô ta ngơ ngác nhìn tôi, rồi nháp nhồm định chạy ra chuồng lợn. Ở ngoài, đây là chiến tranh nóng, còn giữa chúng tôi chắc là chiến tranh lạnh. Tôi đâu phải là gỗ đá; thú thật, tôi buột ruột vô cùng, nhưng không hiểu có một sức mạnh nào đó đã ngăn cản làm cho tôi bỗng trở nên gan lì. Lúc trước, hoàn toàn do cách lý luận chần nuôi nên tôi đã ngồi yên. Tôi muốn bằng cách tự nhiên để cho đàn lợn tự thích ứng với nhau đi đến chỗ cân bằng. Còn bây giờ lại là chuyện khác khi có cái nhìn của vợ tôi xen vào, lúc này lại thêm yếu tố tâm lý. Lúc cầm bút viết những dòng chữ này tôi thấy thái độ của tôi lúc đó thật kỳ quái, thật không thể hiểu nổi. Thế mà tôi đã sử sự như thế đấy. Có ai có thể tin rằng khi vợ tôi bị tai lại để khỏi nghe tiếng lợn đánh nhau, rồi cô ta nhả mặt đứng dậy, rồi dùng dằng dắt xe ra cửa, thì lúc ấy lòng tôi chợt thấy hả hê không? Thế mà chuyện đó đã xảy ra rồi đấy. Khi tôi rít điều thuốc缭绕 ròn tan thì lòng tôi chợt chùng ngay xuống. Khi không còn nhìn thấy khuôn mặt của vợ tôi đối diện nữa thì lòng tôi lại thấy buồn tênh. Chao ôi! Thật là nẫu ruột.

Ngày... tháng...

Đêm nay ấm trời. Có lẽ vì vậy nên cuộc chiến trong đàn lợn của tôi dịu đi. Chỉ thấy vài tiếng chí choé không đáng kể. Có thể lũ lợn đã mệt nhọc sau

mấy đêm ngày ầu ả, thấy cần phải nghỉ ngơi lấy lại sức. Và nhân đêm ẩm trời, chúng tranh thủ ngủ.

Trời ẩm, lòng tôi cũng dịu đi. Tôi ngồi trên chiếc ghế bành cà khỗ và lại rơi vào trạng thái miên man suy nghĩ. Tôi chợt thấy thèm viết. Tôi vẫn thường trốn lủi khỏi cuộc sống bằng cách ngồi trước trang giấy. Vợ tôi vẫn bảo: “Anh viết làm gì? Nên vương nên tướng gì? Cũng chẳng ra cơm, ra gạo. Chỉ là hạt cát bụi thôi.” Thì tôi đâu có cãi. Đúng, tôi chỉ là cát bụi. Thậm chí ngòi bút của tôi đã đem lại cho tôi bao oan trái. Tôi hiểu thân tôi là kiếp dã tràng. Nhưng tôi không thể ba giờ cưỡng lại nỗi cái ham muốn ngồi trước trang giấy đó. Tôi vặn ngọn đèn dầu cho to lên. Tôi đang làm một công việc kép: Vừa trốn chạy cái eo óc thường nhật, vừa mở xẻ phanh phui nó ra; cho cái ảo tan loãng vào cái thật; cho những thù hận được thăng hoa thành những hạt châu lóng lánh, cho kiếp nhân sinh bèo bọt phải trở thành linh thánh.

Đêm nay tôi viết một truyện ngắn.

Truyện Hồ Ly

Có một lần, sau một ngày bị hỏi cung, tôi buồn bã đạp xe lên Tây Hồ. Tôi muốn khuây khoả. Tôi muốn gió hồ làm dịu đi những cay đắng, lo sợ, phiền

muộn, thù hận đã tích tụ nhiều ngày. Tôi đi qua mặt nhiều người mà chẳng rõ mặt ai. Tôi chọn một chiếc ghế đá ở một chỗ ngồi vắng vẻ nhất. Tôi ngồi đấy hút thuốc, đầu óc vẫn nghĩ miên man. Lo đối phó với cuộc hỏi cung ngày mai, đoán định những cái bẫy, những ẩn ý trong những câu hỏi mà người sĩ quan an ninh đeo kính đã đặt ra cho tôi ngày hôm ấy.

Tôi buồn, tôi buồn lắm. Cô đơn nữa. Chẳng có ai để mà tâm sự giải bày. Nỗi cô đơn đến mức tuyệt vọng như một hoang đảo đang bị tàn phá mà không một bóng người đến cứu. Tôi biết những người an ninh muốn dẫn tâm hồn tôi đến tình trạng như vậy. Sự cô đơn của người bị hỏi cung là một vũ khí của người làm công việc an ninh. Cái tâm thế của kẻ bị vây hãm, lẻ loi tuyệt vọng, khi đến một giới hạn sẽ là sự đầu hàng vô điều kiện. Thêm vào đó là sự sợ hãi là những đe dọa. Sáng nào cũng phải trả lời một tập hợp điệp khúc mở đầu:

- Tối qua về, anh có gặp ai không?
- Có thông báo với ai về những nội dung tội lỗi của mình không?
- Đêm qua đã suy nghĩ kỹ thêm về những hành vi tội lỗi của mình như thế nào?

Tôi hút thuốc lá liên miên cho đến lúc trời chạng vạng.

- Kia, anh Hoàng! – Tiếng một người đàn bà nào đó gọi tôi. Tôi quay lại - Đó là một cô giáo, một người bạn quen đã từ lâu. Tên cô là Ly, một cái tên rất âm nhạc. Mới trông thấy tôi Ly đã cười.

- Gớm! Hôm nay mơ mộng thế. Ngồi Hồ Tây một mình.

Cám ơn trời đã ban cho cô gái đó cái tiếng cười tuyệt diệu. Ở chỗ vắng vẻ thì tiếng cười nở rộ ra như những tiếng chuông pha lê. Nó mời mọc tâm hồn ta thư giãn, nó gọi những nụ cười còn lẩn tránh trong ta phải xuất hiện trên đôi môi. ở chỗ đông người, thì tiếng cười đó kết tinh lại thành một mỉm cười, để lộ ra một hàm răng ngọc ngà đều đặn; và tiếng cười vì không thành tiếng, nên đã phải thoát ra bằng những tia mắt long lanh ấm áp.

Tôi thầm cám ơn cái mát mẻ dịu dàng đầy ơn phước toả ra lung linh từ con người cô. Chắc cô chẳng biết chuyện tôi, nên cô chẳng an ủi, nhưng lòng tôi chợt dịu lại. Cô ngồi xuống cạnh, lú lo bằng một giọng nói có nhạc điệu lúc đầy lúc vơi:

- Có anh chàng hỏi em từ đâu tới? Anh chàng nhìn em rất khéo. Không nói ra, nhưng ý muốn bảo em là tiên đây... Từ trên trời bay xuống mà...

Nói xong Ly cười rồi hỏi tôi:

- Đố anh Hoàng biết em từ đâu tới nào?

- Xin chịu – Tôi lắc đầu.

Cô ta thì thầm nho nhỏ:

- Em là con Hồ Ly đây. Con Hồ Ly chín đuôi sống ở Tây Hồ anh có biết không? Chắc anh đọc sách cổ nên biết em ở đằng kia kia... Có một hòn núi đất, ở đó có cái hang của con cáo chín đuôi. Con Hồ Ly tu luyện nhiều năm, thường biến thành người đàn bà đẹp, giao duyên cùng các văn nhân tài tử...

- Tôi nhớ rồi... - Tôi cũng bắt đầu nhập cuộc chơi. Dùng ngôn ngữ ẩn, những điển tích, để tạo ra một không khí mờ ảo, cái không khí rất cần cho một kiếp người mà đời sống thường nhật quá xô bồ, quá rõ nét. Không biết cô Ly có tâm sự gì không, hay chẳng qua chỉ là một chút xót thương, một cảm nhận những nét ưu phiền trên gương mặt nhàu nát của tôi? Và bằng sự nhạy cảm bản năng của người đàn bà, cô hiểu cái ma lực của sự băng ngang mờ ảo, của một lung linh siêu việt; cô đã dùng cái mờ ảo ấy để an ủi tôi chăng.

- Tôi nhớ ra rồi... Tôi biết rồi. Cô Hồ Ly chín đuôi hàng vạn năm đã tu luyện tại đây. Sống trên một chiếc hồ đầy sương mù nên cô ta cũng sinh ra mơ mộng. Cô ta hoá thành người, yêu một anh học trò. Người con trai có khuôn mặt đẹp đẽ ấy lại là con người tồi tệ. Anh ta đã đánh cắp viên ngọc của cô gái Hồ Ly. Công tu luyện hàng vạn năm phút chốc đã trở thành mây khói. Cô gái đã mất hết phép màu và trở về kiếp cáo...

Cô gái cười và ngắt lời tôi:

- Anh chưa biết đoạn cuối.
- Sao? Làm gì còn đoạn cuối.
- Có chứ! Đoạn cuối hay hơn.
- Lại thế nữa.

- Hay hơn vì con cáo ấy đã mất thêm một ngàn năm nữa để tu luyện lại và lại đắc đạo lần thứ hai. Con cáo lại có thể biến thành cô gái đẹp... để đi dạo bên Hồ Tây... và để tiếp tục những mối tình huyền ảo.

Tôi cười:

- Chắc lần này cô Hồ Ly ấy khôn ngoan hơn, không để mất đi viên ngọc lần thứ hai.

- Không đâu. Cô ta vẫn chẳng khôn ngoan hơn chút nào. Bởi vì khi trở thành cô gái, thì con cáo kia lại đam mê.

- Và nếu cô ta lại mất ngọc?

- Thì cô ta sẽ tu luyện lại lần thứ ba. Em tin chắc là thế.

- Thực ư?

Cô gái nhìn tôi với nụ cười kỳ ảo. Còn tôi lặng lẽ cúi đầu. Không biết cô gái có tiếng cười pha lê ấy muốn nói gì với tôi bằng cái ngôn ngữ huyền hoặc đầy hàm nghĩa ấy? Nhưng tôi chợt thấy vững tin ở mình hơn. Tôi im lặng quay trở về với những suy nghĩ trong cuộc hỏi cung hôm nay. Đâu còn là hỏi cung. Phần kết đây. Một sự dụ dỗ đây. Người sĩ quan an ninh đeo kính trắng, trong căn buồng trắng thủ thủ với tôi.

- Chúng tôi đã xem kỹ lưỡng lý lịch của anh. Chẳng có dính líu gì với quá khứ với phong kiến đế quốc. Anh bản chất tốt. Anh phải giúp chúng tôi.

- Nghĩa là thế nào?

- Anh là văn nghệ, anh quen giới văn nghệ... chắc anh hiểu tôi muốn nói gì. Anh lại có khả năng viết. Nếu anh giúp chúng tôi, chúng tôi sẽ giúp lại anh. Anh lại có thể in sách in báo... Còn nếu không... chắc anh cũng hiểu đây.

Tôi lặng lẽ cầm tay cô gái. Cô Hồ Ly xinh đẹp ời. Xin cảm ơn cô về một huyền thoại đẹp. Cô gái dặt tay tôi đứng dậy:

- Anh ưu phiền mà làm gì?

Trong giọng nói run run cảm động ấy, tôi chợt hiểu cô gái đã biết rõ về tôi hơn là tôi nghĩ. Cô mỉm cười khi tôi nắm hai tay cô và nhìn vào đôi mắt trong trẻo của cô.

- Hình như anh định xin em một cái gì?

- ???

Tôi lặng lẽ nhìn cô không đáp.

- Em cho anh đây. Nhưng khẽ nhẹ thôi. Anh hôn vào vành tai em ấy.

Tôi ngơ ngác... rồi khẽ cúi xuống hôn thắm vào mái tóc người con gái. Cô gỡ tay tôi ra, bước đi.

*

* *

Đáng lẽ ra, tôi phải có phần tiếp nối về cô Hồ Ly xinh đẹp ấy. Nhưng tôi đâu có khả năng. Sự sống của tôi như đã cạn kiệt. Cạn kiệt cả khả năng yêu thương. Cô Hồ Ly ấy thực hay là ảo. Hay là tôi đã ngoại tình với những giấc mơ. Tôi vẽ chăng? Đời thực chăng? Cô Hồ Ly ấy đã đi đâu? Có còn ở bên động Tây Hồ, hay đã ở một chân trời xa nào đó? Nụ cười của cô còn chất pha lê huyền ảo của con cáo chín đuôi bên Tây Hồ, hay đã tàn úa đi vì một hạnh

phúc ngộ nhận nào đó. Đêm nay tôi đã trốn đàn lợn, trốn cái thường nhật khủng khiếp để cảm ơn cô về nụ hôn thâm mà cô đã ban cho trong chuỗi ngày lưu đầy. Nó như một tia nắng ấm, trói buộc linh hồn tôi vào một cái gì đẹp để mà tôi biết cần phải giữ lấy.

Tôi đã thức gần trọn đêm để mơ mộng và viết câu chuyện này. Tôi đã ngủ trên chiếc ghế bành cũ kỹ. Có lẽ những trang viết đã giúp lòng tôi thanh thản lại.

Ngày... tháng...

Vàng hào quang của câu chuyện Hồ Ly ấy cũng chỉ đủ để nuôi tâm hồn tôi trong những đêm dài thao thức. Còn ban ngày, anh trốn đi đâu? Và cả ban đêm nữa, đêm dù tịch mịch nhưng cũng không đủ tĩnh lặng để thoả mãn nhu cầu cô đơn của con người. Vẫn còn những ngọn gió đông lang thang trên những lùm cây, đem cái rét về, đánh thức đàn lợn của tôi trở dậy để thù hận lẫn nhau, tranh cướp lẫn nhau. Khoảng nửa đêm, khi đợt gió lạnh rít lên mạnh nhất, khi cái rét được gió gia tốc đâm vào thịt da ta buốt nhói nhất, thì cuộc chiến tranh trong chuồng lợn của tôi cũng kịch liệt nhất. Con lợn Bò quyết tranh lấy tải, tranh lấy chỗ nằm ấm. Lũ lợn ỉn nằm lên lưng con Bò. Con lợn lông vàng rống lên hồng hộc; ba con ỉn rút tai cắn đuôi, đâm vào bụng con lợn Bò, bắt buộc nó phải trở về chỗ ngoài cùng rét mướt. Con Bò chồm lên, hất lũ ỉn bắn ra xa, nó xông vào

con ỉn lang đầu đàn; nó nhảy tai con này đến vãi máu ra; nó định xé bụng con Lang; nó dúi đầu con Lang, ấn đầu vào xó chuồng thối tha ẩm ướt. Nó không chế con Lang đứng sững tại đấy, không cho chạy. Nó cắn xé hung dữ quá, đến nỗi con Lang chỉ còn có thể nằm chống vó lên mà thét to, mà kêu thê thảm, thảm hơn cả một con lợn bị chọc tiết, bởi vì lợn chọc tiết người ta buộc mõm lại. Đẳng này, chẳng gì trói buộc, con lợn đã kêu văng trời. Tiếng kêu như dựng giường, dựng chiếu. Không ai có thể nằm yên với tiếng kêu hình như đang dẩy chết đó. Đến cả vợ tôi, người đàn bà lạnh lùng chả thèm nói với tôi nửa lời hàng tháng nay, cũng không thể nằm yên. Sót ruột quá, cô ta ngồi dậy và thét tôi:

- Anh còn ngồi ỳ ra sao? Tôi xin anh. Chạy mau ra chuồng lợn. Mau lên không chúng cắn xé nhau đến chết mất.

Tôi lật đặt cầm chiếc đèn dầu hoả chạy ra sau nhà. Tôi cầm chiếc chổi tre, quật túi bụi con lợn Bò, quật mạnh và liên hồi cho đến lúc nó phải buông tha con lợn Lang.

Qua ánh sáng vàng khè, nhợt nhạt, lúc này tôi thấy ba con ỉn đều run lên cầm cập đứng ở xó chuồng tối tăm bẩn thỉu. Nhìn lũ ỉn, tôi chán ngấy cái dáng thảm hại run rẩy của chúng. Chợt nhớ lại hồi thời gian đầu, lúc chúng hành hạ con lợn bò, sao lúc đó chúng vênh vang đường bộ, chúng phè phỡn tươi tỉnh. Còn bây giờ trông chúng ti tiện đến lợn giọng. Những bộ mặt hơn hớn ngậy mỡ, lúc này trở nên ngây ngô đàn độn.

Than ôi vương triều lợn ỉn đang sụp đổ! Này, lũ ỉn! Các người hãy mạnh dạn lên tí chút! Mất hồn rồi hay sao? Sợ hãi đến mê man rồi chắc? Tại sao đứng ì ở cái xó chuồng chất đầy phân rác hôi thối ấy? Hãy ra đây! Ra đây! Chuồng lợn của ta có bốn góc: Một góc ẩm nhất và một góc bẩn nhất, nhưng vẫn còn hai góc nữa chứ; hai góc ấy tuy không tiện nghi lắm, nhưng ít ra vẫn còn sạch sẽ hơn, khô ráo hơn, ẩm áp hơn cái góc ỉa đái bẩn thỉu ấy. Chuồng lợn của ta tuy bé, nhưng còn đủ không gian khả thể sống cho các người. Bây giờ, ta ném chiếc tải vào góc này... Nào! Hãy lại đây! Mau lên! Tôi dễ dàng, nhưng lũ ỉn vẫn không nhúc nhích, chúng đứng ì ra run rẩy. Tôi phát cáu:

- Thật không ngờ! Trước kia, lúc cưỡi đầu cưỡi cổ con Bò, chúng mày vênh váo thế. Mà nay, chúng mày hèn hạ đến thế.

Tôi bắt buộc phải vào chuồng, dùng tay xua đuổi lũ lợn ỉn đến góc mà tôi vừa mới vứt chiếc tải vào. Cái mùi lợn ỉn ti tiện làm tôi phát buồn nôn.

Ngày... tháng...

Thật sốt ruột! Đợt chiến tranh lợn lần này vẫn lai rai tiếp diễn, tuy mức độ ác liệt có giảm đi và số lần tác chiến có giảm đi.

Tôi còn đang sốt ruột vì lợn, hôm nay thằng Linh lại làm tôi nẫu ruột thêm. Buổi sáng, khi hai cha con ngồi uống nước trà với nhau, Linh bảo:

- Bố ạ... có lẽ... con xin thôi học.
- Xin thôi học?
- Vâng.

Tôi im lặng, tay cầm chén nước trà và lòng run rẩy. Tôi chưa nói gì. Tôi còn đang nhớ lại những câu chuyện mà con tôi đã kể về cái trường đại học của nó. Những chiếc giường hai tầng... Những bữa cơm quay trở về nguyên thủy, không bát, không đĩa. Tất cả đổ lộn vào một cái chậu và sáu anh con trai lúc ăn bốc, lúc cầm thìa xúc... Những chàng trí thức tương lai ăn cắp, uống rượu, bụi đời... Những ông thầy nhân danh “mô đéc” ăn đút ăn lót của học trò... Những cậu học trò thâm hiểm! Và những ông thầy cũng thâm hiểm thế!...

Tôi thở dài hỏi Linh:

- Tại sao con muốn thế?
- Bố hỏi con làm gì câu hỏi ấy?
- Hay anh định “vào đời”... định... chuẩn bị để cầm bút như tôi. Tôi khuyên anh: đừng. Anh nên xem gương tôi.
- Cả nghề viết văn của bố con cũng chán.
- Hay tại cuộc sống nhà trường? ồ! Đây chỉ là những vấp vấp bước đầu. Thất vọng ấy thực quá nhỏ nhoi. Con nên tập làm quen với đời thật...

Con tôi rì rầm tâm sự

- Nhiều đêm, thắp chiếc đèn lên, nhìn vào trang giấy, nhưng óc con trống rỗng. Chữ không vào. Con cứ tự hỏi: “Mình học làm gì nhỉ? Cuộc sống thì quái dị, thối nát. Mình học; liệu học có làm cho cuộc sống ấy thay đổi đi chút nào không?”

- Sao con già sớm thế? Nói đến sự chán ngán thì chính bố phải chán ngán hơn con mới đúng. Cả tuổi trẻ của tôi đã phung phí để phung sự cho cuộc sống này... Thế mà... Nhưng không sao cả. Tôi vẫn thấy vui sống.

- Vui sống?

- Chứ sao! Chính cuộc sống ti tiện, đau đớn, kỳ quái thế nên mới đáng sống. Vàng son, nhung lụa, ngọt ngào, thô bỉ, ghèn thác, đau sót, tàn nhẫn, phản trắc... bất cứ phút đời nào ta cũng sống cho hết, cho thấm đến tận thớ thịt, cho cạn đến đáy ly rượu...

- Sống một cách tổng thể như bố nói, hay đây nhưng khó lắm. Sống như thế phải có sức mạnh nghị lực. Con sợ rằng...

- Thế mà định nhéo ra à?... Thuột ra à?... Buông tay à...

Con tôi cúi đầu và buồn rầu:

- Nói thực, lắm lúc... con cũng thấy tự tửm lợm mình.

Tôi im lặng một lát, lòng dâng lên một nỗi phiền muộn khó tả. Cứ như thấy mình tự thương mình. Một phần máu thịt của tôi đấy. Nếu nay mai tôi chết, thì một phần đời của tôi còn sót lại trên thế gian này chính là nó đấy. Tôi chợt có mặc cảm tội lỗi. Phải chăng đấy là phần di sản buồn thảm của tôi đã truyền lại cho nó. Phải chăng phần khắc khoải siêu linh của tôi đã truyền thông trong không gian ở, mà con tôi là cái máy thu siêu nhạy, ở ngay cận kề đã bắt lấy. Phải chăng đấy là sản phẩm của một

không gian ô nhiễm? Hay là, từ một thời kỳ nào đó, tổ tông ta đã mắc phải một tội lỗi gớm ghiếc nào đó, cho nên đến nay nhiều thế hệ của chúng ta phải chịu cái hậu quả đáng nguyên rủa này. Tôi như kẻ đắm đuối ôm đứa con đỏ trong tay, tôi dùng hết tàn lực dâng đứa con lên khỏi mặt nước, để cho ánh mặt trời và làn không khí mát rượi tiêm truyền cho nó cái sinh khí nóng bỏng của sự sống. Có thể hai cha con sẽ lại chìm ngấm đi dưới làn nước xoáy. Nhưng còn chút lực tàn nào thì cũng phải đem hết ra mà nâng nó lên.

- Đừng phó mặc con ời. Hôm nay ta có cái gì nắm chắc trong tay; ta hãy sống bằng hết trái tim, khối óc của ta cho cái trong tay ấy. Khi ta đã sống hết sức rồi, thì dù kết quả ra sao, đối với ta thế cũng là mãn nguyện. Sống như thế thu nhập được nhiều con ạ. Cách sống ấy giàu có nhất... hạnh phúc nhất...

Tôi nhìn con tôi đang ngồi im lặng. Nó không hé miệng, không phản ứng. Nó có nghe tôi nói không nhỉ, hay tâm hồn nó đang lạc về một xứ sở lạ lẫm nào đó mà tôi không hiểu? Thế hệ của con tôi hình như đã chán ngấy những ngôn từ. Ngôn ngữ đã biến thành những xác chết. Trong bãi tha ma ngôn ngữ, đã chồng đống những lời cao đẹp. Ngôn ngữ đã mất đi bộ áo lông lầy và khoác vào những bộ áo tang xám ngoét. Nó trở thành một hàng rào ngăn cách giữa cha con. Tôi đứng bên này, con tôi đứng bên kia, chúng tôi chỉ nhìn thấy cử động của những vành môi, còn tai chúng tôi thì điếc đặc. Điếc thì hãy giao tay mà vẫy, mà làm hiệu. Con ời! Linh ời! Bố đang

vấy con đây. Bố đang cố sức phá rào để tìm đến với con đây. Đừng xuôi tay, đừng phó mặc con nhé. Không biết con tôi có hiểu được những tiếng nói thâm của tôi không nhỉ?...

Ngày... tháng...

Hôm nay, có điều gì mà con tôi vui. Linh hí hửng bước vào nhà và nói:

- Chú Hợi trả con hai cân tóp mỡ. Con lại mua chút rượu cho bố. Con tính hôm nay nhà ta nên ăn nửa cân tóp mỡ cho tươi. Bố uống rượu này; còn mẹ thì chung mắm tôm với tóp mỡ để ăn với khế, đó là món mẹ ưa thích...

Nhìn con, tôi vui và cảm động – Tôi hiểu con trai tôi đang cố hàn gắn lại sứt mẻ gia đình, cố tìm cách cho bố mẹ làm lành với nhau. Vợ tôi không nói một lời, không tỏ một thái độ nào trên khuôn mặt, nhưng cô ấy đã đi làm những món ăn đúng như con tôi muốn.

Bữa ăn ít nói, nhưng vui. Đã lâu nay, ít có bữa ăn vui trong lòng như vậy. Tôi chợt thoáng nghĩ tới cuộc nói chuyện với con tôi hôm trước... Tôi tợp một hớp rượu, nhai một miếng tóp mỡ ròn tan, và lặng im lắng nghe câu chuyện giữa hai mẹ con. Mẹ hỏi:

- Linh ạ, dạo này cậu đi thực tập, không dạy thêm được cho con chú Hợi; vậy cậu lấy đâu ra tóp mỡ?

- Thế mà vẫn có mới tài mẹ ạ.
- Hay là cái Cúc nó mua hộ. – Vợ tôi cười.
- Không phải. Tóp mỡ này chú Hợi cho con, vì con đã giúp chú ấy một việc.
- Việc gì?
- Con không nói được... Có lẽ nói ra bố con chả bằng lòng... Sau này mẹ sẽ rõ.

Tôi im lặng không hỏi Linh.

Bọn lợn đêm nay không đánh nhau.

Con tôi cầm cây ghi ta dạo một giai điệu rất đẹp, một khúc mục ca Tây Ban Nha thì phải. Lâu lắm, trong mái nhà tôi, mới lại vang lên tiếng đàn. Con tôi đã dạo sang một khúc tình ca. Tiếng đàn trầm buồn kéo tôi đi vào một giấc ngủ. Một thoáng buồn dễ chịu bao giờ cũng gợi nhớ tới một cội nguồn sâu thẳm nào đó trong ta. Tôi tắt lặng mọi suy nghĩ, để tiếng đàn thấm đượm vào từng tế bào. Tôi tự đánh lạc mình vào một màu đen trong veo, ở đó có tiếng thì thầm:

- Ngủ đi! Ngủ đi! Để ngày mai con lại tỉnh khôi trắng muốt.

Ngày... tháng...

Hôm nay, Tám mở cửa phòng anh ở. Ngày hôm qua, khi tôi và Lân đến thăm, Tám vẫn nói vọng từ trong buồng ra:

- Sáng mai, tôi mở cửa, mời các anh đến chơi.

Hôm nay, hồi tám giờ sáng, khi chúng tôi đến nơi, vừa mới khẽ gõ cộc cộc, cánh cửa đã mở toang ra ngay. Cứ như thể Tám đã đứng chờ sẵn ở đấy để mở cửa đón chúng tôi.

Trái ngược với tuần lễ vừa qua, hôm nay mọi cửa sổ đều được mở hết. Ánh sáng sớm, lọc qua lùm cây mới trở lá vàng lưa trước nhà, tràn vào căn phòng; một thứ ánh sáng mật ong đậm ấm dịu dàng. Căn phòng nhỏ đầy sách của Tám hôm nay lại có cả hoa. Tám chỉ lọ hoa hồng nhưng đặt trên thành cửa sổ:

- Tôi vừa ra chợ Hôm mua năm đồng hoa về đây.
- Sang nhỉ?
- Vì đối với tôi, hôm nay là một ngày vui.

Tôi ngạc nhiên nghe giọng nói nghiêm trang và trong trẻo của Tám. Qua tuần lễ cấm cung, Tám có gày đi đôi chút; da anh hình như trắng ra; đặc biệt, đôi mắt anh sáng quắc, sáng một cách kỳ dị, sắc sảo; chợt có cảm giác đôi mắt ấy có thể nhìn thấu suốt vào trái tim ta.

Tám có trà ngon, có cả bánh ngọt để mời chúng tôi ăn. Lân ngồi ngựa mình thoải mái trong chiếc ghế bành độn rơm cà khỗ, nhưng rất ấm áp. Anh nói băng quơ:

- Mình mừng. Thế là cậu khỏi bệnh.
- Tớ có ốm đâu.
- Cái hồi ở Tây Nguyên, cậu bị thương, bỏ anh em trốn vào rừng hơn một tuần; dạo ấy, cậu làm bọn chúng tớ nhón nháo lo lắng.

- Đạo ấy, mình đang nghiên cứu một thứ lá chữa vết thương. Mình muốn thử nghiệm nó trên chính bản thân mình trước đã.

- Cậu là một thằng gàn.

- Gàn ư?

- Đúng, gàn. Cậu đi tìm một thứ lá có dược tính diệt trùng cực mạnh như pê nê xi lin, mà lại không độc hại, để cứu chữa anh em bị thương. Rồi cậu đòi hỏi con người phải tốt đẹp như phật bồ đề và phải trong trẻo như pha lê. Làm gì có thứ lá và con người kì diệu thế. Nói chung, cậu đi săn tìm những thứ tuyệt đối ở cõi đời này, chính vì thế tớ nói cậu gàn. Nhưng dù thế nào, tớ cũng yêu cậu; có thể ngày mai, bệnh gàn của cậu tiến triển thành bệnh điên, tớ cũng vẫn yêu cậu... Mà thôi, gác chuyện cũ lại; hôm nay cậu hãy nói cho chúng mình nghe, tuần vừa qua cậu lại làm một cái trò kỳ dị nào đó phải không?

- Chẳng một chút kỳ dị. Tớ đóng cửa lại chỉ cốt tĩnh lặng để nghiên cứu một vấn đề.

- Vấn đề gì?

Tám nghiêm trang đứng dậy. Cứ cảm giác như anh sắp thực hiện một nghi lễ. Lúc này, khi Lâm nói, đôi mắt anh mơ màng chìm đắm nhưng vẫn là đôi mắt trong trạng thái bình thường. Còn lúc này, đôi mắt ấy đột nhiên sáng quắc; hình như có một năng lượng siêu nhiên nào đó bỗng đột khởi trong anh để đôi mắt anh như phát ra một luồng ánh sáng. Đó là đôi mắt của người điên, hoặc con mắt của một con người dị thường. Chúng tôi im lặng nhìn Tám, anh như đang tập trung và bị kích thích. Anh bước những

bước hình như hơi run run ra phía tủ sách. Rồi lấy ra một cuốn vở. Lúc này thì đôi bàn tay anh run run thực sự. Anh lật giở từng trang giấy rồi khe khẽ nói:

- *Poóc xi nô ma ni.*

Lân hỏi lại:

- Cái gì?

Lần này, Tám nói đồng dục, to và chậm rãi từng âm để chúng tôi nghe được rõ ràng:

- *Poóc-xi-nô-ma-ni.*

Tôi chợt nhớ lại cái âm nô nô ni ni, mà một lần nào đó, Tám đã nói ở nhà tôi. Thì ra đó là chữ: “*Pooc-xi-nô-ma-ni*”

Tám đứng đấy, mắt rục rờ nhìn cuốn sách trong tay. Anh nói đi, nói lại nhiều lần chữ Poóc-xi-nô-ma-ni. Tay anh run, giọng anh cũng run. Đôi mắt sáng nhưng lúc này đầm ám lạ thường. Cái dáng gầy gò, gù gù của anh khiêm nhường và hiền hậu. Dáng anh lúc đó phảng phất như dáng một người chịu khổ nạn; cái dáng khô ải nhưng tràn đầy tinh lực, cái dáng của gánh nặng đau thương. Tôi bỗng chợt hiểu, suốt tuần qua, Tám đã đóng cửa lại, không tiếp xúc với mọi người, anh đã dùng toàn bộ tâm lực để viết cho đời biết một điều bổ ích. Người ta bảo anh là điên, nhưng có lẽ anh là một nhà tiên tri. Anh đứng đấy mà lắp bắp: “Pooc xi nô ma ni“. Tám chẳng giải thích gì, nhưng chúng tôi như bị thần lực của toàn thể con người anh cuốn hút. Và qua giọng nói lắp bắp của anh, cái tiếng kỳ lạ ấy bỗng làm chúng tôi rung động, chúng tôi hiểu anh đang muốn rao truyền cho chúng tôi một điều gì đó cực kì quan trọng và

rất người. Chúng tôi muốn Tám cho mượn đọc những trang sách anh mới viết. Song anh lắc đầu, anh bảo sẽ có lúc cho chúng tôi đọc.

Cái phút linh thiêng ấy, Tám đã dùng thần cảm để nói với chúng tôi; anh đã nói với chúng tôi bằng một ngôn ngữ kì bí, nói bằng những âm sắc run rẩy, nói bằng đôi tay dang rộng đôn hậu, nói bằng con mắt chói loà tình yêu, nói bằng cái tổng thể người đầm ấm. Và ý nghĩa của cái chữ hầu như là thần chú đó chọt tràn vào từng thớ thịt, từng đường gân, từng tế bào trong tôi. Lòng tôi chói loà những cảm giác: buồn và vui, đau đớn và hạnh phúc. Tổng thể con người Tám như muốn nói cùng tôi: “Bạn ơi! Chao ôi! Sao mà đau như xé ruột... Nhưng... chẳng lo. Hãy chịu đựng... Tất cả rồi sẽ qua đi... Một cái gì đó đẹp đẽ, viên mãn đang nhoi nhói trong ta...”

Có phải đó là một tình cảm tôn giáo? Nếu gọi sự giao cảm thần bí giữa con người như vậy là tôn giáo, thì thú thực lúc đó, tôi là một con người tín ngưỡng.

Có lẽ Lân cũng có những cảm xúc như tôi; anh đã thôi không nói bằng cái giọng đùa bỡn như lúc mới đến. Lân im lặng, kính cẩn.

Còn Tám, sau khi nói, có lẽ anh đã đột nhiên xữ dụng tinh lực của anh quá nhiều, nên anh có vẻ mệt. Tám thả người ngồi dần ra trong chiếc ghế bành. Anh uống một cốc nước, tôi thấy bàn tay anh vẫn run run.

Và cả ba chúng tôi cứ ngồi với nhau lặng lẽ như thế, chỉ thỉnh thoảng nói với nhau bằng những câu ngắn ngủi.

- Cậu khoẻ hẳn ra đây.
- Mình khoẻ!
- Và vui!
- Và điềm tĩnh!

Lân vốn hay nói dài, nói mạnh, lúc này bỗng đổi hẳn kiểu nói. Khi Tám hỏi anh về lợn, Lân chỉ trả lời:

- Tốt! Tốt!

Lân nói xong, lại ngửa người trong chiếc ghế bành lim dim suy nghĩ. Anh vừa nhắm mắt vừa nói:

- Máy hôm nữa, cậu phải xuống mình chơi.
- Mình xuống chứ.
- Ta sẽ uống rượu.
- Rượu!

Có lẽ cái cảnh tiên tri xúc động ấy, đã phút chốc có thể làm biến đổi sự sống chung quanh. Tôi nghĩ như vậy. Chúng tôi chợt thấy thoải mái, chợt thấy mình tốt đẹp, dễ chịu. Chúng tôi cứ muốn kéo dài ngồi bên nhau. Cho đến khi hết bánh, cạn trà, tôi với Lân tần ngần đứng dậy. Hai thằng cáo từ ra về. Tám không tiễn khách. Anh vẫn ngồi lặng yên. Cánh cửa ra vào vẫn mở sau lưng chúng tôi. Tôi ngoái đầu lại vẫn thấy Tám ngồi trong ghế bành, không nhúc nhích. Chúng tôi nhẹ nhàng bước xuống thang gác ra đường.

Lân kể cho tôi nghe thêm về Tám:

- Một thằng cha gàn đặc biệt. Từ lúc còn đi học, bạn bè đã gán cho hắn cái tên: “Tám gàn”. Gàn nhưng rất hiền. Chả biết đánh nhau bao giờ. Và cái đức quý bạn của hắn thì vô cùng. Hắn có thể cho anh những cái gì mà hắn có, nếu anh cần. Bạn bè còn gọi hắn “thằng gàn đáng yêu.”

Tám đang học năm thứ ba khoa sinh vật trường Đại học tổng hợp thì chúng tôi được gọi nhập ngũ. Năm ấy là năm 1967; chúng tôi vào Nam chiến đấu. Người ta phân chúng tôi vào một đơn vị đặc công. “Tám gàn” bây giờ lại được bớt dấu huyền để trở thành “Tám gan”. Cái tính gan lì mà trước kia chúng tôi không phát hiện ra có lẽ chính là một hệ quả của đức tính yêu quý mọi người của Tám. Một trận đánh, sau khi chúng tôi rút lui nhanh ra khỏi địa bàn tác chiến, mới phát hiện ra còn thiếu một thương binh. Cái lệ đánh nhau với Mỹ là sau khi đánh, ta phải rút thật nhanh gọn; bởi vì chỉ vài phút sau, pháo binh Mỹ có thể lập tức nã cấp tập vào vùng xảy ra chiến sự. Chính trong lúc pháo binh địch bắn như mưa như thế, Tám quay vào tìm thương binh. Suốt đêm hôm ấy, không thấy Tám về. Cả ngày hôm sau nữa, cũng không thấy Tám về. Mãi ba ngày sau, mới thấy Tám công thương binh trở về đơn vị. Hắn công bạn trên lưng, bò trong mưa pháo; rồi hắn lạc trong rừng ba hôm. Trong ba ngày đó, Tám tìm lá rừng đắp lên vết thương cho bạn, tìm quả rừng nhai mớm cho người bạn sắp chết đó. Nhờ Tám, anh lính đó còn sống.

Giỏi nhất của Tám là tài trèo cây. Có những cây rừng cao chót vót vài ba chục mét, gốc to chừng

vài người ôm, nhưng nếu có một cuộn dây thừng trong tay, Tám có thể leo rất nhanh đến ngọn. Có bạn, Mỹ đóng quân ngay dưới cây đại thụ như vậy, mà Tám vẫn gan lì nằm trên một cành cao của chính cây ấy, để quan sát địch.

Năm 1970, Tám bị thương vào đầu được giải ngũ, quay trở về hậu phương. Thời gian đứt đoạn xa cách ấy tôi không được rõ chi tiết về đời Tám, nhưng đại thể biết được Tám đã học xong trường Tổng hợp, và trải qua nhiều khúc gay go.

Hình như Tám đã trải qua một mối tình lớn, một mối tình đầy bất hạnh và lấm ngọt bụi. Có thể vì thế nên khi người đàn bà của anh chết đi, anh đã đóng đinh hình bóng người đàn bà ấy vào tâm tưởng mình. Vì thế anh không thể yêu nổi một người đàn bà nào khác. Chúng tôi đã nhiều lần giới thiệu vợ cho anh, nhưng Tám không nói gì, anh chỉ buồn bã lắc đầu.

Hình như Tám đã có lúc làm thơ...

Hình như Tám có dạo lang thang ở các quán bia rượu Hà Nội...

Hình như Tám đã gặp oan trái, anh cũng đã trải qua tù tội... (và hình như đã có lần nào đó, Tám là một nhân vật trong một cuốn sách của tôi...)

Cái đoạn đời đầy sóng gió ấy, không bao giờ Tám kể lại cho ai...

Ngày... tháng...

Chắc chắn rằng cuộc giao cảm giữa chúng tôi và Tám hôm ấy đã để lại cho tâm hồn tôi một ấn tượng mạnh, nên suốt mấy hôm liền, cả đêm và ngày tôi như kẻ mộng du lạc lõng vào những miền đất hoang vu đầy trần trở.

Có đêm, nỗi chán nản không mạnh mỗi chợt dâng lên trong tôi. Tôi nằm cứng đờ cứ tưởng như mình đang chết. Tôi thèm nhắm mắt, nhưng giấc ngủ không đến. Tôi mở mắt trần trần nhìn vào những miền bóng tối. Tai tôi hình như điếc đặc; tiếng kêu, tiếng chí choé của những lợn Bò, lợn ỉn chợt bật lặn trong tôi. Chỉ còn nghe thấy một âm thanh ri ri... đều đều, bất tận; có lẽ là bản đồng ca của lũ dế quanh nhà. Có cảm giác những tiếng dế đó không phải phát ra từ những hang hốc, những lùm cỏ dại bên bờ ao, mà ở ngay trong óc tôi cất lên. Cái âm thanh siêu thực ấy rỉ rả và không một phút ngừng. Nó được sinh ra từ đáy tâm hồn tôi tạo ra một nỗi âu lo vô hình. Cái tiếng đều đặn buồn buồn ấy nửa như ru tôi ngủ, nửa lại đánh thức tôi dậy, cuối cùng tạo ra cho tôi một trạng thái nửa thức nửa ngủ, trạng thái của những mộng mị, liên tưởng, của những ảo ảnh không ngừng chuyển động, của những suy nghĩ vụt hiện, của những tra hỏi cũ càng nhưng khôn nguôi cứ gặp dịp là dày vò trần trở.

“Làm gì?”

Ta phải làm gì đây. Câu hỏi ám ảnh rất xưa lại chợt hiện về với căn phòng thăm vắn trắng toát và lạnh lẽo. Người sĩ quan an ninh đứng tuổi hôm nào bỗng bỏ chiếc kính trắng ra, nhìn tôi chăm chú như

nhìn một con vật lạ bị nhốt trong cũi sắt ở vườn bách thú. Và đột nhiên anh ta cười. Trong những cuộc hỏi cung tôi, lần đầu tiên anh ta cười và cũng là lần độc nhất.

Đó là tiếng cười độc ác nhất mà tôi gặp trong đời. Tiếng cười đắc thắng của một kẻ cầm vũ khí, dồn đối thủ tay không đến chân tường. Tiếng cười khoái trá của một con đực bạo dâm, lột truồng người đàn bà nằm tênh hênh trước mặt mình, người đàn bà không còn cách gì chống cự chỉ còn biết giơ hai bàn tay ôm lấy mặt. Tiếng cười ngẩn thoi nhưng ròn và vang. Tôi thầm nghĩ: “Nỗi vui của con người bất hạnh.” Trong khi đó, anh ta long lanh con mắt và hùng hồn nói với tôi:

- Làm gì ư? Sao anh cứ quanh co? Anh không nói toạc ra những ẩn ý. Các anh muốn tổ chức chống đối – Anh ta nói dần mạnh – Tổ chức và chống đối, đó là điểm mấu chốt.

Sau đó anh ta tiếp tục cười, nhưng không lơ quan sát xem tôi lúng túng đến mức nào.

Biết giải thích về những hàm nghĩa của câu tra vấn muôn đời này thế nào nhỉ? Chúng tôi đang đứng ở những tầng ngữ nghĩa khác nhau. Chúng tôi đang độc thoại trước mặt nhau. Anh ta cần những nghĩa rõ ràng đơn giản. Anh ta cần sự buộc tội...

Tiếng cười của con người đeo kính trắng đã hết cao trào, nó tắt dần đi bằng những âm thanh khục khục trong cổ họng. Nó đem lại cho tôi sự kinh tởm, sự chán nản, sự căm giận, sự bất cần. Ủ! Ta chẳng cần gì nữa. Các người muốn đem ta ra mà băm vằm

cắt chặt, thế nào cũng được. Ta bắt cần... Ta bắt cần...

Tiếng cười đó thỉnh thoảng lại hiện về trong giấc ngủ của tôi. Nó hiện về để nhắc nhở, để đe dọa tôi chẳng. Tôi như kẻ bị giam cầm, mà tiếng cười đó là tên cai ngục.

Đêm nay, tiếng cười đó lại hiện về như một bóng ma ám ảnh. Nó muốn xóa đi những âm hưởng của cuộc giao cảm giữa tôi và Tám. Nó hiện hình để bôi nhòa đi cái ánh sáng nhân hậu mà tôi vừa nhận được trong lời Tám nói. Tôi thầm nhắc lại: *Poóc-xi-nô-ma-ni*.

Âm hưởng của cuộc giao cảm ấy còn theo tôi đi trong cuộc lang thang trên đường phố Hà Nội. Tôi đi dưới những vòm cây. Tôi đi giữa rừng Hà Nội. Những cây bàng, cây me cây sấu, cây phượng còn mang nặng những kỉ niệm thời ấu thơ, thời trai trẻ. Tôi dừng lại dưới gốc cây lộc vừng hồ gươm, cây lộc vừng chín gốc tỏa bóng xuống hồ, một cái bóng duyên dáng, kín đáo. Ô hay! Cái cây quê mùa ấy cũng có mặt ở chốn thị thành này sao.

Nhìn cây, lại nhớ tới quê. Cái làng quê ven đô của tôi như hình con rết. Con đường cái chạy giữa làng, toả dọc hai bên là những ngõ. Ngõ quê tôi có nhiều tên rất ngộ ngộ. Gần một trăm cái ngõ, nên người ta không thể đặt những tên sang trọng. Cũng như nhiều quê khác, chúng tôi có ngõ Điềm, ngõ Giếng, ngõ Chùa, ngõ Đình. Nhưng riêng quê tôi còn có ngõ Lên (lên dốc), ngõ Ngang (bằng phẳng), ngõ Dọc (song song với đường chính). Chúng tôi còn có

nhiều ngõ mang những tên rất vui: ngõ Chó Đá, ngõ Bà thất Cổ, ngõ Cô Hồn. Riêng tôi, tôi rất thích những ngõ mang tên cây cối: ngõ Si, ngõ Đề, ngõ Hoàng Lan, ngõ Dứa, ...và ngõ cây Lộc Vừng. Ôi! Ngõ cây Lộc Vừng! Chính cái ngõ đó là nơi vợ tôi sinh ra.

Năm 1954, khi tôi đi bộ đội trở về quê, tôi, cái anh chàng đô thị ấy đã ngỡ ngàng trước một tên ngõ quê, gọi lên những âm hưởng rất kỳ lạ trong tâm hồn. Một cái tên tôi chưa bao giờ nghe thấy, một cái cây tôi chưa trông thấy bao giờ, một cái ngõ quê hun hút hàng tre

Tôi lững thững đi trong ngõ, sung sướng vì một hồn quê rung động. Một cô bé, quần ngắn cũn cỡn, tóc kẹp sau lưng, lễ phép chào anh bộ đội... Mấy năm sau, cô bé ấy đã trở thành vợ tôi. Khi chị gái tôi giới thiệu tên cô bé ở trong cái ngõ Lộc Vừng đó, tôi chưa hề biết mặt cô. Nhưng nghe cái tên ngõ, không hiểu sao lòng tôi đã tin cậy. Tôi gặp cô, và một tuần lễ sau, cưới cô.

Tôi đã mang cây lộc vừng quê nhà ra Hà Nội, và cây lộc vừng bị tách khỏi quê hương ấy đã hơn hai chục năm nay chịu khốn khổ cùng với kiếp lưu đầy của tôi. Một người đàn bà lấy phải một người chồng lúc nào cũng ngay ngáy những theo dõi, thăm vắn, những đe dọa tù đầy! Tôi chịu ơn cô ta; tôi chịu ơn sự thủy chung lắm lụi, tôi chịu ơn sự khiêm nhường gánh chịu, tôi chịu ơn sự đói khát tha thui...

Có thể trong tôi đã dấy lên sự phản ứng vô ơn. Có thể tôi muốn trả thù sự chịu ơn đó; một phản ứng

vô thức để xoá sạch những ân huệ đó chẳng? Tôi đã phóng chiếu sự bất lực, sự căm giận, sự giả dối vào nàng, để qua đó mà trốn chạy gánh nặng lương tâm; để qua đó mà rũ nợ với nàng; để qua đó mà hả hê trả thù những gì mà mình không trả thù nổi; để nhờ đó mà tạo nên một màng che giả dối, một chỗ chôn lủi, một an ủi cho những thất vọng của đời mình.

Những ý nghĩ buồn bã và ray rứt đó có thể chưa đúng lắm, nhưng có thể là một sám hối. Lương tâm lên tiếng để tạo ra một đối trọng, để cân bằng những bi quan u uất trong tôi. Dù sao, đó cũng là một sám hối.

Khi đêm đã khuya, tôi từ giã cuộc lang thang trở về nhà. Giá như đêm ấy tôi gặp nàng, có lẽ tôi trở nên một người chồng nồng ấm để tạ cái ơn gánh chịu. Có lẽ từ một kẻ sám hối, từ một kẻ biết ơn, tôi có thể trở thành một người tình của vợ tôi cũng nên. Nhưng đêm hôm ấy, vợ tôi vắng nhà. Xí nghiệp của vợ tôi phải dặt vội một tấm thảm hoa cho một chính phủ nước ngoài sắp đến kỳ đại hội.

Tôi ngồi trên chiếc ghế bành cà khỗ, uống rượu liên miên và nghĩ tới những bông hoa sắc sỡ mà vợ tôi đang cắm cúi cài trên tấm thảm...

Ngày... tháng...

Những suy ngẫm của tôi rốt cuộc cũng vẫn chỉ là những suy ngẫm. Nó vẫn không phá nổi những

hàng rào ngăn cách trong gia đình tôi. Không khí gia đình bình lặng nhưng thực chất lạnh lẽo; trong khi đó cuộc chiến tranh lộn vẫn tiếp diễn. Con lợn ỉn lang vẫn chống trả lại con lợn Bò một cách mãnh liệt; mình mẩy nó đầy vết thâm tím. Vợ tôi đã bắt đầu nói chuyện với tôi. Cô ấy đã bình tĩnh hơn. Chúng tôi nói chuyện với nhau từ tốn và lịch sự. Chúng tôi đều cố gắng lùi lại, dùng cái áo giáp lịch sự để tránh những ngôn ngữ thô bạo đụng độ lẫn nhau, vì sự đụng độ ngôn ngữ sẽ tạo ra những vết thương nhớ đời, không bao giờ có thể hàn gắn nổi.

- Có lẽ, ông nên bán con lợn Bò đi.

- Con lợn ấy lớn rất nhanh. Bán đi thì tiếc. Chỉ hai tháng nữa là nó đầy tạ...

- Nhưng nó hung dữ quá... Thấy nó cắn con lợn Lang mà sót sa lòng dạ.

Tôi cúi đầu xuống nói nhỏ:

- Biết làm sao được... Nó chóng lớn... Mà gia đình thì cần tiền...

Vợ tôi cũng cúi đầu xuống, lầm lũi bỏ đi.

Ngày... tháng...

Cả ngày tôi chẳng nói nửa lời. Tôi lặng lẽ làm những công việc không tên: hết vớt bèo lại đến băm bèo, hết rửa chuồng lợn lại đến đi mua bã đậu, hết đun cám lại đến giờ cho lợn ăn...

Tôi chán ngán những cuộc giao tiếp, tôi chẳng muốn nhìn mặt ai nữa. Suốt ngày, tôi ở bên chuồng lợn để chăm sóc và quan sát chúng. Tôi như một kẻ mắc bệnh tâm thần ngộ nhận về niềm say mê của mình. Cũng có thể chẳng phải ngộ nhận mà đó là niềm vui thực sự của tôi. Tôi quan sát lũ lợn một cách tỉ mỉ như người viết văn quan sát cuộc đời...

Thì ra giống lợn ỉn cũng đê tiện chẳng kém giống lợn Bò. Cuộc chiến tranh lợn đã đến giai đoạn kết thúc thực sự. Đã phân biệt rõ kẻ thắng người thua. Chứng cứ: hôm nay đã thấy con ỉn út ve vãn lợn Bò. Ỉn út là một cô lợn cái hay ăn và vẫn chịu lép vế nhất trong đàn lợn ỉn. Tuy tính nó hiền, nhưng trước kia, khi đàn lợn ỉn còn nắm quyền thống trị, thỉnh thoảng cô út cũng vẫn dùng mõm thoi vào bụng con lợn Bò. Khi con Bò vùng lên, cô út vẫn đi theo hai con ỉn đàn anh, dẹp loạn lợn Bò, nhưng cô ta chỉ đàn áp con lợn Bò bằng cách hò la ồn ỉ.

Hôm nay, khi thấy con ỉn Lang mình mẩy thâm tím, và cứ lùi chạy mỗi khi con Bò xông tới, cô hiểu ngay phe ỉn của cô thua là phần chắc. Và cô tìm cách đổi cờ. Buổi trưa, khi lợn Bò nằm ngủ, cô ỉn út đã lân la đến bên nó và đánh hơi khịt khịt. Ái chà! Ve vãn đấy! Ve ông chủ mới đấy. Ông lợn Bò nhà ta mở mắt ra và hắt hơi, cô ỉn út lùi ngay lại xó chuồng đối diện, vừa ị ị khe khẽ vừa run rẩy như van xin:

- Em xin ông mà... Đúng là chúng nó... chứ em... có bụng dạ nào dám đánh lại ông.

Con Bò cũng tỏ vẻ quân tử, khi nghe thấy cái giọng ị ị thảm hại ấy, nó liền nhắm mắt lại. Và khi con ỉn út, lần thứ hai, mon men đến gần, nó vẫn nằm im lìm, giả vờ ngủ. Đúng hăn giả vờ ngủ, tôi quan sát thấy cái mũi hăn còn ngo ngoe có vẻ khoái chí. Có lẽ hăn phồng mũi, bởi vì cái giọng ị ị của con ỉn út nghe cũng êm tai, dễ thương.

Ngày... tháng...

Trong mọi cuộc chiến tranh đều có ngày hưu chiến. Thường thường, hai bên quân đội đối địch đều nêu nên tính chất nhân đạo của mình, và đề nghị đối phương ngừng đánh vào những ngày hội hè truyền thống để cho binh lính được hưởng những phút hoà bình cổ truyền của một cộng đồng hay một bộ tộc nào đó.

Chuồng lợn của tôi cũng đã xảy ra một ngày hưu chiến như vậy. Hôm nay, suốt từ sáng đến giờ không hề nghe thấy một tiếng chí choé nào; hai bên đã ngừng đánh nhau. Tôi ngồi hút thuốc lão vật trong nhà, chột lầy làm lạ vì sự im ắng ngoài chuồng lợn, mặc dù trời sáng đã từ lâu. Tôi nghĩ bụng: có khi đã lập lại hoà bình hoàn toàn rồi cũng nên.

Trời mưa. Tôi đội nón bước ra ngoài chuồng lợn. Thì ra chưa phải hoà bình, mà mới chỉ là hưu chiến; bởi vì chú lợn Bò đang nằm thượt; giang chân giang tay, hỉ hả trên chiếc tải, còn ba chú ỉn thì ngồi

chồm hồm ở góc chuồng khác, mắt vẫn nhìn sang con Bò với vẻ hậm hực.

Tôi thăm mừng và cả thăm lo; mừng vì một cuộc hưu chiến tạm thời cũng có thể tiến diễn tốt đẹp và trở thành một hoà bình lâu dài; còn lo vì thông thường sau cuộc hưu chiến, hình như hai bên đều được nạp lại cái năng lượng riêng của cộng đồng mình, nên họ sẽ thù địch, sẽ căm ghét nhau hơn, họ sẽ cắn xé nhau dữ dội hơn.

Tôi khôn ngoan nghĩ bụng: “Chính ta sẽ là người đứng giữa.” Nhiều khi vai trò của người thứ ba hoà giải rất quan trọng; nếu khôn khéo tìm ra được những lợi ích chung của cả đôi bên, thì người đứng giữa sẽ có thể làm cho hai đối thủ trở nên biết điều hơn, biết chấp nhận những điều khoản chung một cách phải chăng, để đi tới chỗ thoả hiệp với nhau và tiến tới hoà bình thực sự.

Nghĩ về vai trò đứng giữa của mình như vậy, nên tôi khuyên nhủ hai phe lợn:

- Các cậu ngốc lắm! Tranh dành với nhau ngôi bá chủ để làm gì? Cái chuồng lợn của tớ bé tẹo, và lại cư dân chỉ có bốn móng. Hãy thử nghĩ xem, một ông vua lại chỉ cai trị ba người dân thôi sao? Tớ thấy cuộc tranh dành này lỗ bịch lắm. Mà tranh dành nhau cái gì? Miếng ăn ư? Đẳng nào cũng chỉ cần đủ no. Vả lại miếng ăn no hay đói đều do tớ cả cơ mà. Tớ xin đảm bảo cho các cậu đủ no. Ngừng hẳn đánh nhau lại nhé.

Con lợn Bò mắt tím đi, ti hí, như cười cợt và như muốn nói:

- Đến ông mà cũng không hiểu quy luật đó ư? Bất cứ ở đâu, hễ đã có hai người trở lên là phải có ngay một người chỉ huy và một người theo lệnh. Hai vợ chồng cũng phải có kẻ xướng người tùy, hoặc chồng nắm quyền, hoặc vợ nắm quyền. Không chấp nhận điều đó, thì vợ chồng cũng phải tan vỡ. Đó là qui luật của cuộc sống bầy đàn, sống cộng đồng, muốn tránh cũng không được. Vì vậy bốn người ở đây, ắt phải có người cầm đầu. Người cầm đầu đó ta gọi là trưởng, là thủ lĩnh, là tướng, là chủ, là chúa, hay là vua... tùy theo mức độ quyền lực. Thường người ta thích làm vua hơn cả, bởi vì vua có quyền tuyệt đối, tuyệt đối ở mọi lĩnh vực. Người nào nắm quyền tuyệt đối nhiều nhất, kẻ ấy là vua, dù cái tên gọi tùy theo thời đại có thể khác đi. Ông vua có quyền hưởng thụ vật chất và cả tinh thần nhiều nhất. Nói thật với ông, tôi thích làm vua, dù là vua trong chuồng lợn; bởi vì trong cái chuồng lợn dù nhỏ bé này, tôi sẽ được ăn nhiều hơn, và ba thằng ỉn kia sẽ là những tôi tớ hèn hạ của tôi. Tôi nói gì chúng cũng phải nghe, tôi muốn gì chúng cũng phải chiều. Tôi sẽ là kẻ sung sướng nhiều nhất, tự do nhiều nhất. Còn quyền hạn của lũ ỉn kia chỉ là biết vâng lời, biết ăn ít, biết nói ít, biết hầu hạ nhiều. Kẻ nào không nghe, chống lại thì phải đánh cho đến lúc câm miệng, hoặc cần thiết, đánh cho đến chết...

Tôi phá cười lên rồi gật gù:

- Chà chà! Một bài luận văn xã hội học của loài lợn. Nghe có vẻ sâu sắc đấy! Hùng biện đấy!... Nhưng thôi! Bàn cãi làm gì... Hôm nay trời mưa, rét,

buồn... Và có lẽ là ngày tết của loài lợn. Đúng! Chắc là tết nên các cậu mới hưu chiến. Nghỉ đánh nhau là tốt. Hãy ăn tết cho vui. Hôm nay, tôi sẽ tăng khẩu phần tốp mỡ gấp đôi cho các cậu, tăng lượng mì gấp rưỡi, thay bèo bằng rau muống, còn ít nước cá kho tó cũng đổ nốt vào nồi cám. Thấy chưa! Chỉ mới nói các món ăn thôi, các cậu đã sều bọt mép. Hoan hô ngày tết lợn! Rất tuyệt! – Tôi bắt đầu bốc – Này, tó sẽ cho các cậu lơ mơ một chút rượu nữa. Thế nào? Nghe được chứ?

Cả bốn chú lợn đều chồm lên dónag tre mà ỉn. Chúng đã đồng ý.

Hôm nay tôi khôn ngoan thật. Tôi hứa cho bọn lợn uống rượu, và tôi thực hiện điều đó ngay. Khi cho ăn, tôi đổ cám chia làm hai máng. Lợn Bò ăn riêng mình một máng, và ba con ỉn ăn riêng mình một máng. Tôi đứng đấy, tay cầm roi tre, tay cầm chén rượu. Bọn lợn lao vào máng ăn không kịp thở. Tôi ngậm rượu trong mồm, rồi phun phì phì vào đàn lợn. Hơi rượu thơm lừng. Đàn lợn bỗng trở nên mơ màng, dịu dàng. Lạ chưa! Lợn cũng biết say. ăn xong, đôi bên rút luôn vào chỗ nghỉ, và chỉ một phút sau, chúng đã ngáy pho pho.

Đàn lợn say, và ta cũng say. Ta ngửa mặt lên trời, một mình cười ha hả. Ôi! Ta vui vui quá, vui đến chảy nước mắt ra đây. Ôi chao! Ta quá mệt mỏi vì cuộc chiến tranh của lợn Ta cho chúng uống rượu chỉ cốt đi tìm một ngày nghỉ ngơi. Ta muốn uống be đầy be vơi cho đầu óc quay cuồng rồi nằm lãn, chết lịm.

Mưa rơi! Mưa rơi!

Mưa thổi đất thổi cát, làm cái ngõ nghèo của ta trở thành một vũng bùn lầy lưa. Ta và đàn lợn của ta nằm giữa cái ao bùn mênh mông đó.

Mưa rơi! Mưa rơi!

Mưa rót đàn buồn vào trong tâm tưởng, làm ta nẫu ruột nẫu gan. Con ta ư? Vợ ta ư? Bạn bè ta ư? Các người thương ta mà sao nỡ bỏ ta một mình trên cái ốc đảo bơ vơ và lầy lưa này.

Tám ơi! Người ta bảo anh điên, nhưng thực ra anh điên hay là tôi điên?

Nghĩ đến Tám, tôi bỗng sờ tay lên ngực. Hôm qua, anh vừa trao cho tôi một trang của Bách Khoa Lợn.

Trong cái nửa tỉnh nửa say, trong tiếng mưa rơi, tôi mơ màng đọc...

Quái thai

Thông tấn xã vừa hè cho biết ở Nam Định, có người đàn bà đẻ ra một ổ năm người con mình người, đầu lợn.

Tin vừa hè, nhưng chắc là sự thực, bởi vì theo các nhà khoa học thì số quái thai trên thế giới ngày càng tăng. Tôi nhớ đã đọc một tờ báo Mỹ (*Newsweek* thì phải) năm ngoái, thấy đăng tin một người đàn bà Mỹ cũng đẻ được một ổ bốn đứa con mình người đầu lợn.

Như tôi đã phát biểu, nguồn gốc loài người ngoài chất khí, còn có chất lợn. Sách Tây Du có chép, Trư Bát Giới đã hiếp dâm và thông dâm với rất nhiều phụ nữ. Nhiều sách cổ khác cũng ghi lại những trường hợp phụ nữ thông dâm với lợn.

Các nhà bác học cho rằng việc sinh đẻ ra những quái thai người lợn là do con người đã thử bom nguyên tử quá nhiều. Những đám mây phóng xạ bay trên những tầng cao khí quyển, và bụi phóng xạ lẫn vào nước mưa rơi trên khắp địa cầu, con người do hít phải bụi phóng xạ, ăn phải cá phóng xạ... nên đã đẻ ra những quái thai.

Tôi cho rằng phải dùng thuyết di truyền để lý giải hiện tượng quái thai. Riêng sự tạp giao từ thời hoang sơ với lợn đã tạo ra những con người – lợn. Có thể những gien lợn trội sẽ tạo ra những con người có đầu lợn, hoặc chân lợn, hoặc tai lợn... Cũng có thể gien lợn ấy lại nằm ở một tính cách, một tâm lý, và những điều đó sẽ không bao giờ xuất hiện cho ta dễ thấy như một bộ mặt lợn, hoặc cái tai lợn...

Con người tăng theo cấp số nhân, giống người –lợn cũng tăng theo cấp số nhân. Và vì khả năng nhân giống của lợn so với người lớn hơn, vì vậy số người – lợn trên trái đất khá đông.

Thật thú vị nếu ta có một thứ “Chiếu Trư kính“, nghĩa là một thứ kính nào đấy có thể nhìn ra những gien lợn trong mọi con người. Chắc rằng thứ “Chiếu Trư kính” ấy phải đem lại cho chúng ta nhiều điều sững sốt, có thể ngạc nhiên nhiều hơn cả những

điều mà ta đã tìm ra qua chiếc kính hiển vi; bởi vì kính hiển vi chỉ cho phép ta nhìn thấy những vật thể cực nhỏ trong cơ thể con người, còn “Chiếu Trư kính” thì lại có khả năng giúp ta nhìn thấy tính cách của con người.

Ngày... tháng...

Tin Lân bị bắt làm cho cái ngõ nghèo của tôi ồn ào hẳn lên. Người hàng xóm báo tin khi tôi đang cho lợn ăn. Tôi không tin ở tai mình nữa và tôi cũng không tin chuyện đó xảy ra. Lân là anh bộ đội phục viên, hiền lành, suốt ngày chỉ lăn lóc với đàn lợn... anh ấy không thể làm điều gì phi pháp.

Người hàng xóm giải thích:

- Thì anh cứ ra mà xem. Đã chín giờ rồi. Giờ này là giờ Lân nấu cám. Đáng lẽ cái lò luyện cám của anh ấy phải khói um. Thế mà, nay vẫn lặng tờ.

Tôi vội vã ra đường, nhìn về phía nhà Lân, quả nhiên không thấy ngọn khói đen sì như con rắn của anh bay lượn trên trời. Tôi hối hả đi đến nhà anh. Chị Lân và lũ trẻ con đang sụt sịt ở góc nhà.

- Câu chuyện ra làm sao? – Tôi hỏi.

Người đàn bà mếu máo trả lời:

- Họ đến từ sáng sớm. Họ đọc lệnh khám nhà. Họ bảo nhà tôi bị tố cáo tàng trữ của gian. Họ lục lọi rất kỹ rồi bắt anh ấy đi. Họ bảo tôi cứ yên chí, chắc có sự nhầm lẫn gì đấy, chỉ vài ngày anh ấy lại về.

- Họ mang theo những thứ gì đi.

- Một chiếc xe đạp... Tôi có hỏi... Họ bảo sự nhảm lẫn chắc bắt đầu từ chiếc xe đạp Phụng Hoàng này... Khốn khổ! Tôi bảo mua chiếc xe ấy bằng tiền bán lợn... Họ lại bảo không sao cứ yên chí... chỉ vài hôm anh ấy sẽ về cùng với chiếc xe đạp.

Tôi sốt ruột, hỏi gặng:

- Họ còn mang đi thứ gì khác nữa?

- À... Họ còn mang đi chồng giấy anh Lân vẫn để ở dưới đáy cái tủ mọt.

- À... Ra thế...

Tôi đã chợt hiểu vấn đề, tôi an ủi chị Lân vài câu rồi buồn bã ra về. Tôi buồn rữ hẫng đi, vừa sót xa vừa lo lắng, lo cho bạn và sót sa cho mình.

Chồng giấy mà họ lấy đi đó là tập bản thảo của tôi. Nó mới chỉ là cái trứng, cái bào thai, những dòng chữ của tôi đâu đã được nhìn ánh mặt trời... Thế mà họ đã bắt nó đi. Cả đến quyền sách cũng mang kiếp tù ngục.

Tôi lại ngồi vào chiếc ghế bành cà khổ và lại miên man suy nghĩ.

...Những năm tháng lưu đầy, tôi vẫn cặm cui như con dã tràng đi theo cái nghiệp chướng của tôi. Tôi làm lũi ghi ghi chép chép. Ban đêm, khi vợ con đã ngủ, tôi vắn to ngọn đèn dầu hỏa, và dưới ánh sáng vàng khè, đã biết bao đêm, tôi thả trí tưởng tượng của tôi mặc cho nó nổi trôi trên trang giấy. Tôi là kẻ đi tìm một vẻ đẹp hiếm hoi ở đời này. Tôi là kẻ đi tìm một chút từ bi còn sót lại ở cõi nhân

gian hiện đại. Những ngày thăm vắn, đêm tôi vẫn viết. Những ngày cải tạo, sau nhọc nhằn tôi vẫn viết. Những ngày đói khát, tôi nhỏ nước mắt ra trên trang giấy. Viết để không in, viết còn để chuốc thêm lo lắng sợ hãi. Nhưng biết làm sao được... Đó là nghiệp chướng của tôi... nghiệp của một kẻ phải làm nhân chứng ở đời. Ta chỉ nói đến cái thật, ta đâu có làm hại cho ai, thậm chí chỉ làm lợi cho mọi người là khác. Có sao các người săn đuổi ta, dồn ta đến những miền cay cực. Cả số phận những trang giấy của ta cũng là số phận lưu đầy. Các người chỉ biết truy tìm, chỉ biết huỷ bỏ, chỉ biết kết tội. Ôi! Từ ngàn đời xưa đã có tội yêu thư, yêu ngôn; đã có cắt lưỡi, chặt đầu, đã có nạn cung hình vì sách.

Trời hỡi! Nói lên những ý nghĩ mà cũng phải giấu giếm. Ta đã đốt sách trong ống bọc đầu hồi để cho con mắt người đời khỏi nhòm ngó. Chuột vào làm tổ trong sách, ta thương những tờ giấy nát vội phải đào hố, chôn sách ngủ im dưới đất. Mưa to, nước tràn nhà rách, ta lo lắng lôi sách lên để gói đầu giường. Ngồi bó gối, ta nhìn làn nước lũ mênh mông quanh mình; nhìn những con rắn phồn phơ ve vẩy, gặp kỳ hồng thủy, đang hành hoành bơi lội, ta muốn kêu to, xé sách, muốn gào gọi mưa lớn hơn nữa cho lũ cuốn phăng đi cả cái thế gian này cho khuất mắt.

Hôm ấy, ta đã ôm mặt khóc. Người bạn nghèo thương ta, hiểu ta, đã nâng niu trang sách, đem nó về, đặt dưới đáy chiếc tủ mọt. Và cũng vì những trang giấy nát ấy, hôm nay bạn tôi lâm nạn. Lân ơi! Cái ơn này của anh bao giờ tôi trả nổi.

Chị Lân ạ, họ sẽ trả chồng chị về, nhanh chóng thôi. Cái xe đạp chỉ là một cái cớ vợ vẫn bịa ra cho hợp lý, mặc dù nó không hề hợp lý. Họ muốn tìm cái khác cơ. Họ nghe nói rằng tôi vẫn viết; một vài người bạn đã đọc những bản thảo của tôi. Rồi người họ đồn người kia và tiếng đồn đến tai họ. Như vậy, số phận cuốn sách phải là bị truy lùng, săn đuổi. Vợ tôi vẫn luôn luôn lấy đi lấy lại một điệp khúc buồn phiền;

- Anh viết để làm gì? Nên Vương nên Tướng gì? Bao nhiêu tai vạ vào thân, thế mà đêm nào anh cũng trong mắt ra, để mà hí húi, để mà làm bầm một mình như thằng rồ. Tôi lạy anh, tôi van anh, anh bẻ bút đi.

Cây Lộc vùng hiền hậu quê tôi đã nói như vậy đó.

Hôm nay, thấy tôi nằm lì đắp chăn trên giường, mắt nhắm nhìn vào xa vời, vợ tôi hình như cũng đoán biết ra được phần nào tâm trạng của tôi. Trong những ngày tôi bị thẩm vấn, tôi cũng đã nhiều lần nằm trơ trơ câm lặng như thế đó. Những lúc như vậy, tôi chẳng muốn nói chuyện với ai; và mọi người trong gia đình hình như cũng biết được lòng tôi, nên chẳng ai hỏi tôi một lời. Tôi cảm ơn sự im lặng của mọi người, bởi vì mọi ngôn ngữ an ủi đều là thừa, là vớ vẩn; nó chẳng giúp gì được ta và chỉ làm lòng ta thêm bồi rối.

Trong những lúc như thế này tâm trạng của tôi là gì? Oán hận ư? Cũng có; thương người ư? Cũng có; thương mình ư? Cũng có; chán nản ư? Cũng có; kiêu hãnh khắc kỷ ư? Cũng có. Tôi kiêu hãnh chấp

nhận thách đố. Tôi xin gánh chịu. Lúc này, còn chút sù gì cần thiết nhất cho con người, chắc đó là nhân phẩm. Mong sao tôi cố giữ gìn được cho mình chút nhân phẩm đó. Và khi còn chút nhân phẩm, nếu tôi biết một sự thật nào đó nghiêm trọng mà tôi không nói ra, tức là tôi có tội.

Vợ tôi không nói trực tiếp với tôi, cô ta rì rầm với con dưới bếp. Lát sau, thằng Linh lên nhà bảo tôi:

- Bố ơi! Con nấu cháo cho bố ăn nhé?

Ngày... tháng...

Như tôi đã dự đoán và chờ đợi. Tôi đã nhận được giấy gọi của Cục Điều Tra Xét Hỏi. Cả đêm, tôi không ngủ, nằm suy nghĩ liên miên, cuối cùng cũng tìm ra được một quyết định cho thái độ của mình. Sáng, tôi dậy sớm, hâm bát cơm nguội cho nóng lên, rồi ăn. Những hạt cơm khô khốc như tắc lại ở cổ, song tôi cố nuốt. Tôi có nhiệm vụ phải ăn để ấm bụng, để lấy sức. Tôi thay quần áo, ăn mặc sạch sẽ, thậm chí còn lấy lược chải mớ tóc bù sù.

Sau đó, tôi đạp xe đạp đến phố B. Lần gọi này, người ta không hẹn tôi đến một trụ sở chính thức nào, mà lại hẹn ở ngôi nhà số 113 phố B. Tôi lần đi dọc theo dãy nhà số lẻ. Tôi tần ngần rồi ngạc nhiên; không có số nhà 113. Hay có sự nhầm lẫn. Có thể là

số 13. Tôi đến số nhà 13. Đó là một cửa hàng bán đồ trang điểm cho phụ nữ. Thế là tôi tần ngần đứng và liếc nhìn người đàn bà trẻ lộng lẫy đứng sau một tủ kính nhỏ. Cuối cùng, tôi đánh bạo đến gần, nhưng chưa dám hỏi. Cô bán hàng nhìn tôi ăn mặc xoàng sĩnh nên không chào mời. Có lẽ cô ta tưởng tôi là một anh bộ đội già quê mùa nào đó, thấy những đồ lạ thì ngơ ngáo nhìn xem. Cuối cùng tôi cũng đánh bạo:

- Xin lỗi cô... Cho tôi hỏi nhờ... đây có phải là ... một địa điểm... của công an.

- Công an gì? – Cô gái cong hàng mi giả ngạc nhiên hỏi lại.

Người chồng cô ta đang ở trong nhà, bước vội ra:

- Ông muốn hỏi gì?

- Tôi... Tôi muốn hỏi... Cục Điều Tra Xét Hỏi.

Người chồng mỉm cười:

- Thưa ông, ở đây chỉ có silíp, su chiêng, son, phấn, và nếu ông cần có cả viên tránh thụ thai... Ở đây chúng tôi ít quan tâm đến sự điều tra, xét hỏi. Chúng tôi chỉ quan tâm đến người đàn bà, sao cho đẹp...

Tôi đỏ bừng mặt, xin lỗi rồi dắt xe đi. Sau lưng tôi, vẫn còn nghe thấy tiếng cười khúc khích của đôi vợ chồng trẻ. Thế đấy, cuộc đời đâu cần đến những ưu tư của ta. Cái người ta cần là miếng ăn cho ngon, người đàn bà sao cho đẹp. Tôi là một thằng ngơ ngẩn, một thằng gàn, tôi đã lầm lẫn bước vào cõi đời

này chẳng? Tại sao tôi lại tự làm khốn khó vào thân...

Tôi buồn rầu, dắt xe đạp đi đến cuối phố; có lẽ tôi định về. Chính lúc ấy một chàng thanh niên trắng trẻo khôi ngô mặc bộ quần áo Jeans đến trước mặt tôi:

- Xin lỗi. Ông có phải là Hoàng ...
- Vâng. Tôi đây.
- Đồng chí ấy chờ ông đã nửa tiếng.
- Tôi không tìm thấy số nhà 113.

Anh thanh niên chỉ cho tôi ngôi chùa nằm ở ngã tư đường phố. Một ngôi chùa to, có một bóng hoàng lan, có một vườn chuối xanh ngát, có những ngôi tháp táng mộ những sư tổ, cao thấp xây bằng gạch nung già để trần mộc mạc... Ngôi chùa không có số nhà, ngôi chùa nằm ở một ngã tư, chông chênh như chẳng thuộc về đâu. Té ra là thế.

Tôi bước qua cổng tam quan. Tôi bước vào nơi xa lánh tục lụy. Ô hay! ở chốn hư vô này, mà tục lụy vẫn xâm nhập được vào sao?

Sư tổ là một cụ già gày guộc đeo kính đang đứng bắt sâu cho một bụi hoa sỏi. Tôi kính cẩn chào.

Người sư già đáp lại “A di đà phật” . Rồi ông ngược nhìn khuôn mặt tôi. Một nét buồn thoáng hiện trên khuôn mặt vị tu hành. Người thanh niên bảo tôi chờ một lát, anh bước vào lối sau chùa. Tôi nói với sư già:

- Chỗ cụ tịch tịch quá. Thừa cụ, nhiều lúc cháu thèm tịch tịch...

- Thừa ông, cái tịch mịch là ở trong tâm. Tâm mà sáng thì ở giữa chốn phồn hoa, lòng ta vẫn tịch mịch.

Tôi cúi đầu lặng yên. Vị sư già lại cúi xuống bụi hoa. Câu nói của cụ là băng quơ, hay một lời khuyên nhủ; tôi chẳng biết nữa, nhưng thực sự nhờ lời nói của cụ, lòng tôi bỗng bớt xốn xang.

Người thanh niên dẫn tôi vào nhà tổ. Ngôi chùa kiến trúc hình chữ tam, mà nhà tổ là nét chữ cuối cùng.

Người sĩ quan an ninh lần này là người khác; không phải con người gầy guộc đeo kính như cách đây chục năm. Đó là một người tầm thước, không béo không gầy, vẻ mặt đôn hậu đã mang nhiều nếp nhăn từng trải, mái tóc hoa râm đã ngả nhiều sang màu trắng.

Ông ta hoà nhã bắt tay tôi, rồi mời tôi ngồi ở chiếc tràng kỷ đối diện. Ông ta mở đầu:

- Xin lỗi ông Hoàng. Tôi muốn hôm nay là một cuộc trao đổi chứ không phải là một cuộc thẩm vấn. Chính vì vậy, chúng tôi mới chọn địa điểm là ngôi chùa này. Chúng tôi nhờ tạm sư cụ để làm việc với ông.

Người tóc hoa râm bạc rót nước phích pha trà, rồi mời tôi hút thuốc.

Những lần trước là sự đe dọa, là căn phòng trắng lạnh lẽo phi nhân. Lần này là sự mời mọc, là một ngôi chùa nhân ái. Lần trước là một con người khắc khổ cứng nhắc, lần này là một con người từng

trải đầm ám. Tuy nhiên, tôi không hề ngạc nhiên. Tôi hiểu mục đích cuối cùng mới là quan trọng.

Chúng tôi bắt đầu vào cuộc trao đổi, hay nói cho đúng hơn, vào cuộc thăm vắn êm ái:

- Ông Hoàng ạ. Chắc ông đã biết, chúng tôi đã sưu tập được bản thảo một cuốn tiểu thuyết của ông.

- Tôi biết các ông đã lấy ở nhà anh Lân. Việc đầu tiên tôi đề nghị, xin các ông thả anh ấy ra. Anh ấy không có tội.

- Việc đó chúng tôi sẽ giải quyết. Nhưng điều chúng tôi muốn biết là tại sao ông lại giấu cuốn sách đó đi nhỉ?

- Tôi không giấu. Tôi chỉ sợ mất nó. Chắc các ông cũng rõ quyển sách đó làm tôi mất bao tâm huyết.

- Thực ra việc mang giấu nó đi đã mang một hàm nghĩa phạm tội. Tại sao phải giấu? Vì nội dung của nó chứ gì? Nhưng thôi, đây chỉ là vấn đề nhỏ, chúng ta cho qua. Điều chúng tôi muốn ông trao đổi đó là những quan điểm của ông về mọi mặt cuộc sống. Trong cuốn sách ông dùng nhiều đến ẩn dụ, biểu tượng...

- Thưa ông, cho phép tôi không cần trình bày về những quan điểm nghệ thuật. Tôi cũng đã có ý định trao đổi thành thực với các ông về những quan niệm của tôi, vì thực ra có gì đáng giấu giếm đâu.

- Ông thành thực?

- Vâng tôi muốn thành thực. Bây giờ, thành thực là nguy hiểm, người ta bảo thành thực là xuẩn ngốc.

Đúng vậy. Nhiều người bạn đã khuyên tôi như vậy. Nói thẳng những ý kiến của mình ra với những người đang săn đuổi mình ư? Thật điên rồ. Nhưng đêm qua tôi đã quyết định rồi. Trong thực tế hiện đại, từ Đông sang Tây, vì những lý do văn hoá, vì sự đàn áp, vì những tham vọng... con người luôn phải khoác trên người bộ áo giáp giả dối. Sự thành thực chỉ là trò xa xỉ.

Thế nhưng, hôm nay tôi đã thành thực với những con người đã làm tôi đau khổ. Không phải thành thực để xin xỏ họ một điều gì. Cũng không phải vì muốn sắm vai anh hùng rơm. Tôi không cần, tôi bất cần mọi thứ. Tất cả chỉ vì tôi đã chán ngấy.

Khi Trung Quốc mang mấy chục vạn quân đánh tràn ra khắp biên giới nước ta, một anh bạn, cũng bị kết tội là một tên chống đối như tôi lại bị kết thêm cái tội thứ hai bởi vì vợ anh là người lai Trung Hoa, đã bảo tôi rằng: “Hay là tao chết, mày có thấy cần không? Bây giờ, tao có thể sẵn sàng cầm một bình xăng để tự tưới vào mình, tự châm mỗi lửa vào mình, và chết bất cứ lúc nào, ở một địa điểm nào xét ra có lợi cho mọi người. Hoàng ơi! Mày nói thực lòng đi. Tao có cần làm thế không?” Ôi! Cái thế hệ ngây thơ, lý tưởng chủ nghĩa của tôi đã bỏ cả tuổi xanh đẹp đẽ của mình và đầu óc đầy những ảo tưởng đẹp đẽ. Bây giờ, chúng tôi còn cần gì nữa đâu. Chúng ta đang đứng trước một ngõ cụt.

Chính vì thế nên tôi đã nói với người sĩ quan an ninh già kia:

- Đất nước chúng ta đang rơi vào một chủ nghĩa hư vô. Người ta đã dè bủ, rồi xóa bỏ tất cả những cái nhân đạo xưa, để thay thế vào đó bằng một thứ chủ nghĩa nhân đạo mới, ở đó bóng dáng con người mờ nhạt. Người ta vẫn rao giảng một cái gì đó quá ư khoa trương, đẹp như một ống kính vạn hoa, để rồi con người soi mình vào đó và không thấy khuôn mặt của mình ở đâu cả. Cái áo quá đẹp ấy không hợp với kích cỡ con người. Chúng tôi chán ngấy sự ồn ào miêu và chỉ thèm khát một tấm áo giản dị nhưng vừa vặn. Chúng tôi chỉ thèm một thứ nhân đạo đích thực, ở đó người nào nhìn vào cũng thấy khuôn mặt của mình.

Hình như người sỹ quan an ninh tóc bạc kia hơi thay đổi nét mặt; song, tuyệt nhiên tôi không tìm thấy trên khuôn mặt ông ta những biểu hiện cụ thể.

Tôi thì lột bỏ mặt nạ; còn ông ta vẫn đeo mặt nạ. Sự thành thực của tôi liệu có ý nghĩa gì không? Tuy nhiên, tôi vẫn nói, vẫn cố định hình những ý nghĩ mung lung trong tôi:

- Sự tham vọng quá lớn, định làm những điều quá to tát, không hợp kích cỡ ở thế gian này, đã đẩy chúng ta vào ngõ cụt. Đất nước đang gặp thất bại và sẽ còn khó khăn. Nhưng cho dù, về mặt vật chất, các ông có thành công chẳng nữa thì tôi cũng xin nói rằng: cách mạng sẽ chỉ đẹp đẽ và hấp dẫn khi nó nhân đạo hơn, dân chủ hơn, vừa tầm vóc con người hơn mọi lý tưởng khác.

Người sỹ quan đã phải tỏ ra nôn nóng, ngắt lời tôi:

- Anh đang nói đến một thứ nhân đạo đúng ở mọi thời đại? Cái gốc rễ chống đối của anh là ở đó.

- Anh muốn nói sao tùy ý, tùy nhiên, các anh đã mất đi những cái tuyệt đối mà ở thời buổi nào con người cũng tìm kiếm. Lương tâm, cái đẹp, cái đạo lý, sự thương sót con người, tình yêu... tất cả những cái đó đều phải được lý tưởng hoá đến chỗ tuyệt đối. Cái tuyệt đối sẽ đúng ở mọi thời đại, và có nó con người mới trở thành người. Điều đáng buồn là những ai đi tìm đến chúng đều bị các anh cho là chống đối.

- Anh thù ghét chúng tôi đến thế sao?

- Tôi chỉ thù ghét sự lầm lạc man rợ.

- Còn chúng tôi?

- Tất cả chúng ta đều đáng thương.

Mặt người sĩ quan an ninh tóc bạc kia bỗng đỏ bừng, nhưng ông ta vẫn cố tự chế ngự mình để giọng nói vẫn ôn hoà:

- Những tư tưởng của anh hoàn toàn chống đối.

- Mong ông nói rõ.

- Anh muốn cái nhân đạo tuyệt đối thắng cái nhân đạo có tính giai cấp. Anh muốn cái tinh thần thắng cái vật chất...

- Có lẽ ông chưa hiểu hết tôi... Mà cũng có thể nói, có lẽ ông không hiểu được nỗi khát khao của mọi người. Nếu cái tinh thần mà không được tôn vinh...

Bây giờ thì người sĩ quan an ninh không dừng được nữa rồi. Ông ta bắt đầu tranh luận với tôi. Mặt ông ta đỏ bừng. Mắt ông long lanh. Giọng ông hùng hồn ... Ông ta thật hay giả? Ông ta đã lộ mặt nạ hay

lại đeo chồng lên thêm một chiếc mặt nạ thứ hai? Tôi cũng không biết nữa. Chỉ biết rằng chúng tôi tranh luận với nhau rất lịch sự và rất gay cấn. Ông ta giảng giải cho tôi đủ mọi vấn đề: Hạnh phúc, dân chủ, giai cấp cần lao, chính quyền, bạo lực... Ông ta nhe nanh vuốt với tôi bằng ngôn ngữ... Càng gần về cuối cuộc trao đổi, lòng tôi càng thêm chán nản. Tôi nghĩ về những chiếc vỏ bọc, nghĩ về sự sơ cứng tâm hồn... Tôi hầu như không nghe thấy lời ông ta nói nữa, bởi vì cần gì nghe tôi đã biết hết ông ta nói gì. Tiếc thay! Một gương mặt hồn hậu thế kia! Đôi con mắt linh hoạt thế kia! Một giọng nói âm áp thế kia!... Chắc cũng như tôi, ông ta đã đi vào cách mạng với một trái tim hoàn toàn trong trắng... Nhưng, chúng tôi đang đứng ở những chặng đường khác nhau... Và bây giờ, tôi đã bị coi là kẻ thù... là tội nhân của ông ta... Tiếc thay! Những chiếc vỏ bọc!... Này! Ông bạn già. Có thể nào tôi còn hy vọng ở ông một chút ít gì không nhỉ? Tôi tin vào lương tri. Chỉ có điều là phải sáng láng. Cách mạng cần phải được thiên khai (illuminé). Cũng có nhiều triều đại vua xưa kia của chúng ta đã được thiên khai, minh sáng; và người dân đã được ơn nhờ hạnh phúc. Tại sao thời hiện đại này lại không có sự thiên khai, sự minh sáng nhỉ? Tôi chắc là còn hy vọng.

Cái cách giao cảm hàm ẩn bằng tia mắt mà tôi vẫn thường dùng, có phần nào làm cho cuộc tranh luận dịu đi. Ở toà chính điện Phật, vị sư già đã bắt đầu gõ mõ. Tiếng chuông đã boong boong. Phải chăng tiếng chuông ấy, tiếng gõ mõ đều đều nhân từ

ấy đã làm lòng chúng tôi dịu lại. Chúng tôi chậm thuốc hút. Qua cuộc cầu xé hằn thù nhau bằng ngôn ngữ, hình như chúng tôi còn ngượng ngùng khi nhìn vào mặt nhau. Lúc ông ta đã nhìn thẳng được vào mắt tôi, thì đôi mắt ông ta đã hiền lành đi nhiều. Ông ta nói với tôi những lời cuối cùng:

- Ông Hoàng ạ. Tôi chỉ khuyên ông một điều: Ông cần có đầu óc thực tế hơn một chút. Có lẽ ông đã quá nhọc nhằn vì những trang sách của ông. Thực ra, chúng tôi cũng không muốn phiền toái. Nhưng, ông cũng phải để chúng tôi yên chứ...

Té ra mục đích cuối cùng của cuộc gặp gỡ này là việc khuyên tôi không nên cầm bút nữa. Vợ tôi cũng đã nhắc nhở tôi nhiều lần bằng điệp khúc ấy:

“Anh chỉ là cát bụi. Anh viết để làm gì? Sao đêm nào anh cũng trong mắt ra, để mà hí húi, để mà làm bầm như một thằng điên, để mà chuốc thêm tội nợ. Anh chết đi, tôi sẽ chôn theo đồng sách của anh vào hòm áo quan, để cho anh sung sướng.”

Xong cuộc, người sỹ quan an ninh già không bắt tay tôi, cũng không tiễn tôi ra cửa. Có lẽ khung cảnh nhân hậu của ngôi chùa làm tôi quên mất thân phận của tôi chăng, cho nên tôi mới nghĩ đến chuyện ấy. Thái độ của ông ta đã nhắc nhở tôi trở về vai trò của mình. Trong cuộc sống, con người hoàn toàn là những vai kịch mà số mệnh đã sắp đặt. Vai trò của người sỹ quan tóc bạc kia là vai trò của người cầm gậy. Ông ta phải có bộ mặt nghiêm nghị, phải có đôi mắt lạnh lùng, phải có thái độ cứng rắn đối với những người ông ta cho là phạm tội. Ông ta đứng

đấy, trên thềm nhà tổ, tay chấp sau lưng, nhìn theo tôi như muốn răn đe. Ông ta đã làm đúng vai trò của mình. Còn tôi, vai trò của tôi là phải bước đi, đầu cúi xuống lưng trĩu nặng. Nhưng bộ óc phải luôn tỉnh táo, bởi vì đôi mắt tôi còn cần nhìn, bởi vì thân phận tôi là thân phận nhân chứng ở đời; bởi vì tôi còn muốn sung sướng – Như vợ tôi đã nói – Cái hòm áo quan lúc tôi chết sẽ đầy ắp những trang giấy mà tự tay tôi viết.

Đêm nay, tôi tìm gặp Hồ Ly.

Nỗi buồn sau cuộc gặp gỡ với người sỹ quan an ninh già kia, cứ ray rứt làm tôi không chịu nổi. Lòng tôi nhức nhối và tôi bỗng thấy nhớ Ly. Tôi thấy nhu cầu phải đi bên cạnh một người đàn bà đẹp. Chỉ đi bên cạnh thôi, chắc chắn lòng ta sẽ vui nhẹ. Cái đẹp bên ta tự nó đã toả ấm, toả sáng, tự nó đã xua tan đi những phiền muộn ở đời.

Người đàn bà ấy rất chiều tôi. Ly bảo:

- Đêm nay Ly bỏ buổi dạy học, sẽ đi với anh đến đêm.

- Chúng mình đi bộ.

- Em cũng thích đi bộ.

Hà Nội đã lên đèn. Chúng tôi lặng lẽ đi bên nhau. Tôi không nói và Ly cũng không nói. Cả Ly của tôi đêm nay cũng hơi buồn. Sao vậy? Tôi không muốn hỏi.

Chúng tôi đi thơ thẩn nhìn những con người tất bật hối hả, thỉnh thoảng Ly lại nhìn tôi và cười với tôi bằng nụ cười mỉm làm ánh mắt cô rực sáng.

Chúng tôi vào một quán cà phê, ngồi đối diện với nhau, cúi đầu ngoáy cốc và thỉnh thoảng nhìn nhau.

Chúng tôi vào một hiệu phở. Tôi vẫn thích nhìn Ly ăn. Cô ăn như một con mèo, nhẹ nhàng mà ngon lành. Cô cắn chiếc cọng hành xanh biếc vừa nhai vừa nhìn tôi cười. Cô húp một thìa nước sóng sánh; tiếng sục sọt, tiếng suýt soa vì nóng, vì cay nghe đã thấy ngon.

- Sao cứ nhìn em thế? Ăn đi chứ anh... Mà này, hôm nay Ly cũng muốn nhìn anh ăn đấy.

- Tại sao?

Mãi đến khi đi cạnh nhau trên một phố vắng đầy cây, Hồ Ly mới hỏi tôi:

- Anh nghĩ gì vậy?

- À... Anh đang nghĩ cuộc sống thật giản dị; ví như chúng mình đang đi trên hè phố này, thật sung sướng. Vậy mà tại sao con người lại phải cầu xé nhau dữ dội đến như thế?

- Cũng lạ thật đấy.

- Còn Hồ Ly, em đang nghĩ gì?

- Em nghĩ rằng: ước gì con Hồ Ly của anh không phải đi xa để cho chúng ta cứ được đi bên nhau như thế này mãi mãi

Tôi dừng lại cầm tay cô gái

- Em nói sao?

Hồ Ly không trả lời.

- Em sắp phải đi xa?

Hồ Ly gật đầu. Tôi không hỏi thêm nữa. Tôi buông tay cô gái và tiếp tục vừa đi vừa suy nghĩ: “Thế đây. Cái ốc đảo gia đình của ta tan rã. Rồi đến Hồ Ly, cái bóng mát cuối cùng của đời ta cũng bay đi nốt. Ta sẽ khát suốt đời.” Tôi thở dài. Nỗi buồn của tôi vừa hâu như được vơi nhẹ, nay bỗng sung tấy lại. Nỗi căm phẫn số phận làm tôi tức thở. Trên quãng đường đời tiếp tới, tôi sẽ một mình đương đầu với nắng chang chang. Tôi là kẻ mất bóng râm.

Hồ Ly nắm lấy tay tôi, làm tôi bước chậm lại.

- Anh Hoàng, anh đang nghĩ gì vậy?

Tôi lắc đầu. Cô gái bóp chặt tay tôi, hình như muốn truyền dịu dàng qua bàn tay để xua đuổi những ý tưởng đen tối đang như cơn lốc hình thành trong đầu óc tôi. Cô rụt rè nói:

- Em xin lỗi. Hình như... người ta vừa mới... hành hạ anh... có phải không?... Ôi! Tội nghiệp. Thế mà em lại làm phiền lòng anh thêm nữa.

Chúng tôi đi bên nhau cho đến lúc nỗi buồn sâu đậm đã dần chuyển thành dịu dàng man mát. Đến lúc ấy, nó lại cho ta niềm sung sướng. Sự sung sướng của kẻ chia xẻ, và kẻ được chia xẻ.

Chúng tôi đi có lẽ đến quá nửa đêm. Đôi chân của chúng tôi đều rời rã. Chúng tôi đi quên cả đêm giá lạnh.

Đã đến lúc phải chia tay. Hồ Ly dừng lại ngược nhìn tôi. Hình như đến phút cuối cùng này, cái rét cuối đông mới thấm vào cô:

- Anh ơi! Em lạnh lắm. Em đang run lên đây này.

Tôi nhẹ nhàng ôm lấy cái thân hình mảnh mai của Hồ Ly. Cô gái nép vào ngực tôi. Cô bỗng dung nghẹn ngào:

- Tức thật! Tức thật!

Tôi vuốt ve mái tóc, cố làm dịu đi những xúc cảm, những suy nghĩ trong cô. Cô gái vẫn tiếp:

- Tại sao? Tại sao... nhỉ?

Tôi rất cảm ơn những ý nghĩ đang hình thành trong lòng mà cô gái không biểu hiện ra được. Ly vẫn cố tìm lời:

- Em rất muốn giúp anh.

- Anh hiểu. Hiểu chứ!

- Anh không hiểu. Vì em chẳng giúp gì được anh cả.

- Có chứ. Em giúp anh nhiều lắm.

- Ôi! Anh đừng nên nói thế.

- Thực đấy. Rất nhiều. Tiếng cười của em như pha lê! Hình ảnh của em là một bóng râm mát. Những tia mắt của em nữa...

- Hoàng ơi! Đừng phỉnh nịnh em.

- Em không hiểu đấy. Em không hiểu là chỉ riêng em đi bên anh thôi, điều đó đã quý giá cho anh biết chừng nào.

Vai Hồ Ly chợt rung lên.

- Em khóc đấy ư?

- Anh ơi! Sao nước mắt em không chảy ra được thế này?

Tôi thì thầm:

- Cứ áp đầu vào ngực anh là lòng em sẽ nguôi đi ngay.

Hồ Ly nức nở:

- Trời ơi! Nước mắt của tôi biến đi đâu rồi?

... ..

Tôi thở dài khi viết những dòng chữ này. Nỗi chua xót của kẻ mất bóng râm, và nỗi chua xót của một bóng râm tan biến. Tất cả chỉ còn là hư không.

Ngày... tháng...

Cả ngày hôm nay tôi sốt.

Ngày... tháng...

Cơn sốt nhẹ nhẹ ru tôi vào một giấc ngủ triền miên. Ngủ mà chẳng phải là ngủ. Tôi lạc vào khu rừng rậm những ký ức, những hình ảnh, những suy nghĩ lan man không đầu không cuối. Tôi mặc cho chúng bay lượn nổi trôi, hòng mong chúng giúp tôi

giải toả những năng lượng đang bị kìm hãm, để cuối cùng sự cân bằng tinh thần được trở lại.

Khi sự cân bằng đến, tức là tôi đã chết đi một chút. Hết ước muốn, hết ảo mộng, hết những trang giấy mà vợ tôi sẽ nhét đầy áo quan khi tôi chết, hết oán hận và có khi hết cả tình yêu.

Lúc này, trước mặt tôi chỉ là cái thực tế thường nhật chán phè. Lúc này bên tai tôi, chỉ còn tiếng lợn kêu và những lo toan eo óc. Chắc tôi còn chút ham sống nào đó, nên những lo toan ấy còn tồn tại trong tôi, nếu những âu lo sinh vật ấy cũng rời bỏ tôi nốt, chắc chắn tôi đã không còn chút mong muốn bám víu vào cõi đời này nữa.

Anh Lân đã về. Tôi chẳng ngạc nhiên gì về điều đó. Anh đến thăm tôi. Chúng tôi nắm lấy tay nhau chẳng nói câu gì. Tôi chẳng cảm ơn, và anh cũng chẳng kể lễ; bởi vì điều đó chẳng cần thiết và bởi vì chúng tôi đã quá hiểu nhau, và đã quá hiểu vấn đề. Cuối cùng tôi chỉ nói với anh:

- Lân ạ. Máy hôm nay mình hơi ốm. Mình nằm mê mệt đấy nhưng tai vẫn còn đủ tỉnh táo để nghe tiếng vợ con mình thì thảo với nhau. Nhà mình đang gay go đấy... chắc mình sẽ trở thành người chặn lợn thực sự. Hình như, điều quan trọng nhất lúc này của mình là làm sao cho lũ con mình tồn tại được...

- Có lẽ Hoàng nghĩ đúng đấy –Lân sẽ trả lời tôi.

Ngày... tháng...

Tôi đã bình tĩnh trở lại. Cùng với sự bình tĩnh ấy cơn sốt nhẹ cũng lui dần. Chỉ còn thấy một thoáng gai gai vào lúc buổi chiều.

Tôi lặng lẽ nhìn thẳng vào vấn đề. Gia đình đã hoàn toàn hết tiền và đã hết cả những cái đáng tiền để mà bán. Tôi đã bán chiếc xe Phụng Hoàng và thay thế bằng chiếc xe Xô Léch mù tã tượi. Rồi cuối cùng cả chiếc xe tã tượi ấy cũng ra chợ Trời nốt. Cái xe đi làm của vợ tôi lẽ dĩ nhiên không thể đem bán. Quần áo toàn đồ không đáng tiền. Chẳng lẽ chiếc đồng hồ báo giờ đi làm của vợ tôi cũng bán nốt sao? Mà bán cũng chẳng được bao nhiêu.

Tôi bắt đầu nhìn vào tủ sách của mình. Một tủ sách khá nhiều sách quý mà tôi gom góp đã bao năm nay. Lẽ dĩ nhiên, tủ sách của tôi buộc phải vơi dần.

Những Hugo, Vũ Trọng Phụng, Shakespeare, Camus, Pirandello lần lượt từ biệt ngôi nhà tôi ở để lên đường lang thang. Ông Dos, ông Gorki là những nhà văn lang thang đã đành; đáng buồn là cả đến Tônstôi, nhà văn quý tộc, cũng rơi vào kiếp lang thang. Xin lỗi các cụ! Bởi vì lợn của tôi đang đói, các con tôi đang đói; các cụ hãy tha thứ cho tôi.

Hôm nay, đến lượt cụ Tchekhov lên đường vào kiếp “dưới đáy”. Tập truyện ngắn trong đó có Phòng số 6 của cụ hay là thế mà người lái sách chỉ trả tôi có mười hai đồng. Trong lúc đó, giá chợ hai mươi đồng một yén bã đậu. Than ôi! Một áng văn hay tuyệt vời như thế, mà không mua nổi một yén bã đậu.

Có bã đậu, lũ lợn của tôi ăn như điên, ăn thùng bất chi thành. Thằng Linh xem lợn ăn, nói với tôi:

- Bố ạ! Con lợn Bò nhà ta nhai gau gấu.

- Khi! Sao lại gau gấu? Trong bã đậu làm gì có xương.

- Có chứ! Đấy, bố nghe kỹ mà xem.

- Ừ nhỉ! Có tiếng nhai nghe ròn thật.

Linh phá lên cười:

- Trong bã đậu hôm nay có chân ông Tchekhov. Lợn Bò dĩ nhiên phải nhai gau gấu, vì loài lợn thích ăn xương.

- Vậy là ngày mai, nó sẽ nhai đến cái tay ông Tchekhov, và ngày kia ...

- Ngày kia nó sẽ nhai đến xương sườn, rồi xương sống. Cuối cùng, sẽ đến lượt cái đầu ông Tchekhov.

Tôi rùng mình, bước vào nhà. Chợt thấy run lên. ớn lạnh. Lại cảm thấy mình ớn. Tôi lên giường, đắp chăn ngủ li bì. Lại sốt sao? Lại mê sảng sao? Nhắm mắt! Cứ thấy cái đầu lâu đội mũ phớt của Tchekhov bị găm nham nhở và máu me ròn ròn.

- Tôi van ngài. Tôi có muốn thế đâu. Tôi vốn quý trọng tấm lòng nhân hậu của ngài... Song tôi quá nghèo... Biết làm sao được.

Cái đầu lâu Tchekhov buồn phiền, hiền từ đang dăm dăm nhìn tôi. Ô kìa! Tchekhov khóc.

- Xin ngài đừng khóc. Những giọt nước mắt của ngài đời chẳng nhìn thấy cơ mà.

- Chỉ có những trái tim khô cứng mới không nhìn thấy những giọt lệ người đời.

Tôi hỏi hận:

- Hay là để tôi đi... chuộc ngài về.

- Anh chuộc tôi bằng cách nào? Vì anh làm gì còn tiền bây giờ. Phải chăng anh lại định đem bán một ông nhà văn nào khác đi để lấy tiền. Không nên. Tôi không muốn con lợn Bò của anh sẽ nhai xương một ông Sartre để thế chân tôi.

Tôi ngậm ngùi:

- Đẳng nào cũng thế thôi. Tôi biết lũ lợn của tôi sẽ lần lượt nhai đến cụ Tư Mã Thiên, và cả bà George Sand xinh đẹp và đa tình của nước Pháp.

Tchekhov hóm hỉnh:

- Này! Anh thấy không, chân tôi gày guộc thế mà bọn lợn nhà anh ăn vào lại thấy béo ra.

- Vâng. Lũ lợn bốc lên rất nhanh. Tôi nhận xét thấy, từ dạo ăn thịt các cụ nhà văn, lũ lợn nhà tôi tăng trọng với tốc độ phi thường. Con lợn Bò, chỉ trong vòng nửa tháng đã tăng từ bốn mươi cân lên tới sáu mươi cân.

Tôi yên lặng một lát, rồi hỏi thêm Tchekhov:

- Thưa cụ, cụ nghĩ xem có cách nào cứu vãn nổi không?

Tchekhov mỉm cười:

- Có chứ. Tôi nghĩ ra rồi. Ngày mai, lũ lợn của anh sẽ gặm đầu tôi. Nó thích gặm xương; thì cứ để cho nó tha hồ mà gấu gấu. Điều cốt yếu, anh cần phải giữ lại trái tim tôi, đừng cho chúng ăn. Vả lại, còn tâm hồn ta nữa chứ. Tâm hồn ta là một thứ phi

vật chất, lũ lợn của anh ăn thịt sao nổi cái phi vật chất.

... ..

Tôi sửng sốt nghe những lời giảng của Tchekhov. Và tôi nhìn kỹ nhà văn. Con người nhân hậu ấy óng ánh hào quang. Tôi nhìn thật kỹ. Tchekhov từ từ tách ra làm hai: một bên là cái thân xác trần thế bị rách nát tơi tả; một bên là cái cốt tuỷ từ bi, hồng hào, mát mẻ, trong trẻo, tưởng như vơi mà hoá lại đầy.

Ngày... tháng...

Tôi sốt! Tôi sốt!

Tôi rét! Tôi rét!

Tôi thật tội tệ. Tại sao tôi có thể đem ra chợ bán những Tchekhov, Shakespear? Tại sao tôi có thể để cho lũ lợn phè phỡn vênh váo, nhờ vào máu xương của những con người như vậy?

Từ ngày tôi bán sách, con lợn bò của tôi bỗng nhiên trông tươi hơn hớn. Nó lớn trông thấy từng ngày. Nó phây phây, hồng hào. Da thịt nó căng ra. Lông nó bóng nhẫy như phết mỡ. Cổ núng nính một cái yếm toàn là mỡ.

Hàng ngày, ăn xong, nó nằm nghiêng người, duỗi thẳng chân, để phơi ra chiếc bụng căng phình mầu máu thịt. Còn lũ lợn ỉn thì đốn mạt hết chỗ nói. Chúng đã hoàn toàn chịu thua, chịu là lũ đầy tớ của

lợn Bò. Con ỉn Lang và con ỉn Đen chụm sau lưng con lợn Bò, để làm vật kê đệm, để làm vật sưởi ấm đằng lưng cho nó. Còn con ỉn út thì làm công việc la liếm. Đầu tiên, ỉn út liếm mặt, liếm mõm, tức là công việc vệ sinh những thức ăn dây rớt, dư thừa trên mặt lợn Bò. Sau đó, là việc liếm nách, liếm bụng, liếm mặt, liếm tai, một thứ liếm gây khoái, một thứ liếm nịnh bợ. Mỗi nhát liếm của con ỉn út, lợn Bò lại khoái chí kêu lên hự hự. Cuối cùng, lợn Bò chẳng cần e thẹn, liếm gì nữa, nó xoay mình nằm ngửa tênh hênh, chống bốn vó lên trời, để con ỉn út liếm vào dương vật, cái của quý của nó.

Tôi hầm hầm tức giận, cầm chiếc chổi tre vục túi bụi vào cả bốn con lợn đốn mặt ấy. Vừa đánh, vừa quát:

- Phè phỡn! Này, đồ phè phỡn!

Ngày... tháng...

Đêm nay tôi mơ thấy ông Tchekhov dắt tôi và Tám Bách Khoa ra chuồng lợn. Tôi hỏi:

- Cụ định làm gì vậy?

- Để thử xem con lợn Bò của anh là thứ gì?

- Cụ định quan sát để viết một thiên truyện ngắn về con lợn Bò của tôi có nhé?

- Đã gần một thế kỉ nay, tôi có viết gì nữa đâu.

Tchekhov từ tốn móc ở túi gilê ra một chiếc kính không gọng rồi kẹp vào mũi, rồi ngắm nhìn con lợn Bò. Con vật thấy Tchekhov nhìn, nó tỏ thái độ

vênh vào hắt lên. Nó đứng thẳng, vươn cái bộ mặt phệ núng nính ra cho ông già ngắm. Rồi nó đứng đĩnh đi lại rất đường bệ. Tchekhov gật gù:

- Con lợn của anh có tướng mạo lắm.

Tám Bách Khoa nhìn cặp kính của Tchekhov với một vẻ thán phục. Tchekhov tiếp tục nói bằng một giọng thủ thi phiên muộn:

- Tướng mạo kỳ dị! Thánh thót, ngọt ngào, ai nghe cũng lọt tai. Nhưng cương nghị, tàn nhẫn thì cũng chẳng ai bằng. Có cái gì đó ma quái và linh thiêng. Rờn rợn và đáng sợ.

Tám vỗ tay reo lên:

- Đúng! Đúng! Poóc xi nô ma ni! à, phải rồi Porcinisme! Bái trư giáo!

Sêkhốp lặng lẽ rút chiếc kính không gọng vào túi áo gi lê, rồi cúi đầu bước đi. Ông bước đi buồn bã. Ông đang bước đi hay ông đang bay? Ông bước trong không trung mờ ảo. Những cây bạch dương xòe bóng che ông. Một khu rừng Nga cổ kính... tiếng lá rì rào... bóng ông cúi đầu nhỏ dần, mờ dần, buồn bã như một màn sương mùa đông.

Tôi và Tám đứng ngây người nhìn theo bóng ông già huyền ảo. Và Tám bỗng ghé vào tai tôi:

- Anh thấy gì không?

- Cái gì?

- Chiếc kính không gọng của Tchekhov.

- Tôi không hiểu anh định nói gì.

- Còn phải hiểu gì nữa? Chiếc kính ấy là Kính – Chiều – Trư.

- Thế nghĩa là gì?

- Nghĩa là gì? Trời ơi! Ngốc ơi là ngốc.

Ngày... tháng...

Tôi sốt hay tôi rét?

Tôi mê sảng hay điên rồ?

Tôi ngột ngạt, mà không gian thì xám lạnh. Đài phát thanh báo tin rét về, 9 độ.

Tiếng Tám vang to: Pooc xi nô ma ni.

Thằng Linh thấy tôi ốm, lấy trộm sách của tôi mang đi bán. Tôi hét lên:

- Không được phép bán sách. Bán sách hay là đốt sách? Đồ Tàn Thủy Hoàng!

Tôi cắn giận, tát mạnh vào má con tôi. Vợ tôi nhìn tôi, khinh bỉ lắm lắm:

- Đồ trí thức rởm!

Tôi quát to:

- Câm đi! Cút đi! Cả lũ cút hết đi!

Thằng con út của tôi ôm mặt nước nở và quì xuống

- Bố ơi! Con lạy bố! Con van bố!

Tôi ngồi phịch xuống chiếc ghế bành cà khỗ: “Hay là nhà tôi đang bị ma ám”?

Ngày... tháng...

Tôi im lặng và cắm cúi làm việc. Tôi đã bị sợ cứng, bị chai sạn trước sự bì ỏi của tôi và người xung quanh. Tôi chỉ còn là một chiếc máy đã được vận giầy cốt, và theo quán tính nó vẫn tí tách chạy. Tôi chỉ còn là một sinh vật, theo bản năng, nó vẫn phải làm việc và phải sống. Hay là vì đã tiếp xúc quá lâu với loài lợn, tôi đã tự đồng nhất mình với lợn, điều đó tôi cũng không hiểu nổi. Tôi cũng không còn đủ năng lượng để mà thù ghét lâu dài. Hôm qua, tôi tức giận với vợ con, hôm nay tôi lại thờ ơ, cứ tưởng như chuyện đó xảy ra từ một buổi xa xôi nào đó, mà hình như cũng chẳng còn năng lượng để mà hối hận hoặc yêu thương. Tôi đứng đứng nhìn những người trong gia đình đi lại ăn uống, cứ coi họ như những con rối và mình cũng là một con rối. Dường như tôi đã chuyển hạ mình xuống thành một thứ sinh vật ơ hờ.

Nghĩ cũng thật hay! Chính trong lúc này, gia đình tôi lại sáng kiến ra một cái nghề rất là độc đáo, nó đã giúp chúng tôi phần nào thoát khỏi sự túng bần, sự cùng bĩ. Đó là nghề: bán bèo. Thừa, không phải là nghề bán bèo cổ truyền sang trọng, thật hạt như ông cha ta đã làm. Ngày xưa, các cụ bán bèo hoa dâu, bèo cái, đó là những thứ bèo mà hàm lượng đạm, bột, vitamin khá nhiều; đó là những thứ bèo màu mỡ, ăn vào lợn chảy da chảy thịt, như các cụ vẫn nói. Còn tôi, tôi bán thứ bèo rơm. Đó là bèo Nhật bản, một thứ bèo sinh nở như điên, một thứ bèo hoa tím hình như đuôi con công, rất duyên, rất đẹp, nhưng vô tích sự. Trong sách, các nhà khoa học đã

phân tích, hàm lượng các chất dinh dưỡng của nó hầu như số 0; trong nó hầu như chỉ có chất xơ. Tôi ra chợ, nhận xét thấy số người ham mê nuôi lợn của Hà Nội tăng lên vòn vọt. Các thứ rau, lá tập tàng, người ta đều mua cho lợn ăn. Thế là tôi nảy ra ý kiến bán bèo Nhật bản. Tôi bơi thuyền trên hồ sau nhà, gom bèo lại thành một đàn bèo khổng lồ, lấy nửa tép quây thành ranh giới cẩn thận. Sau đó cứ mỗi sáng, tôi sai thằng út của tôi bơi thuyền khắp hồ vơ vét thứ bèo vớt đi đó, đem về nhà bó lại, mang ra chợ bán; còn đàn bèo kia làm kho dự trữ.

Lúc này, tôi còn hà tiện hơn cả lão Harpagon của Moliere. Tôi nhất nhạnh tiền bán bèo từng xu một. Những buổi tối, trông thấy tôi bó bèo, thằng con sinh viên của tôi nói to rất hài hước:

- Hoan hô bèo! Bèo cứu sống con người. Hoan hô nhà trí thức chịu khó lam lũ.

Tôi hỏi:

- Cậu định chế điều tôi sao? Làm việc thế này là trong sạch.

- Đúng rồi! Đúng chất của bố rồi. Trong sạch ư? Lương tâm ư? Bố sợ con bán nốt những cuốn sách thánh. Bố thay sách bằng bèo. Nhưng, trông kìa! Những cây bèo của ông xoè ra như cái quạt. Thừa rằng, làm như thế để bó bèo có vẻ to, có vẻ dày dặn đầy đà. Hoan hô nhà trí thức làm hàng giả dối, làm hàng rởm. Hoan hô sự trong sạch hiện đại.

Tôi ngượng tím mặt. Thằng quái con sọc đúng tim đen tôi rồi. Nó bóc nốt lớp sơn giả dối, mỏng

manh bọc hờ lấy trái tim tôi. Giọng nó vẫn đều cọt độc ác:

- Khái niệm trong sạch của bố sao mà khó hiểu thế.

Tôi nhúc nhối:

- Thôi, con ơi! Ta van mày. Hãy im đi. Hãy tha thứ cho ta.

Tôi tự xấu hổ thâm. ừ, tại sao ta lại chỉ có thể trong sạch ở những điểm to tát, nguyên tắc? Còn những việc nhỏ bé thì cho phép làm ngơ với lương tâm. Ai cho phép anh giả dối dù công việc chỉ là những cọng bèo? Tại sao tôi lại bóc nỡ nà những cây bèo Nhật Bản? Tại sao tôi phải sửa sang sắc đẹp cho chúng, để rồi bó xoè chúng ra như chiếc quạt? Là vì tôi muốn đánh lừa con mắt người đời, để họ tưởng bó bèo là non, là đầy. Là vì tôi muốn kiếm thêm mỗi bó bèo năm xu, một hào.

Ô hô! Cọng bèo giả dối! Ô hô! Lương tâm trong sạch! Ô hô! Cái con người tự nghĩ mình là trí giả! Thảm thương lắm thay! Vậy thì, ta nên bán bèo hay ta nên bán sách?

Ngày... tháng...

Thằng Linh nói với tôi về một nhận xét rất hoang đường:

- Bố có thấy một điều lạ lùng đã xảy ra không?

- Điều gì?

- Từ khi bố bán bèo nuôi lợn, lũ lợn biếng ăn hẳn đi. Con thấy chú lợn Bò chỉ thích ăn sách của bố thôi. Có lẽ lũ lợn thích nhất ăn thịt các nhà văn bố ạ.

- Láo! Hoang đường! Mày định tiếp tục điều cợt tao hay sao?

- Thôi! Tiếc làm gì. còn những cuốn sách của Dos, bố cũng nên bán nốt đi.

A ha! Thằng quái con. Nó biết tôi rất quý Dos, nên nó giờ trò trêu tôi đây.

Ngày... tháng...

Thằng Linh khoe:

- Một cô bạn sinh viên mới ở Sài gòn ra, tặng con cuốn: “Anh em nhà Karamazov” . Bố thấy không, con cũng có sách quý. Kém gì bố đâu.

Ngày... tháng...

Con lợn Bò gặp tôi trong giấc mơ. Nó gọi đích danh:

- Ông Hoàng! Ông Hoàng! Tôi muốn nói chuyện nghiêm túc với ông.

- Chuyện gì? Đòi hỏi thức ăn chẳng? Ta vẫn cho người sống đầy đủ. Con ta có hôm nào được ăn cá đâu; còn người bữa nào cũng có dăm nhách cá. Vậy, còn mè nheo gì?

- Bèo của ông ăn vào đói lắm. Ta chưa đủ no.

- Mỗi bữa ăn hai thùng gánh nước còn chưa no? Có lẽ người muốn yêu cầu ta bán nhà đi để nuôi người sao?

- Đừng keo kiệt. Hãy hiến dâng tất cả cho ta. Ta biết những kẻ mê lợn như ông sẽ có thể hiến cả thân mình để nuôi lợn.

- Hiến dâng ư?

- Chứ sao! Rồi ông sẽ hiểu. Ta xứng đáng như vậy. Vả lại keo kiệt mà làm gì? Đã đến nỗi nào mà phải bán nhà. Tủ sách của ông mới vơi một góc nhỏ. Còn cô de Beauvoir, còn Beckett và còn cả Dos nũa...

- Đồ mật thám! Mày rình mò cả tủ sách của tao.

- Tiếc làm gì vài quyển sách nát. Giữ mãi rồi cũng hỏng. Này, quyển Kinh Thánh của ông đã rách cả đầu lẫn cuối rồi đấy.

- Thật bỉ ổi!

- Cáo làm gì. Anh ngớ ngẩn nên cứ tưởng sách là quý. Vợ anh nói đúng đấy, cô ta là vợ anh mà có cần gì sách của anh đâu, cô ta hứa là khi anh chết sẽ chôn sách theo anh... Ha ha...

- Cầm mồm đi.

- Anh nghĩ mà xem; thế giới ngày nay có hàng vạn người cầm bút. Mỗi ngày, bình quân hàng nghìn cuốn sách được ra đời ở mọi nơi. Chao ôi! Tư tưởng? Ta đến ngột ngạt vì sách, vì tư tưởng của các người. Nhưng thử hỏi, sách mọc lên như nấm thế, mà sao con người hiện nay có tốt đẹp gì thêm đâu? Vả lại, sách còn đem vạ cho người. Ở thời buổi này, sách có thể dẫn ta vào cuộc đời tan nát.

- Quân lão xược! Mày định dọa ta sao? Cút xéo cho khuất mắt ta. Đồ con lợn.

Ngày... tháng...

Tôi ngồi uống nước trà đặc, cố làm tỉnh táo cái đầu óc đầy mộng mị kì quái của tôi. Đột nhiên, có tiếng lợn ăn rất lạ làm tôi sững sốt. Tiếng lợn ăn như reo, như vỗ tay. Nhịp điệu vỗ máng bắt đầu nhịp nhàng từ tốn sau trở nên hối hả. Đó là tiếng đớp cám của chú lợn Bò. Nó vừa ăn vừa thở hỏn hển. Nó ăn tuyệt quá, đến nỗi tôi ngồi uống nước trà không yên. Tôi càng sốt ruột hơn khi nghe tiếng thằng Linh thúc dục động viên ngoài chuồng lợn:

- Hãy ăn mạnh lên! Mạnh nữa lên! Hoan hô!...

Tôi xỏ dép ra ngay chuồng lợn. Linh quay lại:

- Bố đến mà xem. Con lợn Bò ngon như thường luồng. Khác hẳn ngày hôm qua. Bố biết tại sao không? Vì hôm qua nó ăn bèo, còn hôm nay nó ngon quẩy “Karamazov”. A! Gau gáu! Ngon lành chưa! Nó đang nhai chân cụt Đốt.

- Thằng tồ tệt! Mày lại bán sách – Tôi buồn rầu – Mày coi thường lương tâm của bố mày.

Nghe giọng nói thảm hại của tôi, Linh không dám đùa cợt nữa. Nó lẳng lặng cùng tôi quay vào nhà. Hai bố con đối diện nhau trước bàn trà. Thằng bé có vẻ thương hại tôi. Nó đã thôi giọng bông lơn, và quay trở về nghiêm túc.

- Bố giận con ư? Con đâu dám coi thường bố. Bố hiểu cho. Con chỉ muốn tìm ra một sự thật.

- Sự thật?

- Vâng, điều con tìm ra là một sự thật. Dù lòng bố có tốt, không muốn như vậy; nhưng sự thật vẫn diễn ra không theo ý bố. Ta không thể chối bỏ nó.

Tôi chua chát:

- Như thế có nghĩa là, ở thế kỷ này, đã chấm dứt mọi sự trong sạch, và những cái gì gọi là...

- Bố cứ hay khái quát. Không nên thế. Con chỉ nhận xét thấy một điều: lợn thích ăn sách; và chắc là xương các nhà văn ròn và nhiều chất can xi nên lợn rất ham ăn. Nhất hạng, lợn thích nhai xương cụt Đốt.

Con tôi lại trở về giọng bông lơn. Tôi im lặng thâm nghĩ. Không biết thằng bé học được cái giọng đùa cợt này từ lúc nào. Tôi có dạy con tôi như vậy đâu. Có lẽ việc tôi nuôi lợn là một điều kỳ cục, tức cười quá chăng? Mà có lẽ vậy... Bởi vì lợn là một giống vật không được hay ho cho lắm. Mà lợn như con lợn Bò của tôi lại là một con vật ma quái. Thế, mà ta đã mang nó về nhà nuôi nấng, thờ phụng. Trong khi con ta đói, thì lợn ăn cơm cá. Trong khi tâm hồn con ta còi cọc, thì ta bán sách cho lợn ăn. Rồi ta tâng bốc nó lên, hí hửng khoe khoang với nhau, để rồi chồng, vợ, con cái câu xé lẫn nhau. Hay ta đã rước họa về nhà?

Bệnh dịch, hay một cơn điên, hay là Poóc xi nô ma ni? Đầu óc tôi lại nhưc nhối. Lại sốt, lại rét, lại quay cuồng. Những suy nghĩ bề bộn, không đầu, không cuối. Lắm lúc như hé mở, như đã thấy một

điều gì đó rõ ràng minh bạch; nhưng rồi lại sợ hãi không dám tin vào những suy nghĩ của mình nữa. Ta lo lắng, giơ tay ra như muốn bầu vịu lấy một cái gì đó thật là vật chất, thật là cụ thể; nhưng tay ta chột hẫng, vì ta đã bấu vào một không gian loãng, mờ ảo và rất hấp dẫn...

Tôi ngồi ở chiếc ghế bành cà khỗ ấy cho đến đêm, để mơ màng, suy nghĩ đến trăm điều, và để cuối cùng chẳng còn gì đọng lại trong đầu. Những ý tưởng của tôi như những gã mù loà chống gậy dò dẫm trong một không gian đen kịt.

Những hình thù kỳ dị bỗng đột nhiên hiện ra trong óc: con lợn Bò khổng lồ biết nói; và một bóng người mờ loãng, toàn thân hư không, tất cả chỉ còn đọng lại một bộ râu và những sợi tóc. Tôi hỏi:

- Lợn Bò thì ta biết rồi. Còn ông, ông là ai?

Một giọng trầm trả lời theo nhịp râu lắc lư:

- Lợn Bò của anh nghiền ngấu rất phũ. Chỉ một ngày, nó đã gặm hết toàn bộ thân thể ta. Riêng bộ râu và tóc không ăn được nên nó chừa lại.

Lợn Bò hể hả:

- Thịt cụ Dos thơm lắm. Còn món tóc và râu thì khô như rơm...

Tôi hỏi bộ râu:

- Vậy cụ là Dos?

- Vâng tôi là Dos.

Tôi lo lắng hỏi:

- Con lợn của tôi đã ăn mất cả đầu cụ, cả khối óc cụ? Trời ơi! Con quỉ!

- Xin cảm ơn vì anh đã lo lắng cho tôi. Nhưng đừng lo. Tôi không như Tchekhov. Tchekhov còn muốn giữ lại trái tim. Còn tôi, dù con quỷ của anh có ăn hết toàn bộ hình hài, tôi cũng chẳng lo. Song, tôi vẫn e ngại một điều.

- Thừa cụ, điều gì?

Đốt hất hàm, để bộ râu cằm chĩa về phía con lợn Bò đang chằm chệ, đặc chí đang ngồi trên chiếc ghế bành thứ hai của tôi:

- Anh thử nhìn xem, con quỷ của anh muốn gì vậy? Hôm nay, nó nhai cuốn Karamazov. Nó bỗng chợt hiểu ra một điều ta nói trong đó: “Chúa đã chết. Thời vô trị đã đến” và con quỷ của anh đã nảy đã tâm.

- Hà hà... chứ sao! – Lợn Bò cười ngạo nghễ. Bàn tay nó vỗ nhẹ vào chiếc tay ngai ghế bành, rồi gật gù đặc chí.

Tôi giận điên người:

- Mà phải cắt ngay. Mà phải rời ngay khỏi cái ghế đó. Đừng giở trò phè phỡn.

Lợn Bò càng trêu ngươi. Nó ôm cái bụng núng nính cười thật to. Tiếng cười xoáy vào óc tôi nhưc buốt. Tôi cúi kính, cầm chiếc dép ném thẳng vào mặt nó và quát:

- Cút đi! Cút đi!

Con tôi nghe tiếng hét vội bật đèn. Nó thấy tôi ngã sòng soài trên mặt đất. Và toàn thân vã mồ hôi như tắm.

Ngày... tháng...

Tôi ngồi im lặng trên chiếc ghế bành, chờ đợi. Chờ đợi rất lâu. Đêm đã khuya, chắc phải nửa đêm ông ấy mới đến. Tôi rất sốt ruột, tôi muốn trò chuyện riêng với ông.

Chờ quá lâu nên tôi đã mơ màng thiếp đi. Khi tôi choàng mở mắt thì đã thấy ông ngồi ở chiếc ghế bành trước mặt. Vẫn cái thân xác vô hình vô ảnh ấy, vẫn bộ râu và mớ tóc ấy. Chỉ có khác là lúc này bộ râu im phăng phắc. Một tiếng vang lên trong tâm tưởng tôi:

- Chắc anh muốn nói với tôi điều gì? Tôi biết, vì mắt anh nói lên điều ấy.

- Thừa cụ, tôi muốn nói một điều mà bấy lâu tôi cứ băn khoăn. Những chuyện từ xưa, nhưng đến nay vẫn cần. Đó là kích cỡ con người...

Bộ râu hơi chúc xuống một lúc, rồi ngẩng lên:

- Chắc anh muốn nói rằng sự quá kích cỡ... sẽ dẫn tới... những điều không lường được.

- Có nên nói rằng dẫn tới... những tội lỗi không?

- Anh là người khát khe nhỉ?

- Biết làm sao được hở cụ. Bởi vì điều đó liên quan tới cuộc sống chúng tôi đang sống. Quá khứ vẫn toả bóng xuống chúng tôi. Có thể nói quá khứ vẫn ảnh hưởng nặng nề xuống chúng tôi.

- Điều đó, lúc ấy chúng tôi không nghĩ tới. Chúng tôi chỉ biết cuộc sống quần quai và nhục nhằn. Chúng tôi đâu có phải là người đi tìm giải đáp. Tôi chỉ trình bày sự thật về sự sống. Sự trình bày ấy sẽ tạo ra mỹ cảm và dẫn tới cái Thiện. Cái đẹp cứu rỗi thế gian.

- Thừa cụ. Chúng tôi rất cảm ơn những nhà nhân văn chủ nghĩa của nước Nga ở thế kỷ các cụ, mà cụ là một đại diện. Như cụ đã nói, hậu quả của nó thật không lường được. Chúng tôi đã theo các cụ đi tìm cái đẹp tuyệt vời ở thế gian này. Hãy không nói đến mặt tích cực vĩ đại của nó. Đã bao thế hệ rung rung nước mắt. Đã bao thế hệ lao mình xả thân vì cái đẹp tuyệt vời ấy. Nhưng điều không lường được ở đây là cái đẹp tuyệt vời ấy lại quá kích cỡ con người. Chúng tôi đã trở nên con người cuồng tín, những kẻ cực đoan. Chúng tôi đã đập đổ các thần linh và đem con người lên địa vị thần linh. Chúng tôi muốn đi tới chỗ hoàn thiện hoàn mỹ. Và chính đây là bi kịch mà chúng tôi không biết. Chúng tôi đã choàng một tấm áo lông lấy nhưng quá kích cỡ; tấm áo của những người khổng lồ, trong khi đó chúng tôi chỉ là những người bình thường. Một thế kỷ trôi qua, chúng tôi dù có tăng cao được vài phân, tấm áo vẫn là một cái chần thùng thình chụp kín chúng tôi vào trong, để chúng tôi rầy rụa cắn xé lẫn nhau. Bây giờ chúng tôi mới vỡ lẽ ra, đường đến thiên đàng còn phải đi qua địa ngục.

Bây giờ thì chúng tôi chán ngấy sự trở thành khổng lồ rồi, chán ngấy sự cuồng tín bi thảm ấy rồi,

chán ngấy những cái gì siêu kích cỡ. Chúng tôi đã đẩy chúng tôi vào ngõ cụt.

Chúng tôi bây giờ thêm một cái áo vừa vặn, thêm một cái đẹp bình thường miễn là đúng kích cỡ, thêm một con người nhân hậu hơn là một anh hùng, thêm một hạnh phúc giản dị hơn là một siêu hạnh phúc, thêm một nàng tiên cá hơn là một Prométhée...

Bộ râu kia rung rung lên. Ông cụ nói:

- Ta biết chứ. Dù đã ngủ yên một thế kỷ, lương tâm ta có bao giờ được bình an đâu. Ta vẫn quì sụp trước nỗi đau khổ của thế gian.

Tôi muốn ôm lấy ông già vĩ đại, song ông đã lặng lẽ biến hình.

Ngày... tháng...

Tôi sốt ly bì hai ngày liền. Hết sốt, cái mệt mới lại kế tiếp. Sau đó là một nỗi buồn mênh mông ghê gớm. Chẳng phân tích nổi vì sao nỗi buồn của tôi lại tằm tời đến vậy. Cứ cảm giác như mình đang ở một hang đá lạnh, sâu thẳm, âm u và cô đơn.

Phải chăng cái buồn bắt nguồn từ tình yêu? Hồ ly đi xa, chắc chắn là tôi buồn. Cái buồn vì mất một bóng râm, hình như nó mang mát nhẹ nhẹ, gây cho ta một cảm hứng cao thượng, chứ đâu có tôi loà như thế này. Tôi quờ tay ra quanh mình, chỉ thấy một bóng đen run rẩy. Hay là tôi buồn vì đói nghèo? Thú thực sự thiếu thốn quá dai dẳng và trường kỳ đã làm

trái tim tôi đâm ra chai sạn. Tôi không còn đủ sức để nghĩ đến oán hận số phận nữa. Vả lại, kiểu người như tôi chắc chắn không thể nào bị gục ngã vì những thiếu thốn... Hay là ta buồn vì tư tưởng? Vì lo lắng cho thể sự? Chao ôi! Cái thân phận bọt bèo, lau sậy như tôi mà lại suy nghĩ to tát đến thế kia ư? Thú thực cũng có lúc hoang tưởng, tôi đã nghĩ đến những điều ấy. Nhưng bây giờ chắc chắn là không. Tất cả đã được khoá kín trong hòm. Dos ư? Marx ư? Lão tử ư? Nietzsche ư? Thích Ca ư? Jesus ư? Kirkegard ư?... Xin lỗi! Tôi rất trọng các cụ, bằng chứng là tôi đã bán khoán, dần vật khi bán sách. Nhưng hàng năm nay, tôi đã không ngó ngàng đến các cụ. Tôi đã để các vị nằm buồn trong hòm sách mốc. Cuộc sống bận rộn và tàn nhẫn đã làm con người quên lãng mất tư tưởng. Tôi còn bận lên cơn lợn; tôi còn bận say mê lợn. Đêm đêm, còn chút thời gian phù phiếm, tôi lại lãng du vào những chuyện trinh thám. Tôi cố tự đánh mất mình đi, tự ru ngủ mình vào những giấc mơ tầm phào trong cuộc đời trần tục của những thám tử, những tội ác, những săn đuổi, những đam mê, những máu và nước mắt. Ôi chao! Tôi đã già từ tư tưởng của các vị từ lúc nào chẳng hay. Vậy thì, sao có thể nói nỗi buồn của tôi mang màu sắc tư tưởng?

Vậy thì cái buồn thăm thăm ấy từ đâu đến? Cái nỗi Buồn đen ấy từ đâu đến? Vợ tôi, từ khi tôi ốm, đã hết giận giữ, nàng lo lắng cho tôi. Sự lo lắng ấy hiện trên nét mặt đăm chiêu mà tôi đọc thấy. Sự lo lắng ẩn trong cái run run của cốc nước trà đặc mà

nàng đem tới. Sự lo lắng nấu mình trong âm sắc nhẹ nhàng bồi rồi khi nàng nói:

- Ông cố mà uống. Có đường pha vào đấy.

Lẽ dĩ nhiên, cái buồn không phải đi từ cốc nước ra để ám ảnh tôi. Nó cũng không còn bắt nguồn từ mâu thuẫn vợ chồng.

Có lẽ, một nàng tiên buồn, hoặc một con quỷ buồn nào đó đã tinh nghịch rót nỗi buồn vào trong tâm tưởng. Nỗi buồn ấy có lẽ đã ẩn nấu trong tôi từ một đời kiếp nào đó; nó nằm trong phủ tạng sâu kín, ở một nếp óc, ở một kẽ tim, ở một đường giây nơ ron được giấu ở chỗ thật tối tăm. Nỗi buồn ngủ lịm đã từ lâu, nay bỗng giật mình thức giấc.

Thực ra, tôi vẫn có ý thức rằng cuộc sống rất vui; bởi vì tai tôi vẫn nghe thấy tiếng trẻ hát và tiếng một cô gái cười ròn rã ngoài đường; nhưng lòng tôi vẫn thấy buồn. Tôi nằm nghiêng người, nhìn vào vách đất. Những kẽ nứt sao ngộ nghĩnh. Tôi chợt nhìn ra hình một chiếc đầu, một chiếc mõm. à, kẽ nứt vẽ hình một con lợn, hao hao như chú lợn Bò. Kìa con lợn trên vách bỗng ngoe ngáy cử động. Lạ chưa! Nó biết nói, nói thẳm trong óc tôi:

- Ta đây. Ta ở trong người từ lâu lắm rồi, có lẽ từ thừa sơ sinh, từ lúc người mới chỉ biết khóc, biết cười. Ta quý báu người. Sao người cứ giận hờn ta?

- Giận hờn ư? Ta chẳng cần quan tâm đến một tình cảm nào khác lúc này. Chỉ cần giải đáp nỗi buồn của ta lúc này là đủ. Tại sao ta buồn?

- Buồn ư? Ngốc nghếch! Chính ta, chính ta đã đem lại cho người nỗi buồn. Và chính vì nỗi buồn

ấy, nên người trở thành người. Người quên bữa cơm ăn; người trong mắt nhìn vào đêm đen; người khóc những giọt nước mắt thầm; người trần trở; bởi vì ta bị chìm xuống và ta lại ngoi lên; bởi vì ta là sự sống, là tồn tại; bởi vì ta là thượng đế, là tôn giáo trong người.

Kỳ dị chưa! Những tiếng nói mê sảng, hay ta điên? Đúng, phải rồi tôi điên. Tôi đang lên cơn buồn của một kẻ điên. Thôi, câm đi! Đừng rì rầm những lời hoang loạn ấy vào óc ta nữa. Tiếng nói của lợn trên vách bỗng tăng âm lượng và trở nên tiếng ồn ào chói óc. Tôi sợ hãi bịt tai lại. Tôi khoác vội chiếc áo bông, và lừa lúc vợ tôi xuống bếp, tôi lên ra đường. Tiếng buồn ma ám tan đi và để dư đọng một nỗi buồn heo héo.

Ngày... tháng...

- Anh Tám ơi! Tôi mắc bệnh thật sao? Trư cuồng? Làm thế nào bây giờ?

Im lặng.

- Hay là tôi đốt chuồng lợn? Tôi giết con lợn Bò?

- Nhưng nó ở trong xương tuỷ, trong tim óc ta.

- Vậy, làm cách nào bây giờ? Nhưng liệu có phải đúng nó không? Đây này, bây giờ đầu tôi lại mát. Cơn sốt đã lui. Không, tôi không giết con lợn Bò đâu. Nó là niềm hi vọng của gia đình tôi. Con

tôi, vợ tôi, nồi gạo của gia đình tôi đều trông vào nó.

Ngày... tháng...

Cơn sốt lui chưa đầy một ngày, rồi cơn sốt lại đến. Lần này, nó đến mãnh liệt hơn. Đứa nào đốt lò kéo bể than hồng trong đầu ta? Rõ ràng ta nghe có tiếng lò rền phì phò trong óc. Và nghe cả tiếng cãi lộn léo nhéo.

Bồng bênh trôi đi những hình ảnh kỳ dị: một chiếc thủ lợn, một chiếc đầu lâu, một khúc lòng già, một ông Tchekhov, một con dao nhọn, một người đàn bà méo máo... Tất cả diễn binh như một cuốn phim quay trong sương mù.

Tôi mê man nhưng cố cưỡng lại cơn bệnh. Tôi cố bấu vào dòng sông hình ảnh sương mù ấy. Nó kéo tôi đi rất nhẹ nhàng và tôi cảm thấy vui nhẹ dễ chịu. Nhưng tôi chợt rùng mình. Thấy gai gai. Có một tiếng thì thầm trong đầu: “Anh buông xuôi theo dòng sương mù ấy là xong tất cả đấy”. Tôi chợt hiểu ngay. Xong ở đây có nghĩa là chấm dứt tất cả. Không. Tôi không chấm dứt. Chấm dứt có nghĩa là nhẹ nhàng, nhưng cũng có nghĩa là chẳng còn gì cả. Chấm dứt cũng có thể định nghĩa là hạnh phúc, nhưng còn có thể là cái chết.

Dòng sương mù ơi! Ta không muốn chết. Tôi vội hỏn hên cố đi ngược dòng. Vất vả quá. Có phải

tôi lội trong bùn? Có một chất keo nhầy đang mút chân tôi lại, đang cố níu tôi lại. Chợt cảm giác không phải là chất keo, mà là những bàn tay lạnh lẽo, những bàn tay ma đang bám dính vào hai chân. Tôi thét to:

- Buông ta ra! Đồ ma quỷ!

Có lẽ không phải là hét mà chính là tôi gào. Tôi nghe rõ tiếng mình vang lên tuyệt vọng. Tôi ngã xuống dòng sông bầy nhầy đó, nhưng vẫn cố đứng lên. Tôi vẫn gào:

- Ma quỷ! Buông ta ra!

Rồi tôi rầy rụa, tôi đập. May thay, chân tôi chợt đụng phải một tảng cứng. có lẽ một mô đất. Tôi đứng trên mô đất, trên hòn đảo bé nhỏ bơ vơ đó mà kêu gào. Tiếng gào làm chấn động dòng sông sương mù, tôi cảm thấy màu trắng sữa của nó hơi đục đưa. Tôi cố gào to thêm và chợt thấy màu trắng sữa ấy có nhạt đi. Tôi vui mừng vì trông thấy qua màn sương nhạt, những bàn tay vẫy gọi. Luýnh quính quá, tôi vấp ngã bổ nhào.

Tôi chợt bừng tỉnh dậy, thấy mồ hôi vã ra. Thế là tan cơn sốt.

Ngày... tháng...

Vẫn sốt liên miên. Những giấc mơ hãi hùng. Tỉnh dậy chẳng nhớ gì hết.

Tôi nhắm mắt nằm yên. Chợt như cảm thấy có ai đang ngồi trên chiếc ghế đầu giường. Tôi choàng mở mắt, song chẳng thấy ai.

Thế nghĩa là gì nhỉ? Phải chăng cảm giác ấy sinh ra do thần kinh ta quá ốm yếu?

Ngày... tháng...

Mệt. Chẳng muốn ăn gì. Miệng đắng. Con sốt như những đợt thủy triều; sáng lui, đêm lại sốt. Cái nóng vắt kiệt cơ thể. Mồ hôi ở đâu mà ra lắm thế.

Ta sợ đêm tối lắm. Vì đêm đến, con sốt cũng đến theo. Cùng đi với nó là những cơn ác mộng.

Nửa đêm, chợt tỉnh vì bỗng nghe thấy tiếng kẹt cửa. Ta choàng dậy, hỏi: Ai? Không thấy trả lời. Ta nhòm lên nhìn ra cửa. Thoáng thấy một bóng người to lớn bước ra ngoài. Ta chỉ kịp nhìn thấy chiếc lưng tròn múp của hắn. Thế là mất ngủ từ lúc đó.

Ngày... tháng...

Cả ngày hôm nay ta bận khoăn với câu hỏi: “Hắn là ai? ” Ta chờ đêm. Ta chờ hắn đến, nhưng đêm nay hắn lại không đến.

Ngày... tháng...

Hắn như kẻ đánh lén. Hắn có vẻ am hiểu nghệ thuật quân sự, vì hắn chú ý đến yếu tố bất ngờ. Đêm nay thấy dễ chịu; chập tối ngủ được một giấc.

Chính lúc ta không ngờ hắn đến, thì hắn lại đến. Mở mắt ra, hắn đã ngồi đấy, trên chiếc ghế đầu giường. Hắn có thân hình to béo, ăn mặc giản dị. Hắn có đôi tay lông lá và khuôn mặt triết gia. Đôi mắt sắc, râu mép tủa xén kỹ càng và nốt ruồi trên má. Chẳng ra người da trắng và cũng chẳng ra người da vàng. Hắn ngồi đấy, mắt chăm chăm nhìn ta.

Ta định cất tiếng, thì hắn mỉm cười. Rồi thân hình to lớn của hắn bỗng nhiên mờ dần và biến mất. Ta lạnh toát người, sợ hãi. Hắn là người, hay ma quỷ?

Ngày... tháng...

Bây giờ hắn năng đến lắm. Trong lúc hôn mê, ta chỉ mê thấy lợn. Ta cố thức để khỏi mê. Nhưng cứ mở mắt ra, lại thấy ngay mặt hắn. Ta tức giận hỏi:

- Người là ai?

Hắn cười to ha ha, rồi bốc hơi biến mất.

Ngày... tháng...

Hôm nay, hắn lại lần thêm một bước nữa. Hễ ta nhắm mắt, hắn lại cười ha hả để đánh thức ta dậy. Ta lại hỏi:

- Người là ai?

Lần này, hắn không cười to, mà chỉ nhếch mép cười bí hiểm.

- Rồi anh sẽ biết.

Ngày... tháng...

Ta hiểu ý định của hắn rồi. Hắn đến để ám ảnh ta, hành hạ ta, để làm đầu óc ta rối loạn, để cướp đi giấc ngủ ngon của ta, để...

Đêm nay, ta hỏi hắn bằng câu hỏi khác:

- Người đến đây làm gì?

Hắn thản nhiên trắng trợn:

- Ta đến để xem anh chết.

Ta điên rồ, căm giận:

- Tên sát nhân! Hãy rút đi! Rút đi!

Hắn lại há to mồm và cười ha hả. Ta không chịu đựng nổi nữa rồi. Hắn nhân danh cái gì để hành hạ ta như thế? Ta ngồi bật dậy, rồi xông lại đánh hắn. Bàn tay lông lá của hắn gạt ta ngã sóng xoài trên mặt đất. Ta vẫn thều thào:

- Rút đi! Rút đi!

Cả nhà chạy đến. Vợ ta ôm lấy ta và nức nở.

Ngày... tháng...

Đảo lộn quy luật rồi. Mọi buổi sáng có bao giờ tôi sốt. Nhưng sáng nay, khi nghe thấy tiếng gà, cơn sốt lại bùng to.

Mệt lắm. Nhưng tôi thấy đầu óc còn chút tỉnh táo. Tôi cố ngồi dậy, viết nốt những dòng chữ này, vì sợ bệnh tôi khó khỏi.

Tay tôi run lên. Chợt nhớ đến chữ Poócxinômani của Tám. Tôi phải viết chữ ấy bởi vì hắn đang đến. Hắn, bây giờ bất kể ngày đêm, lúc nào cũng có thể xuất hiện.

Tôi mang máng biết nhân dạng của hắn rồi. Hắn muốn giết tôi đây. Hắn muốn ám ảnh tôi cho đến chết.

Tôi cố chống cự. Còn chút tàn lực nào, tôi cũng đem ra cho bằng hết. Cũng có thể tôi sống, cũng có thể tôi chết. Tôi chấp nhận.

... Kia! Cái thằng bụng lợn ỉ ấy đang cười hề hề khả ố trước mặt tôi. Lốp mỡ ở bụng hắn rung rung. Tôi đã chụp được khuôn mặt hắn, cái bộ mặt có vẻ triết gia, cái bộ mặt nung núc mỡ... Nếu tôi chết, xin hãy nhớ kỹ khuôn mặt hắn.

Trời ơi! Nóng quá! Em ơi, cho anh xin cốc nước.

Phần 2

Hành trình vào hỗn mang

Tôi nằm lặng một mình trong những đêm dài hôn mê. Tâm hồn tôi lang thang lạc về những xứ sở hoang sơ kỳ ảo. Đêm chẳng phải đêm! Ngày chẳng ra ngày! Âm ti chẳng? Thiên đường chẳng? Cội nguồn chẳng? Vũ trụ chẳng?

Sự sống leo lét vẫn còn đủ như con đom đóm lập loè tâm tưởng, rọi ánh sáng mờ vào miền thăm hồn mang.

Tôi khát! Tôi khát!

Chao ôi là nóng!

Cơn nóng trong tôi lúc âm ỉ, lúc bùng bùng lửa đốt. Nó soi đuốc gọi thăm đêm về hợp giao cùng hoang tưởng, để làm sống lại những kỉ niệm đã bị chôn vùi trong nghĩa địa âm u sợ hãi.

Những mơ ước cháy bỏng nhất, những hình ảnh hoang sơ nhất, những kí ức tái tê nhất hoặc vui đến nổ trời, những bóng ma bị quên lãng đã nắm tay tôi dẫn vào vũ hội, để nhảy những điệu nhảy Hồn mang. Tiếng hò hét cuồng nộ kéo ta vào những cơn mê cuồng, vui đến rơi nước mắt. Khúc nhạc buồn héo hắt làm chân ta lảo đảo. Ta bủn nhủn nghe tiếng thăm thì, rủ ta về hoà lẫn vào Hồn mang.

Có nhiều người, cũng như tôi, đã bất hạnh hay may mắn được hành trình vào xứ Hồn mang. Rất nhiều kẻ vì sợ hãi hay buồn phiền đã úp tay vào mặt, cố ý kéo màn che ký ức. Nhiều người khác không may đã bị bóng tối của Hồn mang kéo tụt vào đêm đen vô tận. Hiếm người thoát hiểm! Vì thế, nhiều cuốn hồi ký Hồn mang đã chẳng được khai sinh. Tôi

thuộc số người may mắn đã thoát khỏi Hồn mang trở về. Tôi vội vã ghi chép lại sự tự nghiệm kỳ lạ, cố giữ lại cái hơi thở hoang sơ nguyên thủy, và những xúc cảm cuồng nộ đầy mê đắm của nó.

I. Con vật huyền thoại

Ngày đầu tiên, tôi nằm dài hôn mê. Mắt nhắm nghiền. Thở thoi thóp. Chân tay thẳng đặng. Bất động. Tai chẳng nghe thấy gì nữa. Cảm giác nhẹ nhàng băng ngang của một ly rượu. Hết nóng, hết lạnh, hết đau đớn, hết suy nghĩ...

Khi bóng tối ập xuống, trạng thái kỳ lạ ấy bỗng được chuyển sang trạng thái khác. Nếu gọi trạng thái trước là mấp mé bờ chết, thì trạng thái thứ hai này là mấp mé bờ sống. Có thể cái mầm sống trong tôi đã thoi thóp, nay cố gắng rầy rụa chẳng? Nó bám vào bờ sống nhưng không đủ sức ngoi lên. Đã mang máng nghe thấy hình như có tiếng người. Ai khóc đây? Có phải tiếng sụt sùi của vợ tôi? Có phải tiếng tấm tức của thằng con út. Có phải tiếng đều đều an ủi của thằng Linh?

Tôi thấy buồn buồn nơi bàn tay. Phải chăng bàn tay ấy muốn giơ lên, muốn vẫy gọi, hay muốn đặt nhẹ lên mớ tóc của đứa con yêu. Không xác định nổi đây là phản ứng của sự sợ hãi, hay phản ứng của tình thương. Nhưng, bàn tay vẫn nằm yên, không nhúc nhích. Tiếp đó là sự bằng lặng của một giấc ngủ êm, nhưng mong manh. Tất cả lại chìm trong màn sương trắng. Như có một chuỗi mây bông bênh trôi qua; lúc mây dày thì mắt ta nằm trong màu sữa; lúc mây mỏng thì lại trông thấy một ngọn đèn dầu lạc, úa

nhoè nhoà; lúc mây quá nặng, thì ta như chui bên trong một chiếc chăn dày kín mít.

Kìa! Một làn mây quá mỏng! Ta lại chợt nhìn thấy thế gian qua một tấm kính mờ. Chợt thấy rõ không phải ngọn đèn dầu lạc, mà là một chiếc bóng điện. Trước mắt ta, lay động một trái dừa... một quả bưởi... những quả bóng... kỳ lạ vậy? À... Đó là những đầu người. Chắc là vợ ta, con ta, bạn bè ta đang ngồi kế cận giường ta. Có tiếng rì rào ... tiếng thì thầm của những rặng tre. Ta hiểu rồi, họ đang trò chuyện.

Chợt một nỗi buồn thăm thăm toát ra từ xương tuỷ. Cái ý thức le lói trong ta chợt bùng lên. Ta buồn vì biết rằng mình đang chết. Một đám mây lướt qua mi mắt chợt làm tôi rùng mình; ta sợ một bàn tay nào đó đặt lên mắt ta, và vuốt nhẹ; như thế tức là chiếc cửa sổ tâm hồn được khép kín, vĩnh viễn khép kín. Tâm hồn chập chờn, le lói của ta chợt rung lên; đôi mi mắt cố rướn lên, cố mở to ra; nhưng sao đôi mi mắt quá nhỏ bé mà lại nặng nề đến thế; tưởng như những tấm cửa lim ngăn cách. Tâm hồn tôi gào to:

- Chưa! Chưa phải là hết!

Nhưng buồn thay! Từ miệng ta chẳng có âm thanh nào lọt ra. Giọt nước mắt bất lực, phải chăng giọt nước mắt cuối cùng của đời ta chợt ứa ra, từ từ lăn trên gò má. Nhưng tiếc thay! Chẳng ai để ý đến những giọt nước mắt bơ vơ đó. Vợ ta, con ta, bạn bè ta đều không nhìn thấy nó. Ta biết chắc vậy, vì chẳng có ai cầm khăn thấm nó; nó cô đơn chậm chạp

bò dần trên đôi gò má khô héo, nóng bừng; nó âm thầm rơi xuống gối; ta đoán chắc là nghe thấy tiếng rơi của nó.

Lạ chưa! Tai ta đã phân biệt được âm thanh. Tiếng rì rào bỗng hoá tiếng người: Giọng ồ ồ là của Hợi, giọng thanh thanh là của thằng út, giọng ngập ngừng là tiếng nói vợ ta giọng trầm đều tiếng của thằng Linh, giọng phần khích là của chú Lân.

Ta nghe lồm bồm. Âm thanh lúc xa, lúc gần, lúc tỏ, lúc mờ, lúc liên tục, lúc đứt quãng...

“Lợn ... lợn ...”

Hay thật! Họ lại vẫn bàn chuyện lợn bên cạnh giường người đang chết.

“Bò ... bò ... hổ ... hổ ... khổng lồ ... tạ, tấn ...”

Chắc là họ đang bàn đến những con lợn Bò, lợn Hổ, những con lợn nặng hàng tấn thịt. Giọng ồ ồ lên bổng, xuống trầm. Chỉ nghe thấy giai điệu, nhịp điệu, sắc điệu của âm thanh chứ không nghe thấy rõ ràng lời nói, nhưng ta biết đó là giọng của Hợi, ông chủ lò. Chợt vụt hiện trong óc một chuỗi hình ảnh mà một lần ta đã gặp... Một người đàn ông lực lưỡng, cởi trần, chân đi ủng cao su, đứng giữa một đàn lợn khổng lồ. Tay anh ta cầm một vòi nước chảy xiết và phun vào lũ lợn. Đàn lợn rú gầm chạy tán loạn; chạy mãi, chạy mãi, để rồi cuối cùng kiệt sức nép vào nhau, run rẩy đứng ở xó chuồng. Người lực lưỡng cởi trần, lúc này, cầm một con dao điện trong tay. Hắn dí điện vào gáy từng con lợn. Lũ lợn khổng lồ lăn ra rẫy rụa. Rồi sau đó, người lực lưỡng cầm con dao lá lúa mà sọc mà đâm một cách rất chính

xác. Con lợn nào cũng bị lưỡi dao phóng trúng cổ, trúng tim. Máu lợn phun ra òng ọc, lênh láng. Người đồ tể nghệ sỹ đâm như múa, càng đâm càng nhanh, càng chính xác, càng đâm bàn tay càng dẻo... Cuối cùng anh giơ con dao lá lúa lên, đứng giữa ao máu mà cười... Nụ cười hân hoan đón nhận tràng vỗ tay của đám đông khán giả cũng đang say sưa như anh.

À... Hiểu rồi! Nhớ ra rồi! Thảo nào thấy âm sắc của giọng Hợi quá quen thuộc. Thì ra, Hợi đang kể cho mọi người nghe cách giết lợn hiện đại, cách giết lợn hàng loạt, cách giết những con lợn khổng lồ bằng dao điện. Chính mắt tôi đã được dự cuộc biểu diễn đồ tể hiện đại ấy mà Hợi là người thao tác mẫu, cách đây mấy tháng, tại lò lợn.

Những bóng mờ trước mắt bỗng tan biến. Qua màn sương ngăn cách, tôi chỉ còn thấy bóng đèn vàng hiu hắt, và một bóng hình mờ mờ nào đó. Chắc mọi người đã ra về, và chỉ còn một người ở lại chăm sóc tôi.

Sao lúc này im lặng đến vậy? Im lặng đến nỗi tôi nghe rõ cả tiếng tim mình đập. Tôi muốn kêu lên: “Các người đi hết rồi ư?” Chỉ còn ta hấp hối với đêm dài lặng lẽ. Cái bóng ngồi kia là ai vậy? Vợ ta, hay con ta? Hãy đến mà nói với ta, mà nắm tay ta. Sao lại im lặng? Lại ngủ rồi ư? Chỉ còn một mình kẻ hấp hối này là thức thôi ư? Kẻ sống thì ngủ, kẻ chết thì thức. Sự trái ngược ấy càng làm cho nỗi cô đơn thêm rợn. Ta muốn khóc nức nở, nhưng nước mắt ta lại cạn kiệt hay sao?

Có tiếng gì rờn rợn, lạ lùng ở xa vời. Tiếng đó làm sồn gai ốc... Ta hồi hộp lắng nghe. Biết rồi! Tiếng mèo! Con mèo gào trong không gian khuya và tối đen. Mỗi lúc tiếng gào lại mỗi gần. Một phản xạ như muốn chạy trốn mà không trốn nổi. Ta cũng biết rồi. Chắc là con mèo đen; con mèo mặc áo choàng đen, đi tuần du trong bóng tối như gã canh ngục thất. Nó lượn lờ quanh nhà ta ở. Tiếng mèo u oa nức nở. Đồ quý! Nó bỗng gào lên như tiếng trẻ con bị bóp cổ. Giống mèo đêm đêm thường đi tìm những linh hồn bơ vơ. Mèo bơ vơ, mèo hoang đi tìm những giống người bơ vơ, giống người hoang... Kẻ bơ vơ là người hấp hối... Tiếng mèo chột rú như bị chọc tiết; tâm hồn tôi chột cũng co quắp, rúm ró theo... Ôi... Lạnh toát đến tận đáy hộp sọ. Tôi muốn kêu cứu, nhưng đã mất âm thanh. Tôi muốn chống đỡ, nhưng chân tay tê liệt.

Đang lúc nguy cấp, khốn cùng như vậy, thì chột thấy hơi thở ấm áp bên tai. Một tiếng thì thầm:

- Hoàng! Đừng có sợ. Còn có tôi đây.
- Ai vậy?
- Tám đây! Hoàng chẳng nhận ra sao?
- Ôi anh Tám! – Tôi vui mừng – Sao anh đến chậm vậy?

Tiếng thở dài:

- Bạn bè chỉ giúp nhau hơi ấm. Cái chính là ở anh.
- Anh cứu tôi với! – Tôi năn nỉ.
- Hoàng sợ gì?
- Sợ tiếng mèo.

- Tôi hiểu rồi. Chắc anh nghĩ đến con mèo đen nhảy qua người anh. Và anh sẽ biến thành quỷ nhập tràng?

- Ôi chao! Đúng là điều tôi sợ vậy. Anh Tám đuổi con mèo ấy đi. Tôi không muốn biến thành quỷ.

- Giống quỷ bao giờ cũng muốn mọi người đều biến thành quỷ như mình. Anh sợ cũng phải. Nhưng tôi biết làm thế nào bây giờ?

- Anh Tám giúp tôi với. Cho tôi một liều thuốc... cho tôi khỏi bệnh.

- Poóc xi nô ma ni? Làm gì có thuốc.

- Vậy là tôi chẳng còn gì hy vọng? Tôi sẽ nằm dài hấp hối. Và cuối cùng tất cả sẽ nhỏ dần... mờ dần... để đi đến kết thúc?

- Có hai cách kết thúc. – Tám lặng lẽ trả lời – Một là anh cứ nằm yên ở đây một đêm, hai đêm, ba đêm... Và đêm nào tiếng mèo cũng rú lên đe dọa anh, làm mất của anh một phần tinh lực. Rồi toàn bộ tinh lực của anh sẽ dần dần bị phung phí, tiêu hao vào nỗi sợ hãi... Một kết thúc như vậy chẳng đáng buồn lắm sao! Hai là, anh cố đi về phía bờ sông. Cảm giác là mấp mé bờ sông; nhưng thực ra khoảng cách đó rất xa. Đừng chọn nẻo đường gần; đường gần hiểm khi tới đích. Đường tới bờ sông đích thực là con đường hun hút và khúc khuỷu.

Tôi thở dài:

- Tức là anh khuyên tôi nên quay lưng lại với con đường gần. Và chọn hướng bước đi vào nẻo đường xa vời mà bóng chân trời chỉ là một vết mờ?

- Đứng – Tám gật đầu thở dài - Đó là đường qua thế giới Hồn mang. Nó hun hút và đen ngòm. Đoạ đấy! Thực thực hư hư... Đây hiểm hoạ song cũng đầy hấp dẫn... Phải tỉnh táo qua đó mới hòng tìm tới bến bờ thực sự.

Điều kỳ lạ là khi hướng về phía con đường hun hút ấy thì chân tôi lại đứng lên nổi. Nỗi cô đơn đã làm sức tôi kiệt, nhưng hơi ấm bạn bè lại tiếp sức cho tôi.

Tôi một mình đi vào xứ Hồn mang, cố tìm về bờ sông. Con đường xa lạ, nhưng có cảm giác như một lần ta đã đặt chân đến rồi. Đen ngòm, và chẳng thấy lối mòn. Chỉ biết nhắm phía xa xa, nơi có ánh sáng leo lét mờ mờ, mà đi tới.

Ta bỏ lại nhân gian sau lưng để đi tìm con đường về với nhân gian. Hết ngọn đèn vàng hiu hắt, ngọn đèn nơi ta nằm chờ chết. Hết những bóng hình mờ ảo thân quen. Hết những tiếng nói thường hằng mà ta biết rõ từng âm sắc.

Ánh sáng tỏ dần, ta nhận ra mình đang đứng trong xứ sở mây mù. Mây nổi đuôi nhau trôi dài. Mây trắng dày đặc, thu ngắn tầm mắt ta vươn xa. Ta chẳng hề biết sau biển mây mù ấy là cái gì.

Còn đang tần ngần, chẳng biết đi về hướng nào, bỗng một tiếng cười như sấm vang rền, tiếp sau đó một tiếng hỏi:

- Anh đi đâu?

Tôi căng mắt nhìn về phía tiếng nói, và chợt nhận ra một bóng trắng khổng lồ, thường dễ cao đến

vài chục mét. Đó là một con quái vật mà tôi chưa rõ hình thù. Tôi hỏi:

- Người là ai?

Tiếng sấm rền từ cao vọng xuống, đe dọa:

- Ta canh giữ ải hoang. Và ta chỉ cho đi qua những kẻ nào trả lời được câu ta hỏi.

Tôi nhìn con quái trắng ngồi chồm hồm, và chợt rùng mình nhớ đến chuyện xưa. Phải chăng đó là con nhân sư thời thượng cổ? Con nhân sư bí hiểm đã đưa ra câu đố mà người đời không giảng nổi. Đã bao kẻ bất hạnh vì không trả lời được câu hỏi mà bị chui vào dạ dày của nó. Chỉ có một mình Oedipe, người Hi Lạp xưa, đã giải nổi. Con quái vật đã tức giận chịu thua trí tuệ con người nên đã nhảy tùm xuống biển sâu, và đã bao đời nay không xuất hiện. Đến nay, nó lại lộ mặt ra đời tác quái. Bụng thì lo, nhưng tôi vẫn phải ra vẻ đỉnh đạc cất giọng:

- Hỡi nhân sư! Đừng khoe trò bịp. Người không biết xấu hổ sao? Câu hỏi của ngươi, Ô đíp đã giải từ mấy ngàn năm về trước rồi. Sách cổ còn ghi chép rành rành; nay ngươi còn tiếc rẻ gì nơi trần thế, mà lại điên đảo trở về tác quái?

Quái trắng cười sằng sặc. Lúc này tôi mới nhìn rõ cái đầu người lắc lư trên thân hình thú vật của nó. Quái trắng trả lời:

- Ngươi nhầm rồi. Hãy nhìn cho kỹ. Ta đâu có phải giống nhân sư.

- Lấp liếm làm gì, hỡi giống đầu người mình thú.

- Chớ láo xược. Ta đây chính là con vật huyền thoại hiện đại.

- Vật huyền thoại hiện đại!

Tôi cố căng mắt nhìn cho rõ, rồi cười to:

- Chà! Cái tên kêu quá! Tưởng lá ngọc cành vàng, hoá ra chỉ là cái đầu người chắp vào mình con lợn. Ha, ha... Ta biết rồi. Người là giống Nhân – Trư.

Con quái vật gầm lên tức giận làm những đám mây trắng sợ hãi cuống quít, vội bay nhanh.

- Tên kia! Chớ bẻm mép! Hãy nghe kỹ lời ta hỏi. Nếu không trả lời đúng, đừng trách ta ác độc. Này, hãy nghe cho kỹ: “Con vật gì buổi sáng ăn thịt người, buổi trưa nằm nghỉ ngơi, buổi tối lại ăn thịt người?”

Tôi ngẫm nghĩ: Câu đố có vẻ hao hao giống câu đố mà xưa kia Nhân sư đã hỏi Oedipe ... Nhưng sao lại có chuyện ăn thịt người ở đây?

Con quái trắng thấy tôi tư lự, suy nghĩ, liền cười to khoái trá. Nó tìm cách làm tôi rối trí:

- Ta đếm từ một đến mười. Nếu không trả lời nổi sau mười phút, thì ta buộc lòng phải ăn thịt người. Một phút... hai phút... Cố nghĩ cho kỹ, trông người quá gày còm, kẻ cũng đáng thương. Ba phút... bốn phút... Người chỉ có da bọc xương, ăn chả bõ tanh miệng. Năm phút... Hay nếu người không trả lời nổi, thì hãy quỳ xuống lạy. Ta sẽ tha mạng, và cho người quay trở lại... Thôi, hãy quỳ xuống ngay đi, hỡi anh học trò bẻm mép... Sĩ diện hão làm gì... à, nếu quay trở lại, thì người sẽ chết hẳn... Hay là

người sợ chết? Nếu vậy, hãy quì lạy ta, và rập đầu xuống đất ba lần. Ta sẽ tha bổng cho người... sẽ cho người sống lại... trở về cõi nhân gian... với vợ, với con, với bạn bè, với ly rượu say.

Con quái trắng sỉ nhục tôi như vậy, làm đầu óc tôi sung tẩy cảm giận. Nhưng cũng nhờ thế nên óc tôi làm việc mạnh và chột loé sáng. Tôi đã nghĩ ra câu trả lời:

- Hỡi chú lợn quỉ! Hãy bình tĩnh vênh tai lên nghe ta giải: Con vật, buổi sáng ăn thịt người... chính là con người lúc khai thiên lập địa. Con người nguyên thủy sống trong mộng muội, ăn thịt lẫn nhau. ... Buổi trưa nằm nghỉ ngơi... tức là con người khoảng vài ngàn năm nay. Con người đã ý thức được nhân phẩm. Tệ ăn thịt người đã bị loại bỏ. Buổi tối lại ăn thịt người... Ta hiểu người định ám chỉ con người hiện đại lại quay trở về Mộng muội. Nhưng ta biết người đã nghĩ sai.

Quái trắng cười to ha hả:

- Khá khen thay người biết trả lời. Nhưng người còn muốn cưỡng lại Định mệnh. Ta cần nhắc lại, đến như Oedipe mà cũng không cưỡng lại nổi Định mệnh.

- Ta không tin Định mệnh!

- Ngụy biện làm gì? Mộng – Muội – Mối chính là tên gọi của thời nay. Xấu hổ mà làm gì? Loài người lúc nào mồm chả nhoe nhoét máu. Chối cãi mà làm gì? Ta biết điều đó chẳng hay ho, nhưng nó là sự thực.

- Người nói làm ta lợm giọng. Ta thấy cả vị tanh tươi của lời nói ấy chen ứ lấp họng ta. Ta biết người thích nhấm nháp thịt người. Ta biết sự thực có con đường Mông – Muội – Mới; nhưng ta biết cũng vẫn còn một ngã đường khác.

- Hề, hề ... Cãi mà làm gì? Bởi vì ta là con vật huyền thoại hiện đại. Hiện đại ở chỗ, trong óc, trong bụng ta có những bộ máy tính diện tử tinh vi nhất. Các nhà bác học đã làm nhiều phép tính và đã tìm ra được nhiều đáp số. Nhưng kết luận cuối cùng: đáp số hàm ẩ, mà ta vừa nói đối với câu hỏi của ta, vẫn là đáp số tối ưu.

- Nói xong, con Nhân Trư sờ tay vào ngực, bấm nút. Hai chiếc cánh giấu kín trong người nó chột xoè ra. Rồi một tiếng nổ bùng... Con quái trắng chột bay tít lên cao, như một quả tên lửa. Tiếng cười của nó như sấm rền. Nó nhỏ dần và biến mất, chỉ còn để lại một vệt trắng trong không gian mây mù ...

II. Xứ đợi chờ

Tôi quyết định chui vào lò gió nóng hỗn mang. Thất thểu, sờ sờ, nhưng thích thú. Đầu bốc lửa rừng rực. Khát. Cổ khô cháy. Một cảm giác phấp phồng bứt rứt trong tôi. Ta chờ đợi cái gì nhỉ? Phải chăng một làn gió mát? Đừng nói dối! Làm gì có gió mát ở đây. Thú thật tôi đang chờ một cơn gió Lào nóng rẫy. Thật khi! Người nóng lại thêm gió nóng. Điều đó thật mâu thuẫn, nhưng có lẽ không ai biết rằng cái nóng khi đi đến tận cùng của nó sẽ dẫn ta đến một bến bờ mê mải, đi đến một giới hạn. Chính ở giới hạn ấy, biết bao điều lạ lùng được vén tỏ. Ta sẽ tự nghiệm được cái trống rỗng và cái vô tận.

Phải chăng đó là hương vị của cái chết? Mà cứ đến đi. Đến đi! Ta đương thêm nhăm nháp – Tôi run rẩy tự nhủ – Có thể ý nghĩ đó là phi nhân, là độc ác. Nhưng, xin lỗi, mọi người hết thấy đều độc ác như vậy.

Cái không gian lò thiêu ấy màu hồng hồng... Mệt ơ là mệt. Mi mắt trĩu nặng. Ta ngủ đây. Ta ngủ trong không gian hồng lửa. Chập chờn. Ngủ mà chẳng phải ngủ. Ai thì thầm trong óc ta:

- Hãy lạc về một thời gian xa xưa nhất, quên lãng nhất.

- Anh Tám đây ư?
- Tôi đây.
- Tôi đang ở đâu?
- Xứ đợi chờ.

- Tôi không thích đợi chờ.
- Đừng nói dối. Đã là người, ai chẳng đợi chờ.
Hãy quay về với những kỉ niệm mà ta muốn che dấu.
Chúng là những chứng liệu hùng hồn nhất.

1. Hội làng

Quê ngoại tôi ở làng Ném, Bắc ninh. Tết nào cũng vậy, tôi về quê với bà ngoại cho đến hết tháng giêng, hết tháng hội hè.

Hàng năm, sau tết, tổng Ném mở hội linh đình. Bấy làng Ném phải chuẩn bị dự hội. Mỗi làng phải có một con lợn thật to để cúng thần, mà nhân dân vẫn gọi là “Ông ỉ”. Khoảng đến giữa năm, hội đồng kỳ mục từng làng đã đi chọn lợn. Họ đến một số nhà đã được chỉ định nuôi lợn để xem con lợn nào có khả năng dự thi. Khi chọn xong con nào, cả làng phải

thay phiên nhau mang gạo ngon, cám tốt đến phục vụ “Ông ỉ”.

Năm ấy nhà bà ngoại tôi được chắm lợn thờ. Lúc đó, tôi chừng bảy, tám tuổi. Tôi còn nhớ, bà ngoại vừa vui, lại vừa lo lắng. Bà tôi gầy sút hẳn đi vì hầu hạ “Ông ỉ”. Bà suốt ngày lo dọn chuồng, thái bèo, nấu cám, tắm rửa cho chú lợn thờ. Lợn đói lúc nào được ăn lúc ấy. Gia đình khá tốn kém vì gạo, cám mà làng đóng góp tuy hậu hĩ nhưng không đủ. Ông Lý, ông Hương hàng tháng lại đến thăm nom “Ông ỉ”. Những ngày thăm nom ấy, bà tôi, dù túng bấn, cũng phải mua chai rượu, cái chân giò, để ông Lý khám lợn xong còn nhấm nháp một chút. Thiếu cái khoản ấy là không xong, các ông ấy lập tức hạnh hoẹ. May mắn thay, “Ông ỉ” nhà tôi không ốm đau và lớn nhanh như thổi. Ông ăn đủ của ngon vật lạ: nào cháo gạo nếp, nào bột ngô, nào cá mè, nào rau muống non. “Ông ỉ” to như con bê, nặng gần hai tạ. Mặt ông béo sì, nhãn nheo, mắt híp gần như nhắm tịt. Bụng ông to như cái trống đại. Người ông thưa thớt lông và bóng nhẫy. Ông đi không nổi nữa. Ăn đầy, ngủ đầy, ỉa đái đầy.

Ngày hội làng đầu năm sắp đến.

Tôi pháp phỏm đợi chờ. Nhiều đêm cứ mơ thấy cờ quạt, đàn sáo tung bùng. Không khí chuẩn bị ngày hội càng thêm háo hức, khi đội khiêng kiệu tập múa, tập đi đứng trên cái sân mênh mông nhà cụ Chánh tổng cự. Ông quản kiệu, là người có chức sắc chữ nghĩa, lại làm quản kiệu lâu năm; ông có cả một quyển sách giấy bản ghi lại đội hình quân kiệu ở

từng giai đoạn cuộc tế lễ. Ông quản kiệu chọn toàn những cô gái đẹp tuổi mười bảy, mười tám vào làm quân. Ông cầm chiếc trống khải đánh tong tong theo một nhịp điệu rắc rối. Những cô gái nồn nà, miệng tươi cười cầm chiếc quạt, lúc che miệng, lúc xoè ra, lúc cup vào; các cô đi đứng nhún nhảy, rón rén, lúc quay trái, lúc quay phải nhịp nhàng theo hiệu trống tong tong. Tối nào tôi cũng đi xem tập. Và đêm nào tôi cũng mơ về ngày hội.

Nồi phấp phỏng chờ đợi trong tôi càng gia tăng, khi xong ba ngày tết. Từ mồng năm trở ra, ngày nào ông Lý, ông Hương, ông Trưởng bạ, ông Phó hội, cụ Tiên chỉ ... cũng đến nhà để ngắm nghía “Ông ỉ”. Ngày nào, “Ông ỉ” cũng ăn cháo cá mè. Ông chán của ngon vật lạ đến nỗi bê chậu cháo đến mồm ông cũng không thêm húp.

Nồi đợi chờ trong tôi càng nhức nhối vào hôm trước ngày hội. Tôi bắt bà ngoại kể chi tiết về ngày hội. Bà tôi tả đội khiêng kiệu: Cô mặc áo hồng thì chít khăn xanh, cô mặc áo xanh thì chít khăn vàng, cô mặc áo tím thì chít khăn lam ... Ngang lưng, cô nào cũng thắt một dải lụa đào. Khi thánh thần nhập kiệu, các cô khiêng nặng thế mà chạy như bay, chân không chấm đất. Ra đến đình, trước khi tế lễ, đội khiêng kiệu còn múa quạt rồi mới yên vị... Tôi bắt bà kể nữa nhưng bà ngừng lại và chỉ nói: “Con cứ chờ. Xem rồi khắc biết. Ngày hội còn nhiều điều rất lạ.” Như vậy, là vẫn còn một cái gì đấy mà bà tôi không biết kể hoặc không muốn kể. Chính vì thế nên nồi đợi chờ của tôi càng tăng thêm khát khao.

Tôi đợi chờ một sự kỳ lạ. Cái gì kỳ lạ? Phải chăng là múa, là rước kiệu, là đánh vật,... Không! Chắc chắn sẽ xảy ra một cái gì ghê gớm hơn, phi thường hơn... Tôi linh cảm như vậy, bởi vì cứ nghĩ đến ngày hội là tim tôi lại rộn ràng đập.

Sáng sớm ngày hội.

Bốn anh trai làng lực lưỡng khiêng một chiếc cũi sơn son thiếp vàng, theo ông Tiên chỉ bước vào nhà tôi.

Người ta vát vả lăm mới lừa được “Ông ỉ” chui vào cái cũi vàng son ấy. Sau đó, họ lấy giầy thùng nhuộm phẩm đỏ chói quàng vào và dùng hai cây tre đục để khiêng. Ngoài cổng đã chờ sẵn lọng xanh lọng tía. Có cả phường bát âm, và trống cái, trống con thanh la chũm chọe. Ông Tiên chỉ dẫn đầu. Theo sau ông là cái cũi vàng son, hai bên che hai cái lọng. Tiếp đến là trống cái, trống con, và phường bát âm.

Tiếng tùng rinh náo động cả lũy tre làng. Đàn bà trẻ con xô đẩy nhau đi theo đám rước. Cùng đi với tâm hồn họ là tiếng réo rắt hoan hỉ của tiếng nhị, tiếng sáo, tiếng đàn.

Lúc này, tôi mới chú ý đến một người mặc quần áo đen, chiết khăn đỏ, vác mã tấu đi oai nghiêm bên cạnh cũi. Tôi đồ chừng đó là chàng vệ sĩ của thần lọng.

Hội đồng chấm thi gồm toàn những người chức tước cao nhất hàng tổng: các cụ Tiên chỉ, những ông chánh, phó tổng đương và cựu, những ông chánh hương hội, một vị quan hàng tỉnh về chí sĩ.

Lạ chưa! Cuộc rước sách tế lễ tuy lạ lùng, kích thích, nhưng đối với tôi hình như lại chẳng có gì mới mẻ. Tôi chờ đợi cái khác cơ. Từ lúc đến sân đình, tôi vội sấn ngay đến gần bảy chiếc cũi sơn son thiếp vàng xếp hàng ngang rực rỡ ngay trước hiên đình.

Các cụ chức sắc đã bắt đầu chấm thi bảy “Ông ỉ”. Người ta bình rất kỹ lưỡng. Bình hông, vai, bụng. Xem đuôi, xem mõm, xem móng. Ngắm hình, ngắm dáng, ngắm nước da. Đo ngực, đo chiều dài, cân trọng lượng.

Năm ấy, “Ông ỉ” làng tôi được giải nhất. Bà ngoại tôi run rẩy quì xuống nhận phần thưởng là tám vải điều được trao từ tay ông Tiên chỉ.

Trống chiêng vang lừng. Ông vệ sĩ mặc đồ đen đứng dạng chân, tay trái chống nạnh, tay phải cầm mã tấu đặt trên vai, đầu héch lên một chút. Người ta hò reo vang lên như sấm động.

Tiếng trống đang ròn vui bỗng chuyển thành trống ngũ liên. Đột nhiên bãi đình làng bỗng im phăng phắc. Tim tôi bỗng đập thình thình. Chắc là phút đợi chờ đã đến đây rồi. Ông đô lực sĩ bỗng nhảy ra phía trước chiếc cũi vàng son. Ông múa thanh mã tấu, nhảy nhót và biểu diễn một bài mã tấu cổ truyền. Thanh mã tấu quệt xuống những viên gạch Bát tràng trên sân đình làm bắn ra những tia lửa. Ông vừa múa vừa hét to:

“Trảm! Trảm! ”

Mặt ông đô lực sĩ đỏ rực. Và trái tim tôi như co thắt lại. Có ai nói bên tai tôi:

“Làng Ném, chém lợn! ”

“Làng Ném, chém lợn! ”

À, thì ra cuối cùng là một cuộc hành quyết. Người ta nuôi lợn, chăm chút nó như thờ phụng một ông vua, một vị thần, để cuối cùng mang đi xử tử. Tôi chợt như thoáng buồn. Nhưng nỗi buồn ấy chợt tan biến ngay vì tiếng trống và tiếng hò la “Ra đi! Ra đi!” Người ta hét vang để đuổi “Ông ỉ” ra khỏi chiếc cũi sơn son thiếp vàng lúc này đã được mở cửa. Trẻ con cũng hò vang trên sân đình:

“Trảm! Trảm!”

Tiếng trống từng bi li rên xiết. “Ông ỉ” đột nhiên co rúm lại, không chịu nhúc nhích. Mấy người khiêng cũi lấy dáo đâm vào mông ông để xua ông ra.

Ông đô lực sĩ mặc quần áo đen, mặt đằng đằng sát khí, giơ mã tấu, đứng chào mã tấu, ở tư thế chuẩn bị. Trước cũi, trải một tấm nhiễu đỏ rất rộng; sát cửa cũi là cái thớt lim không lồ.

Dân Tổng Ném lúc này hoàn toàn im phăng phắc. Bãi pháp trường sân đình chỉ còn vang lên tiếng từng bi li khiếp đảm.

Toàn thể mọi người đều long lanh con mắt, nín thở. Những gương mặt hoặc đỏ ửng lên, hoặc tái ngoét đi vì sợ hãi và thích thú. Cả những cô gái nhu mì nhất cũng cổ rướn cao cổ lên mà chờ đợi cái phút kỳ diệu ấy.

Mũi mác, cuối cùng, phải chọc thẳng vào hậu môn “Ông ỉ”. Thường ngày, “Ông ỉ” không bao giờ nhích người nổi. Lúc này, ông bỗng rống lên và phóng mình chạy ra thớt.

Đầu con vật thờ phụng vừa ra đúng giữa thớt thì lưỡi mã tấu sáng loáng đã phạt ngay xuống. Lưỡi đao ngọt sốt chặt phăng cái đầu lâu “Ông ỉ”. Nó chạm vào chiếc thớt lim và phát lên một tiếng cộc khô khốc.

Máu từ cổ họng “Ông ỉ” chảy ồ ra như suối, chảy lênh láng trên tấm vải điều.

Toàn thể dân Ném bỗng nhảy cẫ lên và hò la điên cuồng. Người ta đổ xô đến tấm vải điều. Người nào cũng cố nhúng tay vào máu con lợn thờ phụng ấy để lấy may, lấy phước.

Tôi lau những giọt mồ hôi vã ra trên trán. Và kỳ lạ thay! Một cảm giác rất mâu thuẫn bỗng xuất hiện; một thoáng buồn tái tê và một nỗi hân hoan nhẹ nhõm bỗng tràn ngập lòng tôi.

Phải chăng, đã bỏ cái công pháp phỏng đợi chờ từ bấy nhiêu ngày.

2. Người khổng lồ vác nặng

Người bạn tôi tên là Vinh, một anh lính già thất thế về vườn. Vinh là một cậu tú; anh đỗ tú tài toán xong thì cuộc Cách mạng tháng tám bùng nổ.

Con người lý tưởng chủ nghĩa ấy xếp ngay bút nghiên lên đường đánh giặc. Anh đi bộ đội, đã trải qua nhiều chiến trường, nhiều khó khăn gian khổ. Chín năm đánh Pháp ấy đã hằn dấu trên con người anh. Anh gày một cách kỳ lạ, gày nhom, gày giờ xương sườn; khuôn mặt dài chỉ nhìn thấy đôi gò má cao toàn xương, chiếc cằm nhọn, vàng trán nhô ra làm cặp mắt sáng càng thêm sâu. Nước da anh vàng sạm, đôi môi thâm xít. Mới trên năm mươi, mà trông anh xòm như ông lão bảy mươi.

Sở dĩ Vinh phải về hưu trước tuổi vì anh luôn đấu tranh với ông vụ trưởng của mình. Vinh bảo tôi:

- Nói cho đúng, đầu tiên mình ghét hăn ta, vì hăn béo, béo phây, béo mỡ màng. Mình nghĩ, một con người cứ béo phì ra trong khi toàn dân đều gày gò, ắt hăn con người đó không thể là con người tốt. Ta hãy suy luận theo một lô gích toán học: Tại sao anh béo? Khi anh béo, chắc chắn anh phải ăn ngon và làm việc ít. Đã là người cách mạng, chắc chắn lương anh ít. Vậy, anh lấy đâu ra tiền để ăn ngon mặc đẹp. Tất nhiên, sự phê phỡn ấy phải do xoay sở. Hơn nữa, khi đã quá no đủ, con người sẽ dâm dật. Một hệ luận có thể suy ra: anh ta tất nhiên phải suy đồi về đạo lý. Một người như thế sẽ nịnh bợ cấp trên, đàn áp kẻ dưới. Từ cách suy luận lô gích ấy, tôi đi tìm cứ liệu để chứng minh cho giả thuyết đặt ra. Quả nhiên, tôi đã không lầm: ông vụ trưởng của tôi đã tham ô, đã dùng quyền lực ép buộc để ngủ với cô thư ký và cô phục vụ tạp dịch. Hàng tuần, hăn vẫn xum xoe đến nhà thứ trưởng ... Thế là tôi đấu tranh. Phải đấu tranh, vì tôi nghĩ đi làm cách mạng, một mục đích là tiêu diệt những mẫu người như vậy. Thế mà, mẫu người đó lại chồm chồm trên đầu trên cổ mọi người. Điều đó không được phép tồn tại.

Tôi cười vang:

- Cái lô gích phán xét theo kiểu béo – gầy như của anh thật là kỳ. Theo anh, có lẽ một cuộc cách mạng chân chính nhất sẽ chỉ còn toàn những con người gày gò như anh.

- Không hăn thế. Tôi nghĩ cách mạng là để toàn thể mọi người trong xã hội đều béo. Nhưng khi cách mạng nghèo, ai béo người ấy là kẻ có tội.

- Anh có ghen tức không?

- Thề trên lương tâm, tôi không bao giờ biết ghen tức. Điều đó xa lạ với tâm hồn tôi. Nếu cấp trên của tôi là một con người chân chính, tôi sẽ trung thành tuyệt đối với anh ta. Nếu anh ta cần tôi nhảy vào lửa, tôi sẽ nhảy vào lửa.

- Anh có khát khe quá không?

- Cách mạng là sắt thép. Tôi phải khát khe.

- Anh có ngây thơ quá không?

- Cách mạng cần sự ngây thơ, vì ngây thơ là trong trắng. Nếu hết sự trong trắng, cách mạng sẽ tàn lụi.

Khi nói về sự ngây thơ, mắt anh bỗng sáng lên và đầu anh lắc lư. Giọng nói của anh trở lên hùng hồn:

- Thời cổ, vua Hùng vương biết đi cày với dân; con gái vua, vợ vua biết chần tằm dệt vải. Ngày hội, vua quan cùng nhảy múa với dân. Đó là thời kỳ ngây thơ thịnh trị ngày xưa. Cách mạng của chúng ta cũng có những ngày ngây thơ tuyệt đẹp; đó là những ngày đầu đánh Pháp. Ngày đó quan và lính cùng chia nhau củ khoai củ sắn, cùng mặc chung một manh quần rách, cùng hò hát với nhau những đêm liên hoan, cùng theo nhau xông vào đồn giặc... Đó là những ngày ngây thơ vàng son cách mạng. Ngày nay những điều đó hết rồi; chúng chỉ còn là những kỉ niệm ấu thơ... Nhưng chẳng lẽ lại vậy ư?... Tôi tin rằng cách mạng sẽ thanh xuân hoá trở lại. Sẽ có ngày chúng ta lại “ngây thơ” như xưa... nghĩa là... rồi ta sẽ có ngày rất đẹp.

- Anh chờ đợi?
- Vâng, tôi chờ đợi.

Vinh chờ đợi bằng cách nuôi lợn.

Một người bạn khá giả nhượng lại cho anh một mảnh đất nhỏ ở một xóm ven nội. Vinh dựng lên ở đó một túp lều. Anh thả nhờ hợp tác xã nông nghiệp một vạt bèo; anh trồng trước lều ba luống rau. Anh mua một đôi lợn nhỏ xiu, trông xinh xinh dễ thương. Và anh bắt đầu hi vọng, chờ đợi đôi lợn lớn lên. Hàng tuần, tôi được chứng kiến nỗi vui mừng của anh. Anh luôn khoe cùng tôi:

- Tuần này con lợn đen của tôi dài thêm ra 1 cm.
- Anh xem, con lợn trắng của tôi lớn có nhanh không? ăn phê bụng. Bụng to cóc ra.
- Tháng này tôi cân kiểm tra. Mỗi con tăng ba cân.

Tôi thương hại, nhìn anh bạn thơ ngây ấy vui một nỗi vui quá ư hồn hậu. Tăng ba cân một tháng, đối với nghề nuôi lợn, tức là lỗ vốn. Nhưng bạn tôi lại vui. Biết nói sao đây? Vạch ra sự thật ư? Tôi không nỡ tàn nhẫn xoá đi một nỗi vui còn con hiếm có của người bạn nghèo ấy. Thực ra, vì bạn tôi nghèo, thức ăn kém, giống lợn xấu, nên đôi lợn ấy quá còi cọc. Bốn tháng ròng chăm sóc mà mỗi con lợn chỉ được ngót ngét mười lăm cân.

Rồi một hôm, tôi đến chơi, thấy Vinh ngồi im de bên bàn nước. Tôi hỏi:

- Có chuyện gì mà buồn thế?
- Đôi lợn chết rồi anh ạ.

- Sao? – Tôi nghe tin như sét đánh.

- Chúng bị tុ huyết trùng. Tôi định đem đi vớt. Người hàng xóm thương tình đem bán giúp. Được ngót trăm bạc.

Tôi im lặng, chẳng biết nói sao. Tôi nhớ, tháng trước Vinh đã dự kiến với tôi, nếu bán đôi lợn được năm trăm bạc, anh sẽ mua cho cháu Phượng một chiếc áo pha ni lông màu da trời. Thế là những hi vọng đợi chờ trong bốn tháng qua đã sụp đổ.

Tôi liếc nhìn cháu Phượng ngồi bên cửa sổ đan len. Cái kiểu người ngồi bên cửa sổ nghĩ cũng cổ lỗ. Thấy nó xưa xưa. Ngày xưa, chị Vinh khi còn sống cũng hay ngồi bên cửa sổ như cháu Phượng. Có lẽ chị là người cuối cùng còn sót lại của cái thời ba mươi – bốn lăm. Song trước kia anh Vinh thích vợ mình ngồi như thế, và bây giờ anh lại thích con mình ngồi như thế. Hình như, đó là biểu hiện của một sự “nề nếp” mà anh cố giữ.

Phượng suốt ngày ngồi bên cửa sổ đan len. Cô bé mười sáu tuổi ấy lúc nào cũng mang một khuôn mặt đăm đăm. Phượng mồ côi mẹ từ lúc còn nhỏ. Có thể nói, cô bé là bản sao chép về tâm tình của ông bố. Cô bé ham đọc sách. Cô thích những câu chuyện băng khuâng của một nhà văn Nga, với những bông tuyết rơi, với những giọt mưa lách rách, với tiếng đàn pianô làm nức nở tim người, với những anh lính Hồng quân lịch thiệp và tốt bụng, với những cô gái thủy chung và mơ mộng. Có một lần tôi thấy cháu Phượng long lanh nước mắt. Tôi hỏi:

- Sao cháu khóc?

- Cháu đọc chuyện: “Cô gái mù và con cánh cam”

- À...

- Con cánh cam đã bay đi. Và hạnh phúc đã không bao giờ đến với cô gái mù loà... Chú Hoàng ơi! Có thật thế không hả chú?

Tôi biết cô cháu gái đang đặt ra câu hỏi về hạnh phúc của con người. Hạnh phúc có thật hay không? Và nếu có, bao giờ nó sẽ đến? Biết nói thế nào với cháu tôi nhỉ? Bởi vì chính bản thân cuộc sống là hạnh phúc. Chỉ cần ta biết sống. Phượng ngồi đan len bên cửa sổ. Cháu tôi cũng như bố cháu đang đợi chờ hạnh phúc. Có thể một ngày nào đó, có một chàng trai, một anh Hồng quân Việt nam, hoặc một anh sinh viên đi qua khung cửa sổ, và hạnh phúc của cháu tôi chợt loé hiện. Và cũng có thể chẳng bao giờ hạnh phúc sẽ đi qua cửa sổ. Phượng ạ, cửa sổ nhà cháu ở một nơi quá hẻo lánh. Có thể vì thế mà hạnh phúc ít ngang qua.

Này... hay là cháu rời bỏ khung cửa sổ ấy, mà lên đường. Hãy đi dạo phố, vào một xưởng máy, đến một chợ đông... Hạnh phúc có thể tìm thấy ở giữa chợ cũng nên.

Nhưng, ý nghĩ của tôi quá lông bông so với những quan niệm cứng rắn, nghiêm túc của Vinh. Vì lẽ đó, nên tôi chẳng nói gì. Tôi chỉ biết khuyên cháu tôi bằng những lời nói chung chung...

Dù sao chuyện đôi lợn cũng chỉ là một chuyện nhỏ. Nó chỉ làm Vinh buồn đi mất vài ngày, sau đó anh quên ngay. Bởi vì nỗi đợi chờ của bạn tôi to lớn

hơn nhiều. Sự quan tâm của anh là đối với cả dân tộc, đối với cả loài người. Một hôm anh tiên đoán với tôi:

- Tôi tin chắc rằng, chẳng bao lâu nữa, ta sẽ gắn bó chặt chẽ với Liên Xô. Tôi tin ở nước Nga, bởi vì đó là quê hương gốc rễ của cách mạng. Nước Nga sẽ giúp ta làm thay đổi triệt để gương mặt Việt Nam.

Có lúc anh lý thuyết một cách biện chứng:

- Trăng khuyết rồi tròn. Hết suy đến thịnh. Lúc này đất nước đang gặp nguy khốn. Đói khát, tham nhũng, trộm cướp hoành hành... Nhưng, chính phải đến nước ấy mới thức tỉnh được đầu óc mọi người. Bây giờ ai ai cũng nghĩ được việc cần thay đổi một cách cách mạng. Chính đó là mầm mống cho cái tốt nảy sinh ồ ạt...

Tôi im lặng, không bàn cãi.

Và bạn tôi cứ chờ đợi, cứ mơ mộng chờ đợi một sự tái sinh. Đã bao nhiêu biến cố đã xảy ra... và sự tái sinh vẫn chẳng thấy bao giờ ló bóng...

Hai cha con kiên nhẫn chờ đợi. Mỗi người chờ đợi một điều riêng. Nhưng, một hôm, cháu Phượng đã phá lệ. Cháu đã tự tìm ra lối đi riêng. Cháu không chờ đợi nữa. Cháu đã lên đường, ra phố, đi vào giữa chợ đông.

Một hôm tôi đến, Vinh buồn rầu tâm sự với tôi:

- Cháu Phượng hỏng mất rồi anh ạ.

- Sao?

- Nó hư. Nó đã đưa về nhà một thằng bé đầu tóc bù xù, ăn mặc lố lằng, và giới thiệu là người yêu

của nó. Tôi đã điên lên và đuổi thẳng cổ thẳng ma cả bông ra khỏi nhà.

- Sợ rằng anh nóng quá.

- Sao lại nóng? Và anh, anh cũng chấp nhận được điều đó sao? Cách mạng mà lại thế ư? Con gái tôi mà lại lấy một thằng chồng như thế sao? Anh đứng về phía nó? Thật là đảo điên, đảo điên...

Tôi lựa lời, nhẹ nhàng:

- Tôi nghĩ nếu anh không bằng lòng, thì cũng nên từ từ.

- Sao lại từ từ? Phải dứt khoát. Phải minh bạch.

Đầu Vinh lắc lư, mắt Vinh đau khổ. Anh ôm cái ngực lép kẹp rồi ho. Anh rũ rượi ho cho đến lúc nước mắt ràn rụa và đôi môi nhợt nhạt. Rút cơn ho, anh nằm dài trên giường hôn hển. Tôi rót cho anh cốc nước lạnh. Và hai chúng tôi đều im lặng, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng.

Tôi biết Vinh có nhiều ước vọng cho con gái. Cuộc sống của anh là một sự chờ đợi những điều tốt đẹp, trong đó con gái anh là một phần của ước vọng ấy. Anh yêu con bằng một tình yêu lặng lẽ. Anh chăm chút nó rất cẩn thận từ lúc bé. không bao giờ thấy anh nói nặng với con một lời. Anh thường ngày dạy thêm cho con. Nhiều lúc anh khoe:

- Con bé rất giống tôi. Nó giỏi toán lắm anh ạ.

Vinh định bụng sẽ cho con gái thi vào khoa toán trường Đại học Tổng hợp. Nhưng vừa bước vào lớp mười, cô gái đã từ giã cha và dấn thân vào chợ đời.

Vinh giảng giải, mắng mỏ con gái suốt mấy ngày liền; Phượng chỉ khóc. Vinh hỏi:

- Thế nó làm nghề gì?
- Anh ấy làm... bụi đời.
- Trời ơi! Bụi đời!

Vinh nghiêng rặng lại rồi ho.

Phượng cũng bưng bình chẳng kém gì bố. Cô khẳng khẳng theo ý mình. Cô bé đã trông thấy con cánh cam tím biếc của mình bay trên bầu trời, và cô đã chạy đuổi theo nó. Phượng bỏ nhà đi theo người yêu.

Thế là một mảng của hi vọng bị sụp đổ. Vinh gần như chết nửa người. Từ khi con đi, Vinh đóng kín chiếc cửa sổ mà con anh vẫn hàng ngày ngồi bên đàn len. Anh chỉ còn hé mở cánh cửa sổ nhìn ra hồ nước sau nhà.

Hồ rộng. Đó cả là một hế giới... Bên kia hồ là rặng tre, ở đó có đôi cuộc suốt ngày ra rả. Đàn vịt bầu nhà hàng xóm thường rúc mỏ ở đám khoai nước gần đấy. Đám bèo Nhật Bản hoa tím trông mát mắt. Anh suốt ngày ngồi bên cánh cửa hé mở ấy mà im lặng tư lự. Ngồi cho đến đêm, cho đến lúc trăng lên, ngồi để xem cá đớp trăng...

Vinh càng ngày càng gầy. Thực ra anh chỉ còn là một bộ xương có tấm da bọc nhẵn nhéo, có lẽ vì anh ăn uống quá ít và cả vì buồn não nữa. Da mặt anh tái ngoét gần chuyển sang màu chì. Tôi cứ nghĩ rằng, khi bị một cú đòn choáng như vậy, chắc Vinh thể nào cũng gục. Nhưng, Vinh vẫn sống, anh vẫn hi vọng chờ đợi. Có thể sự hi vọng tạo ra năng lượng

sống cho con người. Vinh nói chuyện với tôi bằng một giọng còn bốc lửa hơn xưa, còn thâm trầm hơn xưa:

- Tôi nghĩ ra rồi anh ạ. Cuộc cách mạng của chúng ta mới chỉ làm được công việc phá vỡ xong cái vỏ. Thoát khỏi ách đế quốc mới chỉ là thoát cái vỏ nô lệ. Còn cái cốt lõi của sự nô lệ, nó nằm trong tâm hồn ta, trong suy nghĩ và việc làm của ta, trong nếp sống hàng ngày, trong không khí ta thở, trong miếng cơm ta ăn... Đập tan sự nô lệ bên trong ta mới là công việc cực kì khó khăn và hệ trọng. Và quá trình rối loạn, tan rã trong xã hội hiện nay chính là quá trình đập vỡ sự nô lệ bên trong ta, để cho những mầm mới nảy sinh.

Tôi buồn rầu:

- Anh nghĩ đến những điều đó làm gì nhỉ? Có lẽ ta nghĩ chút ít về thân ta. Ta cũng nên thương cái “bản thân ta” một chút chứ.

- Chẳng hạn, tôi nên nghĩ về cái gì?

- Ví dụ, về cháu Phượng. Hôm nọ, tôi vừa gặp cháu.

- Nó sống ra sao?

- Tôi gặp nó ngoài phố; cháu mời tôi về nhà chơi. Vợ chồng nó ở ngõ chợ Khâm Thiên. Sống cũng tạm tạm. Cháu hỏi nhiều về anh. Nó khóc anh Vinh ạ. Nó bảo: Chú xin với bố cháu, cho cháu được trở về, đi lại thăm nom.

- Tôi không cần sự thăm nom của nó. Tôi không thể cho phép nó bước chân vào túp lều của tôi, bởi vì đó là nguyên tắc. Xoá bỏ nguyên tắc, tức

là tôi tự xoá bỏ tất cả đời tôi, tự xoá bỏ những suy nghĩ và niềm tin của tôi. Tôi tin ở sự tinh khiết, sự trong sáng. Tôi vẫn tin nó là viên ngọc của đời tôi; tôi vẫn hi vọng nó là niềm an ủi của đời tôi. Bây giờ những điều đó đã tan biến đi. Thì cứ để cho nó tan biến. Nín lại làm gì? Vá vúi làm gì? Tôi không biết nhân nhượng, thoả hiệp. Tôi chỉ có thể tha thứ cho nó khi nào nó biến đổi. ừ nó có thể phục sinh được lắm chứ.

Xúc động quá, đầu Vinh lắc lư, và anh lại ho. Đạo này Vinh ho nhiều. Tôi lo lắng nghe tiếng ho khan xé phổi. Tôi lắm bầm:

- Có lẽ nào...

Túp lều của Vinh ít lâu nay lại loé lên một niềm hi vọng mới. Sau ngày giải phóng Miền Nam vài năm, Vinh bỗng nhận được lá thư của người chị gái đã thất lạc mấy chục năm.

Đạo này, Vinh ốm nặng. Trong những bãi đờm đã có những vệt máu hồng. Lồng ngực anh lúc nào cũng đau âm ỉ. Anh lại gày thêm đi. Vinh không đi khám bệnh, anh không tin ở thuốc nữa. Anh cho rằng nếu đủ tiền ăn uống, bệnh anh sẽ khỏi. Khi nhận được thư, Vinh vui vẻ hẳn lên. Anh nói với tôi:

- Bây giờ mình lại ham sống rồi. Bà chị mình khá giả. Chắc chắn bà sẽ gửi cho mình chút quà. Nghe tin mình ốm, có thể bà còn gửi thuốc. Mình cần phải lấy lại sức khoẻ. Có thể mình sẽ vô Sài Gòn, cái xứ đầy năng... và người dân thì cởi mở...

Vinh viết một lá thư thăm thiết gửi cho chị gái. Rồi sau đó anh lại chờ đợi. Chiếc cửa sổ của Phượng

bị đóng kín từ mấy năm, nay lại được mở toang để đón nắng và chờ tin vui. Phải nói rằng tình cảnh của Vinh rất bi đát. Ba chục bạc trợ cấp hàng tháng làm sao nuôi nổi một bệnh nhân phổi. Anh bán dần mọi thứ đi để sống. Gia tài của anh cuối cùng chỉ còn lại mấy chiếc nồi nhôm bẹp, hai bộ quần áo vá, một cái giường mọt và chồng sách nát. Con người ọp ẹp ấy hàng ngày vẫn nằm dài đọc sách, thỉnh thoảng lại ngó nhìn cửa sổ để chờ một tin vui từ cái xứ Sài gòn đầy nắng tới.

Cuối cùng tin vui đến thật.

Người phát thư, một hôm, dắt xe đạp vào nhà. Anh ta hô to:

- Ông Nguyễn văn Vinh. Ra nhận giấy báo có quà từ Miền nam.

Giấy báo ông Nguyễn văn Vinh có một bưu kiện do bà Nguyễn thị Ninh gửi từ Sài gòn. Một tờ giấy rất nhỏ đã mang lại niềm vui và sự sống. Cả đêm hôm đó, Vinh toàn nghĩ đến sự vui. Đêm đó, anh hết ho và không chợp mắt nổi, tuy nhiên sáng hôm sau anh vẫn tươi tỉnh.

Sáng sớm, anh đến trạm bưu điện phải chờ mãi mới đến giờ làm việc. Dĩ nhiên, anh là người nhận bưu kiện đầu tiên. Anh run run cầm trong tay một gói nhỏ dẹp dẹt trong bì cứng. Hình dáng gói như một quyển sách. Vinh không mở gói hàng tại chỗ, anh mang về nhà. Anh muốn tận hưởng cảm giác vui sướng mà từ lâu anh đã mất thói quen. Đi đường anh thầm đoán:

- Có thể đây là gói thuốc quý. Chị Ninh khi nghe tin ta mắc bệnh nên vội vàng gửi thuốc cho ta. Xem thư, chắc chị hiểu là ta bị bệnh trầm trọng. Xưa kia, hồi bé, hai chị em hay cãi nhau. Ta vẫn nghĩ rằng chị Ninh không yêu ta. Thật oan. Bây giờ mới hiểu tấm lòng của chị.

Về đến nhà, Vinh đóng chặt hết các cửa lại, đặt chiếc hộp lên giường và bắt đầu mở. Gói quà buộc rất kĩ. Ngoài là giấy xi măng, rồi đến lớp giấy báo, tiếp đó là túi ni lông, cuối cùng là một hộp các tông.

Vinh run run, từ từ mở nắp hộp... Bỗng nhiên lòng anh nặng trĩu. Thì ra đây không phải là gói quà. Đó là một sưu tập những tấm ảnh cỡ lớn. Đủ các kiểu ảnh về gia đình bà Ninh. Toàn ảnh màu đẹp. Đây là ảnh vợ chồng bà Ninh đứng bên ô tô riêng; đây là ảnh cậu con trai lớn chụp tại một trường đại học bên Mỹ; đây là ảnh cô cháu gái đeo kính màu tay ôm con chó Nhật nhỏ sús; đây là ảnh toàn thể gia đình chụp trên bãi biển Nha trang...

Vinh toát mồ hôi. Anh vừa được xem một cuốn phim về một gia đình giàu có. Người đó chắc vô tình, nhưng muốn khoe cuộc sống tươi đẹp phồn vinh với anh.

Đột nhiên, Vinh thấy túi hồ. Trong lá thư gửi cho bà Ninh, anh không trực tiếp xin xỏ gì; nhưng anh đã nói đến bệnh tình và cuộc sống đạm bạc của mình. Nói cho cùng, hàm nghĩa của việc mô tả ấy là sự xin sỏ, xin mà không dám nói ra. Người được xin cũng không trả lời trực tiếp, nhưng lại bày biện sự giàu sang của mình ra trước mặt kẻ ăn mày.

“Trời ơi! Ta có cái tâm thế của một kẻ ăn mày. Vinh ơi! Mày ti tiện đến thế sao? Mày đã tự hạ trước sự giàu sang. Mày đã ngẩng đầu từ bao lâu nay, để rồi đến cuối cuộc đời lại đi đến còng lưng vô xỉ. Có thực tâm mày trong sáng không? Có thực mày đang đợi chờ một cái gì đẹp để không? Hay chỉ là sự đợi chờ một bát cơm, một manh áo, một cửa bố thí”.

Vinh chờ người chết lặng. Anh cảm thấy quá ư xấu hổ và tự xỉ vả mình như vậy. Anh ngồi như thế đến hàng tiếng đồng hồ, cho đến lúc cơn sốt ủa đến rùng rục. Lúc đó anh mới nằm lăn ra giường, vớ chiếc chăn trùm kín người.

Anh sốt nằm đấy hai hôm liền, không ngum cháo, không thuốc thang.

Sáng hôm ấy, tôi đến chơi, thấy anh mê man bất tỉnh.

Tôi vội vã đi gọi cháu Phượng về. Hai ngày đêm liền, cô con gái luôn túc trực bên giường bệnh. Cô bé không khóc, mà cũng chẳng nói. Những lúc có tôi thay thế, Phượng lại lẳng lẳng ra ngồi bên cạnh chiếc cửa sổ khi xưa.

Khi Vinh tỉnh lại, tôi lo lắng muốn ra hiệu cho cháu Phượng lánh đi nơi khác. Tôi sợ Vinh lại nổi cơn giận giữ rất nguy hại cho sức khỏe. Nhưng không kịp nữa, vì Vinh đã nhìn ra phía cửa sổ. Tôi ngạc nhiên thấy Vinh rất bình tĩnh. Anh hất hàm, hỏi tôi:

- Nó đã về?
- Nghe tin anh mệt, nó về ngay.

Phượng tiến lại gần bố, đầu cúi xuống. Anh ra hiệu cho con đến gần hơn. Hình như anh đã linh cảm thấy một điều gì đó trên gương mặt con gái. Anh thều thào:

- Con sống ra sao?

Cô gái trả lời bằng một câu khác:

- Anh ấy... đi tù rồi.

Tôi giật mình, nhưng Vinh lặng lẽ, hình như anh chẳng chút ngạc nhiên. Cứ như thể điều đó anh đã biết từ lâu. Vinh cầm tay con gái:

- Thôi, cũng được. Con đau khổ... Con tôi còn nhỏ bé quá. Hãy cố mà chịu đựng... Đau khổ... tức là con có thể phục sinh. Cha tha thứ cho con.

Khuôn mặt của anh bỗng trở nên hiền hậu, trong trẻo hơn bao giờ hết. Đôi con mắt đã hết ước vọng; và cũng hết cả sự đanh thép, những thù hận. Đôi con mắt hiền hậu ấy đang nhìn vào một cõi miền sâu thẳm và xa vời. Anh lầm bầm:

- Con trong trẻo của ta. Con cứ ngồi bên chiếc cửa sổ ấy là rất phải. Cứ đợi chờ con ạ. Cái gì rất đẹp ấy... rồi nó sẽ đến.

Nói xong, Vinh nhắm mắt. Khuôn mặt đợi chờ của cả một đời người vẫn còn đọng lại những nét mệt mỏi.

Sốt thương, kính phục, giận giữ... đó là những tình cảm cùng nhen lên trong tôi một lúc. Chờ đợi vài giây, vài phút, vài giờ đối với trái tim con người đã là căng thẳng. Đằng này, anh đã chờ đợi cả một kiếp sống; anh đã trải hàng muôn triệu những phút căng thẳng của đời người.

Thôi! Xin vĩnh biệt con người thần thánh đã chết vì sự trong trắng.

Anh đã khuân trên vai cả một hành lý khổng lồ của nhân loại. Cái hành lý trong trắng ấy là câu hỏi mà con người đã biết bao lần băn khoăn.

Đám ma của con người khổng lồ vác nặng ấy chỉ có hai người đi đưa: tôi và cháu Phụng. Hành lý của anh nặng nề thế mà túi anh chẳng có một xu nhỏ.

Đám ma nghèo, không kèn, không trống, không hoa, không tiếng khóc, không điệu tang, không cúng vái... không tất cả. Nhưng không khí đám tang sâu nặng vô cùng.

Mưa. Mưa rơi ào ào. Cả vũ trụ đi đưa anh.

Người lái xe, một con người hàng ngày vẫn nhận được đút lót của những chủ tang, hôm nay chẳng nhận được chút gì. Nhưng anh ta chẳng phàn nàn một câu. Khuôn mặt anh ta cũng chẳng hề cau kỉnh. Thậm chí anh còn lái xe rất khéo, rất nhẹ nhàng. Anh nói:

“Để cho vong linh ông ấy được yên ả lúc chết.”

Anh lái xe thì thầm với tôi lúc hạ huyết:

- Tôi chưa thấy đám ma nào buồn như đám ma này. Thưa ông, đây mới thật là đám ma.

Tôi đứng trước mộ Vinh chào anh lần cuối. Tôi nói:

- Thôi! Vĩnh biệt con người chờ đợi.

III. Bãi chết

Trời ơi! Sao mà rét! Tôi run lên. Cái rét từ trong ruột, từ xương tuỷ rét ra. Răng tôi đánh cầm cập. Có lẽ lúc này vợ tôi đã trùm chăn bông lên người tôi. Tôi chợt thấy một cái gì rất to, rất rộng ụp lên đầu. Đờ rét, nhưng mà tối, tối đen...

Tôi đứng co ro trong khoảng không gian đen kịt ấy, rồi bời và ngơ ngác. Thỉnh thoảng lại vang lên một tiếng oa oa; tiếng dị kì như tiếng vang vách núi, hoặc tiếng vang trong hang sâu có nước. Sau đó, lặng bật. Lặng lẽ đến rợn tóc gáy. Thậm chí, tôi nghe thấy cả tiếng thở, tiếng đập của tim mình; và có lúc cảm giác như nghe thấy cả tiếng lạo xạo của những sợi tóc sau gáy, khi chúng dựng ngược lên, va chạm phải nhau. Thứ im lặng phi nhân! Thứ im lặng như tước bỏ sự sống con người; thứ im lặng làm hèn hạ con người, bởi vì ở cái xứ sở trống rỗng, cực cô đơn ấy, tôi cảm thấy mình nhỏ bé, bơ vơ, lạnh lẽo.

Chao ơi! Sao mà thêm một hơi ấm, một bàn tay, một tiếng nói người. Tôi huơ tay ra trước mặt, sang bên cạnh, sau lưng, lên trên đầu vì chợt nghe thấy một tiếng động, hay một tiếng rì rào nào đấy; nhưng tay tôi chỉ khua vào khoảng trống rỗng.

Chợt vang khẽ một âm thanh cổ họng, tiếng cười khục khục của kẻ ngậm miệng mà cười. Tôi kêu to:

- Ai đấy?

Một tiếng đồng dặc:

- Ta đây.

Tôi cố căng mắt, nhìn một bóng đen lù lù trước mặt và nói:

- Nghe giọng quen quá. Ai đó làm ơn kéo tôi ra khỏi xứ đen tối trống rỗng này.

- Không được đâu – Giọng nói thẳng băng, dứt khoát.

- Nhưng anh là ai? – Tôi gặng hỏi.

- Chưa nói tên được, sau sẽ biết.

Tôi nằn nì:

- Tôi không chịu nổi sự lạnh lẽo tối tăm này đâu. Nào, làm ơn giúp tôi. Hãy chìa tay ra cho tôi nắm.

Tiếng nói dứt khoát như đánh đống cột, lại hơi hách dịch:

- Không được. Kiếp anh là vậy. Anh đã sống kiêu ngạo. Anh phải trả giá cho sự kiêu ngạo của mình.

- Làm gì có sự kiêu ngạo ở tôi. Tôi sống rất đậm bạc. Và ... Tôi sống rất thật.

- Hừ! Đồ ngốc! Thật tức là kiêu ngạo. Bởi vì làm gì có sự thật. Chỉ có sự "phù hợp" mà thôi.

- Có lẽ anh nói đến sự "thích ứng", sự "nhân nhượng"?

- Dĩ nhiên! Qui luật là thế. Vạn vật đều phải thích ứng.

- Như vậy, toàn thể sự sống của tôi là phải thích ứng sao? Thế ra tôi không được phép có một căn buồng riêng, ở đó, "tôi không thích ứng", và "tôi vẫn là tôi" sao?

- Không có buồng riêng, phòng riêng nào hết. Nếu không thích ứng, ắt là chết.

- Vậy cái trống rỗng này, tên nó gọi là cái chết?

- Chưa đích thực là cái chết, mới chỉ là tiền sảnh của cái chết, ngưỡng cửa của cái chết.

Rồi tiếng cười lại ồm ồm vang lên. Tôi lẩm bẩm trong miệng: "Quái lạ! Tiếng cười nghe quen quá." Mãi sau này, khi đến xứ vui, tôi mới biết tiếng cười đó là của ai.

Tôi vẫn không dám bước trong cái không gian cực tối này. Tôi cố gắng căng tai, căng mắt, căng mũi, căng óc ra, để cảm nhận xem cái phòng chờ đợi, cái tiền sảnh của sự chết nó ra sao, nó có hình thù thế nào, nhưng kết quả chẳng được gì.

Chợt có tiếng chân của một người đi qua, đi lại ở phía xa xa. Tiếng chân đất nặng nề, thô kệch.

- Ai đấy nhỉ?

- Tớ đây.

- Tớ là ai?

- Tớ là người canh gác, người phục vụ nơi này.

- Thật may! Ông là người phục vụ. Mong ông làm ơn giúp đỡ tôi, dắt tôi ra chỗ sáng hơn một chút.

- Xin lỗi, tôi không làm nghề dắt người ra chỗ sáng; tôi chỉ quen đưa người vào chỗ tối hơn một chút.

Câu nói kỳ dị đó buộc tôi phải nhú mày lại:

- Ông nói khó hiểu.

- Rồi khắc hiểu.

Tôi cố nài nỉ:

- Mong ông giúp đỡ. Tôi chẳng có tiền trong túi, nhưng còn chiếc áo trên người. Ka ki đấy. Còn tốt, gần như mới. Ông giúp, tôi sẽ biếu ông.

Tiếng cười hì hì:

- Ở đâu đứt lót thì được, chứ ở chỗ này, tôi chưa hề thấy một ai đứt lót. Vả lại, việc gì mà phải đứt lót, bởi vì phận sự của tôi không phải phục vụ ông. Tôi phục vụ những người khác ... Tôi nói thật, ông còn may, chưa đến lượt ông đâu.

- Lượt gì? – Tôi hỏi vội vã.

- Lượt chết.

- Chết?

- Chứ sao.

- Thế ông là ai?

- Tôi là người phục vụ trường bắn.

- Đây? Trường bắn?

- Chứ sao!

Tôi giật thót người, tay đặt lên lồng ngực, trong đó trái tim tôi chợt đập liên hồi như điên.

Bóng tối đột nhiên được vén mở. Tuy chưa phải là sáng, nhưng đã thấy mờ mờ tỏ tỏ. Tôi đã bắt đầu nhận ra quang cảnh cái nơi mà tiếng nói lúc nãy gọi là trường bắn.

Một bãi cỏ rộng, bên cạnh một vạt rừng phi lao. Phi lao mọc đuôi theo một sườn dốc. Lúc nãy còn tối, cứ tưởng đó là một sườn núi; bây giờ mới nhận ra đó là một giải đê. Mầu đen đã chuyển xang mầu xanh thẫm, rồi chỉ ít phút sau đã chuyển sang mầu xanh nhạt hơn. Đã thấy những mảng sương trắng sữa bảng lảng trên thảm cỏ và trên những ngọn phi lao.

Chẳng thấy gì mang dáng dấp một pháp trường. Cái tiếng nói lúc nãy bỗng vang lên ở sau lưng tôi. Tiếng nói như đã đoán nhận ra những ý nghĩ thầm trong óc tôi:

- Trông đẹp quá phải không? Thế mà là pháp trường đây.

Tôi quay lại, trông thấy một con người lực lưỡng đứng tựa mình bên một chiếc cột gỗ cao quá đầu người. Người hộ pháp ấy cười hề hề:

- Anh em ở đây gọi nó là "pháp trường màu xanh". Pháp trường cần phải đẹp để, để tội nhân ra đây được nhẹ nhõm. Tôi họ tuy nặng, nhưng được chết ở một thảm cỏ xanh biếc thế này, chết cũng vui nhẹ.

- Vui nhẹ?

- Chứ sao! – Hắn nói quả quyết thế, nhưng sau đó lại lắc đầu – Nhưng tôi để ý bất cứ phạm nhân nào khi ra khỏi xe hòm, bước xuống thảm cỏ, trông thấy cái cột đen xì này, cũng đều lập tức rúm ngay lại, mặt bệch ra, líu lưỡi, và bước chân không nổi nữa. Phải có hai người đi kèm, dìu hai bên nách và kéo lê hắn đi. Khi buộc hắn vào cột này, rồi bịt mắt hắn lại, thì coi như phạm nhân đã mê man đi rồi. Tôi biết vậy vì lần xử án nào tôi cũng hỏi vào tai phạm nhân: "Có nhắn gì cho mẹ không? Cho vợ không? Hoặc, cho chồng không?" Và chán chửa! Tôi muốn làm phúc cho họ một lần cuối, nhưng họ còn biết gì nữa đâu. Mất hồn! Bọn họ là lũ mất hồn. Bắn lúc đó là bắn cái xác không hồn.

- Ông làm gì mà được phép đến gần họ?

Một giọng kiêu hãnh:

- Trước khi bắn, tôi làm nhiệm vụ trói họ vào cột. Ờ... ờ... tôi nhớ chỉ có một đứa con gái là nói được nổi với tôi, bằng cái giọng run rẩy: "Cháu lạy bác... Xin bác đừng trói chặt hai tay cháu... Bác nới nới tay một chút..." Cái con bé lắm cảm! Nó nghĩ rằng trước khi chết tay bị trói chặt, thì sau khi chết hồn người cũng bị trói chặt. Đứa đàn bà ấy có con còn bú mẹ, nó muốn khi chết hồn còn được bay về mà bế bông con. Nếu hai tay bị trói chặt thì hồn còn bế con sao được...

- Thế ông có trói chặt hai tay người đàn bà ấy không?

- Ta không trói chặt – Hắn ta trả lời tôi hơi nhỏ.

Tôi lật tẩy hắn ngay lập tức, vì tôi đã chợt nhận ra được nhân dạng của hắn:

- Ông nói dối! Có bao giờ ông biết lỏng tay đâu. Tôi biết ông đã trói là trói chặt, vì nghề của ông là thế...

Người to lớn ấy nhìn thẳng vào mặt tôi, vẻ tức giận. Còn tôi, tôi cũng nhìn thẳng vào mặt hắn. Một bộ mặt bàng bạc như có sương phủ. Dù có màn sương nguy trang, tôi cũng đã nhận ra con người ấy. Có lẽ trực giác đã giúp tôi đoán nhận. Hắn cúi kính sáng giọng:

- Sao anh nói thế?

Tôi chợt cười to:

- Vĩ ông là đồ tể.

Hắn giật mình, vẻ tức giận, nhìn tôi chăm chăm:

- Tại sao anh biết ta làm nghề ấy?

- Vì tôi làm nghề chần lợn, nên tôi có thứ giác quan đặc biệt để đoán nhận ra người chuyên nghề giết lợn. Nay, ông thử hít kỹ mà xem, mùi lợn nó ám vào người ông, tới gần là thấy ngay. Không tẩy rửa được đâu, nó ám vào da thịt, thậm chí nó còn ám vào phủ tạng tim óc. Vậy nên, dù qua thời gian dài, mùi trên da thịt bay hết đi, nhưng mùi trong tim óc vẫn còn; và thỉnh thoảng mùi ấy vẫn toát ra từ hơi thở, từ ánh mắt...

- Nói láo! Anh dọa tôi.

- Nay! Chớ giận dữ. Tôi còn biết ông học nghề đồ tể khá công phu. Có phải ông học nghề ấy từ năm mười lăm tuổi? Đầu tiên, ông phải học chế lát này, chế cái lát sao cho thật mềm và thật đều, có thể trói lợn mới chặt. Rồi phải học cách bắt lợn, bắt sao cho nhanh gọn lại nhẹ nhàng, làm thế nào để chiếc cẳng giò khỏi gãy, để miếng thịt mỡ không bị bầm, để người già giò khen thịt đẹp thịt không bị chết... Rồi phải học trói lợn, trói sao cho thật chặt để lợn hết đường rầy rụa. Nếu tôi không làm, riêng cái môn chế lát và trói lợn, ông đã phải học hết hai năm... Thế nào? Có đúng không?

Hắn ta tròn mắt, nhìn tôi ngạc nhiên:

- Anh là ai mà thông ngộ tỏ tường nghề đồ tể?

Tôi cười, vỗ vai con người hộ pháp:

- Chính mồm ông đã kể cho tôi nghe những điều đó.

- Á... á...

- Chính ông là "Tí giò" đồ tể.

- Trời ơi!...

- Ông che mạng sương, giấu mặt, vì ông sợ người ta nhận ra ông. Ông sợ oán thù. Ông là hồn ma lang thang.

- Trời ơi! Quỷ quái! Người là ai mà biết ta rõ vậy. Nhưng, này... người nói khề chứ... khe khề cái mồm chứ...

- Ông sợ sao? Ông đã chết rồi... Làm sao con người có thể chết được lần thứ hai mà cần lo lắng? à, ta hiểu rồi. Ông muốn người đời quên ông đi, quên hết những chuyện ông đã làm. Ông muốn giăng màn sương vào cuộc đời, ông muốn xóa nhoè dĩ vãng, để người đời dễ nhầm thật giả... Không được đâu ông Tí giò ạ...

Tí giò là một nhân vật khá nổi tiếng quê tôi. Ông ta cũng ở cái ngõ cây Lộc Vòng, gần nhà vợ tôi. Cái ngõ cây Lộc Vòng đã tạo ra những người làm lui khiêm nhường như vợ tôi, nhưng cũng đã tạo ra những con người khá lạ lùng kiểu ông Tí giò.

Đó là một con người to như gấu, khoẻ như hổ. Cao 1, 8m, một chiều cao quá cỡ so với người Việt. Tay nắn nắn thịt, ngực to, vú chảy sệ như vú đàn bà. Có lẽ vì già giò nhiều nên đôi tay và đôi vú phát triển quá cỡ. Cả làng ai cần giết lợn, già giò đều phải thuê Tí giò làm giúp. Tí giò vẫn thường kiêu hãnh kể:

- Chắc chắn trong huyện này không ai già giò nhanh như tôi, khéo và ngon như tôi. Thịt mỡ lợn

vào tay tôi sẽ nhuyển, nhừ ra tức khắc. Hôm huyện uỷ mời các ông thành uỷ về, ông bí thư thành uỷ phải nức nở khen: "Giò nhai tròn, thơm phức. Tôi đã nhiều lần ăn giò trên trung ương do các đầu bếp tốt nghiệp đại học nấu ăn bên Trung Quốc về làm, vừa ăn vừa ngẫm nghĩ mới thấy họ làm còn thua ông Tí. Bao giờ có các cụ ở Trung ương về dự tiệc, chắc phải nhờ huyện cho chúng tôi mượn ông chuyên gia già giò này lên thành làm giúp." Sau đó, một lần tôi lên thành phục vụ các cụ trung ương. Một cụ rất già khen: "Bao giờ mở tiệc chiêu đãi khách quý nước ngoài, tôi sẽ viết giấy mời ông chuyên gia già giò này lên, chắc chắn ông ta sẽ làm cho họ thích thú và khâm phục nữa." Thế rồi tôi được mời lên trung ương thật. Một ngài Trung Quốc ăn xong cứ khen mãi: "Hảo! Hảo!" . Khi ông Trung Quốc gặp tôi, ông hỏi rất tỉ mỉ về đời sống. Tôi nói rằng tôi là cốt cán cải cách ruộng đất. Khi tôi kể chuyện cải cách làng ta cho ông ấy nghe, ông Trung Quốc cười và gật đầu lia lịa. Rồi ông vỗ vai tôi, khen ngợi: "Tố hảo! Tố hảo!"

Tí giò tham gia cách mạng từ hồi chống Pháp; anh là du kích xã. Nhưng phải kể từ hồi cải cách ruộng đất, anh mới nổi bật hẳn lên. Lúc đó Tí là cốt cán số một, được bắt rề từ lúc đội mới về. Anh đội trưởng khen:

- Đồng chí Tí là người triệt để cách mạng. Anh ấy biết đặt lợi ích cách mạng lên trên mọi quyền lợi

...

Đúng là Tí giò kiên quyết và triệt để. Anh đã đứng lên, trước mặt toàn dân, để đầu tổ, vạch mặt ông chú ruột mình:

- Hương Tẹo, mày có biết tao là ai không?

Ông chú già quì mọp dưới đất, dập đầu xuống nền gạch và nức nở:

- Thưa ông, con biết ạ.

Hương Tẹo biết rõ Tí giò thật; bởi vì bố mẹ nó mất sớm, và ông đã đem nó về, nuôi nấng từ năm lên ba tuổi. Lẽ dĩ nhiên, ở đời không ai đối xử với cháu tốt ngang bằng với con đẻ được. Tí phải chăn trâu, cắt cỏ. Trong khi đó con ông Hương được học đến trình độ đọc thông viết thạo chữ quốc ngữ. Ông Hương tẹo có đặc điểm là rất hãnh diện về dòng họ nhà mình. Ông thường nhắc nhở các con cháu: ở làng này nhất Nguyễn nhì Lê, dòng họ Nguyễn nhà ta đã có từ xưa một ông tiến sĩ, hai ông cử nhân, tú tài hàng chục; ra làm quan tổng đốc có, thượng thư có, trong làng thì không đời nào không có người làm hương, lý, chánh tổng.

Do đó, khi thấy Tí hay ngỗ nghịch, hay tắt mắt bắp ngô, củ khoai của dân làng, lại đầu bò đầu bươu du côn, ông giận lắm. Nhiều lần, ông Hương phải lột truồng Tí ra, đánh bằng roi mây:

- Cái giống họ Nguyễn nhà tao không có cái hạng như mày. Ăn cắp, du côn là đồ mặt hạng. Nhà ông bao đời nay đều có chức tước trong làng. Ông đánh cho mày chừa cái thói đê tiện, hạ lưu...

Hôm đầu tổ ấy, Tí giò hăm hờ trút hết sự căm giận lên đầu ông chú già:

- Hương Tọ! Mày đánh đập tao, mày bóc lột tao tận xương, tận tuỷ.

Cái điều này, Hương Tọ không thể nhận ra được. Vì sự thực lão thương nó. Phương châm của lão là không bao giờ để cho người họ Nguyễn rơi xuống hàng cùng đinh. Lão đánh nó, là để nó mở mắt ra, để cho nó hiểu nó là người thuộc dòng họ Nguyễn, và phải sống cho danh danh họ Nguyễn.

Còn bóc lột ư? Lão vẫn cho nó ăn no, mặc đủ. Thế mà bảo lão bóc lột đến xương tuỷ Cái đó, thực bụng, lão vẫn nghe không ra. Vì không hiểu nổi, nên Hương Tọ ngơ ngác chẳng biết trả lời ra sao. Tí bùng lên, tức giận:

- Hương Tọ! Mày còn giả câm, giả điếc hay sao?

Rồi Tí giang tay tát mạnh vào má ông chú. Một dòng máu đỏ ứa ra bên mép. Lão già phục xuống đất và nức nở... Lão đã khóc như mưa như gió, khóc như một đứa trẻ. Chòm râu rung lên bần bật...

Khi qui thành phần, lão được qui phú nông. Còn Tí, chính anh được chia ngôi nhà gạch ba gian xinh xắn của ông Hương.

Chuyện đó vẫn chưa bộc lộ hết tính cách triệt để kiên quyết của Tí giờ. Muốn hiểu rõ anh hơn, ta cần phải đi sâu vào đời anh thêm một chút.

Năm Tí mười lăm tuổi, anh đã cao to vạm vỡ như một thanh niên trai tráng. Tí rất hiền, rất ngỗ. Một khách qua đường, một bạn, thấy anh ra sức kéo đuôi một con trâu đang húc nhau. Anh kéo mạnh đến nỗi con trâu đau quá phải quay lại húc anh. Tí đã

nhanh nhẹn luôn sang sườn nó, rồi nhảy phắt lên lưng con vật. Con trâu điên chạy thục mạng. Tí ngồi trên lưng trâu, chân quắp thật chặt, những móng tay nhọn như móng vuốt bám lấy cổ con vật. Con trâu nhảy căng lên lúc lắc cái sừng, cổ hất mà không làm ngã nổi kẻ thù trên lưng.

Con trâu lồng lộn cho đến khi mệt lả, phải đi chậm lại và thở hồng hộc. Nó đã chịu thuận phục. Tí cầm cái trạc mũi cầm cây ngô non đút vào mồm con vật...

Người khách lạ đến gần và hỏi:

- Này, cậu bắt trâu, tên cậu là gì?

- Cu Tí.

- Cậu khoẻ lắm. Thế ăn có khoẻ không?

- Chưa bao giờ được ăn no. Muốn no chắc phải hai bơ gạo mỗi bữa.

- Thế thịt, có thích không?

- Tôi có thể ăn hết bay một cân thịt.

- Thích ăn thịt thì đi với tớ.

- Để làm gì?

- Làm đồ tể...

- À... nghề đó hay đấy.

Tí không chút lưỡng lự, hôm đó về nhà, xin ngay với ông Hương Tọ.

- Con lạy chú. Chú cho con đi học nghề đồ tể.

Ông Hương lắc đầu:

- Dòng họ Nguyễn nhà tao, từ xưa đến nay, chưa có ai làm nghề đồ tể. Nghề đó là nghề mật, thất đức. Không được. Mà cứ chịu khó ở với tao. Chú sẽ

xây dựng cho mày nên người. Bao giờ cưới vợ, tao cho ba sào ruộng.

Tí cũng ương chẳng kém gì ông chú:

- Làm ruộng vất vả mà vẫn đói khát. Chả thể bằng nghề giết lợn.

- Đầu óc mày mạt hạng...

- Sao lại mạt hạng? Chỉ cốt nghề nào được nhiều tiền, nhiều thịt. Vả lại làm đồ tể, có quyền sinh quyền sát trong tay.

Tí giờ đêm ấy đã bỏ nhà đi theo ông đồ tể già, học chẻ lạt, bắt lợn, trói lợn...

Nghề này, khó nhất là động tác đâm. Đâm làm sao thật ngọt, thật trúng để con dao lá lúa chỉ cần một nhát đã thọc trúng tim; có như thế vết đâm mới nhỏ, để phần thịt bị máu chảy qua rất ít; có như thế lượng thịt bị máu làm bầm tím sẽ giảm xuống tối thiểu.

Tí giờ học nghề khá nhanh và rất tinh vi. Anh đã trở nên một bậc thầy chọc tiết lợn trong vùng. Không mấy nhà giết lợn lại không nhờ tay anh. Thịt xong, anh lĩnh tiền công, xách tảng thịt được biếu, rồi đi mua cút rượu, khật khưỡng ra về. Anh vừa đi vừa hát nghêu ngao điệu trống quân:

Vô phúc lấy phải học trò

Dài lưng tốn vải ăn no lại nằm.

Có phúc lấy được đồ tể làm chồng

Nào thủ, nào lãn, hỡi cô nương có biết hay chăng?

Đồng chí Thái, bí thư chi bộ xã, nguyên hương sư trường làng, là người đã giác ngộ Tí giờ, đưa anh

vào đội du kích đánh Pháp. Chính anh Thái đã chỉ định Tí làm tiểu đội trưởng đội diệt tề.

Lão quản Hưng, làm chánh tổng, vốn là lính khổ đở ngày xưa. Anh Thái muốn diệt lão tề gian ác này, để răn đe bọn tề nguy trong vùng. Bản án tử hình đã được duyệt, song đội du kích không tài nào diệt nổi lão quản. Quản Hưng là tay cáo già. Nó đi về, xuất hiện bất thường, không theo qui luật nào cả. Có đêm nó ngủ trong bốt. Những đêm ngủ trong làng, cũng không bao giờ nó ngủ một chỗ. Thậm chí, Quản Hưng còn rình mò lại đội du kích, và đã táo bạo phục kích định bắt Thái. Có lần, lão đã phục kích thắng lợi bắt và giết được ba du kích.

Thái là cháu gọi quản Hưng bằng bác. Hai bác cháu cầm đầu hai lực lượng đối địch, kẻ tử thù với nhau, đang tìm mọi mưu kế để tiêu diệt nhau.

Tí giờ, lúc đó được Thái rất tin cậy, liền xung phong xin một mình đi giết quản Hưng. Thái đã vắt óc và đã phác ra được một kế hoạch. Thái đưa khẩu súng lục cho Tí, song Tí không nhận. Cậu ta cười rất tự tin:

- Chỉ cần con dao lá lúa này là đủ rồi.

Một tuần lễ liền, Tí giắt con dao lá lúa sau lưng, nằm phục kích ngoài chuồng lợn nhà quản Hưng.

Đêm xuống, Tí chỉ mặc độc nhất chiếc quần đùi rồi bò vào làng. Đến chuồng lợn, Tí lấy ngay thứ phân lợn trong chuồng nhà quản Hưng rồi bôi khắp người, thậm chí bôi cả lên tóc, lên mặt. Anh nằm phơi sương, cho toả hết mùi hơi người, sau đó lại xoa phân lợn lần thứ hai. Khi đó toàn thân anh sặc

sua mùi lợn. Khi Tí vào nằm trong chuồng lợn, lũ lợn cũng chẳng hề kêu. Tí là chuyên gia về lợn, nên tính nết lợn ra sao, anh rất tường. Đầu tiên Tí gãi mơn man vào bụng lợn. Ve vuốt, nhất là gãi, vốn là điều lợn thích. Lũ lợn to nhà chánh Hưng thở phì phò hít cái mùi hăng hắc ngai ngái trên tóc Tí. Cả con béc giê nhà chánh Hưng, suốt đêm sục sạo quanh nhà, cũng chưa bao giờ phát hiện được Tí. Tí đã quen đàn lợn, lần hẳn vào đàn lợn. Có đêm rét quá, anh rúc vào giữa đàn lợn cho ấm, lũ lợn cũng nhích người nhường chỗ cho anh...

Chánh Hưng mỗi tối ngủ một nhà. Nhưng anh Thái cho rằng thế nào cũng có đêm quản Hưng phải ngủ ở nhà mình. Bởi vì trong căn nhà năm gian thênh thang ấy có người vợ lẽ thứ ba. Người đàn bà này chưa đầy ba chục tuổi, người mũm mĩm, xuân tình phơi phới.

Rình đã bấy đêm, Tí vẫn chẳng thấy quản Hưng về. Anh nản lòng bảo Thái:

- Có lẽ động. Kế hoạch của ta bị hở. Nó không về đâu.

- Không thể lộ được. Kế hoạch này chỉ có tôi và anh biết. Nếu hai chúng ta không hé răng nói cho người thứ ba, thì nhất định sẽ không ai biết. Cậu phải hết sức kiên nhẫn.

Tí lại kiên trì phục kích thêm mấy đêm. Đúng đêm thứ mười ba, lão quản Hưng mò về nhà với vợ bé thật. Lão ta rất thèm mụ vợ bé, nhưng lão này cũng chỉ tạt qua với mụ một tiếng đồng hồ để làm tình thôi. Làm tình xong lão sẽ chuồn. Cái lão cáo

già này đọc chuyện Tàu khá nhiều nên lão rất cảnh giác để khỏi bị chết vì đàn bà đẹp.

Nhưng lão có một cái tật. Chính anh Thái đã tỉ mỉ hỏi mấy ông bạn già chơi bời của chánh Hưng ngày xưa, nên đã biết cái tật kì quái của ông bác mình. "Lão Hưng có tật rất lạ mỗi khi lão ngủ với đàn bà xong, thể nào lão cũng phải ra đi đái." Chính vì thế Tí mới phục kích ở chuồng lợn sát ngay hố đái nhà Hưng.

Quả nhiên, đêm hôm ấy, ngủ với vợ xong, lão Hưng liền mò ra chuồng lợn để đái. Lão già quái quỷ ấy đái ngay vào lỗ lợn, vừa đái vừa cười rích rích, ý chừng còn khoái chí vì một dư âm tình dục nào đó. Những giọt nước đái khai nồng vừa tia vào mặt Tí, anh du kích lập tức chồm ngay dậy, và lưỡi dao lá lúa đã sáng loáng vung lên thọc trúng tim lão quản. Lão chánh rống lên ồ ồ, hai tay ôm lấy ngực, chạy vào nhà và chết ngay dưới chân giường vợ bé.

Câu chuyện Tí phục kích giết chánh Hưng được dân làng truyền miệng như một huyền thoại. Anh Thái ngợi khen Tí hết lời:

- Cậu tính toán rất giỏi, có óc quan sát, lại gan góc. Tài của cậu là tài của một tay trình sát hay điệp viên. Cậu phải chuẩn bị cho bản thân tốt hơn. Sau này, cậu sẽ là chánh công an xã.

Tí nghe anh Thái nói, như nở từng khúc ruột. Một hôm, nhân lúc rỗi rãi, đội du kích chia làm hai phe nam nữ, căng một sợi giây thép ở giữa và hát trống quân. Trong đám nữ du kích có một cô gái to béo mà dân làng vẫn gọi là cô Phốp. Tí rất ưng cô

gái. Cô du kích lúng liếng con mắt đưa tình. Cô ngửa khuôn mặt đầy đặn của mình lên trời mà hát rằng:

*Trăng bao nhiêu tuổi trăng già
Mình yêu ta thật hay là yêu chơi?*

Tí giơ chột mê mẩn tinh thần, anh cũng hứng lên liếc nhìn cô gái và cao giọng hát câu hát xưa kia yêu thích của mình:

Vô phúc lấy phải học trò

... ..

Thình – thùng – thình

Vừa lúc ấy, anh Thái đi vào sân đình. Cả đội du kích chột im bật, khi anh chau mày nhận xét:

- Cậu Tí hát như vậy là sai, không có lập trường. Hát như vậy là chia rẽ công nông với trí thức. Chúng ta nên hiểu rằng sống trong xã hội cũ, bất cứ ai cũng bị tiêm nhiễm cái xấu xa. Trí thức có nhược điểm của họ, nhưng anh đồ tể cũng có cái xấu của mình ...

Tí tím mặt lại vì bị mắng trước mặt người đẹp. Cô nàng to béo lại cười tít đi khi anh Thái nói xong. Và từ hôm ấy Tí cụt hứng. Có thể vì cái cơ nhỏ nhỏ ấy mà Tí không dám tỏ tình với Phốp. Từ hôm ấy, Tí hơi lảm lì, ít nói. Một rào ngăn đột nhiên xuất hiện trong tâm hồn Tí. Một cảm giác bức bối còn rất mơ hồ, nhưng nhiều lúc làm Tí nhức nhối. Trong Tí như có một cái gì đó bị đè nén.

Còn anh Thái, có thể trong lúc ấy, vì mặc cảm hương sư vốn có, anh thấy như cái chất học trò yếu ớt trong anh đã bị mang ra chế diễu, nên anh phản

ứng đột ngột và phát ra những lời nói bất lợi. Tuy nhiên, anh thực lòng tốt bụng với Tí, anh vẫn ra công dìu dắt người thanh niên ấy. Đích thân, anh dạy Tí học. Anh nói:

- Phải ngoi lên khỏi bùn lầy. Chính những người từ bùn lầy sinh ra như cậu, mai này sẽ nắm quyền ở làng xã và ở trên cao nữa. Cũng chính vì thế, cậu có nhiệm vụ phải cố công học tập. Có như thế, khi nắm quyền mới khỏi sai lầm.

Tí không nói gì. Anh chỉ im lặng nghe Thái. Tí rất thông minh. Anh đọc thông viết thạo, biết làm bốn phép tính sau một năm học Thái. Chính lúc đó, xã được giải phóng. Tiếp ngay sau đó, hoà bình lập lại... Pháp rút quân... rồi cải cách ruộng đất.

Anh đội trưởng cải cách bắt rề ngay vào Tí, từ lúc mới về làng. Cuộc cách mạng nông thôn tiến hành được chừng một tháng. Đó là giai đoạn gay go quyết liệt nhất. Tí họp hành liên miên suốt đêm ngày. Lên hồ sơ đối tượng... Rà xét từng gia đình... Truy tìm gốc gác từng người... Phải xác định những tên đầu xỏ... Tổ chức tố khổ... Tổ chức toà án... Tí như lâng lâng... Một cái gì đó mới lớn lên trong lòng anh. Cảm giác như đang bay trên chín tầng mây. Vừa thấy lo lo vừa thấy khoái trá... Tại những đêm mất ngủ chẳng? Tại cái quyền năng vô biên như

có phép thần bỗng rơi vào tay anh chẳng? Kỳ lạ thật! Một con người như mình, đột nhiên từ ông già có râu cho đến đứa trẻ nít ai ai cũng vì nể. Sao họ chào anh cung kính đến thế? Thậm chí đến nhìn, họ cũng chẳng dám nhìn thẳng vào mắt anh. Và bỗng dưng, anh bỗng nói được những câu văn rất hùng hồn, và giọng nói của anh cũng bỗng trở nên lưu loát. Ai nghe anh nói chuyện cũng khen hay. Trong một cuộc mít tinh, Tí nói đồng dục:

- Hôm nay là ngày hội, ngày đại hội. Chúng ta đang vùng lên, để xây dựng một lâu đài vinh quang...

Trong giai đoạn quyết liệt ấy, một hôm. anh đội trưởng cải cách họp riêng với Tí. Anh đội bảo:

- Đồng chí cùng nghiên cứu với tôi xem sao. Trên báo rằng ở xã ta dứt khoát có tổ chức Quốc Dân Đảng. Vậy những ai là Quốc Dân Đảng? Và tên đầu xỏ ở đây là ai?

- Thừa anh đội, em không biết.

- Thử nghĩ kĩ xem có hiện tượng gì khác lạ không? Bọn Quốc Dân Đảng thường bắt rế vào bọn hương lý...

- Hương lý?... Dạ, thằng chánh tổng Hưng thì chính tay em giết... Thằng lý Tiến thì ta mới bắt... Lão phó hội Trạch, ta bắt giam... Còn lão Hương Tọa lão chú độc ác của em, lão ta chỉ ôm cái bàn đèn ... Thừa anh, thế là điểm hết mặt bọn hương lý ở đây rồi ạ.

- Còn chứ... còn chứ. Chúng còn bắt rể vào bọn trí thức nữa. Anh thử nghĩ xem, ở làng này ai là trí thức, là có học?

- Thừa anh, bọn trí thức có thằng Ký Bốn, nhưng hắn ta ở Hà Nội từ bé, mỗi năm về làng có một lần vào ngày giỗ tổ họ Lê; bọn tham Tùng, phán Thiệp đều đã di cư vào Nam...

- Thử nghĩ kỹ thêm xem bọn trí thức ở đây còn ai nữa không?

- Dạ, dạ... chỉ còn...

- Còn ai?

- Còn anh Thái, anh ấy là hương sư... nhưng anh ấy đi theo kháng chiến, lại là lãnh đạo.

- Đó, đó... chính đó mới là chỗ hiểm. Bọn Quốc Dân Đảng lợi dụng ta sơ hở, đã chui vào tổ chức của ta, leo lên những địa vị chủ chốt.

- Thừa, thừa anh...

- Còn thừa gửi cái gì nữa... Trên rất nghi ngờ thằng này, nhưng nó rất khôn ngoan, ta cần phải tìm đủ bằng chứng. Tôi nói dứt khoát thằng Thái là Quốc Dân Đảng. Anh thử nghĩ lại, nhớ lại... xem nó có những hành động gì lén lút không?... Ví dụ nó thăm thì với ai?... Nó hội họp bí mật ở đâu?... Nó...

- Dạ, anh Thái...

- Anh gì? Gọi nó là thằng.

- Dạ, thằng Thái có lén lút thật. Nó lén lút với anh Phòng, chủ tịch xã.

- Cả thằng Phòng cũng một duộc.

- Dạ, em hiểu rồi... Thằng Thái, thằng Phòng cùng với thằng Nam. Cả thằng Nam này cũng ghê

gớm; nó trạc tuổi em ra Hà Nội học tú tài. Nó về làng bảo trốn Tây động viên bắt lính. Thằng Thái cho nó làm thư kí uỷ ban. Hoá ra, cả một dây từ Hà nội về đến quê. Chúng nó vẫn thì thọt gặp nhau ở chùa ông Cụt giữa đồng. Người ta bảo rằng chúng đi họp chi bộ cộng sản, nhưng thực ra chúng đã lừa dối nhân dân. Chúng là bọn Quốc Dân Đảng đội lốt Cộng Sản. Chúng đã chui vào bên trong tổ chức của ta để phá ta.

Anh đội cải cách reo lên:

- Đúng, đúng như thế đó... Anh Tí ạ, anh rất thông minh.

Một ngày hội. Đúng là một ngày hội.

Rộn vang khắp làng tiếng trống ếch, tiếng hô khẩu hiệu của thiếu nhi đi cổ động. Trống to thì thùng ngoài bãi. Dân làng nô nức túa ra đường làng, kéo nhau ra bãi. Người ta thì thăm với nhau:

- Hôm nay đấu gục tên phản động đầu xỏ.

- Ai?

- Tên Thái.

- Toà án nhân dân xử tội?

Mắt người trả lời bỗng sáng lên:

- Xử bắn!

Xử bắn bao giờ cũng là một quang cảnh cực kì kích thích. Người ta sợ, rợn, nhưng tự đáy thăm ai

cũng muốn xem tận mắt. Ai cũng có ý nghĩ ấy, nhưng chẳng ai thổ lộ với ai. Đội thiếu niên nhi đồng không em nào vắng mặt. Những chú bé bảy, tám tuổi chưa được vào đội nhi đồng cũng trốn nhà ra bãi đầu làng, ở đấy người ta dựng sẵn một cây thập ác bằng tre.

Đấu, tố, trỏ mặt, giậm chân, mặt mũi đỏ bừng sầm sầm, nộ khí xung thiên, la hét... Có những người khóc nấc lên rồi ngất đi vì xúc động.

Vài phút lại vang lên những tiếng hô dậy trời “đả đảo”. Người ta hô đến khản cả tiếng. Có người khản đặc, tiếng nói phào phào...

Bãi bắn đông nghịt những người. Cờ, khẩu hiệu đỏ chói. Chỗ ngồi của bà chánh án cao vút, uy nghi. Người nào cũng sáng mắt nhìn ra phía trước, nhưng không phải nhìn vào án đài, mà nhìn vào cây thập ác.

Người chỉ huy đội bắn cao to lẫm liệt, đang hùng dũng bước ra. Người ta xì xào: “Ông Tí giò.” Cái vóc dáng khổng lồ của Tí giò càng làm thần kinh người dự xem thêm căng. Tí giò đứng ngẩng cao đầu, tay trái chống cạnh sườn, tay phải chỉ vào mặt Thái lúc này đã bị trói chặt vào cột.

- Các đồng chí chú ý! Mục tiêu: Tên phản động trước mặt. Tư thế: đứng chuẩn bị bắn.

Thầy giáo Thái lồng lộn, vùng vẫy. Người xem thì thảo:

- Ông Tí giò đã trói bằng lạt tre tươi lột lấy cật rồi đem nướng lửa. Có đến hồ bị ông Tí trói cũng

chịu cứng, nữa là lão Thái gày gò. Rầy rửa chỉ tổ sây vầy, cũng chẳng nước mẹ gì.

Tí mỉm cười, nhìn con mồi của mình đang tuyệt vọng lồng lộn. Chờ cho đến lúc Thái quá đau đớn mệt mỏi, anh đứng im thở hồng hộc, lúc đó Tí giơ mới hô: “Chuẩn bị bắn”.

Ba anh du kích đứng gié chân chèo, bắt đầu lên đạn và nhắm súng vào cái vóc người gày gò thảm hại bị buộc giăng tay vào cây thập ác. Con người chịu khổ nạn ấy không rầy rửa nữa. Cũng may, đôi con mắt bị buộc chiếc khăn vuông đen nên anh đã không phải chứng kiến những khuôn mặt người bị méo mó đi vì khoái trá, vì căm giận. Họ căm giận anh thực sự. Anh không trông thấy nhưng anh nghe thấy những tiếng hò hét, những tiếng rì rầm của họ thì anh hiểu. Anh cảm thấy thương hại sự vô ơn của những con người ấy. Chính vì những con người ấy mà bao năm nay anh lặn lội xả thân...

Tí cố để cho cái phút chuẩn bị, chờ đợi chết ấy hơi kéo dài. Nhưng không sao! Tí đã mơ hồ cảm thấy tâm lí của người đi xem xử tử. Hình như mọi người đều muốn cái phút chờ đợi ấy kéo dài.

Trong khi ấy, Thái mê man đi cùng bao suy nghĩ. Đáng lẽ ra lúc ấy anh phải kêu lên những tiếng kêu uất hận, cũng có thể những tiếng kêu oan ức. Đằng này Thái lại bật lên một tiếng hô làm cả pháp trường bỗng ngổ ngàng Anh rướn cổ lên và hô to:

- Đảng cộng sản muôn năm!

Có lẽ vì Thái hô to quá, kỳ dị quá, nên khi Tí ra lệnh: “Bắn”, ba anh du kích bỗng run tay. Một anh

bắn trượt, một anh bắn trúng tay, một anh bắn sườn má Thái. Tí bực bội gầm lên:

- Hãy để hấn cho tôi.

Và Tí đã dũng mãnh xông lên, rút con dao đồ tể mỏng hình lá lúa mà anh thường giắt bên người. Bằng một đường dao chính xác, ngọt ngào, anh đã đâm từ cổ thọc xuống tim người đội trưởng du kích, người dẫn đường anh khi xưa.

Thái ngoẹo đầu xuống, hình dáng hệt như chúa Jesus chịu nạn.

Lúc chết, mắt Thái vẫn mở to. Đôi mắt như ngơ ngác, như bắn khoăn, như bàng hoàng, vì chưa hiểu ra một điều gì đó thật kì quái.

Khi Tí rút con dao lá lúa ra, dòng máu ở cổ Thái vọt dài. Người đi xem nhiều kẻ tay run cầm cập, nhưng mắt vẫn sáng quắc. Có người còn nuốt nước bọt.

Riêng anh Tí giờ, tối hôm ấy, anh xách con cá quả to bằng bắp chân về nấu ảm. Tí uống rượu cùng đội trưởng cải cách. Anh còn vui vẻ hát cho anh đội nghe một câu hát xưa rất thú vị

Vô phúc lấy phải học trò

... ..

Thình thùng thình...

Cô Phốp, cô gái to béo đa tình ở đội du kích năm xưa đi qua ngõ nhà Tí, bỗng nói vọng vào, khen ngợi:

- Giọng anh Tí hát hay quá!

Khi sửa sai, ông Hương tạo được xuống thành phần trung nông lớp trên, còn anh Thái được phục

hồi danh dự. Nhân dân lúc này sì sào về Tí giò, nhưng đồng chí cán bộ sửa sai giải thích:

- Có sai lầm, nhưng phải hiểu cái cách ruộng đất thắng lợi là cơ bản... Còn các đồng chí cán bộ cốt cán, về cơ bản cũng là những con người rất tốt; họ vẫn là chỗ dựa của Đảng. Sửa sai cốt để đoàn kết nông dân, chứ không phải để hục hặc lẫn nhau. Phải đoàn kết giữa các đồng chí cũ và mới. Phải hiểu rằng các đồng chí cốt cán rất triệt để cách mạng. Họ sai bởi vì họ quá triệt để. Nhưng, triệt để cách mạng là một phẩm giá cao quý nhất.

Dĩ nhiên, Tí là người triệt để cách mạng, vì vậy người ta muốn đưa anh lên làm chủ tịch xã. Tí khiêm tốn:

- Tôi không làm chủ tịch được đâu. Xin cho tôi làm việc khác.

- Việc gì?

- Cho tôi làm trưởng công an xã.

Ngày xưa, anh Thái đã phát hiện ra năng khiếu ấy của Tí. Tí, qua kinh nghiệm giết lợn của mình, đã hiểu rằng người nào nắm quyền sinh quyền sát là người ấy có quyền to nhất. Ông chủ tịch xã quyền có to, nhưng là quyền giả tạo. Chính chánh công an xã mới là người quyền to nhất, bởi vì ông ta có quyền theo dõi mọi người, có quyền dùng tiếng nói của mình để buộc tội hoặc tha người. Tí đã có thêm một kinh nghiệm mới: giết người bằng dao là khó, nhưng giết người bằng ba tác lưỡi còn khó hơn nhiều, bởi vì nó sạch sẽ hơn, tinh vi hơn, bí mật hơn, sâu hiểm

hơn. Đó là kinh nghiệm ông Hương tạo đã truyền cho Tí.

Khi ông Hương tạo được xuống thành phần, Tí giò có vẻ ngượng ngùng, không dám nhìn mặt ông chú. Nhưng ông Tạo là người từng trải, khôn ngoan. Chính ông đã tự mình đến gặp người cháu. Ông nói:

- Cái chuyện cải cách, chú có giận anh. Giận nhưng lại mừng. Mừng vì anh hiện nay giữ một chân quan trọng nhất xã. Anh đã làm rạng danh cho họ Nguyễn nhà ta. Thử hỏi, hiện nay trong họ Nguyễn ai quyền cao chức trọng bằng anh? Xưa kia, hồi Pháp, chức tước cao nhất trong họ là chú cũng chỉ giữ được chân hương trưởng. Nay, nay... mà đừng có coi thường lão cường hào già này nhé. Ngày xưa, chánh tổng lý trưởng của cả vùng này đều phải châu đầu quanh cái bàn đèn của tao. Trong huyện, người ta gọi cái bàn đèn của tao là trường học tổng lý đây, con ạ.

- Bây giờ, thời buổi có khác chú ạ.

- Khác cái gì? Vẫn luỹ tre, vẫn con trâu, vẫn họ hàng làng mạc cũ, vẫn những con người xưa, vẫn những tục lệ xưa. Cái khác là tên gọi mới: ví dụ chánh tổng người ta gọi là chủ tịch... Tức là con người đã khôn ngoan hơn... Không ai dùng ba toong, cặc bò như xưa nữa, mà dùng những lời ngọt ngào đường mật để thít chặt con người lại. Cậu đã hiểu chưa.

Tí không cãi lại, cũng không tỏ ý tán thành, anh ta cứ lững lờ, và lặng yên suy ngẫm. Việc ông Tạo

lấy lại cái nhà gạch của ông đã chia cho Tí cũng rất khéo léo. Một hôm, ông nói chuyện với cháu:

- Chú có thể cho anh cái nhà của chú. Nhưng, như thế, về sau con chú và anh lúc nhìn mặt nhau nó vẫn có điều hận. Chi bằng chú đưa cho anh ít tiền, và cứ nghe lời quân sư của chú, khắc là anh có nhà. Này nhé... đất, ta xin xã; chọn miếng đất thật nục nạc, thật đẹp, có tiền, có hậu, rộng gấp đôi gấp ba của chú thì hãy xin. Có cơ hội, đã xin phải xin cho nó xứng. Còn gạch ngói, công sức ta nhờ dân làng, nhờ bọn đàn em trong làng. Mà cứ nháp mỗi một tiếng, khắc có đứa tự nguyện đến làm giúp. Còn tiền nung gạch, chi phí, tao trả. Bụi tre trong vườn thì ngã xuống ngâm làm đòn tay...

- Cháu sợ người ta nói ra nói vào.

- Đứa nào dám nói? Giúp ông chánh công an nghèo, đó là cái nhiệm vụ. Vả lại mình vẫn cho họ ăn uống đàn tràng hoàng. Rượu, tao cho nôi gạo mà nấu. Cá mua rẻ của xã... Lợn, vay của xã... Vài năm sau sẽ trả...

Thế là Tí có ngôi nhà gạch năm gian đàn tràng hoàng. Và từ đấy, chú cháu lại trở nên tâm đắc. Dần dần bên mâm rượu, bên ấm trà, ông chú đã nghĩ ngợi và truyền lại hết cái nghề chẵn dân của mình cho ông cháu:

- Nông thôn ta không gì bằng họ hàng. Phải lấy họ hàng làm cái gốc, làm vây cánh. Phải gây dựng cho anh em, con cháu trong họ.

- Gây dựng bằng cách nào?

- Đưa dần con cháu, họ hàng mình vào Đảng, vào các chức vụ quan trọng. Trong họ phải có đứa làm chủ nhiệm, làm bí thư thanh niên, làm đảng uỷ ... Vây cánh mình mạnh, tức khắc các họ khác phải nem nép nghe theo mình. Việc ấy phải làm lâu dài, phải năm năm, mười năm mới xong.

Ông còn dạy cháu những đòn hiểm hơn.

- Hiện nay, trong xã họ Phạm đang chiếm hết ghế chủ chốt; chủ tịch, chủ nhiệm, thanh niên, đảng uỷ, họ đều nắm cả. Ta phải liên kết với họ Trịnh, vì họ Trịnh đang nắm chức bí thư. Phải ngọt ngào với họ Phạm, nhưng phải luôn rình mò, nắm cho hết tội lỗi của người họ Phạm. Cháu làm công an, cháu thừa sức làm được điều đó. Con người đã làm việc bao giờ cũng có sai lầm; hãy chờ một cơ hội lúc họ Phạm mắc một lỗi lầm to lớn, thế nào cũng có cơ hội đó, khi ấy ta tập trung khoét sâu tội lỗi và đánh đổ chúng nó.

Tí đã thực hiện đúng cái ngón "khoét dần đưa dao vào tim" của ông chú. Anh lăm lè, ngọt ngào với người họ Phạm. Đùng một cái, chủ nhiệm họ Phạm thông đồng với thủ kho họ Phạm tham ô một tấn thóc nếp bán cho tư thương. Tí đã gài người biết chắc giờ giấc giao hàng, và đã bắt quả tang bọn tham ô. Tí đã tập hợp được một đồng tài liệu về những người họ Phạm, mà anh đã rình mò tích tụ suốt năm năm liền. Từ vụ ăn cắp một tấn thóc, anh đã cộng thêm vào hàng trăm vụ việc khác. Lẽ dĩ nhiên họ Phạm bị đánh đổ, mất gần hết các vị trí then chốt trong bộ

máy quyền lực. Chức chủ tịch và chủ nhiệm hợp tác xã lập tức rơi vào tay những người họ hàng của Tí.

Ông Hương Tọ uống rượu với chánh công an Tí giờ. Ông chú cười ha hả:

- Bây giờ cánh họ Nguyễn nhà ta mạnh nhất làng rồi. Cậu cháu thấy mưu mẹo của ông chú ra sao?

- Thưa, đúng là mưu Gia Cát.

- Hừ, anh tưởng chỉ riêng chú mới nghĩ ra được những điều đó sao? Không, khắp nơi đâu đâu người ta cũng làm như chú cháu ta cả. Vẫn là mưu mẹo thời xưa thôi cháu ạ. Chú đã bảo thời bây giờ vẫn giống thời xưa là như thế. Bình cũ rượu mới mà. ở cái nước Việt Nam ta, trong bất cứ ai, cũng đều chồm chồm trong đầu một bộ óc kì hào quan lại. Gặp dịp là ông kì hào nhồm dậy ngay tức khắc.

- Đến cuối tiệc rượu, khi đã ngà ngà Tí hỏi Hương Tọ:

- Thưa chú, bây giờ cháu nên làm gì?

- Còn làm gì nữa? Cháu mất bao công sức, họ Nguyễn nhà ta mới được như ngày hôm nay. Có công thì có hưởng. Bây giờ việc của anh là sống sao cho sướng. Bây giờ anh có làm voi làm chuột cũng chẳng đứa nào dám hé môi.

Từ đó, Tí xoay ra nghĩ đến việc sung sướng.

Tí lấy vợ sau cải cách ruộng đất. Anh đội ghép Tí lấy một cô cốt cán xã bên cạnh. Ai cũng bảo hai người đẹp đôi. Đi đâu Tí cũng khoe:

- Vợ tôi là cán bộ phụ nữ.

Khoe là khoe ngoài miệng thôi, chứ thực trong bụng, Tí rất bức bối. Có gì đâu, sở dĩ bức, vì vợ Tí người gầy khô. Theo quan niệm của Tí, người đàn bà được gọi là đẹp, trước tiên người ấy phải béo. Quan niệm thẩm mỹ ấy làm Tí nhiều khi cảm thấy mình như bị mất mát một cái gì đấy. Tuy Tí đã lấy vợ hơn chục năm rồi, mà anh vẫn mê một cái thân xác phây phây của cô bạn du kích thời kháng Pháp. Kỉ niệm về cái đêm trăng xưa, khi hát trống quân, cô gái ấy ngửa mặt lên trời mà hát, luôn ám ảnh lớn vờn trong tâm trí Tí. Anh thường nhìn mẹ Phốp và ao ước, tiếc rẻ: "Chính mẹ ấy mới hợp mình. Đàn bà đôi vú thây lầy thế kia mới đáng gọi là đàn bà."

Mỗi lần gặp Phốp, Tí giờ lại hau háu nhìn mẹ như muốn ăn sống nuốt tươi. Về phần Phốp, chị ta cũng thích Tí ra mặt. Mặc dù lấy chồng đã ba con, nhưng hề gặp Tí là mắt mẹ lại lẳng lơ lúng liếng.

Trước kia, tuy thích nhưng vẫn sợ; từ ngày được ông chú giảng giải về cái thế của anh, Tí hết sợ. mấy hôm sau, một đêm đi họp, Tí sấn sổ nắm lấy tay mẹ Phốp... Tuy có du đẩy then thò, nhưng cử chỉ, dáng điệu ấy chỉ là mẽ ngoài, còn trong bụng Phốp cảm thấy như việc ấy là dĩ nhiên, mà có lẽ việc ấy còn xảy ra quá chậm thì phải. Đáng lý, họ đã phải kết hợp với nhau từ lâu.

Rom tình bén lửa bùng bùng. Chỉ trong một tháng họ đã kiếm cơ hội ăn ở với nhau ba lần. Nhưng càng gặp nhau, họ càng không thấy thoả, và càng cảm thấy thèm khát nhau hơn.

Một đêm, Tí ra thăm trại lợn, nơi Phốp làm đội phó. Họ đã nhăm nháy nhau từ trước. Đêm đó, chỉ có mình Phốp trực. Trăng sáng nhể nhại. Tí dè ngựa ngay Phốp ra ở đồng rơm góc sân.

- Dừng... dừng...

- Sao lại dừng? Trông thấy đằng ấy là tớ thèm ngay.

- Khéo chả...

- Sợ cái gì?

- Ái, ái... sợ ông trăng. Phốp cười rúc rích, rồi giằng tay Tí đứng dậy. Mẹ Phốp ngực để trần chạy quanh đồng rơm. Mớ tóc đen của người đàn bà tung đằng sau tấm lưng trắng ngát. Trăng loang loáng ẩn hiện trên đôi vú nhún nhẩy. Trông Phốp như một nữ thần linh khổng lồ, phì nhiêu, đa tình đang bay nhẩy với đôi cánh tay vẫy gọi... cuối cùng họ lại ôm lấy nhau, ngã xuống đồng rơm.

- Dừng, dừng...

- Tớ đêch sợ ai cả.

- Nhưng em sợ... con lợn đực – Phốp lại cười rúc rích.

Nghe Phốp nói, Tí quay lại phía sau lưng. Mắt anh chợt nhìn thấy con lợn đực đại bạch trên ba tạ đang chồm chân lên cửa chuồng, và nhìn cái thân hình trắng nhể nhại của Phốp bằng con mắt hau háu. Tí càng thấy khoái trá, hấn càng cười to, cười vang.

- Nó thấy em trắng phau, nó tưởng em là con nái đại bạch.

Phốp đâm lưng Tí đùm đụp. Còn Tí thì giờ nắm đấm dọa đùa con đại bạch:

- Có quay mặt đi không? Cúi chùng, chẳng ông già giò...

Mẹ Phốp lại càng cười hi hí. Đôi vú thây lầy của mẹ cũng rung theo một cách đa tình.

Tí bỗng cảm thấy như đã từ xưa lắm rồi, rất xa xưa, Tí vẫn thêm một cảnh như thế này. Và cảnh ấy đã xảy ra còn thú vị hơn cả anh mong muốn.

Trăng sáng... Tí làm tình với Phốp... Giữa trời... giữa trăng... Đêm tĩnh mịch và gió hây hây... Thật là thoả! Thật là thoả!... Tí hoà tiếng cười cùng với Phốp. Mẹ Phốp trắng hếu... tênh hênh. Tí cười lên bụng mẹ ta, hai tay nắm lấy đôi vú...

Cả một đêm dài quá khứ, bị kìm hãm, bị dồn nén đã bao năm bao tháng, nay phút chốc vụt thức giấc, bỗng bung ra. Thoáng một ý nghĩ bỗng nảy ra trong đầu óc người nông dân cường tráng ấy:

“Có lẽ đã từ ngàn năm rồi... chưa phút nào ta được sống như hôm nay... Ha ha, ta muốn bay...”

Hắn ngửa cổ nhìn đám mây bông trên trời, nhìn ánh trăng bạc đang tưới sữa lên mình Phốp, lên ngực Phốp. Tí như muốn húp cả ánh trăng loang loáng chảy trên đôi vú.

Tí bỗng cao hứng hai tay kéo dài đôi vú. Một cảm giác như đang bay trên con ngựa thời gian. Từ đáy thăm thẳm tối, trong phủ tạng của hắn bỗng vang lên một âm điệu nhịp nhàng. Phải chăng tiếng chày khua vào sâu thăm thẳm không gian.

Mẹ Phốp rú lên từng đợt cười hoang.

Và tất cả như một lời thơ.

Nhịp nhàng, nhịp nhàng ...

*Hồn độn hối hả
Hào hùng tung bừng
Hong hong đỏ đỏ*

*... ..
Đầy kho thuốc nổ
Đen ngòm chói lòe*

*... ..
Nhịp nhàng, nhịp nhàng ...
Vút cao vời vợi
Ta là chúa tể ...
Ta là bao la ...*

... ..

Đang lúc Tí cao hứng đến tột đỉnh như vậy, đột nhiên vang lên tiếng hét:

- Bắt lấy nó! Bắt lấy nó!

Rồi ùng ùng, ào ào. Ba phát súng nổ, hay nhiều phát súng nổ, Tí cũng chẳng kịp nhận ra nữa. Rất nhiều tiếng chân người chạy ập tới.

Tí cuống quít, Phốp cũng cuống quít. Cô ta rên lên:

- Hơ... Cái quần tôi đâu?... Cái áo tôi đâu?... Chúng bay trốn lui ở đâu?...

Tất cả đội du kích và đội chăn nuôi đều có mặt. Các cô gái trẻ nhìn quang cảnh cười khúc khích... Còn Phốp đang cố lấy rơm phủ lên người, rồi van lạy:

- Các anh các chị... Hãy cho tôi xin quần áo đã.

Mớ tóc đen óng của Phốp lúc này rồi bù thảm hại.

Thì ra, đôi trai gái đã bị rơi vào bẫy gài trả thù của dòng họ Phạm. Người ta bố trí hiện trường, người ta đã bỏ vào lấy cấp quần áo của Tí – Phốp, trước khi hô bắt.

Người ta không cho Tí mặc quần áo, họ làm biên bản, rồi đi mời bí thư đảng uỷ tới.

Cuộc đời chính trị của Tí như ngôi sao băng: loé sáng lên rất nhanh, và phụt tắt đi cũng rất nhanh. Sau chuyện xảy ra ở trại lợn, người ta tước mọi quyền hành của Tí, để anh ta trở lại đời sống dân thường.

Tuy vậy, mọi người chung quanh vẫn sợ anh ta, chí ít không sợ thì cũng vẫn phải kiêng nể. Sao vậy? Người ta thì thảo với nhau:

- Đừng động đến hắn. Hắn đồ rồi nhưng cánh họ Nguyễn vẫn mạnh. Vả lại, hắn không làm công an xã nữa, nhưng bên trên vẫn tin cậy hắn. Nghe nói hắn vẫn làm ” cá chìm ”.

Thế nghĩa là Tí đã mất cái quyền lực công khai, nhưng vẫn còn cái quyền lực ẩn ngầm. Cũng có thể Tí chẳng còn là cá chìm cá nổi gì nữa, nhưng vì trước kia lưỡi dao của Tí đã quá sắc ngọt, nên khi lưỡi dao ấy đã gãy rồi, người ta vẫn còn sợ bóng cái ánh hào quang quá khứ của nó. Thậm chí dạo này Tí rất bừa, có thể nói bê tha. Anh ta lại đi mổ lợn như thời hàn vi; và khi đi làm về, Tí lại vẫn mua cút rượu rồi ngheu ngao hát điệu trống quân:

Có phúc thì lấy Đồ Tể làm chồng

... ...

Thình – Thùng – Thình

Người quê tôi cũng sợ nốt cả trò bê tha ấy của Tí. Lại có tiếng thăm thì vào tai nhau:

- Hấn giả vờ đấy. Người ta thường giả vờ bê tha rượu chè để đánh lừa dư luận. Có tâm sự gì chớ có thổ lộ ra với hấn.

Khi Mỹ ném bom, người ta đem những tử tù về bắn ở ven đê, cạnh rặng phi lao làng tôi. Ông đại úy công an ở bộ về gặp ông chủ tịch xã:

- Đề nghị các đồng chí giới thiệu cho một người lý lịch đáng tin cậy để phục vụ trường bắn.

Dĩ nhiên, ông chủ tịch tiến cử Tí giò. Ông công an gặp Tí liền nói:

- Xin lỗi, tôi nói thật, đồng chí tuy đã là công an xã, nhưng công việc này đòi hỏi phải là một người... không sợ máu me.

Tí giò cười ồ:

- Tôi đã quen với máu me từ hồi còn bé.

- Vậy thì tốt quá. Nhưng cũng xin nhắc công việc của đồng chí là phải trói tù vào cột. Phải trói cho chặt, kéo lỏng ra khi bắn tử tù hăng lên giật trói, chạy vung lên thì rầy rà.

- Việc đó đồng chí khỏi lo. Đồng chí chắc chưa biết, chỉ riêng công việc trói đó, lúc học nghề, tôi đã phải luyện tập đúng một năm trời. Nhân tiện, tôi cũng đề nghị cho tôi được phép một điều: hãy cho quyền tôi được trói bằng một thứ lạt riêng, chứ không trói bằng thùng.

- Trói bằng lạt?

- Vâng bằng lát ạ. Xin chớ ngại. Đó là thứ lát đặc biệt, bằng tre tươi chẻ lột, chỉ lấy phần cật thôi, sau đó đem nướng lửa hoặc luộc bằng nước muối.

- A ha! Độc đáo thật.

Từ đó, hễ buổi tối nào thấy Tí giò say và hát điệu trống quân thành – thùng – thành của hấn, là dân làng biết ngay sáng hôm sau có vụ xử bắn ở ven đê; bởi vì Tí có thói quen uống rượu đêm hôm trước khi thừa hành việc pháp trường. Những đêm ấy, thường bọn thanh niên hay lân la đến hỏi:

- Bác Tí ơi, mai họ bắn đám nào?

- À... bắn cái thằng cán bộ mê gái bỏ thuốc độc giết vợ.

Hoặc:

- Bắn thằng giám đốc kho A. Đã tham ô hàng triệu bạc thuốc quí để phục vụ chiến trường, sau đó lại đốt kho phi tang.

Hoặc:

- Bắn thằng phó chủ tịch xã H lợi dụng chức quyền hà hiếp dân, đã giết một học sinh sau đó còn khoét mắt cậu bé.

Từ ngày Tí giò phục vụ pháp trường, lại có thêm bao nhiêu chuyện huyền hoặc trù lên con người anh ta. Bà hàng xóm kể chuyện:

- Nhiều đêm, tôi nhìn qua hàng rào sang, thấy bác Tí đứng hoa tay múa chân giữa sân, nói chuyện với những hồn ma đã bị xử tử. Có hôm, vào lúc quá nửa đêm, tôi đang nằm bỗng dựng tóc gáy lên vì nghe rõ mồn một tiếng người con gái van xin: "Con cần cỏ con lạy bác. Xin bác đừng trói chặt hai tay

con.” Bác Tí nói câu kinh: “Mặc mày! Nghề của tao là nghề trói buộc. Mà đã trói thì phải trói chặt.” Con ma đàn bà vẫn nức nở: “Cháu van bác. Hãy nới tay cho cháu một chút. Xin bác cởi trói cho cháu một phút. Một phút thôi. Để cháu ôm con, cho nó bú một miếng.” Bác Tí lúc này có vẻ mũi lòng một chút sù: “Mà tao cũng phải lạy mày thôi. Phải hiểu cho tao chứ. Tao có quyền gì. Chỉ là con xe con pháo. Người ta chỉ đâu đánh đấy. Nếu tao cởi trói cho mày, tao cũng chết theo.” Tiếp đó, chắc có quan trên đi tuần, nên lại nghe thấy tiếng cộc cằn nạt nộ: “Mặc xác! Không bú mớm gì hết. Đã trói là không có cởi.” Con ma đàn bà hu hu khóc. Tiếng khóc nghe rợn tóc gáy.

Bà hàng xóm còn kể nhiều chuyện kì lạ khác về Tí giò. Bà này khéo kể, nên chuyện nào cũng sinh động nghe cứ như thật. Dần dần, đi tới chỗ những người trước kia chỉ nể Tí, nay đã chuyển sang thành sợ hãi Tí. Và cuối cùng ai cũng sợ Tí giò. Cứ trông thấy bóng Tí ở xa, lũ trẻ con đều lảng hết. Cả người lớn cũng muốn lánh xa anh. Chẳng còn ai dám trêu Tí như xưa. Người ta dọa trẻ con bằng câu nói: “Mày khóc to, tao đem ngay đến nhà ông Tí giò.” Ông chủ tịch dọa bọn lưu manh trong xã: “Các anh liệu hồn đấy! Kẻo rồi lại được ném cái mùi lạt tre của bác Tí giò.”

Dần dần Tí giò ý thức được rằng tất cả mọi người đều nể sợ anh. Sự sợ hãi một con người là biểu hiện của tác động quyền lực thô bạo. Nhiều người không thích, có người căm ghét, nhưng phần đông người ta thích sự sợ hãi đó. Tí giò cũng thích.

Sự nể sợ của mọi người đã làm biến đổi hẳn Tí. Nó gây trong anh một khoái cảm siêu nhân. Dần dần Tí tự thân linh hoá. Con người anh cũng biến hình đổi dạng. Hình như Tí đã biết phép tô đậm thêm tính cách của mình để phù hợp với vai trò thần linh mình đang sắm. Là người hay nói, hay hát, đột nhiên Tí trở nên trầm lặng. Anh uống rượu nhiều hơn, và chỉ trường hợp đi ra trường bắn Tí mới hát cái bài “thình, thùng, thình” ưa thích. Xưa kia, dáng anh bước nhanh, đầu hơi ngả về trước, còn bây giờ anh đi đứng chậm chạp đầu ngẩng cao, để tạo cho cái dáng hộ pháp của anh thêm đường bệ. Và từ một con người huyền thoại, anh đã trở thành một con người huyền bí.

Huyền bí nhất là chuyện giữa anh và tên tử tù Lan.

Lan là một học sinh Hà Nội đã học xong lớp mười và đã đi bộ đội bốn năm. Bốn năm đời lính thì đã hơn ba năm anh lăn lộn ở Trường Sơn đánh Mỹ. Lan bị thương, điều trị ở Quảng Bình. Lành vết thương, Lan tranh thủ về nhà, ngôi nhà có gốc bàng trước cửa che mát. Gốc bàng sù sì cổ thụ đã ghi lại bao kỉ niệm ấu thơ. ở đây có những tổ dế, có những chú ve lột xác; và cũng ở đây Lan đã khắc tên mình và tên một cô bạn gái. Lan yêu màu lá xanh, nhưng thích nhất vẫn là màu đỏ bầm cánh gián của nó. Có lẽ Lan thích màu cánh gián ấy cũng chỉ vì đúng vào mùa đông, khi anh nhập ngũ, khi cây bàng khoác áo màu đỏ, thì anh đã tỏ tình với người bạn gái cùng lớp.

Ôi cây bàng! Anh đã tốn bao giấy mực để làm thơ về nó, để ca tụng nó. Cây bàng đã trở nên linh thánh. Nó là biểu tượng về một hạnh phúc rất lung linh mà cũng rất trần gian. Có lẽ một chàng trai mảnh dẻ như anh mà chịu đựng nổi bao khổ cực của những ngày chiến đấu cũng nhờ vào bóng dáng cây bàng mà anh luôn mang theo trong tâm tưởng. Mà cũng chỉ vì những kỉ niệm gốc bàng ấy, nên Lan đã tranh thủ về Hà Nội, khi anh ra viện.

Về đến Hà Nội, lại cũng chính gốc bàng này đã làm anh bịn rịn. Anh gặp lại người yêu ở gốc bàng sù sì đó. Lại thêm những kỉ niệm mới, những kỉ niệm rất đổi tâm thường đối với người đời, nhưng lại rất thân thương đối với chàng trai si tình. Một tháng sau chàng mới lên đường trở lại đơn vị. Đêm chia tay, chàng tiễn nàng ra đầu phố, nàng lại tiễn chàng trở lại gốc bàng... cứ như thế, họ đi suốt đêm bên nhau.

Khi Lan trở lại Trường Sơn, đơn vị anh đã rời đi nơi khác. Và đến đây, bắt đầu một sự yếu đuối, bắt đầu một sự trốn bỏ, và cũng có thể nói bắt đầu bi kịch của một anh lính “B quay”

Lan lúi thủi mang ba lô quay trở về Hà Nội, quay trở về gốc bàng ấu thơ. Nhưng lần trở lại này, Hà Nội đón chờ anh khác hơn. Bà dì ghẻ của anh, cứ trông thấy mặt anh là hằm hằm tức giận. Có thể, trong tâm, bà không độc ác, nhưng tình thế đã bắt bà phải đối xử như thế. Ông bố Lan đã về hưu, bà mẹ ghẻ lại có ba đứa con; một mình bà chèo chống nuôi cả gia đình đã khó khăn, nay lại phải nuôi thêm một

ông lính "B quay", ắt bà phải khó chịu. Người yêu của Lan thấy Lan chẳng có tương lai gì, bỗng tỏ ra hờ hững. Lan bí quá, lên khu đội cầu cứu, nhưng họ đuổi về, bảo không nhận một người lính mất tinh thần như anh.

Lan xoay xoả mua chiếc bơm, và hộp nhựa, ra đầu đường để bơm vá xe đạp...

Anh công an hộ tịch cũng chặc tuổi Lan đến hỏi giấy tờ.

- Tôi không có giấy phép, nhưng hoàn cảnh của tôi gay go quá...

- Không có giấy phép, không được hành nghề.

- Anh thương tôi một chút, tôi chẳng còn con đường nào để sống. Tôi cố gắng sống lương thiện.

- Hừ, anh là "B quay". Không có chuyện lương thiện.

- Thế thì các anh bắt tôi đi. Vào tù tôi còn có miếng cơm ăn.

- Anh hãy cứ chờ. Bao giờ tôi lên đủ hồ sơ, và trên xét duyệt, anh sẽ được đi cải tạo.

Chờ đợi để được đi cải tạo. Lan cay đắng vác bơm về nhà. Cả nhà đã ăn cơm rồi, anh xuống bếp lục nồi cơm nguội. Cơm nguội chẳng còn, Lan rớm nước mắt, anh hiểu bà dì ghẻ muốn triệt cơm anh.

Lan nhìn đôi lang thang trên hè phố quê hương. Hà nội vẫn vui vẻ, vẫn hào hoa, vẫn thanh lịch như chẳng hề bao giờ biết tới một người con của nó đi vào ngách khốn cùng... Người ta vẫn hát, vẫn hào hùng; người ta vẫn yêu nhau, một cô gái nào đó đi bên người yêu chột cười rúc rích... Mặt hồ Gươm

vẫn xanh; chiếc cầu cong cong vẫn đóm dáng; sau trận mưa cây hoa sữa vẫn phả hương ngào ngạt... Lan chợt thấy cô đơn, cô đơn hơn cả loài cây cỏ...

Chợt anh đứng sững lại choáng váng. Anh không tin ở mắt mình nữa. Ai kia? Một cô gái đang đi xe đạp bên cạnh một chàng trai. Mà họ cũng cười rúc rích... Người con gái ấy chính là người yêu của Lan.

Bây giờ thì Lan nguyên rủa cái gốc bàng ấu thơ. Bây giờ, Lan muốn đập nát hết những kỉ niệm phỉnh phờ. Thế giới đối với anh sao hão huyền, sao độc ác!

Anh bỏ nhà đi vất vưởng, ba hôm sau mới quay trở về. Lần này anh xuống bếp lục nồi; rất may còn bát cơm nguội. Anh rưới thìa nước mắm, cố lừa hạt cơm lạnh ngắt vào bụng, song nuốt cũng không trôi. Bà dì ghé ngồi ở tấm phản, rít lên:

- Quân lười biếng! Quân lười manh! Thời buổi bây giờ không làm mà đòi ăn. Đồ cơm cho chó nó ăn còn hơn cho nó.

Lan đặt phịch bát cơm xuống. Đúng lúc đó, người công an hộ tịch bước vào nhà. Bà dì đổi sang giọng đon đả:

- Kìa, chú đến chơi. Mời chú ngồi.

- Tôi đến hỏi bà về việc anh Lan mấy ngày qua vắng mặt mà không báo cáo. Anh ấy đã về chưa?

- Kìa, kìa... Ông ấy đang lục nồi dưới bếp. Chỉ được cái ăn là giỏi thôi chú ạ.

- Cậu ấy là người hư. Gia đình cần phải quản lý cậu ấy thật chặt chẽ. Anh ta đi đâu? Vắng mặt lúc nào? Làm việc gì? Nhất nhất gia đình phải báo cáo cho tôi.

Đầu óc Lan đột nhiên sung tấy lên. Anh thầm nghĩ: “Chúng nó không muốn cho mình sống. Không được làm. Không được ăn. Thậm chí đi tù còn phải chờ đợi. Chúng mày muốn ta chết ư? Được rồi... ta sẽ liệu ...”

Tay Lan run lên. Đầu óc anh ù đi. Anh không nghe thấy họ léo nhéo nữa. Chợt có tiếng chân người... à, tiếng giày. Đúng là tay công an đang đi xuống bếp. Hấn xuống gặp ta... chắc là để đe dọa, để răn dạy... Lan thầm nghĩ nhanh. Mắt anh đảo quanh; đôi mắt dừng lại ở con dao phay cài trên trần. Lan xô lại, cầm lấy, và đứng nép sau cửa ở tư thế chờ đợi...

Tiếng chân to dần, rồi người thanh niên mặc áo vàng xuất hiện giữa cửa.

Lan xô ra, vung dao, xả mạnh. Anh công an ôm mặt thét lên:

- Ôi các ông các bà! Thằng Lan giết tôi.

Sát nhân giả tử! Lẽ dĩ nhiên, Lan phải ra pháp trường đền tội.

Hôm ấy, bãi bắn làng tôi đông nghịt. Từ ba giờ sáng, dân làng đã í ới gọi nhau, đi trước tranh chỗ ngồi tốt để xem cho rõ.

Lần đầu tiên, ông Tí giờ cảm thấy hồi hộp khi chứng kiến một con người đi đến cái chết.

Từ trên xe hòm bước xuống, Lan đã lấy vai gạt mạnh hai người công an đi kèm định sốc nách anh. Tay bị trói, anh điềm nhiên đi đến chiếc cọc.

“A! Thằng này không khuyu chân. Tay cứng đây. Nó đi đứng đàng hoàng, chứ không để người ta kéo lê đi như những phạm nhân khác.”

Tí giờ nghĩ như vậy. Tí giờ càng ngạc nhiên hơn khi thấy Lan vừa đi vừa nói, vừa đi vừa kể tội những người đã xô đẩy anh đến cái chết.

Rồi Lan hét to:

- Tôi bị oan! Đồng bào hiểu cho tôi. Tôi bị oan! Oan ức!

Đứng trước cây cột, Lan vẫn sa sả nói. Khi Tí giờ siết chặt chiếc lạt buộc tay Lan vòng qua chiếc cột, rồi lại dùng mấy chiếc lạt dài khác buộc người Lan vào cột như người ta bó giò, thì Lan rầy rụa. Hấn rầy rụa cuồng nộ đến nổi chiếc khăn đen bịt mắt tử tù cũng phải tụt xuống. Anh chỉ huy ra lệnh:

- Ông Tí! Hãy bịt mắt nó lại.

Tí chợt nhìn thấy đôi mắt Lan, ông rùng mình. Chưa bao giờ ông gặp những con mắt sáng đến như vậy. Long lanh giần giữ. Sáng quắc như được nạp một dòng điện siêu nhiên. Rồi Lan bậm môi nhỏ vào mắt Tí:

- Đồ tể! Mày là thằng đồ tể. Chết đi, hồn tao sẽ hiện về bóp cổ mày.

Ông đại úy ra lệnh:

- Ông Tí, bịt mồm nó lại.

Tí run run lấy miếng vải đen quấn ngang qua mồm Lan rồi buộc vào chiếc cọc. Lan vẫn rầy rụa nên mảnh vải không tài nào buộc chặt lại được. Lan gầm to:

- Đồ tể! Giết người! Đồ tể! Giết người!

Ông đại úy lại ra lệnh tổng giẻ vào mồm Lan. Lan dùng lưỡi đẩy miếng giẻ ra, nên khi ông đại úy đang đọc bản án, hấn lại tiếp tục rửa xả. Thế này thật chẳng còn ra thể thống gì nữa. Ông đại úy tức giận chạy đến tát vào mồm người tử tù. Lan vẫn nói không ngừng.

Tí giờ đứng đây, mồ hôi vã ra như tắm. Lần đầu tiên, ông chuyên gia trói buộc này bỗng thấy hai bàn tay mình run rẩy. Nhưng, một sáng kiến về trói buộc bỗng loé nở trong óc. Tí chạy ra lấy chiếc dây cao su buộc hàng đằng sau xe đạp. Ông kêu to khoái trá:

- Đây rồi! Đây rồi! Lần này thì mày phải câm miệng.

Tí cầm chiếc dây cao su quấn ghì đầu Lan vào chiếc cọc tre. Ông vòng dây cao su ngang mồm Lan; Lan há mồm định nói, nhưng chiếc dây đã lanh lẹn ngang qua, chịt hàm răng lại. Quấn hai vòng cao su xong, Lan bật nói, nhưng chiếc khăn đen bịt mắt lại tụt xuống. ánh mắt lúc này còn sáng quắc hơn lần trước. Có lẽ bị bịt hết cửa biểu hiện rồi, nên toàn thể tinh lực căm giận phải tuôn trào hết ra ánh mắt. Tinh lực ấy làm ngầu đôi mắt, nó đẩy hai nhãn cầu lồi ra phía trước.

Tí bỗng lạnh toát từ đầu đến chân. Ông vẫn đọc thấy trong đôi mắt ấy lời chửi rửa hận thù:

- Chết! Hồn ta sẽ hiện về...

Tí run rẩy sợ hãi. Ông liền vòng ngay một vòng cao su qua đôi mắt quái đản ấy, để khép kín vĩnh viễn chúng khỏi cuộc đời.

Tiếp đó, những phát đạn nổ ròn...

Máu ở tim Lan vọt ra rất mạnh. Lan giật lên từng hồi, giật rất lâu. Tí thầm nghĩ: “Cả đến cách rầy chết của thằng cha này cũng mang lời oán hận.” Và ông chợt nghĩ thầm: “Hay là nó oan thật sự?”

Phát súng nhân đạo đã bắn vào thái dương người tử tù. Bác sĩ pháp y ra khám nghiệm, tuyên bố phạm nhân đã chết hẳn. Tí làm nốt công việc cuối cùng. Ông mệt mỏi cời sợi dây cao su chằng mồm và mắt Lan. Đôi mắt vẫn mở trừng trừng oán hờn khiến bàn tay Tí giờ càng thêm lầy bầy. Khi ông cắt nốt chiếc lạt cuối cùng, ông vụng về đến nỗi cắt cả một mảng da ở cổ tay phạm nhân. Xác chết không còn gì trói buộc nữa, đổ gục xuống tấm ván nắp áo quan đã để sẵn dưới cọc tre. Hai người khiêng cái nắp áo quan; Tí giờ đi sau còn trông thấy hai bàn tay người tử tù vẫy theo nhịp đi. Quái quỷ thật! Bàn tay ấy như vẫy gọi Tí.

“Hai ba... nào” – Tí giờ hô to và hất xác chết xuống áo quan đã đặt sẵn dưới huyệt. Cái xác chết lúc này lại được lật ngửa lên. Đôi mắt lồi ra khỏi hố mắt màu trắng dã của kẻ tử tù lại có dịp được nhìn vào mặt Tí giờ. Nhìn chăm chăm như chiếc máy ảnh muốn chụp lại khuôn mặt hoảng hốt của Tí.

Tí nghĩ thầm: “Trời ơi! Đôi mắt ấy vẫn còn sống. Nó chớp chớp và nó đe dọa”

Tí vội vàng vút nhanh chiếc nắp áo quan xuống để khỏi phải nhìn thấy đôi mắt ma quái ấy. Rồi ông xúc đất, xúc vội vàng, lấp qua loa, để gọi là có một nấm mồ.

Sau hôm xử bắn Lan, Tí giờ thấy trong người khó chịu. Rồi Tí giờ mất ngủ, mất ngủ liên miên. Hễ lúc nào nhắm mắt, là đôi mắt trắng dã của kẻ tử tù dưới mộ lại hiện ra trước mắt Tí. Đôi mắt ấy đang báo thù. Nó không cho Tí ngủ, vì hễ ông nhắm mắt lại là lập tức nó hiện ra.

Tí mất ngủ đến hàng tháng trời. Người vêu vào phờ phạc. Tí tìm cách chợp mắt để lấy lại sức khỏe. Anh ngủ ban ngày, và ngủ ngồi. Anh trốn chạy đêm tối, vì nghĩ rằng chỉ đêm tối hồn mới hiện về. Nhưng chỉ được hai hôm. Đến hôm thứ ba, dù ngủ ngày và ngủ ngồi đôi mắt trắng dã căm thù vẫn cứ hiện về.

Tí nghĩ: “Mày định chọi với tao à? Tao phải chọc mù hăn đôi mắt trắng dã của mày”

Một tối chờ dân làng ngủ yên hết cả, Tí cầm chiếc thuôn đi ra bãi bắn ven đê. Ông tìm đến mộ của tử tù Lan. Và ông cứ nhắm phía đầu mồ mà thuôn, mà đâm. Sức mạnh phi thường của Tí làm tan cả mảnh ván thiên. Tí thúc thanh sắt vài lần nữa, thì chiếc thuôn sọc ngay vào đầu tên tử tù. Chắc là vậy, bởi vì Tí cảm thấy thanh thuôn chạm phải một vật gì cứng. Sự va chạm ấy phát ra một âm thanh khô khốc, lạnh lẽo. Tí thầm nghĩ: “Phải chọc tan chiếc đầu lâu của mày ra.” Bằng động tác giã giò, Tí kéo lên thọc xuống, cho đến lúc tay ông có cảm giác lạo xạo của chiếc đầu lâu bị vỡ vụn.

Khoan khoái, hả hê, Tí rút thuôn lên. Đột nhiên, một luồng khí xanh lè phì ra từ lỗ thuôn. Tí không tránh kịp, luồng khí phụt luôn vào mặt.

Tí rú to, vút thuôn, ôm lấy bộ mặt lạnh toát của mình. Rồi, sợ hãi quá, Tí cầm đầu cầm cổ chạy. Luồng khí xanh lè ấy đuổi theo anh như một bóng ma. Và vắng vắng có tiếng người tử tù thét lớn:

- Tao sẽ giết mày... Đồ tể!

Đêm ấy, Tí lên cơn sốt cao. Sau khi khỏi sốt, người ta thấy ông thường xuyên lấy hai ngón tay bịt hai lỗ tai, bởi vì tiếng nói của người tử tù luôn vang trong óc ông đe dọa.

Giai đoạn trước, thỉnh thoảng có đêm Tí chợp mắt được ít tiếng. Giai đoạn này, Tí hoàn toàn mất ngủ.

Đêm đêm, ông như một bóng ma lang thang khắp làng. Có đêm người tuần nông gặp ông ta quì trước mộ người tử tù và van lạy:

- Tôi xin anh buông tha. Tôi có giết anh đâu.

Một luồng khí xanh lơ từ mả bốc lên và có tiếng người vắng vắng:

- Anh chớ sao được. Anh là đồ tể. Nghề của anh mọi người đều biết. Xoá đi cũng chẳng nổi.

Giai đoạn cuối cùng, không những Tí luôn luôn nghe thấy tiếng người tử tù, mà ông còn trông thấy cả bóng người săn đuổi mình. Có đêm, Tí chạy rầm rầm ngoài đường, rồi bất thành linh vội vàng nép vào một bụi cây, một đồng rơm, hoặc một nơi bản thủ tối tăm nào đó. Ban ngày, Tí quên ăn, quên uống, luôn lấp bắp lạy van, và thích thu hình rúm ró ở những xó buồng xó bếp.

Cuối cùng, Tí bỏ làng đi mất trong một đêm mưa phùn, để rồi mấy hôm sau lại trở về nghĩa địa tử tù và chết cong queo bên một gốc phi lao.

Đêm nay, tôi lại gặp vong hồn Tí ở pháp trường. Mặc dù Tí đeo một màn sương, tôi cũng nhận ra người đồ tể với số phận bi thảm ấy. Tí cũng nhận ra tôi. Bây giờ, giọng điệu của anh không còn vẻ lên mặt nữa; anh đã chuyển sang tâm sự buồn rầu.

- Anh Hoàng ạ, chết rồi mà tôi vẫn khổ.

- Chết còn biết khổ sao?

- Người chết tức là người được nghỉ ngơi vĩnh viễn. Chỗ ở của người chết bao giờ cũng là một khu rừng yên tĩnh, ở đó chỉ có tiếng ru lá và tiếng chim véo von. Đằng này, cái chết của tôi là chết lang thang. Tôi vẫn mất ngủ. Đêm đêm, tôi vẫn là một linh hồn cô đơn đi vật vờ ở bãi pháp trường hoang lạnh này.

Tôi mỉm cười:

- Tưởng anh phải được vào xứ thiên đàng.

- Anh định nói rờn một con người thảm hại như tôi sao? Đến địa ngục, người ta cũng chẳng cho tôi vào, vì ở đó chỉ tiếp nhận những con người bình thường ở thế gian.

- Vậy, ra anh là một con người không bình thường?

- Đúng thế, tôi là người làm nghề trói buộc. Trước kia, tôi hãnh diện với cái nghề ấy biết bao... Thật không ngờ, vì nó mà tôi không được lên thiên đàng, cũng chẳng được xuống địa ngục. Ôi chao! Sao tôi thêm được nằm dài yên tĩnh trong một nghĩa

địa êm ả nào đó. Không một nghĩa địa nào thu nhận tôi. Người ta bảo kiếp của tôi là kiếp một ông thầy tu cô đơn lang thang.

- Vậy thì ông hãy lang thang bằng đôi chân của mình... Cớ sao anh còn lảng vảng ở nơi khủng khiếp này?

- Tôi sợ hãi sự lang thang cô đơn lắm rồi. Tôi... Tôi... phải chờ ở đây để gặp những người tử tù đã bị tôi trói buộc, để van xin họ cho linh hồn tôi được nghỉ ngơi. Kìa! Đã sắp sáng những hồn ma sắp trở về đón bình minh, rồi chui xuống mồ...

Tôi quay lại phía sau lưng, thấy những bóng trắng chập chờn đi lại. Tí giờ quì xuống:

- Anh Lan! Tôi van anh, hãy giải lời nguyên thù oán cho tôi. Hãy cho tôi sự yên tĩnh. Hãy cho tôi giấc ngủ.

- Ta đâu có quyền gì. Tội của ông là vậy, ông phải nhận hình phạt là vậy.

- Tôi có giết anh đâu.

- Khác gì giết. Sao ông trói mồm tôi lại, khi tôi muốn kêu than? Sao ông trói mắt tôi lại, khi tôi muốn nhìn cuộc đời. Ông có quyền gì mà tự cho phép được trói mắt, trói mồm con người lại?

- Kìa, cô Huệ. Cô làm ơn nói giúp hộ tôi.

- Làm sao nói được, khi ông chẳng một chút nói tay, khi tôi van xin ông cởi trói để tôi ôm con tôi và cho con tôi bú.

- Anh Thái! Em van anh nghĩ đến tình đồng đội khi xưa.

- Ta giúp anh nhiều quá rồi. Ta dìu dắt anh, dậy anh học, giúp anh cách làm việc. Chính những người như ta đã tin anh, đã đưa anh lên những địa vị, để rồi cuối cùng nhận những lưỡi dao xoáy thẳng vào tim.

- Các người không tha thứ cho ta sao?

- Tha thứ sao được. Hãy cứ để cho anh cô đơn và lang thang, để làm bia, làm gương cho thiên hạ. Ta biết anh quỷ quái lắm. Anh đã chết rồi, nhưng còn con anh, còn cháu anh, còn họ hàng nhà anh vẫn nằm trong ngôi vị làng xã. Anh vẫn truyền di lại cái chất đồ tể của anh cho họ. Phải cho họ nhìn thấy cái kiếp đồ tể sẽ là như thế.

Tôi xen vào cuộc đối thoại;

- Ông hương sư ơi, ông phải giúp hấn, bởi vì chính ông phải chịu trách nhiệm về những hành vi của hấn.

- Sao? Trách nhiệm ư?

- Chính vậy, vì ông là người thầy.

- Ta chỉ dạy những điều tốt đẹp.

- Ông đã dạy hấn phải biết tàn nhẫn.

- Ta đâu có dạy điều đó.

- Không nên chối. Lão Quản Hưng là bác ông, chính ông đã lập kế hoạch giết Hưng, đã chỉ vẽ cho Tí giò về đặc tính của chánh Hưng, do đó hấn mới biết cách phục kích lão ta ở trong chuồng lợn. Nếu không có kế hoạch của ông, khó ai có thể giết được lão ta.

- Chánh Hưng là kẻ thù, tất yếu phải giết. Còn ta, ta là đồng đội của hấn, tại sao hấn giết nốt cả ta?

- Ông quên rồi sao? Ông dạy Tí phải biết cảnh giác, phải nghi ngờ ngay cả những người thân thiết nhất của mình. Chính ông đã nói, trong những bước ngoặt lịch sử có thể đồng đội của ta lại trở thành kẻ thù. Cũng chính ông đã nói: hễ là đối lập thì không thể tồn tại.

- Anh Hoàng, anh thật quỷ quái. Anh đổ mọi tội lỗi lên đầu ta. Chẳng lẽ cái việc gạt bỏ những người họ Phạm ra khỏi quyền lực cũng do ta dạy cho Tí giò?

- Chứ sao! Xưa kia, ông đã bao nhiêu lần nói tới cái sức mạnh của số đông phe cánh. Không có số đông phe cánh thì ta không thể làm nổi một việc gì ở thời đại này. Có một điều ông không dạy bằng lời nói: đó là sự khát khao quyền lực. Nhưng chính ông đã làm điều đó rất có ý thức. Và Tí giờ đã lặp lại cách sử dụng quyền lực của ông. Sự khát khao quyền hành là động cơ kỳ diệu, nó giúp con người làm nên kỳ tích, nhưng khi cực đoan nó cũng biến thành người đao phủ. Ông hương sư ơi! Chính vì vậy nên tôi nói rằng ông phải chịu trách nhiệm về hành động của bác Tí giờ.

- Không phải ta dạy Tí giờ điều đó. Chính lão Hương Tọa mới là thầy dạy Tí giờ. Có đúng không hả ông Tí?

Từ nãy Tí vẫn đứng ngẩn nghe tôi và Thái đối thoại, lúc này ông ta như tỉnh ngủ. Ông tần ngần trả lời:

- Thừa, cả anh Thái, cả cụ Hương Tọ... cả hai người đều là thầy dạy của em. Bây giờ em hiểu ra điều đó.

Thái giơ tay lên, kêu to, phản đối:

- Các người vu oan cho ta. Đây các người hãy nhìn xem: bàn tay ta sạch sẽ; trái tim ta trong trắng; tâm hồn ta tốt đẹp.

Lan, người tử tù bỗng cười lên sảng sặc:

- Các người ơi! Đừng chơi trò giả dối. Trắng ư? Đen ư? Tội lỗi dù trắng hay đen vẫn là tội lỗi. Tôi là một người đã bị dồn đến chỗ giết người, rồi lại bị người khác giết mình. Tôi chắc hiểu được thế nào là lưỡi dao đâm thọc vào tim. Không nghi ngờ gì nữa! Khi ta để một con người gục xuống, thì dù ta là đồ tể, dù mượn tay người khác làm đồ tể, cũng không thể nào bào chữa được.

Có tiếng gà gáy dồn; và thấy những tia sáng đầu tiên nhô lên ở đằng đông. Những bóng ma bỗng bành bồng tan biến đi cùng những màn sương trắng.

Tôi nhìn chiếc cọc tre đen sì cắm vào lòng đất phù sa, chợt có cảm giác như một chiếc đinh khổng lồ cắm vào trái tim mình.

Tôi chợt cúi người cúi xuống, vục tay bốc lên một nắm đất phù sa và than van:

- Đất quê ơi! Với ông hương sư Thái và lão Hương Tọ làm thầy; không hiểu rồi đất quê ta sẽ từ màu hồng biến sang màu gì nữa?

Tôi chợt nảy ra một ý định rõ rệt. Tôi chạy lại gần một chiếc cọc đen sì, và lay, và đẩy. Phải nhổ cái đinh găm ghieác ấy đi!

Một bàn tay hộ pháp chột nắm lấy tay tôi và vặn ngoéo ra sau lưng. Tiếng Tí giò cười khinh khích:

- Đừng có đùa! Ông định nhổ nó đi sao? Nhổ nó ư? Hết pháp trường, ta sẽ đi đâu?

- Bác Tí giò đây ư? Bác là hồn ma lang thang. Bác thêm sự nghỉ ngơi. Vậy thì hãy đến một khu rừng yên tĩnh. Nước ta thiếu gì những vạt rừng đẹp đẽ, ở đó là sự bằng an...

- Không! Nơi ta ở chính là miếng đất màu đỏ và chiếc cọc đen sì này. Đi khỏi nơi đây, Tí giò sẽ chẳng còn là Tí giò nữa.

Tôi điên lên tức giận:

- Sao mà ngu muội! Hãy nhổ chiếc cọc tang tóc này đi.

Tôi vật lộn, định thoát khỏi bàn tay hộ pháp, nhưng Tí giò đã kéo lưng tôi áp sát vào chiếc cột, và quặt hai cánh tay tôi ra phía sau. Hắn cười hềnh hếch:

- Này! Thử ném mùi chiếc lạt tre của tớ xem sao. Đã lâu tớ chẳng được trói ai. Nhớ quá.

Chiếc lạt mềm đã thoăn thoắt quấn vào cổ tay tôi. Tôi tức giận điên cuồng, lòng lộn giằng xé. Tí giò càng cười to:

- Cứ thử rầy rụa thật khỏe, xem tài nghệ trói buộc của tớ ra sao. Nào... nào... thở à?... Một rồi hả?... Nào, cố lên! Cố lên... Đờ ra à?... Hàng chưa?... Hàng thì tớ cởi trói cho...

Tôi lợm giọng, nhìn lão Tí giò nhảy múa, hí hửng trước mặt tôi. Mắt Tí giò long lanh. Tay Tí hươ

huơ con dao lá lúa, mà vờn mà doạ. Tôi khinh bỉ nhìn bộ mặt kì quái ấy. Và tôi nhỏ toẹt. Tí giò lấy tay vuốt mặt, rồi gằm lên.

- A! Tên lão xược.

Và hấn vung con dao lá lúa đâm thẳng vào trái tim tôi. Tôi thét to, và ngất lịm...

IV. Cực Thiên Thai

Cuộc viễn du vào tương lai

Cơn hoảng nộ bệnh tật dẫn tôi từ xứ Quái đến xứ Đợi Chờ, từ nỗi mong nóng bỏng của tôi bay sang Bãi Chết, ở đó tim tôi bị đâm thủng.

Tôi nằm lặng trong tối đêm mê sáng. Hoảng nộ ghé tai tôi hứa hẹn sẽ cho tôi du hành khắp vương quốc tối mò, đi tìm những gã khổng lồ mù loà, cầm điếu, có sức mạnh lay chuyển địa cầu, chỉ một vẫy tay đã xây nên ngàn vạn lâu đài, rồi lại một cái vẫy cờ đen làm thế gian điên đảo.

Một nỗi nhớ màu đen, một cơn thèm những miền bóng tối, một u hoài nguyên thủy, một hành trình trở về cội nguồn.

Mẹ ơi! Con muốn khóc, vì hình như có bàn tay mẹ âu yếm. Con thu hình bé bỏng, nước mắt cứ tuôn và lòng bỗng vui nhẹ.

Tiếng ả ời của mẹ ta, hay tiếng gọi buồn xứ chết? Chưa đâu! Mẹ chưa gọi con về. Phải đi cho hết đã. Phải đến bến bờ nào xa lạ nhất. Hãy đến mà tự nghiệm, mà sống cho đến tận cùng của những xung động thần kinh. Ta cho con du hành tới một xứ sở hoang đường cổ tích. Cho con du hành tới tương lai. Đó là xứ sở đẹp nhất, cực lạc nhất mà ta tạm gọi là Cực Thiên Thai. Từ dày đặc sương mù hỗn mang, chiếc máy bay kì lạ đã dẫn tôi đến một vùng ánh sáng rực rỡ có đủ sắc cầu vồng: xứ Cực Thiên Thai.

Cánh cửa đột nhiên toang mở.

Ánh sáng hồng hào ào vào bóng tối. Chói loà, đây là cảm giác đầu tiên về xứ Thiên Thai.

Tiếng hát, tiếng đàn, tiếng cười vang lên. Và một tiếng loa dứt khoát như một tuyên ngôn.

“Ở đây, chỉ có tiếng cười!”

Thật mâu thuẫn. ở cái xứ sương mù mà tôi đã qua, (ảo mộng này đã bị xoá trong trí nhớ), cô bé ưu phiền đã trách cứ tôi vì không còn nước mắt; thì ở đây nước mắt lại là tội lỗi. Tiếng loa không nói tuốt ra điều ấy; bởi vì tôi là một màng cảm xúc cực kì nhạy; bởi vì sắc điệu của tiếng loa thật là nghiêm nghị, nó như vẻ mặt của ông thầy tu đang rao giảng, có lúc nó như cái giọng khắc khổ của ông thầy giáo; và có thể nói nó như khuôn mặt lạnh băng của viên chánh án.

Bên trong tôi, chợt một tiếng thầm vang lên chinh đồn: “Chớ vội vã, hãy mở lòng, hãy giang rộng cánh tay ra để đón nhận những điều kì diệu mà con người chưa từng thấy từ trước tới nay”.

Mắt tôi đã quen dần cùng ánh sáng.

Thì ra tôi đang đứng giữa một sân ga. Một chiếc máy bay kì lạ nào đó đã mang tôi đến xứ Thiên Thai. Ngàn vạn ngọn đèn đủ màu sắc đang nhấp nháy chào đón. Cô phát thanh hướng dẫn khách du lịch bằng một giọng ngọt ngào mời mọc:

- Xin mời quý khách biết nói tiếng Anh đến trước cửa lầu đài có chiếc đèn màu đen.

Tôi ngần người: “Lại có ánh sáng màu đen sao?”. Khoa học không công nhận màu đen. Qua

lăng kính phân tích ánh sáng không thấy màu đen trong sắc cầu vồng. Nhưng, trên thực tiễn, nó vẫn tồn tại.

Kìa! Trên sân ga Thiên Thai, cái màu đen đang tỏa sáng. Đó là viên ngọc màu đen, hoặc một viên kim cương đen khổng lồ phát sáng. Khi cô phát thanh dứt lời, thì đột nhiên ở một toà lầu đài giữa sân ga, một viên ngọc đen to như cái chum, trụ chót vót trên một cột cao ở đỉnh lầu đài, chợt khởi sáng. Mới đầu, nó rực lên lung linh, sau đó nó tỏa ra một vàng hào quang càng ngày càng mạnh, cuối cùng ta cảm giác như nó đang bắn ra muôn vàn những tia sáng màu đen. Thật kì dị! Những tia vừa đen vừa chói sáng.

Quang cảnh sân ga thật hoang đường. Màu đen chợt ôm trùm cảnh vật... Những ngôi nhà khoác áo đen, những con người khoác áo đen. Quái lạ chưa! Đen thế mà vẫn thấy mặt nhau; những khuôn mặt đột nhiên biến vẻ. Những hàm răng! Chỉ riêng răng là không nhuốm màu đen. Không hiểu có một phản ứng nào đó nên ánh sáng đen không bắt được vào hàm răng. Vì thế cho nên giữa một không gian màu đen, những hàm răng chợt được tăng hết độ trắng. Trắng nhợt... trắng phau... trắng bóng... trắng toát... Bên cạnh tôi, một người chợt phá lên cười. Trông hàm răng nhọn của anh ta sao mà đáng sợ. Nhìn hàm răng ấy tôi cũng bật cười theo. Và tôi chợt hiểu, xứ Thiên Thai đã sử dụng những kĩ thuật đặc biệt của mình, để bắt du khách mới đặt chân tới phải phát ngay ra tiếng cười đồng loạt cùng với họ Tôi liếc mắt nhìn

chung quanh. Mọi người đều đang cười. Những hàm răng đều nhe ra hết. Nhìn những hàm răng ấy, đột nhiên tiếng cười trong tôi tắt ngấm. Tôi nhìn ra xa... Trông chiếc máy bay đậu trên đường băng sao giống hình con quạ. Cô gái Thụy Điển tóc bạch kim chợt biến hình như một bà già.

Những tia sáng đen được gia tăng hết cường độ. Bầu trời loé đen. Đó là một trận bắn pháo hoa màu đen. Những chùm hoa đen rơi từ trên trời xuống, gây cho ta cảm giác lo lắng nhưng vô cùng hấp dẫn. Thần kinh ta căng lên mỗi khi cảm thấy những chùm hoa đen kia như một tấm lưới đang chụp lên đầu ta. Tôi chợt nghĩ tới một câu, mà hình như tôi đã đọc được ở đâu đây:

“Màu đen là màu sáng nhất. Màu đen cũng là màu hấp dẫn nhất.”

Lẽ dĩ nhiên, khách sạn của những người biết nói tiếng Nga phải được trang điểm bằng ngọn đèn đỏ, ngôi sao đỏ. Những phát thần công nổ rung trời. Những chùm pháo hoa đỏ đan chen vào những chùm hoa đen. Ánh sáng của chúng tưới lên mặt người, tranh nhau lúc đỏ, lúc đen, làm những khuôn mặt biến hình liên tục: lúc hồng, lúc đen nhờ, lúc đỏ chói, lúc đỏ bầm, lúc màu hoa hiên, lúc đen như chôn chảo ... Những hàm răng trắng nhợt lúc trước, khi gặp màu đỏ hàm răng mờ đi, khi gặp màu đen cảm giác như chúng lại nhe ra. Cảm giác gây cười lúc trước đã hết, lúc này còn đọng lại trong ta là sự sợ hãi.

Rồi bầu trời chợt như được rạch làm đôi: một bên là ánh kim cương, một bên là hùng hực lửa cháy. ở đường ráp ranh ngoằn ngoèo một con rồng đỏ và một con rắn đen. Chợt dâng lên cảm giác như một cuộc hiến máu thời nguyên thủy. Những Gogol, Tolstoi, Dos mặc áo đạo sĩ đang giang tay rộng, ngửa mặt lên trời mà cầu khẩn:

- Ôi Thượng đế! Phải chăng cần rửa bằng máu mới sạch được những tội lỗi của thế gian này? Mới xây dựng lại được thế gian này?

Tôi choáng váng như người vừa uống xong một ly rượu ma quái. Thần kinh vẫn còn rung như sợi tơ đàn. Tôi chệnh choạng bước về ngôi nhà khách Việt Nam mà ngọn đèn hiệu là quả tên lửa màu da cam. Đất quê tôi đã hứng đựng quá nhiều bom đạn, đến nỗi sắc màu chiến tranh còn dư đọng trên ngọn đèn hồng. Ôi! Màu da cam tên lửa! Cội nguồn của ung thư, gốc rễ của những đứa con quái thai...

Mệt quá vì một cuốn phim ứ màu sắc. Căng thẳng quá vì một cuộc chiến tranh màu sắc. Ôi! Đen đen, đỏ đỏ, tím tím, vàng vàng, mà làm chi!

Tôi khát, tôi khát... Tôi thèm một dòng suối ... Tôi thèm một cánh cò... Tôi thèm một màu xanh biển lúa...

Tôi vào căn nhà khách, nằm lăn ra nền, và đánh một giấc ngủ dài lại sức.

Tôi tỉnh dậy đã thấy một cô gái xinh đẹp đang ngồi chờ ở ghế sa lông. Cô vui vẻ:

- Chào ông Hoàng. Ông ngủ một giấc ngon chứ?

- Cô là ai? – Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Em tên là Mi. Em là phục vụ viên, hướng dẫn viên du lịch, và kiêm cả việc phiên dịch nữa. Chắc là ông cần đến em.

Lẽ dĩ nhiên, tôi phải cần đến sự giúp đỡ của cô gái xinh đẹp kia. Chúng tôi làm thân với nhau rất nhanh chóng.

Theo Mi, tôi được biết mình đang ở trên một xứ sở kỳ lạ, một nơi ở đó người ta đang thực hiện những mơ ước tốt đẹp nhất của loài người. Tôi gọi xứ này là Cự – Thiên – Thai, còn nhân dân ở đây gọi nó là Xứ – Không – Nước – Mắt; bởi vì không một con người nào của xứ này biết khóc. Mi hỏi tôi rất ngây thơ:

- Nước mắt nó thế nào hử ông?

Tôi trả lời:

- Nó như những giọt sương, những giọt ngọc mà đêm buồn đã đánh rơi trên lá cỏ.

- Thế... sương là gì?

Tôi chợt ngó người ra. Mới đầu, tôi tưởng cô ta đùa bỡn vì cách trả lời của tôi có chút cầu kỳ kiêu cách; nhưng nhìn đôi mắt rất thành thật của Mi, tôi mới hiểu cô không đùa mà vì cô không biết thật. Tôi vô cùng ngạc nhiên vì một cô gái xinh đẹp nhường kia lại không biết mặt những giọt sương. Chẳng lẽ nào cô không có một chút thơ thần trong cuộc đời, một chút băng khuâng về tình yêu chẳng hạn; tôi biết vào những giờ phút đó, những cô gái thường

một mình đi ngắm cảnh chiều, hoặc vợ vẫn bên một cánh hoa hồng ngâm sương mai. Sau tôi mới vỡ lẽ ra một điều: Xứ – Không – Nước – Mất là một xứ cực kỳ khoa học. Cả đất nước này là một gian phòng điều hoà nhiệt độ khổng lồ. ở đây không có những khái niệm: tuyết, rét, nóng, bão... ở đây chỉ có mùa xuân. Mưa theo ý muốn. Nắng theo ý muốn. Gió theo ý muốn... Lẽ dĩ nhiên, các nhà bác học có thể tạo ra sương sớm, tạo ra những giọt ngọc thiên nhiên; nhưng có lẽ những giọt sương ấy quá ư là phù phiếm, và cũng có lẽ chúng thuộc về phạm trù gọi buồn, nên người ta đã quyết định không tạo ra chúng.

Chính vì lẽ đó nên tôi đã mất cả tiếng đồng hồ để giải thích, để miêu tả và để làm trực quan cho cô Mi hiểu. Tôi lấy một ống pi – pét hút nước lên, rồi khéo léo để rơi một giọt nước nhỏ lóng lánh, cho nó nằm đậu trên một cánh hồng nhung. Tôi nói:

- Em hãy tưởng tượng có một chàng trai yêu em, rồi một hôm nào đó, anh ta lại đi với một cô gái khác; chắc chắn em sẽ "buồn"... à, xin lỗi... em sẽ băng khuâng. (Tôi phải vội vã chữa lại cách nói, vì cô gái mới cho tôi biết, ở đây không một người dân nào được phép nói đến chữ buồn, vì đó là một chữ phạm huý)

Cô Mi chột phá lên cười:

- Ông uỷ mị quá. ở xứ này, các cô gái không bao giờ băng khuâng như thế. Bởi vì mất chàng trai A21 này, ta lại có chàng trai A21 khác.

Đến lượt tôi trở nên ngớ ngẩn. Tôi hỏi:

- Cô nói A21 là thế nào? Tôi chẳng hiểu.

Cô gái giải thích:

- Ở đây, các nhà bác học có thể tạo ra những con người theo đơn đặt hàng. Ví dụ, em thích có một đứa con tóc đen, mắt xanh mũi dọc dừa, hát hay và có năng khiếu về cơ khí. Như vậy em sẽ đến viện sinh đẻ, đưa ra yêu cầu đó. Các nhà bác học sẽ tra bảng tìm xem yêu cầu đó thuộc về mẫu gì? Con của em như thế thuộc về mẫu X.1003. Người ta sẽ ra ngân hàng nhân chủng tìm về một loại tinh trùng nào đó và một loại trứng nào đó. Mẫu trứng ấy và tinh trùng ấy sẽ gặp nhau trong ống nghiệm. Sau khi mẫu trứng được thụ tinh, người ta sẽ đem nó cấy vào tử cung của em; và em sẽ có một đứa con hoàn toàn theo ý muốn. Và để tránh những bi lụy không cần thiết, bao giờ người ta cũng tạo người theo cặp. Bên cạnh chàng A21 thông thường vẫn có một chàng A21'. Ngoài ra, ở viện sinh đẻ người ta còn lưu trữ hồ sơ về dòng A21; có thể có A21k, A21n, A21i ... những con người này sẽ hao hao như nhau, có thể họ khác nhau về màu mắt, độ cao, hoặc một sở thích nào đó; và như thế em lại có thể tìm một chàng A21 nào đó theo ý em.

Nghe Mi nói, tôi ngạc nhiên đến đờ đẫn:

- Cô nói thế có nghĩa là có thể đẻ ra được một họa sĩ tóc vàng, cao 1,75m hoặc một nhà toán học mũi cà chua lại biết vẽ, tùy theo com măng?

- Chứ sao! Cô gái cười ròn - Ông sẽ còn được tận mắt xem những điều kỳ lạ khác. Ông cần ghi nhớ: xứ sở này là xứ cổ tích, xứ của huyền thoại, vì

ở đây người ta có thể làm ra những điều chỉ xảy ra trong chuyện cổ tích.

Ngày nọ, rồi ngày kia... tôi đã lạc vào một xứ mơ. Tôi ngơ ngác lạc vào một khu rừng táo đen; tôi lạ lẫm trước một đàn ngỗng vàng; tôi sửng sốt trước những con bò khổng lồ màu trắng; tôi ngạc nhiên trước những con lợn nặng hàng tấn, chỉ biết nằm mà ăn chứ không biết đứng; tôi ngây ngất trong một biển lúa mênh mông chạy đến tận chân trời. Của cải ê hề đầy rẫy.

Hôm nay, cô Mi dẫn tôi đến thăm một xưởng máy. Cô gái nói:

- Ở nước Mỹ, người ta đã trải qua những giai đoạn: quản lí xí nghiệp bằng dây chuyền, rồi quản lí bằng tâm lí học. Ở đây, chúng tôi quản lí xí nghiệp bằng sinh học, bằng hoá học, bằng vật lý học...

Đây là một xí nghiệp cơ khí. Tôi đến phân xưởng máy tiện. Hơn một nghìn chiếc máy cùng chạy một lúc. Công nhân làm việc bằng bấm nút tự động. Chỉ nghe tiếng máy rít, không một tiếng người. Họ nói chuyện với nhau bằng tín hiệu ngón tay, tín hiệu của người câm.

Thấy chúng tôi vào, họ gật đầu chào. Tôi dừng chân, hỏi chuyện với một cô thợ. Cô ta chỉ lắc đầu, rồi cười. Mi kéo tay tôi:

- Ông đừng hỏi. Họ không nói được đâu.

Tôi ngạc nhiên đến cực độ:

- Cô bảo sao? Tất cả những người này đều câm?

Mi kéo tôi ra đến sân mới giải thích:

- Tôi đã nói trước với ông rồi. Ở xứ tôi người ta quản lý bằng sinh học, hoá học, vật lý học...

Tôi chợt hiểu. Tôi nói bằng một giọng bức bối:

- Nghĩa là các người đã cho họ uống một loại thuốc hoá học để bắt họ câm, để cho họ chẳng còn nói được nữa?

- Ông chỉ mới hiểu một chút xiu. Trông ông có vẻ phần nộ. Có gì đáng phần nộ đâu. Câm ở đây là câm có thời hạn. Buổi sáng đến xưởng, công nhân được uống thuốc để tăng lực, đồng thời để mất tiếng nói trong vòng bốn tiếng đồng hồ (ở đây, một ngày chỉ làm việc bốn tiếng). Sau bốn tiếng, con người lại nói năng như thường. Đây là sáng kiến vĩ đại của giáo sư tiến sĩ hoá học Z5. Ta biết rằng khi nói chuyện với nhau, con người sẽ mất thời gian, sẽ tiêu hao năng lượng một cách phí phạm, sẽ làm cho óc bị phân tán không tập trung vào lao động, và gây ra nhiều giờ chết. Sáng kiến của tiến sĩ Z5 từ khi ra đời đã làm năng xuất của toàn xứ sở tăng 50%.

Tôi đi từ bàn hoàng này đến bàn hoàng khác. Qua câu chuyện, Mi còn lộ cho tôi biết ở đây người ta còn dùng cả hóa học vào pháp luật. Ví dụ ăn cắp từ một đến mười đồng thì phải phạt câm trong một tháng; uống rượu say, phải phạt câm nửa năm; gây gỗ đánh nhau, phải phạt liệt chân trong một tháng; buồn rầu bị phạt mù tạm thời từ một tháng đến ba năm.

- Trời ơi! – Tôi kêu lên – Buồn rầu mà bị trừng phạt nặng nề đến thế sao?

- Buồn rầu là một tình cảm sa đoạ, nó chỉ thuộc về những chế độ thối nát xa xưa. Ở đây, cơm ăn thừa mứa, quần áo anh mặc quá dư dật; tiện nghi quá đầy đủ... Sinh hoạt trai gái tùy anh lựa chọn... Vậy thì, tại sao anh buồn? Người nào buồn, kẻ ấy là sâu mọt của xã hội.

Thấy cô gái đang quá ư hùng hồn, tâm thế đang ở trong một trạng thái phấn khích, tôi biết mình đã động chạm đến một điểm nhạy cảm nhất. Có thể đó là một điểm huỷ kỵ của xứ sở, vì vậy tôi vội lãng sang chuyện khác. Tôi hỏi sang chuyện hôn nhân gia đình vì chắc đó là đề tài lý thú. Quả nhiên, cô gái chột vui vẻ hẳn lên:

- Ở đây, chúng tôi lấy nhau hoàn toàn tự do. Sinh hoạt trai gái đã trở nên một sinh hoạt hoàn toàn vui thú. Kinh tế không dính líu vào quan hệ nam nữ. Bởi vì kinh tế được đồng loạt hoá, không ai giàu nghèo hơn nhau. Gia đình cũng thay đổi tận cội rễ. Gia đình cũ gồm hai vợ chồng và con cái nay bị phá bỏ, bởi lẽ, chính vì người ta quá chăm lo đến gia đình tế bào, nên con người sinh ra tư hữu, chỉ biết bo bo làm giàu cho gia đình, từ đó gây ra bao rối loạn xã hội. Bây giờ, chúng tôi có những đại gia đình, gồm nhiều ông bà, nhiều vợ chồng, nhiều con cái cùng sống chung với nhau. Chắc ông sẽ hỏi tôi về vấn đề con cái? Xin trả lời: sự giao cấu tự nhiên, thụ thai tự nhiên chỉ đẻ ra những đứa con ồm ồm, quái gở. Vấn đề sinh đẻ thuộc về kế hoạch nhà nước, một kế hoạch có tầm số một. Công dân có quyền lợi và nghĩa vụ cần phải thực hiện kế hoạch ấy. Ví dụ, nhà

nước năm nay cần đẻ thêm mười nghìn dân, trong đó, chín nghìn công nhân, mười nhà bác học, chín trăm kỹ sư và chín mươi người làm nghệ thuật các loại. Những người đàn bà phải đến viện sinh đẻ nơi mình ở để đăng kí thực hiện nghĩa vụ sinh đẻ. Tiêu chuẩn mỗi phụ nữ phải đẻ từ một đến ba đứa con, tùy theo từng người. Người ta sẽ căn cứ vào những dữ liệu khoa học nhất để cấy vào tử cung người đàn bà một chiếc trứng đã được thụ tinh và xử lý gien theo ý muốn. Như vậy, trẻ con sinh ra ngày càng khoẻ mạnh, bởi vì trứng thụ tinh là do một trại giống đảm nhiệm, trứng và tinh trùng đã được chọn lọc rất tinh vi. Có những người đàn bà và đàn ông siêu đẳng về một mặt nào đó, thường hàng tháng phải đến cung cấp trứng và tinh trùng cho trại giống nhân chủng. ở trại giống K1 của chúng tôi, có đủ các loại trứng đã thụ tinh lại có một Phòng xử lý gien siêu hạng. Trứng đẻ ra các nhà bác học, trứng đẻ ra các công nhân cực khoẻ, trứng những cô danh ca siêu đẳng.

Lời giới thiệu của cô Mi làm tôi ngây người. Cảm giác kinh ngạc và lo lắng đồng thời cùng đến. Ở đây, người ta đương làm thượng đế. ở đây người ta đang loại trừ tự nhiên. Ở đây người ta đang quá táo bạo và quá lạc quan. Ở đây chất xám đang bị chương trình hoá.

Sự thần kỳ thường làm con người ngây ngất kính phục. Sự thần kỳ chiếm đoạt ta, tước bỏ của ta ý thức về tự do. Trước thần kỳ, con người mất lựa chọn; thái độ thường hằng là quỳ xuống, chấp nhận nô lệ. Tôi không ghét sự thần kỳ dưới góc độ khoa

học, mà ghét nó dưới góc độ nhân vị. Thần kỳ càng thêm thần kỳ khi nó mang chiếc áo bào sắc sỡ khoa học. Sức mạnh bức đoạt của nó sẽ nhân gấp ngàn lần vì nó nhân danh cái lý.

Những ý nghĩ đó dần dần nhen nhóm trong tôi; mới đầu chỉ là những tia lửa ghen ghét. Tôi ghen với khoa học. Khoa học mà hơn hẳn tự nhiên sao? Mà ở xứ này khoa học hơn hẳn tự nhiên thật. Ở đây có bàn tay phù thủy. Người ta đang cấy một thứ mang cá vào con người; xứ Không – Nước – Mất định dần dần cho phép người dân của mình có thể sống được cả ở trên cạn và cả ở dưới nước. Người ta định xây những thành phố dưới biển, và người dân có thể thở bằng mang cá ở lâu đài đáy biển.

Nghệ thuật ở xứ này cũng có thể nói là thần kỳ hay kỳ dị. Người ta cũng đã hoá học hoá và vật lý hoá sân khấu. Xứ Cự – Thiên – Thai chỉ biểu diễn hài kịch. Ở đây những nghệ sĩ hề là những ông hoàng bà chúa. Trong nhà hát, người ta bơm một chút hơi nào đó để kích thích trung tâm gây cười của khán giả. Tôi đã tận mắt chứng kiến một chợ cười: cười nụ, cười duyên, cười hoác, cười hô hố, cười hì, cười gié, cười hỏn hển, cười ôm đầu, cười giang tay, cười ôm bụng, cười nhảy cẫng, cười cầu xé, cười lăn đùng ngã ngửa... chỉ còn thiếu cười ra nước mắt.

Tôi nôn nao vì chợ cười, tôi ngạt thở vì tiếng cười. Rồi tôi buồn nôn. Và đêm về tôi khóc. Tôi khóc một mình. Khóc thương cho tiếng cười. Tôi chợt hiểu ra một điều: may thay tôi còn tiếng khóc. Qua chợ cười đêm đó, tôi hiểu hành lý con người ở

đây quá nghèo. Cuộc sống con người gồm có tiếng khóc – câu cười. Người ta đã cướp đi của họ cái nửa phần phong phú nhất: tiếng khóc. Và tôi thông cảm với sự khốn cùng của họ...

Đã nhiều buổi chiều, tôi bắt gặp những con người đủ loại ngồi thừ trong ghế bành, ngồi chung hững ở bao lơn, ngồi thảm hại trong những xó góc. Họ ngồi đấy với những con mắt ráo hoảnh khô cạn. Người ta đã ăn cắp mất của họ những giọt nước mắt ... Khi đưa trẻ sơ sinh ra đời, người bác sĩ đã nhỏ vào mắt nó một giọt thuốc quỉ để làm teo tóp đi tuyến lệ, cái tuyến nhỏ bé nhưng nhân đạo đã tạo ra những giọt nước mắt làm vui nhẹ lòng người. Càng nghĩ một tình cảm vừa day dứt vừa phần nộ càng lớn nở trong tôi.

Tôi phản ứng bằng cách nằm dài trong buồng, kêu khó ở, để khỏi phải đi tham quan. Khoa học ư? Những trò phù thủy của những ông thầy mo hiện đại làm tôi chán phè. Thương thay những nhà khoa học ngây dại, họ không hiểu điều gì cũng phải có giới hạn. Khoa học cũng phải biết ngập ngừng trước ngưỡng cửa của cuộc sống; bởi vì chạm vào sự sống thiêng liêng, khoa học sẽ trở thành đồ tể, nó sẽ phản bội con người.

Tôi rất ngạc nhiên khi chiều hôm đó cô Mi đến cáo biệt:

- Bây giờ, ông có thể tham quan một mình, bởi vì ông đã có một vốn từ vựng tạm đủ, để có thể tự giao thiệp với mọi người xứ này.

- Còn cô, cô đi đâu?

- Em phải đi làm một công việc mới.

Tôi cười mỉm:

- Chính quyền ở đây đã tin tôi rồi hay sao? Tôi đã được phép có quyền một mình đi lại ở xứ sở này?

Cô gái tàn nhẫn một cách tự nhiên:

- Ông hàm ý đến việc theo dõi ông ư? Nói thực, chúng tôi ở đây chẳng ai tin ai. Ai cũng là người theo dõi kẻ khác, đồng thời là người bị theo dõi. Nhưng may thay cơ quan mật vụ ở đây đã sản xuất ra được những viên gạch thám tử. Đó là những viên gạch điện tử có khả năng thu phát, và biết ghi cả tiếng nói, cả hình ảnh. Những viên gạch điện tử ấy được xây lẫn vào những viên gạch bình thường khác. Do đó, bất cứ ở đâu cũng có những con mắt, những chiếc tai để nhìn để nghe những điều cần tìm hiểu.

Không biết những lời nói ấy của Mi có phải là một đe dọa, hay đơn thuần chỉ là những thuyết minh cho khách du lịch của một cô hướng dẫn viên xinh đẹp có nụ cười mê hồn.

Mi đã đi một hôm rồi. Tôi vẫn nằm dài lặng lẽ và nghĩ lung mung.

Chao ơi là buồn! Buồn thăm thẳm, dài dặc. Phải chăng nỗi buồn của kẻ xa nhà? Có phải nỗi buồn này sinh ra từ sự đối nghịch giữa những thói quen thường nhật và những tập tục xa lạ ở đây? Không phải. Vậy thì có thể là nỗi buồn khát vọng, ước muốn không được thoả mãn? Cũng chẳng phải. Bởi vì tôi làm gì có thêm muốn ở xứ sở xa lạ này. Vậy, chắc là những nỗi buồn đen cư ngụ bơ vơ ở

những miền hoang sơ mù tịt của tâm hồn. Đen nhưng thật ra là trắng; mù mịt nhưng thật ra là cội nguồn; sức hoang của nó thêm những cuộc hành hương về những ngôi đền nguyên thủy.

Nỗi buồn đen cư ngụ thường hằng ở những đáy thăm mọi người. Nó ngủ dài, ngủ dài... hầu như chẳng bao giờ biết thức, chỉ thỉnh thoảng mới u ơ cựa mình, gây cho ta những buồn tênh. Rồi một ngày nào đó, sau khi ta đã nếm trải đủ ngọt, bùi, cay, đắng; chợt một chiều tàn, tai ta nghe tiếng ngâm nga của chuông chiều; hoặc hồn ta ớn lạnh khi nghe tiếng khóc của một đứa trẻ thơ; hoặc tia nhìn của ta bỗng gặp một vũng máu, một thân người; hoặc có khi sống mòn mỏi trong cái thường nhật nhàm chán, ngây ngô, và bỗng một lúc nào đó ta chợt nhìn thấy một chiếc lá bay... và chỉ cần một chút xiu thế thôi, bỗng nhiên nỗi buồn đen thức dậy. Nó như người không lồ vô hình lay động tâm hồn ta bằng những lời thì thầm, tra hỏi đêm ngày. Nó tra hỏi về sự sống, cái chết, cái ý nghĩa về ta và về mọi người. Anh hành trình từ đâu đến và sẽ đến đâu?... Nỗi buồn đen đến với ta, một đôi khi có thể là hồi chuông nguyện, vì qua nó ta chợt bắt gặp cái Ta đích thực, và chợt thấy cái màn nhờ nhờ, chán phè, vô vị của cuộc sống. Nhưng, cũng có khi, nỗi buồn đen là tiếng chuông thức tỉnh. Con người chợt hiểu ngôi vị của cá nhân mình trong vũ trụ; và kỳ lạ thay, những sắc màu muôn vẻ của thế giới bỗng bộc lộ ra chân tướng. Nỗi buồn đen lúc ấy sẽ là bánh xe lăn cho

con người hành trình trên con đường gập ghềnh của cuộc sống.

Cuộc đối diện của tôi với Buồn Đen chưa dứt. Hãy còn cái hương vị dư đọng thoang thoảng của nó, thơm như mùi hương lan, hương ngâu. Tôi tự cười mỉm: “Ô hay, nỗi buồn cũng mang hương”. Tôi vẫn lim dim hưởng cho hết khoái cảm của hương buồn. Chợt có tiếng ai nhè nhẹ:

- Thế là ông đã mỉm cười rồi.

Tôi giật mình. Một tiếng đàn bà.

- Ai đấy?

- Em đây. Mi đây.

Tôi ngồi dậy, thấy Mi đang lặng lẽ đứng bên giường. Tôi vui vẻ:

- Cô xong việc sớm thế? Cô đã về rồi sao?

- Đâu có, việc của em còn dài.

- Thế, sao cô tới?

Mi cười:

- Kỳ lạ thật! Em cảm thấy hình như đã quen ông từ lâu.

Tôi ngạc nhiên vì cô gái đã nhắc cho tôi thức dậy một cảm giác tương tự. Tôi lại cười:

- Có thể quen nhau từ một tiền kiếp nào đó cũng nên.

Mi ngồi xuống, quay đi và nói nhỏ:

- Kỳ lạ thật! Em bỗng thấy nhớ ông.

- Nhớ tôi?

- Vâng!... Vì ông... kỳ lạ quá... Ông khác người ta ở đây.

- Tôi có điều gì khác?

- Khác vì ông ít cười. Khác vì ông lặng lẽ. Khác vì ông nói những điều mà em cảm thấy, nhưng em chưa nghe thấy bao giờ...

Tôi tiếp lời Mi:

- Khác vì tôi biết buồn.

Mi chợt giơ tay bịt miệng tôi lại, rồi thì thầm sợ hãi:

- Em van ông, van ông đừng buồn. Và chớ có nói điều đó ở đây. Vì nói ra, chỉ có hại cho ông... và cho cả em nữa.

- Cho cô? – Tôi ngạc nhiên, nhưng nhìn bộ mặt lo âu khổ sở của cô gái, tôi bỗng chợt hiểu. Và tôi im lặng ngay.

Quyền năng của người đàn bà thật to lớn. Người đàn bà có thể biến thiên đường thành địa ngục, và đảo lại địa ngục thành thiên đường. Sau lúc Mi đến, nỗi buồn trong tôi tan biến ngay. Tôi như vẫn còn nghe thấy âm điệu ngọt ngào của cô gái: "Em van ông... van ông đừng buồn..."

Câu nói đơn giản ấy cứ theo tôi đi trên đường phố của xứ Vui. Đã mấy hôm rồi, hôm nay tôi mới gặp mặt phố phường. Nhìn người đi nhộn nhịp, tôi chợt hiểu rõ mối quan hệ mâu thuẫn rằng rịt giữa cái vui và cái buồn. Buồn càng sâu đậm, thì vui càng náo nức. Cái buồn làm ta trở thành người, nhưng có nỗi vui, con người sẽ trọn vẹn. Tôi bỗng cảm ơn sự vui sống mà cô gái vừa ban cho tôi bằng một câu nói quá ư đơn giản: "Em van ông... van ông đừng buồn ...".

Có tiếng ai gọi phía sau lưng

- Hoàng! Hoàng ơi!

Tôi quay lại. Một người đứng tuổi, râu ria xồm xoàm, tóc dài đến lưng, quần áo giản dị, đứng nhìn tôi bằng đôi mắt lóng lánh sự vui. Quen quá! Quái lạ! Sao bộ mặt quen đến thế?

- Không nhận được ra sao? – Bộ mặt xồm xoàm kia hỏi lại. Và nghe giọng nói ấy, tôi bỗng nhận ra ngay.

- Kìa! Tám! Anh Tám gàn!

- Khẽ chứ – Bộ mặt xồm xoàm đảo đi đảo lại, nhìn trước nhìn sau – Không nên để cho họ biết mình.

Tôi sung sướng khoác tay Tám gàn, vừa đi vừa nghĩ: “Thật đúng lúc! Có Tám, mình sẽ thấy hết cô đơn ở xứ sở kỳ quái này. ở xứ phù thủy này, nếu ta chỉ độc thoại, không chừng sẽ hoá điên. Đối thoại là liều thuốc vui nhẹ”.

- Anh đến đây bằng cách nào?

- Đến lậu. Không có giấy nhập cảnh. Tôi là kẻ vượt biên.

- Để làm gì nhỉ?

- Để nghiên cứu. Để truy lùng.

- Truy lùng ai?

- Tội ác.

- Tôi không hiểu.

- Rồi anh sẽ hiểu...

Căn phòng Tám ở là một căn hầm để đồ, một nơi ở của những người gàn dở, một căn phòng của những kẻ thích xa lánh ồn ào. Căn phòng đó bề bộn, nhiều chai lọ, nhiều hoá chất lạ, nhiều dụng cụ cơ

khí, điện, quang, nhiệt... Nhưng, nhiều nhất là những bình thủy tinh, với những nước hoá chất đủ màu: xanh, lam, đỏ, da cam, tím, vàng...

Tôi thốt lên:

- Chỗ ở của anh giống nơi ở của những nhà luyện vàng thời cổ. Còn anh trông giống một phù thủy.

- Có thể đúng.

- Anh đang thực hiện một dự định không tưởng nào chăng?

- Tôi đã thí nghiệm một điều ít ai nghĩ tới. Tôi may mắn lạc vào một kho sách cổ, ở đó tôi đã tìm thấy một bản thảo kỹ thuật kỳ lạ.

- Tôi chán ngấy sự kỳ lạ.

Tám mỉm cười. Anh phân tích ngay phản ứng của tôi:

- Anh chỉ chán ngấy sự kỳ lạ vô nhân. Nhưng đây là sự kỳ lạ bổ ích.

- Anh đang sáng chế cái gì?

- Đúc một thứ gương, một thứ kính đặc biệt. Nhìn qua nó, ta thấy ngay bộ mặt thật của đời.

Tôi cười:

- Tức là anh đã sáng chế ra một loại “chiếu yêu kính” mà các bà tiên, bà phật xưa kia đã dùng nó để bắt bọn yêu ma quỷ quái phải hiện hình.

- Đúng. Nhưng vì kính của tôi chỉ dùng để tìm nhận chân tướng con người, nên tôi đề nghị gọi nó là “chân tướng kính”

- Phải chăng hôm xưa, tôi và anh đã nhìn thấy chiếc kính ấy đeo trên mắt Tchekhov? Chiếc kính không gọng?

- Cũng gần giống. Nhưng chiếc kính của tôi hiền hoà hơn. Nó không dùng để phát lộ chân tướng của những người nhỏ bé với cuộc sống tũn mủn, hoen rỉ, đáng thương. Nó câm lặng, thông cảm với những kiếp người sống dở chết dở, lúc này độc ác, nhưng lúc khác có thể tốt bụng. Nó nhoè nhoà trước tiếng khóc, và biết long lanh trước một nhành hoa. Nhưng, khi chiếu nó vào một kẻ độc ác đích thực, nó biết quắc lên như đôi mắt phẫn nộ, và bắt kẻ kia phải lộ nguyên hình.

- Đúng. Anh là một nhà luyện vàng hiện đại. Nhưng công việc đã tiến hành đến đâu?

- Tạm gọi là xong. – Tám trịnh trọng rút ở túi ra một chiếc kính rất bình thường, trao cho tôi.

Tôi sờ nó, ngắm nó. Chiếc kính trắng hệt như một chiếc kính lão. Tôi thử đeo nó vào mắt. Ô hay! Kỳ dị chưa! Qua chiếc kính, căn phòng của Tám chợt như vui hẳn lên. Những bình thủy tinh đựng nước màu chợt biến thành những chú bé tinh quái, mặt áo sặc sỡ đang toét miệng ra cười. Kia! Những con mắt như đang lấp láy với tôi.

Tám hỏi:

- Anh thấy ra sao?

- Thú vị. Qua chiếc kính của anh, tôi chợt thấy cuộc sống hồng hào lên.

- Nhưng sẽ có lúc nó sẽ cho anh biết thế nào là màu xám ngoét. Tôi có hai chiếc. Tặng anh chiếc ấy.

Nhưng anh nhớ đừng nên lạm dụng nó. Chỉ khi nào thật cần, hãy đeo nó vào mắt. Bởi vì nguyên lý của chiếc kính này là tha thứ. Tha thứ để mà tích trữ năng lượng. Có như thế, khi gặp tội ác ta mới có đủ năng lượng phản nộ. Bởi vì nếu anh luôn luôn phản nộ với những mẩu đời oan trái, thì sợ sẽ có lúc tâm hồn anh bị ảnh hưởng, nhầm chán và sơ cứng lại. Rồi, đến khi gặp một tội ác lớn, trái tim sẽ chùn chân, và anh sẽ là kẻ lặng im tòng phạm.

Sau đó, Tám trầm ngâm nói nhỏ với tôi một điều; mà chắc anh chỉ hé mở:

- Khi du lịch ở xứ này, sẽ có lúc anh phải dùng đến chiếc kính của tôi.

- Đây là Cực – Thiên – Thai, xứ của niềm vui. Nhưng chiếc kính của tôi lại báo hiệu, đề nghị tôi phải nhìn bằng con mắt dè dặt. Chắc anh chưa hiểu rõ xứ này.

Tám dừng lại, uống nước, rồi trầm ngâm kể:

- Người đứng đầu Cực – Thiên – Thai tên là A1, hay còn gọi là công dân số 1. Có thể có bốn công dân B5, hoặc một trăm công dân I6, nhưng chỉ có độc nhất một công dân A1. A1 xây dựng đất nước này trên nền tảng triết học gọi là: chủ nghĩa *cực kinh tế – cực duy lý – cực khoa học*. Với ba ngọn cờ ấy, A1 đã hoàn thành được nhiều thành tựu kỳ lạ trên đất nước này.

- Tôi cũng đã thấy nhiều điều kỳ dị. ở đây, người ta không biết khóc.

Tám chợt có vẻ bồn chồn. Anh đi đi lại lại bên những hàng chai lọ. Rồi anh nói:

- Suốt suốt là món hàng rẻ tiền ngân ngảm. Nhưng không biết khóc ư? Hừ! Nhân loại ở đây rồi sẽ ra sao khi những tuyến nước mắt teo tóp đi một cách điên rồ? Chỉ biết tiếng cười! Thật là một ý nghĩ tốt đẹp. Đời chỉ có hoa và tiếng cười. Ai nghe cũng thấy hay. Nhưng họ quên mất rằng, thiếu nước mắt con người sẽ trở nên hoang dại, điên rồ. Phải nói rằng nước mắt là một ân sủng vĩ đại mà vũ trụ đã dành riêng cho con người. Loài người chỉ tồn tại khi còn nước mắt. Hết nước mắt, hết con người.

Đột nhiên có tiếng gầm lên:

- Câm đi! Đó là một luận điệu phản động của một kẻ cuồng ngôn.

Tôi giật thót khi thấy hai người lạ mặt to lớn đã đứng sừng sững trong phòng Tám từ lúc nào chẳng hay. Đó là hai sĩ quan an ninh của xứ Cực – Thiên – Thai. Họ còng tay chúng tôi lại, rồi giải đi.

Tôi bị nhốt trong một xà lim suốt ba hôm, không ai hỏi han tới. Tôi buồn bã suốt ngày ngồi ôm đầu.

Hôm mới bị bắt, người ta nói rằng tôi đã dính líu vào một vụ gián điệp. Khi nghe vậy, tôi phản đối ngay:

- Gián điệp? Tôi mà là gián điệp sao?
- Đúng. Một loại gián điệp về tư tưởng.
- Các ông lầm to. Tôi chỉ là khách du lịch.
- Anh là khách du lịch giả danh. Còn tên kia là kẻ vượt biên. Nó là một tên gián điệp chính cống.
- Các ông không có bằng chứng.
- Sao lại không?

Viên sĩ quan bấm nút một chiếc máy phát. Cuộn băng ghi âm phát ra rành rọt tiếng nói của Tám:

“Không biết khóc ư? Hừ, nhân loại ở đây rồi sẽ ra sao, khi những tuyến nước mắt đã bị teo tóp đi một cách điên rồ? ...”

Viên sĩ quan tắt máy, rồi tiếp:

- Mới đầu, tôi cũng tưởng các anh chỉ là những kẻ lạc hậu, nhưng khi chúng tôi phát hiện ra các anh đặt máy phản sóng ghi âm và ghi hình để vô hiệu hoá những con mắt điện tử của chúng tôi đã được chăng lưới, thì chúng tôi hiểu nhân dạng đích thực của các anh là những tên gián điệp.

Tôi bào chữa:

- Tôi hoàn toàn không biết điều đó. Và tôi xin thề với các ông rằng, cả anh bạn tôi nữa, anh ta chỉ là một nhà khoa học gàn dở. Sự điên gàn của Tám đã gây ra sự hiểu lầm cho các ông.

- Cả đến việc giả định các anh là những thằng điên, chúng tôi cũng đặt ra. Chúng tôi cũng đã kiểm tra bằng những máy tinh vi để đo những dòng tín hiệu của não các anh phát ra. Để cho những dữ kiện thu thập được hoàn toàn vô tư, chúng tôi đã tiến hành kiểm tra ngấm, không cho các anh biết. Kết quả: máy cho biết rằng các anh hoàn toàn không điên, mà lại là những con người tỉnh táo, thông minh. Vậy, tóm lại, chúng tôi kết luận các anh là gián điệp. Điều đó hoàn toàn chính xác.

Tôi kêu to:

- Xin đừng tin vào máy.

- Vậy, chúng tôi tin vào cái gì? Tin vào những lời nói vu vơ của các anh hay sao? Tội các anh đã quá rõ ràng. Các anh hãy chờ đợi sự trừng phạt.

- Trừng phạt?

- Chiều theo pháp luật, tội gián điệp tư tưởng là phải tẩy não.

Tẩy não ư? Tôi ngồi phịch xuống ghế, run rẩy ôm đầu. Hôm trước, Mi đã kể cho tôi nghe pháp luật của xứ này. Tôi hiểu tẩy não nghĩa là chúng tôi sẽ được tiêm một hoá chất huỷ diệt chức năng tư duy. Nghĩa là, tôi vẫn sống, nhưng tôi không biết suy nghĩ nữa. Nghĩa là, tôi vẫn ăn, vẫn uống, vẫn lao động, nhưng tôi sẽ biến thành một thằng người ngớ ngẩn. Khi ai hỏi, tôi sẽ trả lời bằng một nụ cười rất hiền, nhưng ngây ngô; và người ta sẽ khen tôi: “Thằng này bây giờ khá, nó trở nên dễ chịu, thích hợp”. Nghĩa là tôi sẽ trở nên một cái xác chết biết cử động. Nghĩa là, người ta không muốn tôi chết thực sự, vì lý do kinh tế: Phải vất cho hết cái chất kinh tế trong cơ thể một kẻ tử tù. Nghĩa là, tóm lại, tôi sẽ biến thành một cái máy, chỉ biết lao động cho đến khi tắc thờ.

Hôm nay là ngày tù tội thứ tư ở xứ Vui, xứ Cực – Thiên – Thai. Hình ngục nan đào mà! Anh trốn đâu cho thoát. Đến trong những giấc mơ hoang đường anh cũng bị lưu đây. Tôi chua chát, nghĩ thầm: “Ừ!

Anh bị trị tội ở đây là phải quá. Bởi vì chỉ riêng cái tội anh buồn, không phải ở đây người ta mới trừng trị, trên thế gian còn nhiều nơi trị tội đó. Còn chuyện tẩy não? Rồi mai kia anh sẽ biến thành thằng đàn, thằng ngốc. Ngốc ư? Thì bao giờ anh chả là thằng ngốc. Thiên hạ ai chả ngả theo kẻ mạnh. Còn anh, lúc nào cũng mãi mê suy tư. Cái sự nghĩ nó làm khổ anh. Cục u đấy. Người ta sẽ cắt bỏ cục u hộ anh, giúp anh hành trình nhẹ nhõm. Vậy thì, u uất mà làm gì?”

Những ý nghĩ ngộ nghĩnh ấy cũng chẳng làm tôi khuây nhẹ chút nào. Tôi chột như thấy đau đau trong đầu lâu. Tôi hoảng hốt nghĩ tới những mũi tiêm mà họ có thể trích cho tôi vào ban đêm. Chỉ nhói một cái. Thoảng nhẹ thôi, như một con rệp hoặc một con kiến đốt.

“Ôi chao! Đau quá! Tôi là thằng bị ăn cướp não sọ. Xin các người hãy trả não lại cho ta. Ta có tội tình gì? Ta chỉ muốn nghĩ, chỉ muốn làm con người. “Tôi thét to và bỗng dưng muốn khóc. Nhưng, nước mắt sao chẳng thấy chảy ra. Lại tiếp thêm một nỗi sợ hãi. Hay là... hay là họ đã nhỏ thuốc làm teo tuyến nước mắt của tôi rồi. Điều đó chắc chắn đã xảy ra, vì từ khi đến đây tôi đã mất cảnh giác. Tôi cay đắng, phẫn nộ: “Các người lại ăn cướp nốt cả nước mắt của ta ư?” Tôi gào thật to, và kỳ lạ chưa, trong cơn phẫn nộ nước mắt của tôi bỗng ứa ra ràn rụa. Mừng thay! Tôi sung sướng tiếp đón những giọt nước mặn nồng lăn xuống đôi môi. Tôi liếm láp như một chú

mèo, khoan khoái tận hưởng vị đậm đà, sự vui nhẹ của nó qua miệng và chảy vào máu huyết.

Hôm nay là ngày tù tội thứ năm ở xứ vui, xứ Cực – Thiên – Thai. Tôi ngồi đây, trơ trơ ôm cái đầu lâu nóng bỏng. Những giọt nước mắt mặn nồng vẫn lăn xuống đôi môi thèm khát. Tôi nhớ rõ ràng một đêm nào đó, một bàn tay thơm ngát đã nhẹ nhàng nhỏ vào hai khoé mắt tôi hai giọt thuốc. Hai giọt thuốc mát lạnh làm tôi chợt tỉnh, và trong đêm đen, tôi chợt nhận thấy màu hồng. Thuốc quỷ hay thuốc tiên? Chỉ biết rằng, mỗi buổi chiều về, tôi cứ thấy đôi mi mắt trĩu nặng. Đôi mi mắt phập phồng. Có lẽ những giọt nước mắt bị lưu đầy viền xứ đã hoài hương, chúng lui thui trở về quê nhà, trở về quê Mất, nhưng tầm tức vì không làm trôi ra được. Những giọt nước mắt héo hon vì chẳng được sinh sôi.

Trong vũ trụ, chỉ có hai loài biết khóc. Thứ nhất là loài đêm. Đêm xấu xí nhưng hiền hậu. Ai cũng sợ cái mịt mù của nó, nhưng ai cũng yêu đêm. Mầm sinh sôi nảy ra từ đêm tối. Con tinh trùng gặp trứng từ đêm đen ướt át. Đêm nhỏ những giọt khóc long lanh đôn hậu, rắc những hạt sương ngọc, treo trên cỏ hèn lá úa. Thứ hai là loài người. Chẳng thấy ai tra hỏi gì về cội nguồn của nước mắt con người. Khoa học bảo nước mắt sinh ra từ tuyến lệ. Thật là một sự

nhằm lẫn tai hại. Qua tự nghiệm, tôi đoán chắc rằng nước mắt chảy ra từ đáy thăm tâm hồn. Tôi biết rõ điều ấy, vì bàn tay thơm ngát đêm xưa đã nhỏ thuốc huỷ diệt vào mắt tôi chính là bàn tay cô Mi. Bàn tay run run như ngập ngừng và hối hận. Tôi tha thứ cho cô gái lầm lạc, vì tôi linh cảm rằng nước mắt sẽ trở về với tôi.

Mấy hôm vừa qua, trái tim tôi vẫn phập phồng, nó vẫn thì thầm gọi những giọt nước mặn nồng trở về. Còn đôi mi mắt tôi thì vẫn trĩu nặng rung rung. Tôi đã trải qua bao âu lo, nghi ngờ, sợ hãi... Nhưng đến lúc này, thì nước mắt ảm áp lại từ nguồn thăm trong tôi tuôn ra rào rào.

Bàn tay thơm ngát của Mi đêm xưa run run. Tôi nhớ rõ ràng như vậy, bàn tay ấy đặt lên mặt tôi, vuốt ve, rồi ngập ngừng mãi mãi... sau cùng mới lấy bảy để rơi hai giọt nước xuống. Vì có sự ngập ngừng, lấy bảy ấy, nên tôi hiểu trong tận cùng của trái tim cô, cũng vẫn còn dư đọng một vài giọt nước long lanh. Cũng vì vậy nên tôi tha thứ cho cô.

Hôm nay là ngày tù tội thứ sáu ở xứ Vui, xứ Cực – Thiên – Thai. Tôi run rẩy ôm cái đầu lâu nóng bỏng ngồi chờ chết. Tôi được biết rằng ở đây người ta có cả một kỹ nghệ khổng lồ ứng dụng vật lý học, hoá học, sinh học... vào việc tẩy não.

Có thể người ta tiêm hoá chất để huỷ diệt tư duy. Có thể người ta dùng một dòng điện, kết hợp với một kỹ thuật đặc biệt nào đó, để làm tê liệt một bộ phận của não. Cũng có thể người ta dùng phẫu thuật để cắt bỏ, cấy ghép...

Tư duy bao giờ cũng gắn liền với ngôn ngữ. Như vậy, tôi có thể biến thành một thằng câm. Tôi cay đắng tự nhủ:

“Hoàng ơi! Đáng đời mày lắm! Sao mày lại cầm bút? Sinh ư nghệ, tử ư nghệ. Một nhà văn, một nhà báo lại vừa câm vừa ngốc. Đã thấy thú vị chưa? Mà mày cũng đừng nên oán thán; bởi vì đã có một kỹ nghệ không lồ tẩy não, thì ắt phải có một số đông người bị tẩy não. Vậy là, sẽ có một cộng đồng người bị câm hoá và ngu hoá. Vậy là, đã có một nhân loại bị khoét óc và cắt lưỡi. Mày sẽ không cô đơn. Cái nhân loại thảm thương ấy ít nhất cũng còn những bàn tay, ít nhất cũng còn tiếng bập bẹ cảm thương, để du dím mày, để sót sa cho mày, nếu không phải bằng nước mắt thì cũng bằng những tia nhìn hiền hậu. Cũng có thể mày còn cô đơn hơn mày tưởng tượng, bởi vì trùng phạt cũng chia ra nhiều mức độ. Sẽ có kẻ chỉ riêng bị câm; sẽ có kẻ chỉ riêng quên mất chữ; sẽ có kẻ bị mất riêng chức năng liên tưởng của óc; sẽ có kẻ chỉ còn nụ cười ngớ ngẩn; sẽ có kẻ chỉ còn biết hát như máy ghi âm... Người ta sẽ có biện pháp để phân hoá cái đám nhân loại tật nguyên ấy; để cho họ tự tố cáo lẫn nhau, tranh giành lẫn nhau, cấu xé lẫn nhau; để cho họ mất khả thể biến thành một cộng đồng có tiềm năng phản nộ. Trong

cái bậc thang tột nguyên; kẻ nào bị hình phạt mất toàn bộ tư duy là nặng nề nhất. Mà ở trong số hiếm, vậy sự cô đơn của mày sẽ sâu đậm hơn. Có thể gọi Cực – Cô Đơn. Hiếm nhưng không phải là độc nhất; vậy mày vẫn còn có thể tự an ủi là vẫn còn có ốc đảo trú chân, mày vẫn còn những người bạn bè tột nguyên của mày, tuy ít ỏi...

Thiên chúa giáo có Thiên Đàng; Phật giáo có Niết Bàn; con người xây dựng Cực – Thiên – Thai. Vậy, tôi sẽ đi đâu, sẽ về đâu? Tôi làm gì nên tội mà tất cả các cộng đồng đều như muốn xua bỏ tôi, khai trừ tôi, thậm chí muốn ăn thịt tôi?

Một tiếng thầm quen thuộc bỗng vắng vắng trong óc:

“Kìa! Anh Hoàng, sao lại bi phẫn thế? Đừng nên bi kịch hoá cuộc sống. Tôi biết anh là người theo một tôn giáo. ”

Tôi cãi lại:

“Tôn giáo nào? Tôi chưa bao giờ phát nguyện. ”

Tiếng thầm như đùa cợt, lại vừa như nghiêm túc:

“Đạo Nước – Mất. Anh quên rồi sao? ”

Tôi cúi kính:

“Hừ! Đừng có đùa! ”

Nghe cứ như tiếng anh bạn thân suốt đời chỉ biết bông lơn. Nhưng cũng có thể là tiếng một anh bạn khác suốt đời chỉ biết nghiêm nghị. Và, cũng có thể là tiếng châm chọc của một người thù địch với tôi.

Tôi băn khoăn, chợt cảm thấy như có ai đương chăm chú nhìn mình. Tôi ngẩng đầu, và nhận ra người sĩ quan an ninh đang lặng lẽ đứng trước mặt.

- Ông đến tự bao giờ? – Tôi hỏi.

- Tôi mở cửa, vào đã lâu mà ông không biết.

- Nghĩa là ông bắt gặp tôi khóc?

- Lần đầu tiên tôi trông thấy người khóc.

Tôi chầm chọc:

- Cảm tưởng của ông ra sao? Chắc khó chịu?

Người sĩ quan cười:

- Đó là một lĩnh vực mà... tôi chưa hề có kinh nghiệm. Nhưng... - người sỹ quan hạ giọng – nhưng... có lẽ người ta tha ông là phải.

- Ha ha... Tôi được tha vì tôi biết khóc.

Khuôn mặt cảm tình của người sĩ quan bỗng nhiên đanh lại và trở về sắt đá:

- Tôi khuyên ông nên nghiêm túc. Chính câu nói vừa rồi của ông có một hàm nghĩa phạm tội. Tôi nhắc để ông biết, ông là người may mắn. Chính công dân vĩ đại A1 đã tự tay ký lệnh tha ông. Nhiệm vụ của ông lúc này là phải sửa sang trang phục chỉnh tề, giữ cho vẻ mặt tươi tắn, để đi đến lâu đài cảm ơn lượng bao dung của người.

Cô Mi ăn mặc lộng lẫy trong bộ quần áo đỏ chói đứng bên một chiếc xe hơi sang trọng đậu trước cửa nhà giam. Mi đã mở sẵn cửa ca bin để tôi vào ngồi cạnh. Chính cô tự lái xe. Mi lú lo như một con chim:

- Được tin ông bị bắt, em lo lắng quá.

Tôi thẳm nghĩ: “Cô bé này giả dối hay sao? Không biết buồn, sao còn biết lo lắng?”

À, cũng có thể... vì con người ta còn biết lo lắng lúc sợ hãi. Có lẽ sự lo lắng gần với cảm giác sợ hãi hơn cảm giác buồn. Và có lẽ ở xứ này người ta cho phép cảm giác sợ hãi và những hệ quả của nó được lưu hành. Ý nghĩ tàn nhẫn ấy vừa thoáng hiện hình tôi đã tự thấy xấu hổ, vì cô gái trẻ trung kia vẫn lú lo. Cô ta vui thực sự khi thấy tôi được tha.

- Mới một tuần lễ mà ông đã gày rộc hẳn đi.

Mi lái tay phải, còn tay trái đưa cho tôi một túi kẹo thơm phức:

- Ông ăn đi cho lại sức.

- Kẹo lại sức? – Tôi cười.

- Loại kẹo cực bổ dùng cho người mới ốm dậy.

– Mi trả lời.

Tôi đưa kẹo vào miệng. Vị kẹo ngào ngạt, nhan nhát ngọt và thơm phức. Ăn xong một chiếc, tôi thấy người tỉnh táo như vừa ăn xong một tiên đan. Tôi ngắm nghía chiếc túi giấy bóng màu hồng, trong đó chỉ còn hai viên kẹo màu xanh và hỏi:

- Kẹo làm bằng gì mà kỳ lạ vậy?

Mi cười:

- Đây là thứ kẹo bổ dưỡng, đặc biệt của riêng ngài công dân A1. Ăn ba viên kẹo này thừa chất sống cho ba ngày. Ngài A1 không muốn gặp ai với khuôn mặt hốc hác, mệt mỏi; chính vì vậy nên ông mới được biếu kẹo này để hồi phục lại sức khỏe mất đi trong tuần lễ vừa qua.

Tôi vẫn đắm chiêu suy nghĩ, vẫn chưa hiểu nổi hết những diễn biến đã và sẽ xảy ra. Cuộc gặp gỡ giữa tôi và A1 mang ý nghĩa gì? Ông ta là người thế nào? Tôi phải đối đãi với ông ta thế nào? Nhưng Mi không cho phép tôi nghĩ lâu. Tôi bị cuốn vào câu chuyện lú lo của cô:

- Sau khi sự việc của ông xảy ra, em vội vã đến lầu đài, xin gặp ngài A1.

- Cô cũng có thể gặp ông A1 dễ dàng như vậy sao?

- Vâng. Bởi vì có lẽ em là đứa Con – Khoa – Học của ngài A1.

Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên vì cái từ lạ lùng ấy, Mi phải giải thích ngay:

- Con – Khoa – Học, bởi vì mẹ em được thụ tinh nhân tạo bằng khí huyết của ngài A1. Cho nên, em được ngài cưng lắm. Em phải lạy van ngài và nhận xét thật tốt về ông...

Vậy ra, trước mắt tôi là cô “công chúa khoa học” của ngài tổng thống A1. Tôi cố tìm những nét đặc biệt của A1 trên gương mặt cô gái kiêu diễm này: sự tinh táo đến độ tàn nhẫn chẳng hạn; sự thông minh quá mức dẫn đến độ ngu ngốc chẳng hạn; sự mê cuồng đến độ điên rồ chẳng hạn; sự phì nộn đến độ ụt ịt chẳng hạn. Đáng tiếc! Tôi chẳng tìm thấy gì. Và chỉ thấy Mi là một cô gái đẹp, nhanh nhẹn, năng động, và yêu đời... Tôi ngơ ngác khi nghĩ về di truyền. À... mà tại sao ta lại giáo điều hoá một lý thuyết khoa học. Tội lỗi tày trời của con người là đề ra các lý thuyết, rồi lại tuyệt đối hoá và giáo điều

hoá những lý thuyết ấy. Loài người, từ ngàn xưa, đã tin vào di truyền dòng giống. Mỗi thời đại đều có cách bộc lộ và diễn tả tín điều ấy một cách riêng của nó. Có thể nói, tín điều ấy đã góp một phần vào việc chia tách con người, tạo hận thù giữa con người, và phân chia thang bậc, đẳng cấp giữa con người.

Bởi vì, mọi thời đại đều không hiểu hết: “Con người là vũ trụ”. Mi của tôi cũng là một vũ trụ riêng.

Ở đây, có lẽ làm nghề phiên dịch, nghề phải luôn luôn tiếp xúc với người nước ngoài, phải là những con người đáng tin cậy. Một số nghề khác cũng phải có yêu cầu như vậy. Và để tạo ra một màng lưới thân tín, người ta lại sử dụng cách ràng buộc bằng huyết thống. Để làm việc đó, người ta đã thụ tinh nhân tạo cho những người đàn bà đẹp bằng những con tinh trùng siêu đẳng rút ra từ tinh hoàn những ngài lãnh đạo.

Cũng nhờ thế, cô công chúa Mi xinh đẹp mới được ra đời. Quĩ đạo của đời cô đã được chương trình hoá, đã được định sẵn. Nhưng, may thay! Cô Mi của tôi vẫn là một cô Mi riêng lẻ, cô Mi vẫn là một vũ trụ, với nhịp điệu con tim khác hẳn mọi người. Cô không biết khóc, nhưng chắc chắn cô có cách rung động riêng khi đối đãi với ngoại giới. Vũ trụ Mi cộng hưởng với vũ trụ xung quanh; nhưng vì nó là một vũ trụ riêng lẻ, nên có thể một lúc nào đó, nó không nằm yên đúng chỗ mà vũ trụ to hơn qui định cho nó; thậm chí cái vũ trụ bé bỏng ấy có thể như một con bướm ham chơi, bay la đà, mê mải

những màu hoa quỳn rũ, để rồi có lúc bay khỏi cái vũ trụ to vốn thích bao ôm lấy nó.

Chính vì vậy, nên cô Mi của tôi mới là cô Mi kiêu diễm đến lạ lùng thế kia. Tôi đoán chắc rằng ngài A1 phải là một con người phì nộn, nhưng Mi thì lại thon thả. Ông bố khoa học ấy có thể có đôi mắt nhỏ, sắc, và lạnh lùng, nhưng cô công chúa của tôi lại có đôi mắt rất to, thông minh, ngơ ngác. Cái vũ trụ ngơ ngác nai vàng ấy, cái vũ trụ lú lo vành khuyên ấy, được sinh ra theo kiểu sản xuất hàng loạt, theo mô hình: “Hăng hái nhiệt tình + Lú lo vô tư + Không nước mắt”.

Tôi nghĩ rằng được tiếp xúc với tôi, lần đầu tiên, Mi đã gặp Nước - Mắt. Và Nước - Mắt cũng có tiếng gọi riêng của nó, tiếng gọi thì thầm ấy có thể lay động cái đáy thăm trong Mi ...

Phải nói thêm rằng hành động bảo đảm cho tôi sống có thể sinh ra do những xung động đáy thăm ấy chăng? Chỉ có những xung động đáy thăm mới kêu gọi nổi con người làm một công việc liều hiểm. Mi đã phải liều hiểm để cứu nguy cho một thằng giặc.

Đứng ở góc độ thống trị, người ta có thể xếp tôi vào loại giặc. Theo chính trị học, con người có hai chiều độ: thống trị và nổi loạn. Vậy bất kỳ con người nào cũng có chất giặc mà biểu hiện phôi thai của nó là sự phản đối, sự không bằng lòng.

Thống trị sáng láng trung hoà chất giặc bằng sự công bằng và dân chủ. Thống trị xảo quyết ru ngủ chất nổi loạn bằng thuốc phiện tư tưởng. Thống trị tàn bạo bóp nghẹt phản đối bằng tù đầy súng đạn.

Thống trị ở xứ Cực – Thiên – Thai đàn áp nổi loạn bằng tiếng đàn, tiếng loa, bằng hoá học (tiêm thuốc cho rụng lưởi, cho liệt tay chân...), bằng sinh học (thụ tinh nhân tạo để gây giống người ngoan)...

Họ biết gốc rễ mầm loạn là bộ óc, nên họ tập trung vào tấn công bộ óc; họ bôi tung chất xám để nhỏ từng sợi rễ li ti.

Họ định nghĩa Thiên Thai là nơi không có loạn. Tề Thiên Đại Thánh ngày xưa đánh lại Trời; Trời còn có loạn; thế mà ở xứ Vui, hết loạn. Muốn đạt được ý muốn, họ cố tìm tòi trăm phương ngàn kế: nào tiêm, nào cắt, nào đâm, nào chọc, nào nhào, nào nặn, nào bóp, nào giữ, nào khép, nào đẩy, nào xoa, nào đánh, nào dọa, nào cho, nào co, nào kéo nào làm méo làm xệch, nào làm teo làm tóp... cốt để biến bộ não thành vô dụng, hoặc vô hiệu hoá nó đi.

Trên đường xe chạy, tôi cứ miên man nghĩ ngợi như vậy. Tôi sực tỉnh khi xe dừng lại trước một toà lầu đài cao ngất trời.

Ra khỏi xe, tôi ngẩng đầu lên và bị choáng ngợp ngay vì chiều cao của nó. Tôi để ý, ở đây người ta nuôi khá nhiều đại bàng, những con chim chuyên sống ở những đỉnh cao. Nhưng đại bàng ở xứ này chỉ đậu nổi trên những đỉnh tháp của những công trình phụ cận, tức là ở những tháp của những lầu đài phụ cao khoảng vài trăm mét. Còn đỉnh của toà lầu đài chính không trông thấy bóng chim. Hoặc giả, nếu có con nào ở trên ấy, thì bóng nó phải tan loãng vào không gian vì độ cao quá mức.

Đặc điểm về xây dựng ở xứ này, người ta dùng toàn vật liệu chất dẻo; những ngôi nhà ni lông đủ màu. Nhưng toà lâu đài, biểu tượng của xứ Vui lại được xây dựng bằng đá hoa. Dáng hình của nó phẳng phất giống một quả tên lửa khổng lồ, nhưng cũng phẳng phất giống một nhà thờ.

Có thể nói, đó là nhà thờ độc nhất ở xứ Vui. Đó là nơi Ngài công dân A1 ở và làm việc; nhưng đó cũng là nơi mọi công dân đều có thể đến vui chơi, ca hát, hội họp và chiêm ngưỡng. Phải nói Chiêm ngưỡng, bởi vì mỗi năm Ngài công dân A1 bao giờ cũng xuất hiện trước công chúng ở đại sảnh đường của lâu đài ba lần, ngày đầu năm và hai ngày lễ trọng đại.

Người bao giờ cũng ra mắt công chúng vào ban đêm. Đại sảnh đường đủ chỗ ngồi cho năm vạn dân. Người xuất hiện, đứng trong một buồng pha lê màu hồng. Đúng giờ tắt cả các đèn đều tắt phụt, căn buồng pha lê hồng ở trên vòm cao trước mặt đột nhiên rực sáng. Nó toả ánh lung linh. Gương pha lê làm cho Người trở nên khổng lồ vĩ đại. Người đứng đấy, và cúi xuống để tiếp xúc và rao giảng cho thế gian, bằng một diễn từ bảo tố. Còn tất cả các công dân đều ngẩng đầu lên, ngược nhìn ánh hồng vời vời mà nuốt, mà hôn, mà thấm, mà ngất ngây chiêm ngưỡng. Những lời bảo tố vàng ngọc như có ma thuật được khắc sâu vào tâm hồn họ, nó biến thành một bản pháp luật ngự trị trong trái tim họ... Cũng chính vì lẽ đó nên ngôi lâu đài đó là nhà thờ của xứ Vui.

Mi đứng giữa vườn hoa mênh mông giới thiệu cho tôi về toà lâu đài Bất tử:

Toàn dân, tức là một trăm triệu người đều tham gia xây dựng toà lâu đài ấy trong mười năm. Lâu đài cao, to, nên cần một không gian rộng thoáng mới cân xứng, chung quanh lâu đài là một vườn hoa bao la rộng chừng vài trăm héc-ta. Các cụ già trong toàn xứ phải đi tìm kiếm hoa quả quý gửi về và tự tay trồng. Trẻ nhỏ khắp nước phải thay phiên nhau đến tham quan và chăm sóc hoa. Toà lâu đài là một công trình trường cửu nên phải xây bằng đá quý. Lâu đài hàng trăm tầng, mỗi loại tầng xây một loại đá. Những tầng thấp xây đá đen, đá xám, những tầng trên là những loại đá có vân đủ màu: xanh, đỏ, vàng, lam, tím, lơ... Loại đá nào trong thiên nhiên không có thì xí nghiệp vật liệu xây dựng phải tự làm ra, sao cho các màu phải đúng như thiết kế. Tầng trên cùng xây bằng đá đỏ. Và chót vót trên đỉnh là một ngọn đèn cực mạnh, ánh sáng của nó, đứng cách nhiều dặm xa cũng nhìn thấy.

Chỉ riêng sự đồ sộ, nguy nga và cao vút của nó đã làm cho người mới tới phải phát ngợp, phải cảm thấy mình nhỏ bé và phải tự khép nép khuôn mình vào thái độ nghiêm trang kính nể. Kiến trúc ở đây cũng tham gia thống trị.

Cám ơn cái bộ oác nghĩ ngợi viễn vông, liên tưởng xa gần, lông bông và hão huyền của tôi, cũng nhờ nó nên tôi đã không bị choáng ngợp, không bị đánh bẹp trước khi vào gặp ngài công dân A₁.

Con người khổng lồ đầy cơ bắp đang ngồi trong chiếc ghế bành giản dị ấy chính là A₁. Không hiểu sao một cảm giác rất lạ lùng bỗng đột dậy trong tôi mà không phân tích nổi. Tại sao lại có cảm giác lạ đến mức sùng sốt ấy nhỉ. Phải chăng tại mớ tóc màu hung? Phải chăng tại cách ăn mặc khiêm nhường? Chỉ giản đơn một chiếc quần dài màu xanh thẫm và chiếc áo sơ mi trắng cắt bằng thứ vải thường.

Tôi ngẫm nghĩ rồi ngẫm nghĩa căn phòng. Ngược lại với kiến trúc của toà lâu đài quá ư cao vút quá ư đồ sộ, quá ư xa hoa và phức tạp, sự bày biện bên trong gian phòng của A₁ lại quá ư đơn giản. ở đây vắng mặt gấm vóc ngọc ngà. Cũng vắng mặt cả vàng bạc, pha lê...

Nhưng tôi bị thu hút bởi con người khổng lồ ấy. Mắt tôi rời những đồ đạc và lại tập trung nhìn A₁.

Bây giờ thì tôi hiểu cái cảm giác lạ lùng ấy rồi, đó là cảm giác về sự thân quen. Đúng, tôi cảm thấy như đó là một con người đã quen với tôi từ lâu lắm rồi.

Đôi mắt nhỏ và sắc lạnh... Gương mặt vuông chữ điền cứng rắn đến độ lì lợm... Thân hình cao

khoảng một mét tám mươi, to lớn... Cái bụng phê đầy đà...

Sự tưởng tượng của tôi về A₁ lúc chưa gặp mặt so với con người thật lúc này không xa nhau mấy tí. Tôi đã gặp con người này ở đâu rồi nhỉ? Khi ta còn lang thang ở Việt Bắc, Tây Bắc... hay giữa vòng bom đạn khu tư... hay ở ngay trong lòng Hà Nội? Không! Ta nhầm rồi. Con người này hoàn toàn xa lạ. Những con người ta đã gặp có đường bộ như thế này đâu. Kia cái vung tay đầy quyền uy đối với ta hoàn toàn mới mẻ.

Lúc này, Mi đã nói với tôi rằng, được gặp A₁ là một đặc ân hiếm có. Cô ta chỉ bảo cho tôi những cung cách đi, đứng, ăn, nói, nhưng lúc này tôi chẳng nhớ gì nữa cả. Thấy tôi ngây người nhìn, Mi tỏ ra lo lắng, cô ta huých khẽ khuỷu tay, nhắc nhở tôi chào hỏi, nhưng tôi vẫn đứng lặng. A₁ phải tự thân phá tan không khí lúng túng:

- Ông Hoàng! Ông Hoàng! Đừng nên nghĩ ngợi gì về sự hiểu lầm vừa qua nhé.

Mi rót cho chúng tôi hai cốc bia, rồi bước ra khỏi phòng. Tôi vừa uống, vừa cố nhớ lại quá khứ, để soi tìm nhân dạng con người đang ngồi trước mặt tôi. Trong khi ấy A₁ vẫn nói thao thao. Có lẽ ông ta đã khoe khoang với tôi về những dự định to tát sẽ được thực hiện ở Cực – Thiên – Thai. Nhưng tôi có nghe thấy gì đâu. Phải chờ đến lúc bàn tay hộ pháp của A₁ đập vào vai, tôi mới sực tỉnh. Giọng ồ ồ của ông ta vang lên như một tiếng chuông rè:

- Ông Hoàng thấy thế nào?
- Ngài muốn hỏi ý kiến tôi về điểm gì?
- Về những điều kỳ diệu mà ông đã tận mắt thấy, tai nghe.

- Choáng ngợp!

- Hay! Hay! – Ngài A₁ vui hẳn lên – Một tính từ có tính chất tâm lý, diễn tả sự ngây ngất của con người trước những thành tựu ngoài trí tưởng tượng. Nhiều người trên khắp thế gian đã đến đây: những nhà bác học, những nhà văn, những danh nhân cỡ lớn. Tất cả đều ca ngợi: nào là vĩ đại, nào là tuyệt diệu, nào là không thể tưởng tượng, nào là cực kỳ hiện đại... Nhưng, xin lỗi ông, tôi nghe những từ ấy đã quá nhàm tai, toàn những lời mòn cũ, sáo rỗng... Bây giờ, ông lại khen chúng tôi bằng một từ hoàn toàn mới mẻ: Choáng ngợp. Hay! Hay! Để cho gọi ông tiến sĩ ngôn ngữ C2 lại đây, ghi từ ấy vào cuốn sổ vàng.

Tôi mỉm cười:

- Xin lỗi ngài A₁. Từ Choáng ngợp của tôi mang hai hàm nghĩa; nó vừa khen, lại vừa chê.

- Chê ư? – A₁ chăm chăm nhìn tôi, dò xét, rồi cười. Ông táo bạo thật. Tôi chưa thấy ai đặt chân lên đất này lại dám chê bai... Nhưng, không sao! Không sao!... À, có thể vì ông chưa hiểu hết những nguyên lý cơ bản... của đất nước chúng tôi.

Tôi ngồi im, lặng lẽ, không ngắt lời con người mà suốt một đời chỉ biết dạy dỗ mọi người. Tôi hiểu tư tưởng của ông ta nằm trong một lô cốt, bao ngoài

bằng một lớp tường cực dày toàn xi măng cốt thép. Hãy để cho lô cốt ấy khắc đạn, lộ hoả điểm, lúc đó tôi mới tấn công.

- Để tôi giảng giải cho ông nghe thứ lý thuyết, thứ chủ nghĩa nó chi phối, bao trùm lên mọi hoạt động của đất nước này. Ông nên biết, điều độc đáo nhất trong lý thuyết của tôi, đó là sự *tổng hợp*. Tổng hợp giữa cổ và kim, tổng hợp giữa Đông và Tây. Tôi lấy làm lạ tại sao lại có sự mâu thuẫn giữa Đông và Tây. Gió này muốn đánh bạt gió kia. Nước này muốn chứng minh ưu việt hơn nước kia. Nhưng, sự thực về lõi cốt Đông với Tây là anh em sinh đôi.

- Đông và Tây đúng là anh em sinh đôi.

Tôi gật đầu nhắc lại lời A1. Điều đó làm ông ta vui hẳn lên. Nhưng, tôi lại tiếp:

- Tuy nhiên, điều ông nói vừa rồi có chỗ sai.

- Sai thế nào? – A1 chăm chăm nhìn tôi.

- Những công việc ông đã và đang làm không phải là sự tổng hợp. Đó chỉ là sự thoả hiệp giữa cổ và kim. Đó chỉ là sự nhặt nhạnh những cung cách Đông, Tây rồi gom lại. Đó chỉ là phép cộng những điều ma quái.

Con người khổng lồ đó bật đứng ngay dậy, nhưng bình tĩnh:

- Không được hồ đồ! Ông cần phải chứng minh ngay những lời ông vừa nói ra.

- Ông nên xem xét lại chữ tổng hợp. Trong thời buổi này, khi nền văn minh đang Toàn – Cầu – Hoá, ai chẳng muốn nói mình là Tổng – hợp. Bởi vì Tổng hợp là Tình yêu, là sinh đẻ. Tổng hợp là tình yêu của

muôn vạn khối óc cổ kim để ra một đứa con. Đứa con Tổng hợp Tình yêu ấy ắt phải hiền hoà. Ông hãy tự vấn xem những việc làm của ông đã hiền hoà chưa? Ông hãy tự vấn xem đã liệt những ai vào danh sách những con người cần tổng hợp. Chắc là có Khổng tử, Hàn Phi Tử; nhưng sao không có Thích Ca và Jesus? Chắc là có Hêghen nhưng sao lại quên được Kirkegard? Chắc là có Descartes, nhưng có lẽ vị trí của Rousseau và Dos thì bị coi nhẹ? Còn Hitler? Tôi đoán chắc rằng ông gạt bỏ tên người này khỏi danh sách. Ông sẽ gạch tên bằng bút chì đậm, thậm chí ông xoá đi, xoá lại cho tên đó chỉ còn lại một vạch ngang đen xì. Nhưng ông cần kiểm lại xem ở đất nước ông có mùi khét của những lò thiêu người không? Hoặc ở nước ông có còn bóng dáng những trại tập trung không? Sự man rợ kiểu Hitler là tội ác tởm lợm; nhưng sự man rợ được trá hình còn độc ác và tởm lợm hơn.

A1 nắm tay quắc mắt:

- Ông đang vu oan cho ta. Ta chưa bao giờ độc ác. Ta chỉ muốn sự vui cho con người.

- Đúng! Ông cưỡng bức người ta phải vui, bằng cách làm teo tuyến nước mắt của toàn dân. Ông nên nhớ, cái vui phải xuất phát từ đáy lòng. Cưỡng bức vui, con người sẽ hoá tâm thần. Thậm chí, ông còn tiêu diệt nước mắt. Nên nhớ: nước mắt là anh em sinh đôi của tình yêu. Hết nước mắt, tình yêu con người sẽ héo hon. Thử hỏi hành động ấy là văn minh, hay man rợ?

A1 thét to:

- Không đúng, đó là một kỳ công khoa học.
- Thứ khoa học phản bội con người.
- Anh là kẻ thiên về tình cảm. Hãy dẹp tình cảm lại. Tình cảm dẫn đến nhận thức sai lạc. Hãy dùng lý trí. Chỉ có lý trí con người mới sáng suốt.

- Lý trí của ông là thứ tôn giáo lý trí. Không ai phủ định lý trí; nhưng lý trí phải được cân bằng với cảm tính. Cái duy lý phải biết tôn trọng sự hiện diện của cái phi duy lý. Tuyệt đối hoá lý trí sẽ dẫn con người chui vào hố thẳm.

- Ôi chao! Anh khắc nghiệt quá. Hãy nhìn vào việc ta làm. Anh thấy người dân ở đây sung túc biết bao. Của cải dư thừa. Kho tàng đầy ắp.

- Tôi hiểu thứ lý thuyết kinh tế của các người rồi. Ngài muốn biến con người thành nô lệ cho miếng cơm. Ngài ơi! Tỉnh lại đi. Các ngài đang dần dần rơi vào chủ nghĩa sinh vật.

Những lời của tôi làm A₁ trở nên điên dại. Hắn chấp tay sau lưng, đi đi lại lại, mắt long lên sòng sọc:

- Thế ra anh phủ định ta, phủ định lý thuyết của ta. Thực ra, anh là cái gì nhỉ? Phần tử trí thức nông cuồng. Các anh là những kẻ viển vông, những kẻ chọc gậy bánh xe, bọn nói hão, bọn phá rối. Mao Trạch Đông chê các anh không bằng đồng phân. Tần Thuỷ Hoàng đem các anh chôn sống. Hitler nhét lũ các anh vào lò thiêu người. Stalin nhốt các anh vào trại tập trung. Còn ta, ta sẽ đối đãi với các anh ra sao?

Trông dáng điệu điên rồ của A1 lúc này, tôi lại càng cảm thấy hấn ta quen thuộc. Hấn đi lại... cái đầu nhô ra đằng trước... đôi vai nổi bắp cuồn cuộn... chân dẫm thành thịch... cái mũi thở phì phò... và đôi mắt nhỏ sắc như hai lưỡi dao sếch lên... Đột nhiên, óc tôi chợt loé sáng. Hay là... Hay là... Tôi bỗng nhớ đến chiếc kính thần, mà tuần lễ trước Tám đã tặng tôi. Nhưng tôi quyết định vẫn chưa dùng đến chiếc kính đó vội. Tôi cố gắng đi tìm chân tướng của A1 bằng cách khác. Phải để cho hấn bộc lộ hết. Tôi dùng những lời mãnh liệt để tranh cãi:

- Các ngài đã và đang tấn công vào bộ não, trung tâm của con người. Các ngài đang tước bỏ trí tưởng tượng của con người mà sự thần kỳ của nó là những hoang tưởng. Con người ngoài đời sống trần tục còn một đời sống hoang đường. Các ngài tưởng đã bóc trần được mọi bí ẩn, nhưng không biết rằng hết bí ẩn con người sẽ bơ vơ. Những mưu toan của ngài sẽ thất bại thôi. Tôi có thể đoán chắc rằng mãi mãi con người sẽ là một bí ẩn. Bởi vì nó là một vũ trụ; mỗi cá nhân là một vũ trụ. Vũ trụ ấy là một hành hoa, là hương lúa, là ánh sao, là tia mặt trời, là mây là nước, là con sâu cái kiến, là cả những câu tra hỏi và những khát vọng nóng bỏng... Ngài chỉ cho nó tiếng hát thôi ư? Không đủ, nó còn thêm sự cô đơn. Ngài chỉ dạy nó chém giết thôi ư? Không đủ, nó còn thêm đôi vú và cái hôn nóng bỏng đàn bà. Ngài tưởng rằng chỉ bằng nụ cười con người có thể lấp biển đời non. Nhưng ngài quên mất rằng, thiếu tiếng khóc, vũ trụ cao to cũng sụp đổ tan tành; và

đến lúc đó, ngai vàng của ngài cũng hoá tro bụi. Vũ trụ con người phức tạp đến thế; nhu cầu con người đa dạng đến thế, mà ngài chỉ thoả mãn nó bằng miếng cơm manh áo thôi ư? Còn thiếu quá. Còn nghèo quá. Còn giản đơn quá. Tôi xin nhắc lại: Ngài đang xa vào chủ nghĩa sinh vật.

Trong lúc tôi nói, A1 vẫn lông lộn đi lại, tay chấp sau lưng, đầu vươn phía trước. Hấn nghiêng rằng nhắc lại câu nói của tôi:

- Chủ nghĩa sinh vật.

Tôi vẫn cố gắng thuyết phục:

- Ngài nên nghĩ lại cho kỹ... Bởi vì con người vốn cực kỳ nhạy cảm. Rồi một ngày nào đó, sự thô thiển, chủ quan của ngài sẽ biến con người thành một đám đông bơ vơ. Đến một thời điểm nhất định, màng nhạy cảm của tâm hồn bơ vơ rung mạnh, sẽ biến họ thành kẻ điên khùng. Bây giờ, dù nghĩ lại cũng quá muộn; vì tất cả sẽ tan tành, và tất cả chúng ta sẽ kéo nhau lẫn vào vực thẳm.

Tôi đã đánh giá sai sự im lặng của A1. Hấn là người không bao giờ chịu thay đổi. Hấn bỗng đứng khựng lại, giơ nắm tay, và quát to:

- Không đúng. Không bao giờ như thế. Hỡi tên trí thức tiểu tốt kia! Ngươi đừng giở trò múa mép.

Hấn đang hùng hổ như vậy, tôi liền nấn gân hấn bằng một câu tưởng như lạc đề:

- Ông đã đọc Trư luận chưa?

- Cái gì? – Hấn đột nhiên tỏ ra sững sốt. À... Một quyển sách Bách Khoa nghiên cứu về lợn.

Trong đó, có một luận điểm nói rằng, một chiều kích của bản chất người là lợn.

Hắn gật gù:

- Có thể đúng đấy.

Thái độ của hắn vẫn tỏ ra ngập ngừng cảnh giác, song đã hết hung hăng. Tôi bồi tiếp luôn:

- Thực ra, con người không chỉ mang chất lợn, chất hổ, chất sói, chất rắn... mà có thể còn là, còn là con bồ câu, con thỏ, con bê non... Chính ngài là kẻ đã nhìn người lệch lạc. Ngài chỉ thấy mỗi một chất lợn, và đã khuyến khích riêng chất lợn trong con người thức dậy.

- Ta chưa hề bao giờ làm điều đó. Người lại vu oan sằng bậy cho ta rồi. Ở đây, ta chỉ rao giảng những điều đẹp đẽ, như khoa học, lý trí và ấm no hạnh phúc. Cái lưỡi của người quá lắt léo. Hãy coi chừng cái lưỡi.

- Đúng là chưa bao giờ ông nói ra điều ấy, nhưng thực chất việc làm của ông lại bộc lộ rõ điều ấy. Tôi còn biết các ông đang làm một công việc còn thâm độc hơn. Các ông đã tìm ra một loại vi ruýt Poócxinômani...

- Cái gì?

- Vi ruýt Poócxinômani. Thứ vi ruýt gây ra bệnh Trư Cuồng. Kẻ nào mắc bệnh ấy, nếu còn lương tri, thì cũng ôm nặng và điên loạn. Kẻ nào mắc bệnh ấy, nếu yếu đuối, thì suốt đời mê man chạy theo hình bóng loài lợn, tôn thờ lợn.

A₁ đột nhiên dùng dùng nổi giận. Hấn quát to như sấm, gọi lính cảnh vệ; miệng hấn sùi bọt; tay hấn run rẩy.

- Hỡi anh em! Bắt lấy nó. Tên phiến loạn.

Tôi kịp thời rút ngay chiếc kính của Tám, đeo lên mắt.

Kỳ lạ thay! Trước mắt tôi là chú lợn khổng lồ, lông hung vàng; mắt ti hí long lanh căm giận; răng nó nhe ra như muốn ăn thịt tôi. Tôi vội vã kêu to:

- Lợn Bò! Lợn Bò! Con quái Trư! Con Trư Ma Vương! Chính mày là hấn, cũng là con quái trắng.

Những người lính đã ập tới. Họ lập tức còng tay tôi lại. Nhưng tôi vẫn cố sức hét to:

- Đừng tin lời A₁. Trư Ma Vương! Trư Ma Vương! Lợn Bò! Lợn Bò! Lợn Bò!

Suốt đường hành lang toà lâu đài, tôi rầy rụa và hét to như điên như cuồng:

- Trư Ma Vương! Trư Ma Vương!

Tôi muốn báo cho mọi người cùng biết nhân dạng đích thực của hấn. Hấn đã sống chuồng đến đây tác quái.

- Trư Ma Vương! Trư Ma Vương!

Tôi kêu to đến khản cổ, đứt hơi, nhưng những người gặp tôi trên đường đi đều nhìn tôi bằng đôi mắt thản nhiên, thờ ơ. Tôi vẫn gào lên bằng tiếng gào trong sa mạc. Sa mạc mênh mông; chẳng tìm thấy tiếng vang. Mặc kệ tôi vẫn gào to, dù người ta có lời tôi sênh sếch đi:

- Trư Ma Vương! Trư Ma Vương!

Chợt có tiếng ai gọi, gấp gáp thất thanh:

- Ông Hoàng! Ông Hoàng ơi!

Tiếng gọi ấy làm tất cả mọi người đều dừng chân lại. Tôi quay đầu về phía một người đàn bà đang tất tưởi chạy tới. Người đàn bà ấy vừa chạy vừa khóc. Khuôn mặt trái xoan ướt đẫm nước mắt. Người đàn bà đó là cô Mi. Có những người ra cản, giữ Mi lại. Mi giơ tay lên trời như muốn vẫy gọi tôi. Cái vẫy tay quen thuộc. Và trong chớp nhoáng, tôi bỗng thấy cô Mi bỗng biến thành cô Hồ Ly thân thuộc của tôi. Chúng tôi vẫy nhau:

- Hồ Ly! Hồ Ly!

- Ông Hoàng! Ông Hoàng!

Đột nhiên cổ họng khô rát vì gào thét của tôi bỗng dịu lại. Lòng tôi bỗng mát rượi, nhẹ nhàng. Tôi thăm thì sung sướng: “Đâu có phải là sa mạc... Vẫn có người đáp lại lời ta... ít nhất, cũng còn có một người. Ít nhất cũng còn giúp được cho một con người tìm lại được nước mắt đã bị đánh cắp từ lâu” Cô Mi của tôi đã biến thành cô Hồ Ly. Tôi vẫn gọi:

- Mi ơi! Mi ơi!

- Hồ Ly ơi! Hồ Ly ơi!

... ..

V. Trở về

Tiếng gì lách rách như tiếng mưa xuân. Mùi gì thoảng thơm như hương ngâu, hương bưởi. Không gian trong ta chuyển từ hồng sang trắng sữa. Cái nóng trong ta vợi tan; hình như có những phẩy gió nam đang lay gọi. Nhẹ nhẹ... Vợi vợi... u oa... ời ời... Tiếng thần linh hay ma quỷ? Tiếng quái hay tiếng người? Tiếng thì thảo ở trong tôi, tiếng đánh thức, tiếng dẫn nẻo ta đi từ cõi tối trở về với cuộc đời.

- Dậy, dậy đi thôi!

- Tôi đang ở cõi ngục, hay đang trụ nơi cây cỏ và ánh sáng mặt trời?

- Dậy, hãy dậy đi! Sáng tỏ mặt rồi.

- Ai nói với tôi? Hay là...?

- Tôi.

- Tôi là ai?

- Tôi là hiền dịu, là bạn bè, là tình yêu, là hài hoà, là xứ ấm... Tôi là ốc đảo...

- Hãy nói nữa đi. Phải chăng tiếng người? Từ lâu, tôi chẳng được nghe tiếng người.

- Anh vừa lạc từ những khu rừng hoang về; ở đó là rừng tối, núi cao và nhiều dốc đứng. Nhớ nhé đừng đặt chân vào sườn dốc, dù cố ý hay vô ý thức. Bởi vì điểm xuất phát có thể là nhân hậu, tốt đẹp, nhưng điểm cuối cùng của nó là vực thẳm ác độc.

- Hãy tha thứ cho tôi. Từ bao lâu nay, tai tôi, đầu óc tôi đã ù đi, đã mù mị đi vì những lời mật

ngọt. Mật ngọt chẳng lưới như thiên la địa võng, đến nỗi làm khô cạn cả lòng tin trong tôi.

- Sao lại nghi ngờ? Hãy mở mắt ra. Đôi mi trĩu nặng lắm sao? Hãy ráng sức mà hé mở, hé nhìn... Đã thấy gì chưa? Một chút màu xanh xanh vẫn còn dang trước mặt. Đã nghe thấy âm thanh dịu vợi của nó chưa? Đã hé thấy những sắc màu thanh thoát của nó chưa?

- Ôi! Xa xôi quá! Chỉ thấy một chấm sao mờ... và chỉ thoáng nghe một âm vang gió động.

- Chính nó đây. Nó là ốc đảo trong mênh mông sa mạc. Nhưng hãy tin ở nó, bởi vì khi gặp duyên sa mạc khô sẽ trở thành rừng xanh.

- Duyên nằm ở đâu? Sao duyên chẳng đến với bao kẻ đợi chờ? Thú thật, tôi sợ hãi sự đợi chờ.

- Duyên là hạt ngủ. Hạt có thể ngủ hàng ngàn năm mới thức giấc; nhưng hạt cũng có thể nảy mầm trong giây lát. Duyên cũng là làn gió gieo hạt đi xa. Duyên cũng là máu là mưa tưới sống mầm hạt. Duyên cũng có thể là trái tim phập phồng khắc khoải. Hạt đang ngủ ở kẽ tim, ở những miền tối mờ sọ óc. Hãy nhớ: có ngủ, ắt phải có thức.

- Chao ơi! Tôi mệt lắm rồi. Gân, thịt tôi như nhão ra.

- Cố lên! Hành trình tới ốc đảo còn xa xôi và hiểm nghèo.

- Khéo tôi chết dọc đường.

- Sao lại chết? Anh là tự do; mà tự do thì có bao giờ biết chết.

- Xin cho tôi chút nước.

- Đây, uống đi. Song ít lắm. Hãy uống bằng nhấp môi.

- Chỉ có một giọt thôi sao?

- Rồi mồ hôi sẽ đổ xuống. Có thể cả máu cũng chảy luôn. Nhưng, không sao cả. Một giọt nước sẽ trở thành nghìn triệu giọt.

- Tôi hiểu rồi.

- Thế thì mừng.

- Sao mắt tôi hoa?

- Anh nhìn thấy gì?

- Thấy một đám xanh xanh.

- Từ một đốm sao thành một vạt xanh. Chính nó đấy. ốc đảo đấy. Đúng, nó màu xanh.

Lòng tôi chợt mát rượi. Ai quạt cho tôi?

- Ốc đảo quạt đấy.

- Tôi thấy đầu óc tỉnh táo, mà miệng như pha vị ngọt. Chẳng thấy khát nữa.

- Phải rồi. Vì ốc đảo là nguồn suối, là giấc mơ, nhưng cũng là có thực. Đừng có bao giờ quên ốc đảo, đừng bao giờ đánh mất ốc đảo ...

- Hãy nói nữa đi. Nói thêm cho tôi nghe về ốc đảo.

- Chẳng thấy ai trả lời. Chỉ nghe thấy một thăm thì. Tiếng mưa hay tiếng khóc?... Những giọt mưa thỉnh thoảng rơi trên mí mắt tôi... ảm áp. Ô kìa! Ai mưa khóc trên mặt tôi?...

Tôi mở mắt. Bừng tỉnh. Tôi chợt hiểu, tôi đã trở lại nhân gian.

Một bóng người nhoà nhoà sương trắng. Những đường nét của một khuôn mặt thân quen dần tỏ rõ.

- Anh Hoàng! Anh Hoàng! Anh đã tỉnh hẳn chưa?

Tôi đã nhận ra bộ mặt hiền hậu của vợ tôi. Tôi chợt bồi hồi tiếp nhận những giọt mưa mắt của nàng nóng hổi chảy vào trái tim tôi. Tôi chợt ngửi thấy mùi riêng của nàng, cái mùi thơm hăng hắc của mớ tóc đen, cả cái vị ngọt ngào của đôi vú ấm.

Lúc này tôi hoàn toàn hiểu rõ rằng tôi đang sống thực, rằng tôi đã từ cõi chết trở về. Ba mươi ngày hôn mê, lang thang trong những đêm sương đầy ắp kỷ niệm và những ảo giác. Những phút vừa qua, tim tôi chợt thoi thóp, cơn sốt chợt bùng to. Những đêm sương định kéo tôi về hẳn đất chết. Và vợ tôi đã khóc, đã lay, đã gọi. Nàng áp mặt vào mặt tôi, dùng hơi thở để tiếp sống. Nàng đã ôm tôi vào lòng, để chia xẻ cái ấm áp, sự sống cho tôi. Nàng đã áp đầu tôi vào lồng ngực, dùng đôi vú mà lay gọi tôi trở về với cuộc đời.

Hãy tha thứ cho anh, cho những giờ cay đắng vì anh. Em là mẹ anh, vì tình yêu giản dị của em đã đẻ ra anh lần thứ hai.

Tôi chợt giật mình, hỏi vợ:

- Cái gì thế, em?

- Anh ngủ đi. Anh hãy nằm im. Chẳng có gì hết cả.

Nàng dỗ dành tôi như dỗ trẻ; nhưng tôi nhắm mắt làm sao được. Tôi đã ngủ suốt một tháng ròng, nên lúc này tôi hoàn toàn tỉnh táo, mặc dù tôi không thể nhấc chân tay lên nổi. Và điều lạ lùng là tai tôi còn thính hơn khi xưa nhiều. Tôi nghe thấy tiếng

những giọt mưa rơi rất nhẹ ngoài hiên. Tôi nghe thấy cả tiếng chân chạy của một con chó ngoài đường. Nghe thấy cả tiếng lá cây bên nhà sào sạc. Tiếng sào sạc của vòm lá khế...

Quái! Có tiếng người xì xào. Hình như nghe thấy cả tiếng một thanh sắt liếc vào thành chum nước.

- Người ta liếc dao em ạ.

- Chẳng có gì hết cả. Anh ngủ đi! Ngủ đi.

Nàng choàng chiếc chăn lên đầu tôi. Tôi nghĩ vợ vẫn: "Hay là mình vẫn còn mê?" Không! Chắc chắn là không! Bởi vì tôi vẫn cảm nhận được hơi nóng của người nàng chạy dài suốt người tôi. Trong chăn kín, tôi chợt nghe loáng thoáng tiếng người: "Chụp ngay vào đầu nó." Tôi hốt hoảng cố nhoi ra khỏi chăn, và hỏi:

- Chụp cái gì?

Vợ tôi im lặng, không trả lời. Cô ta ôm lấy tôi. Chợt có tiếng kêu vang eng éc... Tôi giật nảy người, căng mắt nhìn lên đỉnh màn đen kịt. Dần dần, tôi liên tưởng, và nhớ lại... Tôi xác định vị trí nơi tôi nằm, rồi chợt nghĩ ra, ở bên kia vách là chuồng con lợn Bò. Có tiếng hồng hộc và tiếng người người khiêng ị ạch. Tiếng một người quen ồ ồ cất lên:

- Bình tĩnh nhé. Cắt ngang chỗ này, rồi thọc dao vào chính giữa, đâm thẳng dao chui vào lồng ngực, sau đó lách nghiêng sang trái. Nó nặng đẩy tạ, khổ mỡ dày, nên phải đâm thật sâu.

À... Tôi hiểu rồi. Thực chứ không phải mơ. Người ta đang giết con lợn Bò. Và tiếng nói vừa rồi là tiếng Hợi. Tiếng ồ ồ ấy vẫn ra lệnh:

- Quấn dây cao su vào mồm, cho nó khỏi kêu... Xong chưa?... Đừng có run tay... Đâm cho thật chính xác, kéo rồi dao lại chui vào nách lợn. Tốt!... Tốt!... Cứ như thế... Tiến lưỡi dao về phía ức... Khá lắm! Trúng rồi!... Dao chui vào ngực rồi... Nhích mũi dao sang trái... Về phía tim. Có thể ngoái dao cho đứt hết mọi mạch máu chẳng chịt quanh tim... Chứa lắm! Đè mạnh vào chuôi dao, tạo lỗ cho máu chảy ra...

Tôi cứ nằm đờ mà nghe, để cho trí tưởng tượng nhìn thấy cái vóc dáng to ù của con lợn Bò đang giãy chết, đang co giật. Kia! Ai thế kia? Ai đang đè đầu con quái Trư? Phải chăng là thằng Linh con trai tôi? Chính nó. Thằng bé toát mồ hôi hột. Tôi trông rõ cả dòng máu từ cổ con lợn Bò ồ ồ chảy ra. Chà, chà! Con Trư Ma Vương! Mày khoẻ thật! Mày đập bấn cả chú Hợi đang lên gân rắng sức giữ hai chân sau của mày. Nhưng thoát sao khỏi tay chú Hợi. Đột nhiên, tiếng kêu của con lợn Bò lại vang lên inh ỏi. Chú Hợi lại ồ ồ nói:

- Tuột giây cao su buộc mồm rồi. Buộc lại đi, Linh.

Có lẽ thằng con tôi cố gắng buộc lại, nhưng không nổi. Con quái Trư cắn vào tay nó. Thằng Linh cáu kỉnh:

- Thì, mặc kệ cho mày kêu.

Con lợn Bò kêu vang trời. Tiếng lợn kêu náo động ngõ nghèo, làm cho lũ chó khắp nơi kêu lên như báo động. Tiếng con lợn Bò kêu lên ăng ặc ... thê thảm... Hình như căn nhà tôi ở cũng rung rinh theo tiếng lợn kêu.

Rồi đột nhiên, tiếng kêu rộ lên, ré lên... Có lẽ lưỡi dao của con tôi đã thọc thẳng vào buồng tim con quái Trư. Cuối cùng tiếng kêu của con lợn Bò nhỏ đi... chỉ còn là tiếng hồng học, hồng học nhỏ dần... và cuối cùng là... tắt lịm. Tiếng lợn ngừng kêu làm không gian đang căng thẳng ra, đột nhiên chùng lại. Tiếng những con chó cũng thưa dần và ngừng bật.

Có tiếng gà gáy. Sắp sáng. Từ nãy, cánh tay run rẩy của vợ tôi vẫn ôm chặt lấy đầu tôi. Đôi cánh tay che chở ấy lúc này cũng dần ra. Bàn tay run run của nàng đặt lên trán tôi:

- Mình ơi? Mình có sao không?
- Chẳng sao cả.

Vợ tôi thở dài nhẹ nhõm. Nàng lại tiếp tục kéo chăn lên đầu tôi.

Phần 3

Đoạn kết nhật ký l ợn

Ngày... tháng...

Suốt một thời kỳ dài nuôi lợn, rồi ốm mê man. Thời kỳ xáo động. Trong thời kỳ đó, lòng tôi như lửa nung. Không gian nhà tôi như lò cháy. Rùng rục. Rùng rục... Con bất đồng với cha; vợ hận thù chồng. Hạt diên rô có lẽ nảy mầm từ trong xương tủy. Trư cuồng! Poóc xi nô ma ni! Lòng tôi, đến lúc này, vẫn thấm đượm những dư vị đắng cay, chua chát của nó.

Trên giường hồi phục, tôi im lặng nặng nề nhớ lại. Trư cuồng! Sao mày ác độc! Cũng may, ngọn lửa rô dai của mày vẫn chưa thiêu trụi nhà ta.

Con gà mái nhảy ổ để cục tác thanh bình. Không gian sống thật êm đềm. Mùa xuân vẫn rí rách. Nghe thấy cả tiếng đàn chim vành khuyên trên cây doi sau nhà. Nghe thấy cả tiếng con quốc gọi nắng về trên vạt rau muống xuân bông bênh xanh mướt.

Hầu như đã trở lại thanh bình và hiền hoà. Hết nóng, hết sốt, hết mê sảng. Hết tiếng lợn kêu, lợn rống. Hết những hục hặc, những hăm hè của những con người sống cùng dưới mái nhà. Nhưng, liệu có thật giống vi ruýt diên rô đã chạy trốn? Vợ tôi đã thịt bán con quái Trư; song liệu giống vi ruýt Trư Cuồng đã rời bỏ ta chưa?

Vừa qua con lắc chạy sang thời kỳ xáo động; hiện nay, con lắc lại quay sang thời kỳ hiền hoà. Rồi tiếp sau đó thì sao? Có thể xáo động mãi mãi, hay là hiền hoà mãi mãi? Có thể xáo động kéo dài không ngừng để biến thành một cơn bão. Cũng có thể ốc đảo xanh cứ nhỏ dần, bé dần trước sự tấn công của

bão cát, để cuối cùng tất cả biến thành sa mạc. Có thể như thế lắm chứ sao?

Ngày... tháng...

Tôi khoẻ lại thật nhanh. Da thịt tôi trở lại hồng hào rất nhanh. Nhưng có phải tất cả các vở kịch trên đời này đều kết thúc bằng màu hồng đâu. Trên trái đất, giờ phút này, chắc có cũng nhiều nơi cũng êm ả, cũng thanh bình như ngôi nhà tôi đang ở. Cũng có nhiều da thịt hồng hào trở lại như da thịt của tôi. Nhưng lấy gì để đảm bảo rằng loại bệnh kỳ quái ấy đã chấm dứt. Bệnh ấy là bệnh dịch. Nó tắt rồi lại xuất hiện. Sự độc hại của nó là một độc hại ma quái. Nó biết lột xác, biến hình. Anh Tám chưa kịp nghiên cứu lịch sử, vận động của nó, nhưng tôi tin chắc rằng nó đã trải qua nhiều biến dạng, nhiều thịnh suy kể từ thời nguyên thủy.

Tám ơi? Bây giờ anh ở đâu? Anh chết hay sống? Sao chẳng thấy tin anh? Cứ nghĩ đến lần gặp gỡ cuối cùng với anh, lòng tôi như thắt lại. Cuộc gặp gỡ trong giấc mơ nhưng tôi tin là có thật.

Các người ơi, tôi chưa kể đến cái kết thúc bi thảm của chuyến du hành đến Cực Thiên Thai, chưa kể đến lần gặp gỡ cuối cùng với anh Tám. Tôi không muốn nhắc đến vì tôi rất yêu anh; nhưng, nghĩ cho cùng, tôi phải nhắc, bởi vì im lặng tức là đồng lõa, tức là tạo điều kiện cho tội ác lộng hành.

... ..

Hôm ấy, người ta xích tay tôi, và giải đến một nhà giam đặc biệt, na ná như nhà giam tử tù. Nó chuyên dùng để nhốt những con người bị xử tội nặng nhất. Nói rằng na ná, vì ở đây không bao giờ người ta xử tử tù nhân; xứ Vui rất hãnh diện vì đã xoá bỏ được hình phạt xử tử. Sách báo quảng cáo điều này rùm beng.

Người ta tháo còng cho tôi, và đẩy tôi vào một căn phòng mênh mông. Căn phòng tối mờ nên phải vài phút sau tôi mới nhận rõ được xung quanh. Đó là một căn phòng trống, sạch sẽ đến rợn người. Trần nhà, tường nhà đều sơn trắng, nền lát gạch men trắng. Màu trắng toát làm ta lạnh đến xương tủy.

Còn đang choáng trắng, tôi bỗng nghe thấy một giọng nói cất lên, từ cuối phòng xa tít:

- Hoàng đây phải không?
- Ai gọi tôi?
- Tám đây.

Tôi chăm chú nhìn về phía tiếng gọi, và chợt thấy một chiếc hòm, có lẽ một chiếc tủ thì đúng hơn. Tôi lại gần chiếc tủ được bung kính xung quanh ấy. Tôi rất ngạc nhiên vì thấy một con người kỳ quái ngồi trong tủ kính. Lạ thật! – Tôi suy nghĩ – Không phải là Tám; một con khỉ hoặc một con đười ươi biết nói thì đúng hơn. Tiếng cười quen thuộc lại vang lên:

- Không nhận được ra tớ sao?

Tôi nhìn kỹ. Thân hình đúng là mình mẩy một con khỉ, nhưng chiếc đầu lại đúng là đầu Tám. Mớ tóc dài, râu ria xồm xoàm. Tôi chợt nhớ ra, lúc gặp

Tám ở phòng thí nghiệm, Tám bảo tôi anh phải cải trang để khỏi bị nhận dạng. Tôi hỏi to:

- Đúng là anh Tám vậy sao?
- Vâng. Anh trông tôi kỳ quái lắm phải không?
- Làm sao đến nông nỗi này? Hay là họ đã tiêm thuốc để thân thể anh mọc lông mọc lá?
- Anh trông người tôi giống một con khỉ?

Tôi không trả lời. Còn Tám lại cười một nụ cười cay đắng:

- Còn hơn sự tưởng tượng của anh. Đúng, từ cổ trở xuống là thân hình của một con vượn người. Chỉ riêng cái đầu lâu là của Tám thôi.

- Tức là... họ làm một phẫu thuật, cắt đầu của anh ghép vào mình con khỉ?

- Ha ha... Đúng là họ không giết tôi. Họ đã chặt đầu tôi, nhưng vẫn cho cái đầu ấy sống ở trên thân thể một con vật. Họ muốn biến tôi thành một thứ nửa người nửa khỉ. Họ thí nghiệm xem, với một thứ người hỗn hợp như vậy, đầu óc tôi có thay đổi ... tức là có cải tạo được không. Thí nghiệm được tiến hành từ ngày họ bắt tôi với anh. Anh xem cái băng dính trên cổ tôi vẫn chưa được tháo, vì vết ghép chưa liền hẳn da. Tôi được nuôi trong cái lồng kính này, tức là một môi trường vô trùng tuyệt đối, và ở những điều kiện sống nhân tạo tối ưu. Ha ha...

Tôi rợn gáy vì tiếng cười của Tám. Chợt anh nhăn nhó, giơ bàn tay lông lá lên ôm lấy cổ. Có lẽ anh cười to quá làm động đến vết nối. Tôi thấy nước mắt anh chảy ròng ròng. Đột nhiên, tôi phản xạ, sờ

tay lên cổ. Có lẽ tôi khiếp hãi chẳng. Tám lắc đầu nói nhỏ:

- Anh không lo. Tội anh chưa được mức hưởng loại thí nghiệm kỳ quái này đâu.

- Nghĩa là ngoài những câu nói ở phòng thí nghiệm, anh còn làm những điều khác mà A1 cảm đoán? Anh làm điều gì vậy?

- Tôi làm giặc.

- Anh làm giặc sao nổi. Anh hiền lành...

- Nói cho đúng hơn, họ đã kết tội tôi làm giặc, vì tôi đã tiến hành một công việc hết sức hiền lành. Có thể nói đó là một công việc nhân đạo.

- Anh đã làm gì?

- Tôi đã tìm ra một thứ thuốc nhỏ mắt để phục hồi lại tuyến lệ cho con người ở đây. Vì, tôi cũng như anh, chúng ta đều phần nộ khi thấy con người thèm khát nước mắt mà không biết khóc. Thuốc của tôi đã làm cho hàng vạn con người lấy lại được nước mắt.

Tôi buồn rầu:

- Việc anh làm tốt đẹp, nhưng cực kỳ nguy hiểm.

- Và đã xảy ra cuộc diễu hành Nước – Mắt của ba vạn người trước lâu đài Bất Tử. Anh thử nghĩ xem: có tới ba vạn con người Nước Mắt, rồi có thể đến lúc nào đó sẽ có tới hàng chục vạn con người Nước Mắt. Nước mắt sẽ ngút trời. Nó có thể làm rung rinh lâu đài đá hoa. Sau cuộc diễu hành Nước Mắt ấy, cái gì sẽ diễn ra ở đáy sâu hộp sọ con người ... Biết đâu đấy, có thể giông bão cũng nên. A1 hiểu

điều đó nên đã thẳng tay đàn áp. Hắn đã cho bắt gọn ba vạn Con người - Nước mắt và tiến hành một thí nghiệm chưa từng có. Hắn đã tổng tiến công vào bộ não. Tiêm thuốc vào não; cắt ghép những bộ phận của não; thậm chí thay thế não người bằng não khỉ...

- Một điên rồ chưa từng thấy.

- Những chuyên gia cho rằng bước đầu thí nghiệm đã thành công. Lũ Người - Nước - Mắt đã biến thành một lũ Người - Ngoan. Tuy vậy người ta còn tiếc rẻ vì hai phần ba số người thay não bằng não khỉ đã không chịu được.

- Nghĩa là đã có hàng nghìn người chết sau khi thay não.

- Không có ý nghĩa gì với A1. Những xác chết còn tươi ấy lại được dùng vào những thí nghiệm khác. Ở Cục Thiên Thai có một trung tâm nghiên cứu thuốc bổ dưỡng; nguyên liệu của nó là các phủ tạng người và thịt người. Có loại thuốc quý nhất dùng riêng cho A1 được gọi là viên trường sinh có khả năng cải lão hoàn đồng.

- Những viên thuốc màu xanh đựng trong hộp ni lông màu hồng?

- Chính những viên thuốc đó. Tôi có thể liệt kê cho anh vài thứ quý được kiểu ấy: Cao xương người (được giới thiệu còn tốt hơn cao hổ cốt), Phi-la-tốp thai nhi (lấy từ thai của các bà đẻ), Hê-pa-phốt gan người, tinh chất giáp trạng, tinh chất thượng thận, Phi-la-tốp não người, Phi-la-tốp tuỷ sống ... Nhưng các ngài tai to mặt lớn thích nhất hai loại biệt dược: nước ép tinh hoàn và nước ép buồng trứng người.

- Thôi, thôi... Xin đừng nói nữa.

- Anh không tin lời tôi sao? Theo cách lập luận ở đây: người thượng cổ thích ăn thịt người; sau đó đến một thời kỳ dài việc ăn thịt người bị cấm; theo phép biện chứng, cuối cùng con người lại trở về thói ăn thịt người nhưng ở một trình độ cao hơn. Tức là xác những người chết sẽ được kỹ nghệ chế biến thành thức ăn, thành thuốc. Con người ăn thịt người một cách gián tiếp. Họ cho rằng đó là một vòng tròn khép kín không lãng phí về mặt kinh tế. A1 khinh thường Hít le vì tên này hiểu biết quá sơ sài về mặt kinh tế. Thiêu xác người dùng làm phân bón cũng là kinh tế, nhưng việc sử dụng kinh tế ấy quá thô thiển và lãng phí. A1 cho rằng trong tương lai, mọi xác người chết đều phải được tái sản xuất, để trở thành thức ăn, thuốc bổ cho người sống. Phương hướng đó nhằm giải quyết nạn thiếu thức ăn. Tương lai, nền công nghiệp thực phẩm thịt người sẽ là công nghệ tinh vi nhất, phồn thịnh nhất.

- Thôi! Ngừng lại! Tôi buồn nôn quá rồi.

- Đừng vì buồn nôn mà làm ngơ, không dám nói. Con người đang quay trở về Mông Muội. Ngày xưa, người ta ăn thịt người còn ở một phạm vi hẹp và lén lút. Bây giờ, ăn thịt người biến thành một kỹ nghệ. Mới đầu người ta còn buồn nôn khi ăn thịt người, nhưng dần dần việc đó sẽ thành quen. Mới đầu người ta còn thờ ơ, sau đó người ta sẽ thích thú với chuyện đó. Vì vậy ta cần phải giữ cái phản xạ buồn nôn khi nghĩ đến ăn thịt người, và phải giữ

phản xạ ấy kéo dài mãi cho đến ngày cuối cùng của loài người.

- Có tiếng máy chạy sè sè. Cái lồng kính nhót Tám bỗng từ từ được nâng cao, kéo lên trần nhà. Tám cúi đầu, cố dặn với xuống:

- Họ đưa tôi đi làm thử nghiệm lần cuối, xem đầu óc tôi có thay đổi chút nào trên cái thân xác khi này không.

- Nếu không thì sao?

- Thì họ sẽ đục não tôi ra, và thay thế bằng một bộ não khi.

- Anh Tám. Anh Tám...

Tôi kêu to, gọi theo, nhưng chiếc lồng kính đã chui tụt vào trần nhà. Chung quanh tôi, lúc này chỉ là một màu trắng bơ vơ.

- Anh Tám. Anh Tám.

Tôi cúi đầu, ôm mặt nước nở. Rồi sau đó số phận anh Tám ra sao? Tôi không đủ can đảm để hỏi tưởng tiếp.

Ngày... tháng...

Đêm qua, tôi toà mê thấy cái đầu lâu máu me của Tám. Tôi mê sảng gọi Tám nhiều lần. Vợ tôi sợ hãi ôm lấy tôi mà khóc. Cô ấy sợ vẫn còn bệnh. Tỉnh dậy, tôi thấy toàn thân lạnh toát. Tôi thở dài. Vợ tôi hỏi:

- Có chuyện gì?

Tôi không trả lời, nhưng trong lòng rầu rĩ. Tôi tin chắc rằng đã có chuyện gì đó xảy ra với Tám. Không hiểu sao, tôi cứ một mực tin rằng những chuyện xảy ra trong giấc mơ là hoàn toàn có thật.

Con trai tôi đã chọc tiết con lợn Bò, con Trư Ma Vương, nhưng liệu con quái ấy đã chết thật hay chưa? Ồ, mà sao ta thật ngây thơ. Ở đời này, có biết bao nhiêu chú lợn Bò. Giết con này sẽ còn con khác. Cứ nghĩ đến điều đó, lòng tôi lại thêm rầu rĩ.

Ngày... tháng...

Nghe tin tôi khỏi bệnh, Lân đến thăm. Tôi vui mừng bám lấy Lân để hàn huyên, kể lể, tâm sự, cứ như thể xa cách hàng năm. Lân nhận xét:

- Đúng thời gian anh ốm, Tám cũng đi đâu mất. Tôi đến nhà mấy lần, chỉ thấy đóng cửa im ỉm. Chẳng có lẽ...

- Có lẽ gì nữa. Thật huyền hoặc, nhưng tôi tin chắc Tám cũng vừa trải qua một cuộc du hành. Anh ấy đi tìm tôi trong giấc mơ, và đã gặp tôi trong xứ Vui. Anh ấy đến để hỗ trợ tôi, giúp đỡ tôi. Điều đó đúng với tính cách của Tám.

- Sao lại giúp đỡ?

Câu hỏi đột nhiên làm làm giấc mơ dĩ vãng lại tái hiện trong óc tôi rõ mồn một.

- Đáng lẽ người ta cũng đưa tôi đi mổ não, thay một bộ phận não bằng bộ phận não khi. Tôi ngồi

trong căn buồng trắng suốt ngày ôm đầu lo lắng. Chính lúc ấy, anh Tám trở về với tôi. Khi bị thẩm vấn lần cuối để xác định xem đã thay đổi tư tưởng chưa, Tám trở nên ngớ ngẩn. Người ta dùng hết mọi biện pháp khoa học (như điện não đồ, soi đáy mắt, test tâm lý, test ngôn ngữ, tìm phản ứng trong tình trạng stress...) để kiểm tra bộ não thực sự của Tám ra sao. Cuối cùng, người ta đã đày Tám lên rừng; họ nghĩ rằng máu huyết của cái thân xác khỉ kia đã biến đổi anh thành giống Người – khỉ thực sự. Song họ đã lầm. Tám đã đánh lừa được họ; đầu óc anh vẫn tỉnh táo. Và chính nhờ vào cái chân, cái tay khỉ ấy, Tám đã có thể nhảy chuyền trên những cây cao, tìm về nhà giam cứu tôi. Tám đã cõng tôi trên lưng, leo cây, trở về rừng. Anh đã chỉ cho tôi biết con suối sương mù, con suối chảy mấp mé giữa bờ sống và bờ chết. Tôi đã lội ngược theo con suối ấy, tìm đường trở về cõi nhân gian.

- Thật huyền hoặc. Nhưng ...

- Nhưng sao?

- Nhưng rất trùng khớp.

- Trùng khớp cái gì?

- Tám cũng vừa mới trở về.

- Sao anh chẳng mời Tám đến chơi tôi? Tôi muốn gặp anh ấy quá. Tiếc rằng tôi chưa khoẻ hẳn để đến nhà anh ấy.

Lân rầu rĩ tiếp:

- Anh ấy trở về với chiếc ba lô bộ đội sờn rách trên vai. Song, anh ấy chẳng đến đây được nữa.

- Sao?

- Tám đã mất trí.

Tôi kêu to:

- Trời ơi!

- Suốt ngày Tám chỉ leo cây. Phải chăng trong cơn điên, Tám lặp lại công việc của một con khỉ? Chẳng có lẽ. Bởi vì, trước kia trong bộ đội đặc công, Tám chuyên làm công tác trinh sát từ trên cây cao. Tám leo trèo rất giỏi.

Ngày... tháng...

Nhắm mắt, bóng Tám hiện ra. Mở mắt, bóng Tám vẫn hiện ra.

Hình ảnh ấy là một phần nộ, một tổ cáo, hay một cuộc tra hỏi không nguôi?

Bóng dáng ấy, có đêm đứng giơ tay lên trời, và rì rầm kêu gọi:

Poóc xi nô ma ni

Anh đứng giữa đêm đen, đầu ngật ngưỡng lắc lư, bơ vơ như một nhà tiên tri, chuộc lỗi cho thế gian. Hình ảnh ấy có vẻ ma quái, nhưng vơi nhẹ lòng người.

Thật hay mơ? Dù là một giấc mơ thì cũng là một niềm an ủi. Bởi vì, chưa thấy một con đường, nhưng ít ra cũng thấy một con người gánh chịu. Bởi vì chưa thấy một Thích Ca, nhưng đã thấy một Bồ Tát, đã thấy một luân hồi đội đá phù sinh.

Ngày... tháng...

- Anh Tám! Anh đang nói gì với tôi vậy? Hãy nói to thêm chút nữa cho tôi nghe rõ.

- Anh nói rằng: Tất cả đều phụ thuộc vào duyên.

- Duyên là gì?

Tôi hỏi to, nhưng bóng Tám lại biến đi.

Ngày... tháng...

- Anh Tám! Sao anh lại ngồi thần thờ tư lự?

- Anh Tám! Sao anh không nói? Hãy đối thoại với tôi đi.

- Anh Tám! Sao tôi hỏi, anh cứ lặng im? ừ, mà có thể tôi đã hiểu. Trời ơi! Hồn ma mà cũng mệt mỏi. Cả đến Tiên, Phật chắc lúc này cũng có thể rã rời.

Ngày... tháng...

- Hồ Ly ơi! Hồ Ly ơi! Mi ơi!

Ta gọi tên em như một tiếng nhạc mà cứ ngỡ gọi tên một loài hoa thơm ngát. Giờ này em ở đâu? Ta chợt rùng mình khi nghe tiếng em thất thanh.

- Hoàng ơi! Hoàng ơi!

Ta chợt nhìn thấy em đầm đìa nước mắt, rầy rụa trong lâu đài đá hoa, cái đẹp diễm kiều bị chôn trong một nắm mồ nhung lụa.

Hồ Ly ơi! Cái đẹp của ta ơi! Nước mắt của ta ơi! Họ đã giết mất em rồi chẳng? Ta vẫn thấy bàn tay mềm mại của em chơi vơi. Ta không tin, dù một kẻ sát nhân gớm ghiếc đến thế nào cũng chẳng dám giơ dao đâm vào trái tim ngọc ngà của em.

Anh van em đấy. Hãy hiện hình ra đi. Để anh lại cầm tay em, cô Hồ Ly xinh đẹp của anh, đem trả lại cho Tây Hồ, trả lại cho mặt nước sương mù. Và để em lại ban cho anh một chiếc hôn thâm vơi nhẹ.

Nàng hiện ra như một đám mây xa vời, như một ảo ảnh. Người đi trong sa mạc, dù tìm thấy một ảo ảnh, cũng vẫn có niềm an ủi. Bởi vì còn ảo ảnh, chân ta còn bước. Ta chỉ sợ đến lúc, trên thế gian này, ảo ảnh rồi cũng tắt.

Ngày... tháng...

Vợ tôi hỏi:

- Anh Hoàng! Sao đêm đêm anh vẫn thở dài? Anh rì rầm với ai trong giấc ngủ? Anh tỉnh lại rồi hay vẫn nằm mơ? Anh khỏi bệnh hay còn điên dại?

Tôi không trả lời. Và vợ tôi khóc:

- Hay anh hãy còn giận em?

Tôi ôm lấy đôi vai gầy guộc rung rung của nàng. Và trong tay người đàn bà, tôi chợt quên đi vũ trụ.

Ngày... tháng...

Tôi đã đứng dậy nổi một mình, đã đi được quanh quần trong nhà ngoài sân.

Sức khoẻ tôi dần dần bình phục. Và bóng dáng của Tám cũng dần dần thưa thớt, ít hiện về.

Ngày... tháng...

Tôi đã bình phục hẳn.

Giấc mơ dài mà tôi vừa trải qua cũng chìm dần vào ký ức. Chỉ còn dư đọng lại trong tôi lúc này một cảm giác buồn buồn vô hình, vô ảnh.

Từ khi ốm dậy, tôi không ngó đến cái chuồng lợn mà mấy tháng trước, ngày nào tôi cũng túc trực say mê. Tôi cũng chẳng buồn nhắc đến tên những con lợn Bò, lợn Lang, lợn Ấn ... những con vật đã cùng tôi tham dự vào một chuyến phiêu lưu.

Hay là sự thoát chết, sự sống lại đã biến tôi trở thành nhút nhát, trở thành kẻ sợ hãi đến cả những kỷ niệm.

Ngày... tháng...

Thằng Linh ở trường đại học về. Mỗi tuần lễ thằng bé về nhà một lần. Có mặt nó, căn nhà bỗng sôi nổi hẳn lên. Lại thấy tiếng đàn, tiếng hát. Lại rõ tiếng cười. Lại thấy sự sống nhộn nhịp đánh thức cái mơ màng của căn nhà dưỡng bệnh.

Từ khi tôi khỏi bệnh, hai cha con tôi chưa nói chuyện với nhau hôm nào. Có thể thằng bé tránh nói chuyện với bố; nó không muốn có một xung đột tư tưởng giữa hai cha con, trong khi tôi còn chưa khoẻ hẳn. Tôi phải chủ động gọi chuyện trước. Hai cha con ngồi bên bàn nước trà. Tôi hút điếu thuốc lòn rồi hỏi:

- Tháng vừa qua, bố ốm, gia đình ra sao?
- Chẳng có gì lạ bố ạ.
- Cậu lại né tránh rồi. Xin nói, tớ đã khoẻ hẳn rồi. Cậu cứ nói thật. Chẳng ngại gì sức khoẻ của bố.
- Bố muốn hỏi con về đàn lợn chứ gì? Bố vẫn chưa hết cơn say mê nuôi lợn ư?

Tôi cũng nói đùa theo:

- Con bảo, trước khi tan, cũng còn dư lại vài con giò giật, nữa là con lợn... Hãy còn một chút dư âm đấy Linh ạ.

Linh cúi đầu nói nhỏ:

- Con giải tán cả đàn. Bố ốm, gia đình túng bán. Máy con lợn ỉn chưa hết lớn, phải bán cho người ta nuôi tiếp. Còn con lợn Bò, hôm nọ con phải giết thịt, bán lấy tiền trả nợ và bồi dưỡng cho bố.

Tôi thở dài:

- Hoá ra công cốc. Tiền lãi chăn lợn chỉ đủ để nuôi tôi ốm. Mẹ con cậu phải khổ sở vì tôi.

- Biết làm sao khác được. Bố nghĩ ngợi mà làm gì. Chỉ cốt bố khoẻ hăn.

- Rồi thì ra sao nhỉ? Hôm qua tao thấy mẹ con mày thì thâm tính toán tiền nong. Nghe lồm bồm, chỉ riêng cái khoản mua giấy bút cho anh em mày đã lên tới trên trăm đồng.

- Mớ rau muống hôm nay còn giá ba đồng. Cái gì cũng đắt... Chính vì vậy nên...

Tôi ngẩng đầu nghe Linh, nhưng con tôi cứ ngập ngừng mãi. Tôi bảo:

- Anh định ý kiến gì? Cứ nói.

Vẻ mặt con tôi trở nên nghiêm trang:

- Chính vì vậy nên, con quyết định đi mỗ lợn.

- Anh làm đồ tể?

- Vâng, đồ tể.

Tôi đột nhiên im lặng. Con tôi nhìn tôi thăm dò. Nó có vẻ lo lắng nhưng quyết tâm thuyết phục tôi:

- Con sẽ đi theo chú Hợi làm thêm buổi sáng. Cứ giết mỗi con lợn xong cũng được hai chục bạc. Con đã thử tay nghề lần đầu. Con đã tự tay chọc tiết con Lợn Bò hung dữ, nặng trên một tạ...

Tôi vẫn yên lặng. Trước kia, tôi phản đối đề nghị ấy của Linh; bây giờ tôi cũng không bằng lòng. Song nói thế nào với con tôi nhỉ? Mỗi thế hệ có cách nghĩ, cách giải quyết riêng của mình. Thằng Linh vẫn kiên quyết trình bày:

- Cả thế giới, bao nhiêu là đồ tể...

Tôi lắc đầu:

- Đừng dùng số lượng để áp đặt với bố...

- Thế giới hiện đại hoang dã, mà cha vẫn khư khư...

- Con tôi cuồng nhiệt quá. Con nên nhớ rằng, một ông thầy tu cuồng nhiệt sẽ dễ dàng biến thành kẻ sát nhân. Bước nhảy đó rất gần.

- Biện luận mà làm gì hử cha. Bởi vì thực tiễn đang cần một giải đáp. Mà cha lại không có lời giải đáp...

Tôi lại cúi đầu im lặng. Con tôi đã hiểu cái thâm cùng của vấn đề.

Giải đáp ư? Thực ra, cái bóng mờ gày guộc của Tám, đầu lắc lư, tay dang rộng, vẫn chỉ là một tra hỏi khôn nguôi.

Nhưng, cái khác là ở chỗ nào nhỉ? Có lẽ ở chỗ: một đảng thì tìm về cội nguồn, còn một đảng thì khát khao cụ thể. Biết nói với con tôi bây giờ ra sao? Dù sao, những ý nghĩ của tôi vẫn chỉ là những tia sáng mong manh yếu ớt.

Con tôi cầm cây ghi ta. Tiếng đàn không lời. Tiếng đàn nói về những vì sao, những cánh chim, những phần nộ và ý chí không biết mệt mỏi. Tiếng đàn cuồng nhiệt rủ ta cùng tham dự. Tham dự một vũ hội cùng những với bước nhảy, những lắc lư làm ta hoa mắt; với những nhún nhảy làm ta ngất ngây, với những tiếng cười phá, tiếng hò la làm rung rinh Ngân Hà. Tiếng đàn của Lý Bạch, hay tiếng trống rung của một bộ lạc châu Phi.

Tôi tần ngần:

“Vũ trụ chẳng có đường mòn. Thế kỷ hiện đại hiềm những con đường thẳng. Chỉ thấy những nẻo đường ngoắt ngoéo.”

Ngày... tháng...

Tôi đi tìm Tám. Tôi dạo bước khắp phố phường Hà Nội. Chân tôi đếm vĩa hè; đầu tôi ngẩng lên nhìn các lùm cây.

Hôm kia, người ta bảo có một người điên, mặc quần áo bộ đội, lưng đeo ba lô, suốt ngày leo cây ở vùng chợ Bưởi. Tôi đến chợ Bưởi, dân chợ bảo rằng đó là anh bộ đội đặc công đã đứng tuổi, chỉ đi tìm những cây cao mà leo trèo. Hình như anh ta đang tìm kiếm một cái gì đó. Khi leo lên ngọn cây, bao giờ anh cũng khum tay, giả làm ông nhòm nhìn ra xa tít. Anh ta hiền lành. Những bà mẹ quê đi chợ rất thương anh, thường mua quà cho anh ăn. Tôi băn khoăn: “Biết tìm anh ở đâu bây giờ?”

Một bà cụ già khôn ngoan bảo:

- Hãy tìm đến những nơi có cây cao. Anh ta ưa sống trên những cây đại thụ. Tối qua, anh ngủ trên trạc ba cây đa làng Bưởi.

Anh Tám ơi! Hà nội có biết bao cây cao. Lúc này, anh đậu ở cây nào? Trong giấc mơ, anh đi tìm tôi cứu giúp. Lúc tôi tỉnh, sao chẳng thấy anh về? Tôi đã tìm anh trong vườn Bách Thảo, nhưng chỉ thấy những vòm đại thụ sì sào. Lại đến cả Văn Miếu tìm anh trên những ngọn muỗm già, nhưng chỉ thấy

những tán lá xanh âm lặng. Chân tôi bước quanh Hồ Gươm, chợt thấy mình ngớ ngẩn, bởi vì ở đây chỉ nhiều giống thốt tha, những cây Liễu yếu điệu buông tơ, những cây Phượng đóm dáng thấp tè soài mình soi bóng. Tôi biết anh sẽ không thềm đặt chân leo những cây này. Tại sao anh phải tìm đến những cây cao, bởi vì trên đó anh có thể nhìn rất xa, có thể phát hiện ra những điều anh thấy. Có phải thế không anh?

Tôi đến vườn hoa Pasteur vì nghĩ anh có thể leo trên ngọn những cây cọ châu Phi thẳng tắp. Đến nơi, bọn trẻ cho tôi biết, anh đang leo trèo trên những ngọn cây sao đen hùng vĩ cao vút trời Lò Đúc.

Tôi mừng vui hồi hả đến nơi.

Người lớn, trẻ con xúm đông, đầu ngẩng nhìn anh ở trên ngọn cây cao chót vót. Người ta giải thích, anh bộ đội đặc công điên rồ đang tìm giặc Mỹ.

Tôi như muốn khóc. Chỉ có riêng tôi đã biết rằng họ đã khoét óc anh, đã cướp mất của anh một bộ óc diệu kỳ, và chỉ để lại cho anh một hình hài vượn khỉ. Trên đời này chẳng có ai biết điều đó, ngoài tôi.

Tôi gọi to:

- Anh Tám ơi! Anh Tám ơi!

Anh Tám chẳng nghe thấy tiếng tôi, bởi vì tay anh còn khum khum, mắt anh còn tập trung tìm kiếm. Chiếc kính thần anh còn giữ hay không? Phải chăng anh đang truy lùng? Phải chăng anh đang phát hiện những con lợn Bò quỉ quyết? Chúng đông hay

ít? Chúng ở đâu? Anh còn thấy chúng ẩn náu trong những túp lều rách nát, hay chúng đã chễm chệ ở những lâu đài tráng lệ?

Tôi lại kêu to:

- Anh Tám ơi! Anh Tám ơi!

Có lẽ anh đã nghe thấy tiếng gọi; nhưng anh khoát tay ra hiệu “im đi”. Có lẽ anh đã tìm ra được một điều gì. Anh hô to:

- Đồng bào chú ý!

Rồi anh rướn đầu lên để nhìn cho rõ. Sau đó, anh lại hô to:

- Bọn chúng đã đến. Đồng bào nằm xuống!

Một người nói vào tai tôi:

- Anh ấy đã phát hiện ra giặc.

Nhưng tai tôi ù đi, bởi vì anh hô xung phong, rồi anh vung tay làm động tác ném lựu đạn. Sau đó, anh nhảy ào lên phía trước...

Mọi người đều thét lên thất thanh, nhìn bóng Tám đang bơi trong không gian.

Anh Tám đã ngã xoài trên mặt đường, hai tay giang rộng. Tôi xô lại, quì xuống, ôm lấy anh.

- Tám ơi! Tám ơi!

Tám im lìm, máu trào bên mép. Nước mắt rùng rùng, tôi lay gọi:

- Tám ơi! Tỉnh lại đi ... Hoàng đây ... Hoàng đến với anh đây... có nghe thấy không?

Đôi mắt Tám cố hé ra. Đôi mắt ấy đã nhận ra tôi. Miệng Tám lẩm bẩm một điều gì rất nhỏ. Người xung quanh chẳng ai hiểu cả. Nhưng riêng tôi, chỉ nhìn những chuyển động của môi anh, tôi hiểu Tám

muốn trắng trời cái điều đã bao lâu làm trái tim anh
thao thức, phập phồng, khắc khoải:

Poóc xi nô ma ni!

Poóc xi nô ma ni!

Poóc xi nô ma ni!

1981-1982, Hà Nội

CHÂU DIÊN

***Trư cuồng* của Nguyễn Xuân Khánh**

Tôi mới đọc xong hai tập nhật ký bất hủ, một của nữ bác sĩ liệt sĩ Đặng Thuỳ Trâm, một của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc¹. Trải những ngày đọc nhẩn nha, tôi đã nhiều lần lau nước mắt. Tôi đã mua mấy bộ tặng những đứa cháu nội và ngoại nào đã qua tuổi 17. Và một bộ riêng tặng con gái năm nay 45 tuổi.

Vì sao lại dài dòng những điều đó trước khi giới thiệu tác phẩm của tác giả *Hồ Quý Ly*² có cái tên ngộ ngộ *Trư cuồng*? Vì bản thảo *Trư cuồng* đã ở trong ngăn bàn của tác giả từ năm 1982 và đã bị các nhà xuất bản từ chối, những nhà xuất bản tiến bộ và sắp tiến bộ, đổi mới và chưa đổi mới hẳn.

Như trường hợp nhà xuất bản Đà Nẵng thì có thể thông cảm. Vì năm 1988, nhà này đã in tiểu thuyết *Miền hoang tưởng* của Nguyễn Xuân Khánh. Sau vụ đó, biên tập viên bị kỷ luật phải chuyển công tác. Nhiều người lao đao khi có nhà văn viết bài phê phán và gợi ý đưa tác giả ra toà. Cũng gặp một vài điều may mắn, nếu không nguyện vọng của nhà văn cách mạng kia sẽ thành sự thật.

Những nhà xuất bản khác đều dùng món võ muôn thuở mà Tây họ gọi là *complot du silence*, một cách trung dung ta nói là *võ phốt lò* còn nếu tích cực hơn thì bảo đó là võ vô cảm hoặc võ im lặng dễ sợ. Vô số người Hà Nội đã chuyền tay nhau đọc *Trư cuồng* ở dạng viết tay. Nhắm tước cái vũ khí phốt lò, tác giả *Trư cuồng* gửi bản thảo đến Hội Nhà văn Việt Nam, như thể để dự thi tiểu thuyết 2004-2005. Cốt tạo có cho mọi việc được công khai, minh bạch. Khen chê gì cũng được,

¹ *Nhật ký Đặng Thuỳ Trâm*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, 2005. *Mãi mãi tuổi hai mươi - Nhật ký của liệt sĩ Nguyễn Văn Thạc*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 2005. Nghĩ rằng rồi có lúc trong tủ sách talawas sẽ có hai tác phẩm vô cùng đáng yêu này.

² *Hồ Quý Ly*, tiểu thuyết, nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 2000, tái bản trên 10 lần trong vòng 2 năm.

nhưng thanh thiên bạch nhật. Nhưng làm sao mà địch lại được!

Và thế là số phận bản thảo lại rơi vào im lặng. Song, bây giờ đã là thế kỷ 21. Là thời a-công. Nhưng tác giả là người mãi năm 2002 mới có điện thoại để bàn, chẳng biết cách a-công tác phẩm của mình tới xó xỉnh nào. Tôi đã thuyết phục người dì ứng với kỹ thuật hiện đại ấy để tôi chuyển bản thảo giúp anh đến talawas. Vì thế mà có lời giới thiệu này. Và tôi sẽ trình trọng nói rằng tác phẩm *Trư cuồng* của Nguyễn Xuân Khánh xứng đáng được yêu như tôi đã yêu nó, và yêu song song với các tác phẩm của hai bạn trẻ tên là Trâm và Thạc, những tâm hồn lớn đã đem lại những xúc động ghê gớm trong lòng tôi.

Nguyễn Xuân Khánh cùng lứa với tôi và mấy anh em thích viết văn khác, như Bùi Ngọc Tấn, Dương Tường, Lê Bầu, Vũ Huy Cương... những người đã trải qua cuộc kháng chiến thứ nhất trong vai trò chưa đến mức anh hùng nhưng ít ra cũng là rất tích cực. Tích cực và trong trắng và lãng mạn. Bùi Ngọc Tấn và Lê Bầu đến thời Hội nghị người viết văn trẻ năm 1959 vẫn còn chưa biết uống rượu. Thế hệ ấy tin tưởng thật lòng vào nhiều điều mà những thế hệ sau này già dặn hơn họ sẽ thấy rất khó tin. Thế hệ ấy chăm học vô cùng, nhiều năm ròng họ dường như ăn nghỉ ở Thư viện quốc gia hoặc Thư viện khoa học Trung ương. Và học cả ở cuộc đời thực, mấy con người vừa nhắc qua ấy, sau này tuy không được đi phục vụ nơi chiến trường xa, nhưng họ vẫn tìm cách bám những vùng chiến tranh ác liệt, như một công việc, như một nghĩa vụ, và trong lòng họ đều nghĩ đó là cơ hội chia sẻ vô cùng ít ỏi với đồng bào và chiến sĩ.

Thế mà mấy người đó lại gặp hạn về chính trị! Vì họ quá ngây thơ. Khi Bùi Ngọc Tấn cất tiếng kể chuyện vào đầu năm 2000, thì trong cuốn tiểu thuyết đầy những điều không bịa đặt của anh đã có mặt nhiều bè bạn cùng hội cùng thuyền được anh bịa tên cho. Một vài Bùi Ngọc Tấn đi trại, còn lại chẳng anh nào thoát khỏi thâm vắn, nghi ngờ. Điều đau lòng cho họ, ấy là họ vẫn yêu nước, vẫn lao động cật lực, vẫn thực lòng tôn thờ những giá trị dân tộc và nhân loại. Đó là một lớp trí thức mới, nhưng mới theo một kiểu khác. Họ không được đào tạo qua loa để có học vị, họ tự học và học thực sự. Họ không dùng học vị để chạy đua leo cao, họ chỉ có một niềm vui: sống, và viết văn, làm thơ. Trong bọn họ có nhiều người bị ganh ghét, nhưng không ai công khai lôi ra nổi ở họ điều gì gọi được là sự xấu xa. Thật dễ hiểu khi ta thấy họ chuyên tay nhau bài viết cuối cùng của Louis Aragon trên số báo *Les Lettres Francaises* cuối cùng trước khi đình bản, ở đó có lời tâm sự cuối cùng, *j'ai gâché ma vie, c'est tout* (“Tôi đã phung phí cả cuộc đời mình, có vậy thôi”).

Có vậy thôi, Nguyễn Xuân Khánh phải về hưu non và trước khi bị khai trừ Đảng anh phải tìm cách sống. Anh nuôi lợn. Trên cương vị bí thư chi bộ đường phố, anh đã đưa nước máy về cho cả xóm, đường làng Thanh Nhàn lầy bùn được lát gạch tinh tươm. Khi cấp trên cử người xuống đọc lệnh khai trừ anh, cả chi bộ ngơ ngác. Điều thú vị ở một người có tư chất nhà văn, ấy là họ làm gì và sống thế nào thì cũng là cơ hội cho những cảm hứng văn chương. Thì anh viết văn kể chuyện nuôi lợn. Nuôi lợn như một người mắc bệnh-diên-nuôi-lợn để có thể thủ thủ nói với lợn những tâm tư sâu lắng. Vì thế mà sách có tên là *Trư cuồng*. Trước cửa nhà anh còn có một cái

cổng của thành phố. Cái cổng đó gợi hứng cho anh viết *Suối đen*. Trong cuốn tiểu thuyết về những người điên nuôi lợn thấp thoáng nhiều bạn của anh với những nhân cách rõ rệt. Còn trong cuốn tiểu thuyết về dòng “suối” có mặt hầu như tất cả những con người lam lũ đáng thương và đôi khi đáng giận của cái xóm nghèo gần cửa ô Đông Mác nơi anh ở từ nhỏ.

Có một điểm chung giữa những tác phẩm của Nguyễn Xuân Khánh, từ *Miền hoang tưởng* đến *Hồ Quý Ly* và sau này là *Trư cuồng*, ấy là sự cô đơn của những con người hy vọng đi tìm sự đồng cảm của đồng loại. Nguyễn Xuân Khánh viết *Hồ Quý Ly* từ trước năm 1980 dưới dạng một vở kịch. Tôi được đọc bản thảo đó, và đã khuyên anh chuyển thành tiểu thuyết. Hai mươi năm sau, *Hồ Quý Ly* ra đời thành nhân vật tiểu thuyết, cùng với những nhân vật khác là kẻ thù hoặc là anh em của mình, tất cả bọn họ lúc nào cũng đều là những người « độc bộ hành », những người có thói quen cúi đầu đi ngẫm nghĩ trong cuộc đời dài dặc. Vài chục bài báo khen *Hồ Quý Ly* trước và sau cuộc hội thảo về tác phẩm này. Nhưng chưa bài nào nói lên điều cốt tử này: nhân vật Hồ Quý Ly trong con mắt nhà văn Nguyễn Xuân Khánh là một nhà cải cách tàn bạo và đẹp vì đầy ảo tưởng, là một nghệ sĩ được nhà văn ưu ái hơn là một chính khách.

Điều kỳ lạ, ấy là số phận của những tác phẩm máu thịt như thế. Riêng bản thảo *Trư cuồng* thì vô cùng trắc trở, mấy chục năm liền chưa gặp bà đỡ mát tay, vẫn chưa đến được với tâm hồn bạn đọc đông đảo. Điều kỳ lạ nữa, ấy là những người vẫn miệng nói về một nền văn học lành mạnh mang tính hiện thực, chính họ lại để cái thực khó nhìn thấy và diễn đạt bởi một nhà văn đích thực cứ phải nằm chờ trong im lặng. Vì họ

mới chỉ đến được cái tầm của những hiện thực sờ sờ. Hoá ra, viết về nhân vật *Hồ Quý Ly* như Nguyễn Xuân Khánh từng làm đó là một việc tự mổ xẻ đời mình và môi trường xã hội mình sống !

Nhưng sao ta lại thừa nhận hoàn cảnh đó mãi nhỉ? Tôi đã khuyên được Nguyễn Xuân Khánh cho in *Trư cuồng* trên talawas, cốt có bạn đọc, đại gì để mục trong học bàn? Nguyễn Xuân Khánh cần tự tin hơn về phẩm hạnh tác phẩm của anh. Phẩm hạnh gì, xin nhường bạn đọc tìm ra sau khi thưởng thức *Trư cuồng*.

Biệt thự Thu Trang, 3-8-2005

© 2005 talawas

Nguyễn Xuân Khánh sinh năm 1933 tại làng Cổ Nhuế, Hà Nội. Ông đỗ tú tài Toán, học Đại học Y khoa Hà Nội cho đến hết năm 1952 thì ra vùng tự do tham gia bộ đội. Trong khoảng mười năm, ông ở một đơn vị pháo binh, rồi dạy văn hoá tại Trường Sĩ quan Lục quân trước khi chuyển về làm việc tại tạp chí Văn nghệ Quân đội. Từ 1966, ông là phóng viên báo Thiếu niên Tiền phong trước khi về hưu non vào năm 1973. Hiện ông sống ở Hà Nội.

Tác phẩm: *Rừng sâu* (tập truyện ngắn, Nxb. Văn học, H., 1962), *Miền hoang tưởng* (tiểu thuyết, Nxb. Đà Nẵng, 1990), *Trư cuồng* (tiểu thuyết, talawas, 2005), *Hồ Quý Ly* (tiểu thuyết, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2000, 2001, 2002, nổi bản và tái bản 15 lần), *Hai đứa trẻ và con chó Mèo xóm núi* (Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 2002), *Mưa quê* (Nxb Kim Đồng, Hà Nội,

2003), *Mẫu thượng ngàn* (tiểu thuyết, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2006), *Đội gạo lên chùa* (tiểu thuyết, Nxb Phụ Nữ, Hà Nội, 2012).

Sách biên khảo: *George Sand – nhà văn của tình yêu* (Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1994)

Dịch thuật: *Những quả vàng* (tiểu thuyết của Nathalie Sarraute, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1996),
Chuông nguyện cầu cho kẻ đã khuất (tiểu thuyết của Taha Ben Jelloun, Trung tâm Văn hoá-Văn minh Pháp và nhà xuất bản Phụ nữ, Hà Nội, 1998),
Bảy ngày trên khinh khí cầu (Jules Verne, Nxb. Kim Đồng, Hà Nội, 1998),
Hoàng hậu Sicile (tiểu thuyết của Pamela Schoenewaldt, Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 1999),
Tâm lý học đám đông (tiểu luận của Gustave le Bon, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2006)